

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG NAI**



**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN  
CƠ SỞ NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH  
NGÀNH KẾ TOÁN**

- ❖ Mã ngành đào tạo: 7340301
- ❖ Đơn vị thực hiện: Tổ bộ môn Kế toán - Khoa Kinh tế

*Đồng Nai, 2018*

## DANH MỤC ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT NGÀNH KẾ TOÁN

KINH TẾ VI MÔ .....	4
KINH TẾ VĨ MÔ .....	8
QUẢN TRỊ HỌC .....	17
TOÁN KINH TẾ 2.....	26
MARKETING CĂN BẢN.....	31
NGUYÊN LÝ THỐNG KÊ KINH TẾ .....	39
NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN .....	43
LÝ THUYẾT TÀI CHÍNH TIỀN TỆ.....	48
LUẬT KINH TẾ.....	53
THUẾ.....	60
ANH VĂN CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ .....	66
PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC .....	73
THANH TOÁN QUỐC TẾ .....	76
TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP .....	81
NGHIỆP VỤ NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI.....	86
KẾ TOÁN TÀI CHÍNH 1.....	93
KẾ TOÁN TÀI CHÍNH 2.....	102
KẾ TOÁN TÀI CHÍNH 3.....	110
THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN .....	112
KẾ TOÁN CHI PHÍ.....	120
KẾ TOÁN QUẢN TRỊ.....	123
KẾ TOÁN HÀNH CHÍNH SỰ NGHIỆP .....	130
KẾ TOÁN NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI.....	137
KẾ TOÁN MỸ.....	141
KIỂM TOÁN .....	144
HỆ THỐNG THÔNG TIN KẾ TOÁN .....	149
KẾ TOÁN – KHAI BÁO THUẾ.....	152
ỨNG DỤNG PHẦN MỀM KẾ TOÁN .....	157
QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP .....	163
QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH .....	170
QUẢN TRỊ RỦI RO .....	176
THẨM ĐỊNH TÍN DỤNG NGÂN HÀNG .....	184

THẨM ĐỊNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ.....	190
THỐNG KÊ DOANH NGHIỆP .....	198
PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH .....	203

**HỌC PHẦN****KINH TẾ VI MÔ****1. Thông tin chung của học phần:**

Tên học phần: **KINH TẾ VI MÔ**. Mã học phần: Số tín chỉ: 03

Trình độ: Dành cho sinh viên năm 3. Điều kiện tiên quyết: **Lý thuyết tài chính – Tiền tệ**

Phân giờ tín chỉ: Lên lớp: 45 tiết. Thực hành: 0 tiết. Tự học: 90 tiết

**2. Mục tiêu của học phần:****\* Về kiến thức**

Môn học giới thiệu đến sinh viên các nguyên lý cơ bản của kinh tế vi mô và sử dụng các lý thuyết và mô hình để giải thích các hiện tượng kinh tế. Kết thúc học phần, sinh viên có khả năng:

- Có được kiến thức về cơ chế hoạt động của thị trường và vai trò của Chính phủ, hành vi của người tiêu dùng, nhà sản xuất trong các loại thị trường khác nhau.

- Có được kiến thức cần thiết để có thể tiếp thu các môn học khác thuộc chuyên ngành Quản trị kinh doanh

**\* Về kỹ năng**

- Vận dụng các lý thuyết kinh tế để phân tích, giải thích và dự báo các hiện tượng kinh tế xảy ra trong thực tế.

- Vận dụng các lý thuyết kinh tế để ra các quyết định tối ưu trong điều kiện nguồn lực khan hiếm

**\* Về thái độ**

Sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của môn học trong việc cung cấp các kiến thức cơ sở ngành, những kiến thức này là nền tảng giúp sinh viên đi sâu vào các môn học chuyên ngành sau này.

**3. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:** Đề tài nghiên cứu được chia thành 5 chương, với cách trình bày dưới dạng phân tích và sử dụng đồ thị minh họa. Nội dung mỗi chương trình bày các vấn đề một cách logic, đơn giản và tạo thành một chuỗi nội dung cần thiết trong môn kinh tế vi mô; Các giả thiết được nêu rõ ràng trong từng chương giúp người học dễ tiếp cận nội dung từ những vấn đề kinh tế cơ bản của DN cho đến lựa chọn phương pháp kinh tế tối ưu và những ảnh hưởng đến hiệu quả của quyết định lựa chọn. Ngoài ra người học cần hiểu rõ qui luật cung, qui luật cầu để đánh giá hành vi của người tiêu dùng từ đó hiểu rõ những chi phối trong tiêu dùng giúp nhà sản xuất phối hợp các yếu tố sản xuất như thế nào để đạt hiệu quả cao nhất. Người học cần được phân biệt thế nào là thị trường cạnh tranh và thị trường độc quyền từ đó xác định điều kiện để tối đa hóa lợi nhuận.

**4. Nội dung chi tiết học phần.****Chương I. Kinh Tế Vi Mô Và Những Vấn Đề Cơ Bản Của Doanh Nghiệp**

*Ý nghĩa của chương: Giúp người học phân biệt phạm vi, đối tượng nghiên cứu của kinh tế học vi mô và kinh tế học vĩ mô. Những vấn đề kinh tế cơ bản của DN, phương pháp lựa chọn kinh tế tối ưu và những ảnh hưởng đến hiệu quả của quyết định lựa chọn.*

- 1.1. Đối tượng, nội dung và phương pháp nghiên cứu kinh tế vi mô
  - 1.1.1. Kinh tế học vi mô và mối quan hệ với kinh tế vĩ mô
  - 1.1.2. Đối tượng và nội dung của kinh tế vi mô
  - 1.1.3. Phương pháp nghiên cứu kinh tế học vi mô
- 1.2. Doanh nghiệp và những vấn đề kinh tế cơ bản của doanh nghiệp
  - 1.2.1. Khái niệm, mục tiêu, tổ chức, quá trình kinh doanh và chu kỳ kinh doanh của doanh nghiệp.
  - 1.2.2. Những vấn đề cơ bản của doanh nghiệp: sản xuất cái gì, sản xuất như thế nào, sản xuất cho ai?
- 1.3. Lý thuyết lựa chọn
  - 1.3.1. Những vấn đề cơ bản của lý thuyết lựa chọn
  - 1.3.2. Bản chất và phương pháp lựa chọn kinh tế tối ưu
- 1.4. Ảnh hưởng của quy luật khan hiếm, lợi suất giảm dần, chi phí cơ hội ngày càng tăng
  - 1.4.1. Quy luật khan hiếm
  - 1.4.2. Quy luật lợi suất giảm dần
  - 1.4.3. Quy luật chi phí cơ hội ngày càng tăng
- 1.5. Ảnh hưởng của mô hình kinh tế đến việc lựa chọn ba vấn đề cơ bản của doanh nghiệp
  - 1.5.1. Mô hình kinh tế kế hoạch hóa tập trung.
  - 1.5.2. Mô hình kinh tế thị trường.
  - 1.5.3. Mô hình kinh tế hỗn hợp

## **Chương 2. Cung – Cầu Hàng Hóa**

*Ý nghĩa của chương: Giúp người học hiểu rõ quy luật cung, quy luật cầu. Những nhân tố ngoài giá ảnh hưởng đến những quy luật này như thế nào. Người học cần được giải thích điểu cân bằng cung cầu, độ co giãn của cầu theo các nhân tố ảnh hưởng.*

- 2.1. Cầu hàng hóa (D – Demand)
  - 2.1.1. Khái niệm, biểu cầu, luật cầu. Các nhân tố ảnh hưởng đến cầu
  - 2.1.2. Hàm số cầu, đường cầu
  - 2.1.3. Sự vận động dọc theo đường cầu (trượt dọc theo đường cầu) và sự dịch chuyển đường cầu
- 2.2. Cung hàng hóa (S – Supply)
  - 2.2.1. Khái niệm, biểu cung, luật cung. Các nhân tố ảnh hưởng đến cung
  - 2.2.2. Hàm số cầu, đường cầu
  - 2.2.3. Sự vận động dọc theo đường cung (trượt dọc theo đường cung) và sự dịch chuyển đường cung
- 2.3. Cân bằng cung – cầu
  - 2.3.1. Trạng thái cân bằng cung – cầu
  - 2.3.2. Trạng thái dư thừa và thiếu hụt
  - 2.3.3. Sự thay đổi trạng thái cân bằng

## **Chương 3. Lý Thuyết Người Tiêu Dùng**

*Ý nghĩa của chương: Người học phải hiểu rõ hành vi của người tiêu dùng bị chi phối trong tiêu dùng bởi giá hàng hóa, lợi ích, thu nhập từ đó phân phối sao cho tiêu dùng đạt tối ưu.*

### 3.1. Sự co giãn của cầu

3.1.1. Sự co giãn của cầu theo giá

3.1.2. Sự co giãn của cầu theo giá cả hàng hóa liên quan

3.1.3. Sự co giãn của cầu theo thu nhập

### 3.2. Lý thuyết về hành vi người tiêu dùng

3.2.1. Mục tiêu và ứng xử của người tiêu dùng

3.2.2. Lý thuyết lợi ích : lợi ích, tổng lợi ích, lợi ích cận biên. Nguyên tắc cân bằng tiêu dùng

3.2.3. Lựa chọn tiêu dùng tối ưu: đường ngân sách, đường bàng quang, tối ưu hóa người tiêu dùng.

## **Chương 4. Lý Thuyết Về Doanh Nghiệp**

*Ý nghĩa của chương: Nêu khái niệm về hàm sản xuất, xác định rõ cho người học lợi ích của nhà sản xuất chính là năng suất biên từ đó nhà sản xuất phối hợp các yếu tố sản xuất như thế nào để đạt hiệu quả cao nhất.*

### 4.1. Lý thuyết sản xuất

4.1.1. Tối đa hóa lợi nhuận doanh nghiệp

4.1.2. Hàm sản xuất. Năng suất cận biên

4.1.3. Đường đồng lượng, đường đồng phí, những phối hợp tối ưu các yếu tố sản xuất

### 4.2. Lý thuyết về chi phí sản xuất

4.2.1 Các khái niệm: chi phí kế toán, chi phí cơ hội, chi phí kinh tế

4.2.2 Chi phí sản xuất trong ngắn hạn: tổng chi phí, chi phí cố định, chi phí biến đổi, chi phí bình quân, chi phí cận biên

4.2.3 Chi phí sản xuất trong dài hạn

4.2.4 Quy mô sản xuất tối ưu trong dài hạn

## **Chương 5. Cạnh Tranh Và Độc Quyền**

*Ý nghĩa của chương: Người học cần được phân biệt thế nào là thị trường cạnh tranh và thị trường độc quyền từ đó xác định điều kiện để tối đa hóa lợi nhuận.*

### 5.1. Thị trường cạnh tranh hoàn toàn

5.1.1 Khái niệm, đặc điểm

5.1.2 Đường cầu và doanh thu biên của doanh nghiệp trong thị trường cạnh tranh hoàn hảo

5.1.3 Tối đa hóa lợi nhuận trong thị trường cạnh tranh hoàn hảo

### 5.2. Thị trường độc quyền

5.2.1 Khái niệm, đặc điểm

5.2.2 Các nguyên nhân dẫn đến độc quyền

5.2.3 Tối đa hóa lợi nhuận của doanh nghiệp độc quyền

5.2.4 Một số kỹ thuật hình thành giá công ty độc quyền

### 5.3. Thị trường cạnh tranh không hoàn toàn

5.3.1 Cạnh tranh độc quyền (đặc điểm, cân bằng ngắn hạn và dài hạn)

5.3.2 Thiếu số độc quyền (Đặc điểm, giá cả và sản lượng trong độc quyền )

## 5. Tài liệu tham khảo:

[1] Nguyễn Như Ý (2007), Kinh tế vi mô, Nhà xuất bản Lao động-Xã hội.

[2]David Begg (2010), Kinh tế học vi mô, Nhà xuất bản Thống kê.

## 6. Lịch trình dạy học:

T T	Nội dung	Số tiết lên lớp			Tự học	Ghi chú
		Tổn	LT	TH		
1	Kinh tế vi mô và những vấn đề cơ bản của	4	4		5	
2	Bài tập	4	4		10	
3	Cung-Cầu hàng hóa	4	4		5	
4	Bài tập	4	4		10	
5	Lý thuyết người tiêu dùng	4	4		10	
6	Bài tập-Kiểm Tra	4	4		5	
7	Lý thuyết sản xuất và chi phí	4	4		5	
8	Bài tập	4	4		15	
9	Cạnh tranh và độc quyền	4	4		5	
10	Bài tập-Kiểm tra	4	4		5	
11	Bài tập-Ôn tập	5	5		15	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>45</b>	<b>45</b>		<b>90</b>	

## 7. Nhiệm vụ của sinh viên:

Tham dự học và thảo luận, kiểm tra giữa học kì theo Quyết định 43/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/8/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Quy chế học vụ hiện hành của nhà trường.

**8. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:** Chuyên cần: 10%; Kiểm tra thường xuyên: 10%; Kiểm tra giữa kỳ: 10%; Thi cuối kỳ: 70%

**9. Thang điểm:** Theo qui chế tín chỉ.

## PHỤ TRÁCH BỘ MÔN

Nguyễn Thị Ngọc Bích

## GIẢNG VIÊN

Nguyễn Thu Thủy

Vương Quang Thịnh

**HỌC PHẦN****KINH TẾ VĨ MÔ****1. Thông tin chung của học phần:**

Tên học phần: **KINH TẾ VĨ MÔ**. Mã học phần: Số tín chỉ: 03

Trình độ: Dành cho sinh viên năm 2. Điều kiện tiên quyết: **Lý thuyết tài chính – Tiền tệ**

Phân giờ tín chỉ: Lên lớp: 45 tiết. Thực hành: 0 tiết. Tự học: 90 tiết

**2. Mục tiêu của học phần:****\* Về kiến thức**

- Giúp sinh viên hiểu được các vấn đề, cách thức vận hành của nền kinh tế vĩ mô thông qua các lý thuyết kinh tế và các mô hình cơ bản.

- Biết các khái niệm, cách thức đo lường sản lượng của nền kinh tế, các nhân tố tác động đến tổng cầu của nền kinh tế.

- Đánh giá và phân tích cách thức các chính sách tài khóa, tiền tệ và ngoại thương được sử dụng.

- Có kiến thức cơ bản về sự vận hành của tiền và vai trò của hệ thống ngân hàng.

- Hiểu nguyên nhân, tác hại và biết đề ra giải pháp giải quyết hai vấn đề cơ bản của nền kinh tế vĩ mô là lạm phát và thất nghiệp.

- Hiểu được các mối quan hệ kinh tế vĩ mô cơ bản của nền kinh tế mở.

**\* Về kỹ năng:**

Sinh viên được rèn luyện kỹ năng đánh giá và phân tích các hiện tượng và sự kiện kinh tế vĩ mô, các kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình, thảo luận các vấn đề có liên quan, sử dụng lý thuyết để giải thích các tình huống thực tế

**3. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:** Môn học được chia thành 8 chương, với cách trình bày dưới dạng phân tích và sử dụng đồ thị minh họa. Nội dung mỗi chương trình bày các vấn đề một cách logic, đơn giản và tạo thành một chuỗi nội dung cần thiết trong môn kinh tế vĩ mô; Các giả thiết được nêu rõ ràng trong từng chương giúp người học dễ tiếp cận nội dung.

Từ những khái niệm chung về kinh tế học giúp người học hiểu rõ hành vi của các tổ chức, cá nhân và giải thích các hành vi đó một cách khoa học là làm thế nào để giải quyết mâu thuẫn trong xã hội khi nhu cầu là vô hạn mà nguồn lực lại là hữu hạn. Vai trò của chính phủ trong điều hành hoạt động của nền kinh tế và xem xét các công cụ mà các nhà kinh tế học sử dụng; Và giải thích ý nghĩa khoa học của các công cụ này.

Dựa vào các phương pháp tính sản lượng quốc gia theo hệ thống đo lường quốc tế nhằm phản ánh đúng thực trạng của nền kinh tế là một việc làm quan trọng trong môi trường cạnh tranh hiện nay; Các khoản thu chi của chính phủ có ảnh hưởng đến các thành phần trong nền kinh tế vì vậy khi cần thiết chính phủ sẽ sử dụng các khoản này như công cụ điều tiết nền kinh tế. Ngoài ra lãi suất, tỷ lệ dự trữ, lượng cung tiền... được chính phủ sử dụng làm công cụ điều tiết trong các chính sách tiền tệ nhằm tác động vào nền kinh tế theo những mục tiêu của chính phủ.



Sự mở cửa thị trường, từ thị trường hàng hóa đến thị trường tài chính sẽ giúp nền kinh tế của một quốc gia ngày càng phát triển; Tình trạng cân bằng trong thị trường kinh tế mở sẽ chịu tác động thêm của những yếu tố như tỷ giá hối đoái, cán cân ngoại thương. Đường IS và LM cũng sẽ thay đổi khi có ngoại thương; Điều tiết nền kinh tế khi có ngoại thương Chính phủ cần phải xem xét thêm chính sách ngoại thương nhằm đạt hiệu quả cao trong phát triển kinh tế.

Lạm phát và thất nghiệp, đây là hai vấn đề có ảnh hưởng rất lớn đến nền kinh tế nói chung và sản lượng quốc gia nói riêng. Tuy nhiên tác động của lạm phát sẽ phụ thuộc vào nguyên nhân gây ra lạm phát từ đó chính phủ sẽ có những biện pháp phù hợp để kiềm chế lạm phát. Thất nghiệp do không tự nguyện sẽ làm đời sống của người dân trở nên khó khăn, nền kinh tế đang sản xuất dưới mức khả năng gây lãng phí năng lực sản xuất, sản lượng thấp. Đo lường thất nghiệp và lạm phát giúp chính phủ đưa ra các biện pháp khắc phục chính xác và kịp thời, hạn chế được những tổn thất cho xã hội.

#### **4. Nội dung chi tiết học phần.**

##### **Chương 1: Các Khái Niệm Chung**

*Ý nghĩa của chương: Nêu những khái niệm chung về kinh tế học, một môn khoa học nghiên cứu hành vi của các tổ chức, cá nhân và giải thích các hành vi đó một cách khoa học là làm thế nào để giải quyết mâu thuẫn trong xã hội khi nhu cầu là vô hạn mà nguồn lực lại là hữu hạn. Vai trò của chính phủ trong điều hành hoạt động của nền kinh tế và xem xét các công cụ mà các nhà kinh tế học sử dụng; Và giải thích ý nghĩa khoa học của các công cụ này.*

##### 1.1. Khái niệm

###### 1.1.1. Kinh tế học

###### 1.1.2. Kinh tế học vĩ mô và kinh tế học vi mô

###### 1.1.3. Kinh tế học thực chứng và kinh tế học chuẩn tắc

###### 1.1.4. Nhu cầu và cầu

###### 1.1.5. Lạm phát và thất nghiệp

##### 1.2. Đường giới hạn khả năng sản xuất

###### 1.2.1. Đường giới hạn khả năng sản xuất

###### 1.2.2. Chi phí cơ hội

##### 1.3. Vai trò của chính phủ

###### 1.3.1. Nhược điểm của kinh tế thị trường

###### 1.3.2. Vai trò kinh tế của chính phủ

##### 1.4. Các công cụ phân tích chính sách

###### 1.4.1. Mục tiêu

###### 1.4.1.1. Hiệu quả

###### 1.4.1.2. Bình đẳng

###### 1.4.1.3. Ổn định

###### 1.4.1.4. Tăng trưởng

###### 1.4.2. Các công cụ phân tích chính sách

###### 1.4.2.1. Số liệu kinh tế

- 1.4.2.2. Các chỉ số
- 1.4.2.3. Các biến thực tế và biến danh nghĩa
- 1.4.2.4. Đo lường sự thay đổi của các biến số kinh tế
- 1.4.2.5. Các mô hình kinh tế
- 1.4.2.6. Các đồ thị điểm, đường và phương trình

## 1.5. Tổng cung và tổng cầu

- 1.5.1. Sản lượng tiềm năng và định luật Okun
- 1.5.2. Khái niệm tổng cung và tổng cầu
- 1.5.3. Các đường AS và AD
- 1.5.4. Sự cân bằng AS-AD
- 1.5.5. Tổng cung, tổng cầu với mục tiêu ổn định và tăng trưởng

## **Chương 2: Đo Lường Sản Lượng Quốc Gia**

*Ý nghĩa của chương: Nêu các quan điểm về sản xuất của các nhà kinh tế học từ những thế kỷ trước và đây là tiền đề cho quan điểm kinh tế học hiện đại. Nghiên cứu phương pháp tính sản lượng quốc gia theo hệ thống đo lường quốc tế nhằm phản ánh đúng thực trạng của nền kinh tế là một việc làm quan trọng trong môi trường cạnh tranh hiện nay vì vậy nội dung chương 2 nêu rất chi tiết cách tính sản lượng quốc gia bằng nhiều phương pháp khác nhau như: phương pháp phân phối, phương pháp chi tiêu và phương pháp sản xuất.*

### 2.1. Đo lường mức sản xuất của một quốc gia

- 2.1.1. Các quan điểm về sản xuất
- 2.1.2. Các chỉ tiêu của SNA
- 2.1.3. Các vấn đề giá cả trong SNA
- 2.1.4. Chỉ tiêu so sánh quốc tế

### 2.2. Chỉ tiêu GDP và GNP

- 2.2.1. Khái niệm
- 2.2.2. Những lưu ý khi tính GDP và GNP

### 2.3. Tính GDP danh nghĩa theo giá thị trường

#### 2.3.1. Khái niệm

- 2.3.1.1. Tiêu dùng (C - Consumption)
- 2.3.1.2. Tiết kiệm (S - Saving)
- 2.3.1.3. Đầu tư của doanh nghiệp (I - Investment)

##### 2.3.1.3.1. Khấu hao (De - Depreciation)

##### 2.3.1.3.2. Đầu tư ròng

##### 2.3.1.4. Thuế (Tx - Tax)

2.3.1.4.1 Thuế trực thu (Td - direct taxes) là thuế đánh trực tiếp vào cá nhân, tổ chức chịu thuế

2.3.1.4.2 Thuế gián thu (Ti - indirect taxes) là thuế đánh gián tiếp vào cá nhân, tổ chức chịu thuế

2.3.1.5. Chi mua hàng hóa và dịch vụ của chính phủ (G - Government spending on goods and services)

- 2.3.1.6. Nhập khẩu (M – imports); Xuất khẩu (X – exports)
- 2.3.1.7. Tiền lương (W – Wages)
- 2.3.1.8. Tiền thuê (R – Rental)
- 2.3.1.9. Tiền lãi (i – interest)
- 2.3.1.10. Doanh lợi (Pr – Profit)
- 2.3.2. Sơ đồ chu chuyển kinh tế
- 2.3.3. Phương pháp tính GDP
  - 2.3.3.1. Phương pháp sản xuất
  - 2.3.3.2. Phương pháp phân phối
  - 2.3.3.3. Phương pháp chi tiêu
- 2.4. Tính GNP danh nghĩa theo giá thị trường
  - 2.4.1. Phương pháp sản xuất
  - 2.4.2. Phương pháp phân phối
  - 2.4.3. Phương pháp chi tiêu
- 2.5. Các chỉ tiêu khác
  - 2.5.1. Chỉ tiêu sản phẩm quốc dân ròng NNP (Net national Product)
  - 2.5.2. Chỉ tiêu thu nhập quốc dân NI (national Income)
  - 2.5.3. Chỉ tiêu thu nhập cá nhân PI (Personal Income)
  - 2.5.4. Chỉ tiêu thu nhập khả dụng DI (Disposable Income)

### **Chương 3: Phân Phối Thu Nhập Quốc Dân**

*Ý nghĩa của chương: Nêu rõ cách phân phối sản lượng quốc gia cho các thành phần trong nền kinh tế gồm chính phủ, doanh nghiệp và hộ gia đình. Các khoản chi tiêu của chính phủ, chi tiêu hộ gia đình, các khoản tiết kiệm, đầu tư được giải thích một cách chi tiết và xác định thông qua các hàm số và minh họa bằng đồ thị từ đó xác định điểm sản lượng cân bằng. Bằng mô hình số nhân sẽ giúp chúng ta nhận ra một nghịch lý của tiết kiệm, không phải tiết kiệm lúc nào cũng tốt, tiết kiệm quá mức và không đúng thời điểm không những làm cho thu nhập cá nhân giảm mà còn ảnh hưởng đến cả nền kinh tế, chính vì vậy có lúc chính phủ phải sử dụng những biện pháp kích cầu.*

- 3.1. Cung Về Hàng Hóa Và Dịch Vụ
  - 3.1.1. Quá trình sản xuất hàng hóa và dịch vụ
    - 3.1.1.1 Các nhân tố sản xuất
    - 3.1.1.2 Hàm sản xuất
  - 3.1.2. Phân phối thu nhập quốc dân cho nhân tố sản xuất
    - 3.1.2.1. Giá nhân tố
    - 3.1.2.2. Vấn đề doanh nghiệp cạnh tranh phải đối phó
    - 3.1.2.3. Nhu cầu của doanh nghiệp về nhân tố sản xuất
    - 3.1.2.4. Phân phối thu nhập quốc dân
- 3.2. Cầu về hàng hóa và dịch vụ
  - 3.2.1. Sản lượng thực tế và sản lượng tiềm năng
  - 3.2.2. Thu nhập khả dụng

- 3.2.3. Tiêu dùng và tiết kiệm
  - 3.2.3.1. Hàm tiêu dùng và tiêu dùng biên
  - 3.2.3.2. Hàm tiết kiệm và tiết kiệm biên
- 3.2.4. Đầu tư
  - 3.2.4.1. Hàm số đầu tư
  - 3.2.4.2. Đầu tư biên
- 3.3. Xác định sản lượng cân bằng
  - 3.3.1. Điểm cân bằng trên đồ thị C + I
  - 3.3.2. Điểm cân bằng trên đồ thị I và S
- 3.4. Mô hình số nhân
  - 3.4.1. Sự dịch chuyển điểm cân bằng sản lượng
  - 3.4.2. Số nhân K
  - 3.4.3. Số nhân và nghịch lý về tiết kiệm

#### **Chương 4: Chính Sách Tài Khóa Và Chính Sách Tiền Tệ Trong Nền Kinh Tế Đóng Cửa**

*Ý nghĩa của chương: Bàn về chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ trong nền kinh tế không có ngoại thương. Các khoản thu chi của chính phủ có ảnh hưởng đến thành phần trong nền kinh tế vì vậy khi cần thiết chính phủ sẽ sử dụng các khoản này như công cụ điều tiết nền kinh tế. Ngoài ra lãi suất, tỷ lệ dự trữ, lượng cung tiền... được chính phủ sử dụng làm công cụ điều tiết trong các chính sách tiền tệ nhằm tác động vào nền kinh tế theo những mục tiêu của chính phủ.*

- 4.1. Chính sách tài khóa
  - 4.1.1. Chính phủ, các thành phần thu chi của Chính phủ
    - 4.1.1.1. Các thành phần thu chi của chính phủ
    - 4.1.1.2. Hàm G và T theo Y
    - 4.1.1.3. Thuế ròng và sự dịch chuyển đường C
  - 4.1.2. Xác định điểm cân bằng sản lượng
    - 4.1.2.1. Điểm cân bằng trên đồ thị C+I+G
    - 4.1.2.2. Điểm cân bằng trên đồ thị S+T và I+G
    - 4.1.2.3. Điểm cân bằng trên đồ thị S+Sg và I+Ig
  - 4.1.3. Mô hình số nhân
    - 4.1.3.1. Số nhân tổng quát
    - 4.1.3.2. Những điều cần lưu ý khi áp dụng số nhân tổng quát
  - 4.1.4. Chính sách tài khóa
    - 4.1.4.1. Định lượng cho chính sách tài khóa
    - 4.1.4.2. Cân bằng ngân sách và mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô
    - 4.1.4.3. Các công cụ tự ổn định
    - 4.1.4.4. Các loại chính sách tài khóa
- 4.2. Chính sách tiền tệ
  - 4.2.1. Tiền và chức năng của tiền
    - 4.2.1.1. Khái niệm

- 4.2.1.2. Chức năng của tiền
- 4.2.2. Ngân hàng
  - 4.2.2.1. Hệ thống ngân hàng hiện đại
    - 4.2.2.1.1. Ngân hàng trung gian
    - 4.2.2.1.2. Ngân hàng Trung ương
  - 4.2.2.2. Hoạt động kinh doanh và dự trữ của ngân hàng thương mại
    - 4.2.2.2.1. Dự trữ tùy ý
    - 4.2.2.2.2. Dự trữ bắt buộc
    - 4.2.2.2.3. Tỷ lệ dự trữ
- 4.2.3. Tiền qua ngân hàng và số nhân tiền
  - 4.2.3.1. Cách tạo tiền
  - 4.2.3.2. Số nhân tiền
- 4.2.4. Công cụ làm thay đổi mức cung tiền
  - 4.2.4.1. Mua bán chứng khoán của chính phủ
  - 4.2.4.2. Tỷ lệ dự trữ bắt buộc
  - 4.2.4.3. Tỷ suất chiết khấu
  - 4.2.4.4. Các công cụ khác
- 4.2.5. Thị trường tiền tệ
  - 4.2.5.1. Hàm cầu về tiền tệ theo lãi suất
  - 4.2.5.2. Hàm cung về tiền tệ theo lãi suất
  - 4.2.5.3. Cân bằng thị trường tiền tệ
- 4.2.6. Chính sách tiền tệ
  - 4.2.6.1. Tác động của chính sách tiền tệ
    - 4.2.6.1.1. Tác động của chính sách tiền tệ mở rộng
    - 4.2.6.1.2. Tác động của chính sách tiền tệ thu hẹp
  - 4.2.6.2. Định lượng cho chính sách tiền tệ
    - 4.2.6.2.1. Hàm số đầu tư tư nhân (I) theo sản lượng (Y) và lãi suất (r)
    - 4.2.6.2.2. Mô hình định lượng cho chính sách tiền tệ

## **Chương 5: Mô Hình IS-LM**

*Ý nghĩa của chương: Bàn về mô hình IS-LM, đây là mô hình quan trọng mô tả ý nghĩa của trạng thái cân bằng trên thị trường hàng hóa và thị trường tài chính. Sau khi xem xét chính sách tài chính và chính sách tiền tệ, cách vận hành các chính sách của chính phủ nhằm tác động đến nền kinh tế; Trong thực tế hai chính sách này thường được kết hợp chung với nhau gọi là sự phối hợp chính sách nhằm sử dụng cho cùng mục tiêu cân bằng nền kinh tế vừa để tránh thâm hụt ngân sách vừa đảm bảo tăng sản lượng.*

### **5.1. Đường IS**

- 5.1.1. Cách hình thành đường IS
  - 5.1.1.1. Ý nghĩa của đường IS
  - 5.1.1.2. Các điểm nằm ngoài đường IS
- 5.1.2. Phương trình đường IS

- 5.1.3. Sự dịch chuyển đường IS
- 5.2. Đường LM
  - 5.2.1. Cách hình thành đường LM
    - 5.2.1.1. Ý nghĩa của đường IS
    - 5.2.1.2. Các điểm nằm ngoài đường IS
  - 5.2.2. Phương trình đường LM
  - 5.2.3. Sự dịch chuyển đường LM
- 5.3. Chính sách tài khóa – tiền tệ trong điều kiện cân bằng chung
  - 5.3.1. Sự cân bằng đồng thời trên thị trường hàng hóa và thị trường tiền tệ
  - 5.3.2. Tác động của chính sách tài khóa
  - 5.3.3. Tác động của chính sách tiền tệ
  - 5.3.4. Sự phối hợp chính sách

## **Chương 6: Mô Hình AS – AD**

*Ý nghĩa của chương: Mô hình AD-AS được giới thiệu trong nội dung chương 6 nhằm xác định sản lượng trong cả ngắn hạn và trung hạn vì vậy đòi hỏi phải tính đến tình trạng cân bằng trên tất cả các thị trường bao gồm thị trường hàng hóa, thị trường tài chính và thị trường lao động.*

- 6.1. Đường tổng cầu AD
  - 6.1.1. Sự dịch chuyển đường LM dưới tác động của giá
  - 6.1.2. Cách hình thành đường AD
  - 6.1.3. Ý nghĩa đường AD
  - 6.1.4. Sự dịch chuyển đường AD
- 6.2. Đường tổng cung AS
  - 6.2.1. Một số hàm có liên quan đến hàm AS
  - 6.2.2. Cách hình thành đường AS
  - 6.2.3. Ý nghĩa đường AS
  - 6.2.4. Sự dịch chuyển đường AS
- 6.3. Sự cân bằng AD-AS

## **Chương 7: Phân Tích Kinh Tế Vĩ Mô Trong Nền Kinh Tế Mở Cửa**

*Ý nghĩa của chương: Nghiên cứu ý nghĩa của sự mở cửa thị trường, từ thị trường hàng hóa đến thị trường tài chính, tình trạng cân bằng trong thị trường kinh tế mở sẽ chịu tác động thêm của những yếu tố như tỷ giá hối đoái, cán cân ngoại thương. Đường IS và LM cũng sẽ thay đổi khi có ngoại thương; Điều tiết nền kinh tế khi có ngoại thương cần phải xem xét thêm chính sách ngoại thương nhằm đạt hiệu quả cao.*

- 7.1. Cân bằng sản lượng khi có ngoại thương
  - 7.1.1. Xuất nhập khẩu và cán cân thương mại
  - 7.1.2. Xác định điểm cân bằng sản lượng
  - 7.1.3. Mô hình số nhân
  - 7.1.4. Chính sách ngoại thương
- 7.2. Thị trường ngoại hối và cán cân thanh toán

### 7.3. Đường BP

7.3.1. Cách hình thành đường BP

7.3.2. Phương trình đường BP

7.3.3. Sự dịch chuyển đường BP

7.3.4. Sự cân bằng cán cân thanh toán

### 7.4. Đường IS-LM trong nền kinh tế mở

7.4.1. Đường IS

7.4.2. Đường LM

### 7.5. Chính sách kinh tế vĩ mô trong nền kinh tế mở

## **Chương 8: Lạm Phát Và Thất Nghiệp**

### 8.1. Lạm phát

8.1.1. Khái niệm và phân loại lạm phát

8.1.2. Đo lường lạm phát

8.1.3. Nguyên nhân gây ra lạm phát

8.1.4. Lạm phát và sự gia tăng của sản lượng

8.1.5. Lạm phát và sự phân phối lại thu nhập

8.1.6. Các biện pháp chống lạm phát

### 8.2. Thất nghiệp

8.2.1. Khái niệm và phân loại thất nghiệp

8.2.2. Đo lường thất nghiệp

8.2.3. Chi phí phải trả cho thất nghiệp

### 8.3. Môi quan hệ giữa lạm phát và thất nghiệp

8.3.1. Đường cong Phillips ngắn hạn

8.3.2. Đường cong Phillips dài hạn

## **5. Tài liệu Tham khảo:**

[1] Dương Tấn Diệp (2007), Kinh tế vĩ mô, Nhà xuất bản Thống kê.

[2] Nguyễn Như Ý (2014), Kinh tế vĩ mô, Nhà xuất bản Kinh tế.

[3] David Begg (2010), Kinh tế học vĩ mô, Nhà xuất bản Thống kê.

[4] Nguyễn Văn Ngọc (2011), Bài giảng kinh tế vĩ mô, Nhà xuất bản Đại học kinh tế quốc dân.

[5] Olivier Blanchard (2000), Kinh tế vĩ mô, chương trình giảng dạy Fulbright.

[6] Phạm Chung, Trần Văn Hùng (2011), Kinh tế vĩ mô phân tích, Nhà xuất bản Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.

[7] Nguyễn Thái Thảo Vy (2011), Kinh tế học vĩ mô, Nhà xuất bản tài chính.

[8] GS. TS Nguyễn Văn Tiến (2011), Giáo trình Tài chính tiền tệ, Nhà xuất bản thống kê.

[9] GS. TS Nguyễn Văn Tiến (2012), Giáo trình Tài chính quốc tế, Nhà xuất bản thống kê.

[10] PGS. TS Nguyễn Minh Kiều (2009), Thị trường Tài chính, Nhà xuất bản thống kê.

## **6. Lịch trình dạy học:**

T T	Nội dung	Số tiết lên lớp			Tự học	Ghi chú
		TỔn	LT	TH		
1	Khái niệm chung Đo lường sản lượng quốc gia	4	4		5	
2	Bài tập	4	4		10	
3	Phân phối thu nhập quốc dân	4	4		5	
4	Chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ trong nền kinh tế đóng cửa	4	4		10	
5	Bài tập-Kiểm tra	4	4		10	
6	Mô hình IS-LM	4	4		5	
7	Bài tập	4	4		5	
8	Phân tích kinh tế vĩ mô trong nền kinh tế mở cửa	4	4		15	
9	Bài tập-Kiểm tra	4	4		5	
10	Lạm phát và thất nghiệp	4	4		5	
11	Bài tập-Ôn tập	5	5		15	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>45</b>	<b>45</b>		<b>90</b>	

### 7. Nhiệm vụ của sinh viên:

Tham dự học và thảo luận, kiểm tra giữa học kì theo Quyết định 43/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/8/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Quy chế học vụ hiện hành của nhà trường.

**8. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:** Chuyên cần: 10%; Kiểm tra thường xuyên: 10%; Kiểm tra giữa kỳ: 10%; Thi cuối kỳ: 70%

**9. Thang điểm:** Theo qui chế tín chỉ.

**PHỤ TRÁCH BỘ MÔN**



**Nguyễn Thị Ngọc Bích**

**GIẢNG VIÊN**



**Nguyễn Thu Thủy**



**Hồ Thị Thùy Trang**



**HỌC PHẦN****QUẢN TRỊ HỌC****1. Thông tin chung của học phần:**

- Tên học phần : **QUẢN TRỊ HỌC**
- Mã học phần :
- Số tín chỉ: 3
- Trình độ : Dành cho sinh viên năm thứ 2
- Điều kiện tiên quyết: : Không
- Phân giờ tín chỉ:
  - + Lên lớp: 30 tiết
  - + Thực hành; Thảo luận : 15 tiết
  - + Tự học : 90 tiết

**2. Mục tiêu của học phần:****\* Về kiến thức**

- Phân biệt nhà quản trị và nhà doanh nghiệp, các cấp quản trị với những kỹ năng, vai trò cần thiết của một nhà quản trị.
- Giải thích ý nghĩa của môi trường quản trị đối với hoạt động sản xuất kinh doanh
- Giải thích về các chức năng của nhà quản trị như: hoạch định, tổ chức, điều khiển, kiểm tra.

**\* Về Kỹ năng**

Vận dụng kiến thức quản trị đã học để có thể trao đổi, thảo luận và đánh giá khả năng quản trị của các doanh nghiệp trong hoạt động.

**\* Về thái độ**

Có kiến thức quản trị học hiện đại, góp phần làm nhận thức của người học tốt hơn trong tiếp cận vào hệ thống quản trị của một tổ chức.

**3. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:**

Công việc quản trị có thể bắt gặp ở mọi nơi, mọi lúc và trong mọi tình huống – từ việc quản lý thời gian, công việc cho chính bản thân mình đến việc tổ chức, điều hành công việc cho một nhóm người hay một tổ chức. Học phần Quản Trị Học bao gồm các khái niệm cơ bản về công tác quản trị trong một tổ chức. Nội dung cơ bản của học phần này là nghiên cứu sâu vào các chức năng của quản trị.

**4. Nội dung chi tiết học phần:**

## CHƯƠNG 1

## NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ QUẢN TRỊ

- 1.1 Quản trị
  - 1.1.1 Sự cần thiết của các hoạt động quản trị trong tổ chức
  - 1.1.2 Khái niệm quản trị
  - 1.1.3 Hiệu quả và hiệu suất trong quản trị
    - 1.1.3.1 Hiệu quả
    - 1.1.3.2 Hiệu suất
  - 1.1.4 Chức năng quản trị
    - 1.1.4.1 Chức năng hoạch định (planning)
    - 1.1.4.2 Chức năng tổ chức (organizing)
    - 1.1.4.3 Chức năng điều khiển (leading)
    - 1.1.4.4 Chức năng kiểm soát (reviewing)
- 1.2 Khoa học và nghệ thuật quản trị
  - 1.2.1 Quản trị là khoa học
  - 1.2.2 Quản trị là một nghệ thuật
- 1.3 Nhà quản trị
  - 1.3.1 Các khái niệm
    - 1.1.3.1 Khái niệm tổ chức
    - 1.1.3.2 Khái niệm nhà quản trị
  - 1.3.2 Cấp bậc quản trị
    - 1.3.2.1 Nhà quản trị cấp cao (top managers)
    - 1.3.2.2 Nhà quản trị cấp giữa hay trung gian (middle managers)
    - 1.3.2.3 Nhà quản trị cấp cơ sở (first line managers)
  - 1.3.3 Vai trò của nhà quản trị
    - 1.3.3.1 Vai trò quan hệ với con người
    - 1.3.3.2 Vai trò thông tin
    - 1.3.3.3 Vai trò quyết định
  - 1.3.4 Kỹ năng của nhà quản trị
    - 1.3.4.1 Kỹ năng kỹ thuật hay kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ (technical skills)
    - 1.3.4.2 Kỹ năng nhân sự (human skills)
    - 1.3.4.3 Kỹ năng nhận thức hay tư duy (conceptual skills)

## **CHƯƠNG 2**

### **SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TƯ TƯỞNG QUẢN TRỊ**

- 2.1 Bối cảnh lịch sử
  - 2.1.1 Tầm quan trọng của nghiên cứu lịch sử phát triển các tư tưởng quản trị
  - 2.1.2 Những tác động ảnh hưởng lên tư tưởng quản trị
  - 2.1.3 Nguồn gốc của tư tưởng quản trị
- 2.2 Trường phái quản trị cổ điển
  - 2.2.1 Trường phái quản trị khoa học
  - 2.2.2 Trường phái quản trị hành chính
- 2.3 Trường phái tâm lý xã hội trong quản trị

- 2.3.1 Các nhà tiên phong của trường phái
- 2.3.2 Nhận xét về trường phái tác phong trong quản trị
- 2.4 Trường phái định lượng trong quản trị
  - 2.4.1 Quản trị khoa học
  - 2.4.2 Quản trị tác nghiệp
  - 2.4.3 Quản trị hệ thống thông tin
  - 2.4.5 Nhận xét về trường phái định lượng trong quản trị
- 2.5 Trường phái hội nhập trong quản trị
  - 2.5.1 Khảo hướng quá trình quản trị
  - 2.5.2 Khảo hướng ngẫu nhiên
  - 2.5.3 Khảo hướng quản trị hệ thống
  - 2.5.4 Nhận xét về trường phái hội nhập
- 2.6 Trường phái quản trị hiện đại
  - 2.6.1 LÝ THUYẾT Z
  - 2.6.2 Tiếp cận theo 7 yếu tố (7'S)

### **CHƯƠNG 3**

#### **VĂN HOÁ CỦA TỔ CHỨC VÀ MÔI TRƯỜNG TỔ CHỨC**

- 3.1 Văn hoá của tổ chức
  - 3.1.1 Khái niệm
  - 3.1.2 Ảnh hưởng của văn hoá doanh nghiệp đến tiến trình quản lý doanh nghiệp
- 3.2 Môi trường tổ chức
  - 3.2.1 Khái niệm
  - 3.2.2 Phân loại môi trường
- 3.3 Ảnh hưởng của môi trường đối với tổ chức
  - 3.3.1 Môi trường toàn cầu
  - 3.3.2 Môi trường tổng quát
    - 3.3.2.1 Môi trường kinh tế
    - 3.3.2.2 Môi trường pháp luật
    - 3.3.2.3 Môi trường chính trị
    - 3.3.2.4 Môi trường văn hóa xã hội
    - 3.3.2.5 Môi trường tự nhiên
    - 3.3.2.6 Môi trường kỹ thuật, công nghệ
    - 3.3.2.7 Môi trường dân số
  - 3.3.3 Môi trường ngành
    - 3.3.3.1 Các đối thủ cạnh tranh
    - 3.3.3.2 Khách hàng
    - 3.3.3.3 Những người cung ứng
    - 3.3.3.4 Các nhóm áp lực xã hội
    - 3.3.3.5 Nhóm các giới chức địa phương và công chúng
  - 3.3.4 Môi trường tác nghiệp hay môi trường nội bộ doanh nghiệp

- 3.3.4.1 Yếu tố nhân lực
- 3.3.4.2 Khả năng tài chính
- 3.3.4.3 Khả năng nghiên cứu và phát triển
- 3.3.4.4 Văn hoá của tổ chức
- 3.3.4.5 Cơ sở vật chất – trang thiết bị của doanh nghiệp

## **CHƯƠNG 4**

### **QUYẾT ĐỊNH QUẢN TRỊ**

- 4.1 Khái niệm và đặc điểm của quyết định
  - 4.1.1 Khái niệm
  - 4.1.2 Đặc điểm
- 4.2 Phân loại quyết định quản trị
  - 4.2.1 Theo tính chất của vấn đề ra quyết định
  - 4.2.2 Theo thời gian thực hiện
  - 4.2.3 Theo phạm vi thực hiện
  - 4.2.4 Theo chức năng quản trị
  - 4.2.5 Theo phương thức soạn thảo
- 4.3 Chức năng và yêu cầu của quyết định quản trị
  - 4.3.1 Các chức năng của quyết định quản trị
  - 4.3.2 Các yêu cầu cơ bản của quyết định quản trị
- 4.4 Quy trình ra quyết định
  - 4.4.1 Môi trường làm quyết định
  - 4.4.2 Các bước ra quyết định quản trị
- 4.5 Các mô hình ra quyết định
  - 4.5.1 Quyết định cá nhân
  - 4.5.2 Quyết định có tham vấn
  - 4.5.3 Quyết định tập thể
- 4.6 Các công cụ hỗ trợ việc ra quyết định
  - 4.6.1 Các công cụ định lượng
    - 4.6.1.1 Ma trận kết quả kinh doanh
    - 4.6.1.2 Cây quyết định
  - 4.6.2 Các công cụ bán định lượng
    - 4.6.2.1 Kỹ thuật Delphi
    - 4.6.2.2 Kỹ thuật tập thể danh nghĩa
- 4.7 Nâng cao hiệu quả của quyết định quản trị
  - 4.7.1 Những phẩm chất cá nhân cần cho quyết định hiệu quả
    - 4.7.1.1 Kinh nghiệm
    - 4.7.1.2 Khả năng xét đoán
    - 4.7.1.3 Óc sáng tạo
    - 4.7.1.4 Khả năng định lượng
  - 4.7.2 Nâng cao hiệu quả việc thực hiện quyết định

- 4.7.2.1 Triển khai quyết định
  - 4.7.2.2 Bảo đảm các điều kiện vật chất
  - 4.7.2.3 Giữ vững thông tin phản hồi
  - 4.7.2.4 Tổng kết và đánh giá kết quả
  - 4.7.3 Các trợ giúp khi làm quyết định
    - 4.7.3.1 Người phản biện
    - 4.7.3.2 Tham vấn đa nguyên
    - 4.7.3.3 Chất vấn biện chứng
  - 4.8 Tổ chức thực hiện các quyết định
- CHƯƠNG 5

## **CHỨC NĂNG HOẠCH ĐỊNH**

- 5.1. Khái niệm hoạch định
  - 5.1.1 Khái niệm
  - 5.1.2 Tác dụng của hoạch định
  - 5.1.3 Các loại hoạch định
    - 5.1.3.1 Căn cứ theo cấp độ và phạm vi của hoạch định
    - 5.1.3.2 Căn cứ theo mức độ sử dụng
- 5.2 Mục tiêu – nền tảng của hoạch định
  - 5.2.1 Khái niệm
  - 5.2.2 Phân loại
    - 5.2.2.1 Phân loại mục tiêu theo cấp độ
    - 5.2.2.2 Phân loại mục tiêu theo nội dung
    - 5.2.2.3 Phân loại mục tiêu theo bản chất
  - 5.2.3 Vai trò
  - 5.2.4 Các yêu cầu
  - 5.2.5 Các cách tiếp cận trong việc thiết lập mục tiêu
    - 5.2.5.1 Đặt mục tiêu theo kiểu truyền thống
    - 5.2.5.2 Quản trị bằng mục tiêu (Management by Objectives - MBO)
- 5.3 Các mô hình tổ chức về hoạch định
  - 5.3.1 Mô hình truyền thống
  - 5.3.2 Mô hình hiện đại
  - 5.3.3 Các khuynh hướng mới
- 5.4 Quy trình cơ bản của hoạch định
- 5.5 Hoạch định chiến lược
  - 5.5.1 Khái niệm
  - 5.5.2 Các loại chiến lược
    - 5.5.2.1 Chiến lược Ổn định
    - 5.5.2.2 Chiến lược Phát triển
    - 5.5.2.3 Chiến lược Cắt giảm để tiết kiệm
    - 5.5.2.4 Chiến lược Phối hợp

- 5.5.3 Qui trình hoạch định chiến lược
  - 5.5.4 Các công cụ hỗ trợ cho hoạch định chiến lược
    - 5.5.4.1 Ma trận BCG (Boston Consulting Group)
    - 5.5.4.2 Những chiến lược tổng loại
    - 5.5.4.3 Ma trận SWOT
  - 5.6 Hoạch định tác nghiệp
    - 5.6.1 Khái niệm
    - 5.6.2 Các loại kế hoạch tác nghiệp
      - 5.6.2.1 Kế hoạch đơn dụng
      - 5.6.2.2 Kế hoạch thường trực
- CHƯƠNG 6**  
**CHỨC NĂNG TỔ CHỨC**
- 6.1 Khái niệm và vai trò của chức năng tổ chức Cơ cấu tổ chức
    - 6.1.1 Khái niệm
    - 6.1.2 Vai trò Cơ sở để thiết kế bộ máy tổ chức
  - 6.2 Một số vấn đề khoa học trong công tác tổ chức
    - 6.2.1 Tầm hạn quản trị
    - 6.2.2 Quyền hành trong quản trị
    - 6.2.3 Phân cấp quản trị
  - 6.3 Cơ cấu tổ chức
    - 6.3.1 Khái niệm
    - 6.3.2 Các nguyên tắc cơ bản của tổ chức quản trị
    - 6.3.3 Các yêu cầu khi thiết kế cơ cấu tổ chức
    - 6.3.4 Các yếu tố ảnh hưởng cơ cấu tổ chức
  - 6.4 Các mô hình cơ cấu tổ chức cơ bản
    - 6.4.1 Cơ cấu tổ chức trực tuyến
    - 6.4.2 Cơ cấu tổ chức chức năng
    - 6.4.3 Cơ cấu tổ chức trực tuyến- chức năng
    - 6.4.4 Cơ cấu tổ chức theo ma trận
    - 6.4.5 Cơ cấu tổ chức theo địa lý
    - 6.4.6 Cơ cấu tổ chức theo sản phẩm
    - 6.4.7 Cơ cấu tổ chức theo khách hàng
  - 6.5 Sự phân chia quyền lực
    - 6.5.1 Phân quyền
    - 6.5.2 Ủy quyền
      - 6.5.2.1 Khái niệm
      - 6.5.2.2 Quá trình ủy quyền
      - 6.5.2.3 Nguyên tắc ủy quyền
      - 6.5.2.4 Lợi ích của việc ủy quyền
      - 6.5.2.5 Những trở ngại và những biện pháp khắc phục trở ngại đối với ủy quyền
- CHƯƠNG 7**

## CHỨC NĂNG ĐIỀU KHIỂN

### 7.1 Khái niệm và vai trò của chức năng điều khiển

#### 7.1.1 Khái niệm

#### 7.1.2 Vai trò

### 7.2 Lãnh đạo

#### 7.2.1 Các khái niệm

#### 7.2.2 Phân loại phong cách lãnh đạo

##### 7.2.2.1 Phân loại theo mức độ tập trung quyền lực

##### 7.2.2.2 Phân loại theo mức độ quan tâm đến công việc và quan tâm đến con người

##### 7.2.2.3 Sơ đồ lưới thể hiện phong cách lãnh đạo của R.Blake và J.Mouton

#### 7.2.3 Lựa chọn phong cách lãnh đạo

### 7.3 Động viên

#### 7.3.1 Các khái niệm

##### 7.3.1.1 Động viên

##### 7.3.1.2 Động cơ làm việc

#### 7.3.2 Các lý thuyết về động cơ thúc đẩy

##### 7.3.2.1 Thuyết phân cấp các nhu cầu của A.Maslow

##### 7.3.2.2 Thuyết E.R.G

##### 7.3.2.3 Thuyết hai nhân tố của Herzberg

##### 7.3.2.4 Thuyết về bản chất của con người của Mc.Gregor

##### 7.3.2.5 Thuyết mong đợi

#### 7.3.3 Ứng dụng các thuyết động viên trong công tác quản trị

### 7.4 Thông tin trong quản trị

#### 7.4.1 Các khái niệm

#### 7.4.2 Vai trò của thông tin và các hình thức thông tin

##### 7.4.2.1 Vai trò

##### 7.4.2.2 Các hình thức thông tin

#### 7.4.3 Thông tin trong tổ chức

##### 7.4.3.1 Thông tin chính thức và không chính thức

##### 7.4.3.2 Chiều thông tin

##### 7.4.3.3 Các mạng thông tin thông dụng

#### 7.4.4 Những trở ngại trong thông tin

#### 7.4.5 Quản trị thông tin vượt qua những trở ngại

##### 7.4.5.1 Điều chỉnh dòng tin tức

##### 7.4.5.2 Sử dụng sự phản hồi

##### 7.4.5.3 Đơn giản hóa ngôn ngữ

##### 7.4.5.4 Tích cực lắng nghe

##### 7.4.5.5 Hạn chế cảm xúc

##### 7.4.5.6 Sử dụng dư luận

### 7.5 Nâng cao hiệu quả của thông tin trong tổ chức

- 7.5.1 Đảm bảo sự cân đối giữa thông tin chính thức và phi chính thức
- 7.5.2 Thiết lập các kênh thông tin rõ ràng và phù hợp
- 7.6 Quản trị thay đổi, xung đột và kích động
  - 7.6.1 Các khái niệm
  - 7.6.2 Những yếu tố gây biến động
  - 7.6.3 Những kỹ thuật của quản trị sự thay đổi

## **CHƯƠNG 8**

### **CHỨC NĂNG KIỂM SOÁT**

- 8.1 Khái niệm, mục đích và tác dụng của kiểm soát
  - 8.1.1 Khái niệm
  - 8.1.2 Mục đích của kiểm soát
  - 8.1.3 Tác dụng của kiểm soát
- 8.2 Các nguyên tắc xây dựng cơ chế kiểm soát
- 8.3 Tiến trình kiểm soát
- 8.4 Các loại hình kiểm soát
  - 8.4.1 Kiểm soát lường trước
  - 8.4.2 Kiểm soát trong khi thực hiện
  - 8.4.3 Kiểm soát sau khi thực hiện (phản hồi)
- 8.5 Các công cụ kiểm soát
  - 8.5.1 Ngân quỹ
  - 8.5.2 Kỹ thuật phân tích thống kê
  - 8.5.3 Các báo cáo và phân tích chuyên môn
  - 8.5.4 Kiểm soát hành vi
  - 8.5.5 Kiểm soát tài chính

#### **5. Tài liệu học tập:**

##### **5.1. Sách, giáo trình chính:**

- [1] PGS TS. NGUYỄN THỊ LIÊN DIỆP - QUẢN TRỊ HỌC, NXB THỐNG KÊ, 2001.

##### **5.2. Tài liệu tham khảo :**

- [2] Th.S PHẠM ĐÌNH PHƯƠNG - QUẢN TRỊ HỌC NHẬP MÔN, NXB TP.HCM, 1997.
- [3] TS. NGUYỄN THANH HỘI, TS. PHAN THẮNG , QUẢN TRỊ HỌC, NXB THỐNG KÊ TP.HCM, 2006.
- [4] Th.S NGUYỄN HỮU LÃM - NGHỆ THUẬT LÃNH ĐẠO, NXB GIAO DUC, 1997.

#### **6. Lịch trình dạy học:**



TT	Nội dung	Số tiết	Phân bố thời gian			Ghi chú
			Lí thuyết	Thảo luận	Tự học	
1	Những vấn đề chung về quản trị		3		5	
2	Sự phát triển của tư tưởng quản trị		3		15	
3	Văn hoá của tổ chức và môi trường tổ chức		3	3	10	
4	Quyết định quản trị		3	3	10	
5	Chức năng hoạch định		6	3	15	
5	Chức năng tổ chức		6		15	
6	Chức năng điều khiển		3	3	10	
7	Chức năng kiểm soát		6		10	
<b>Tổng</b>		<b>3</b>	<b>30</b>	<b>15</b>	<b>90</b>	

### 7. Nhiệm vụ của sinh viên:

Tham dự học, thảo luận, kiểm tra theo quy chế 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15 tháng 08 năm 2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, qui chế học vụ hiện hành của nhà trường.

### 8. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

- Chuyên cần: 10%
- Kiểm tra thường xuyên: 10%
- Kiểm tra giữa kỳ: 10%
- Thi cuối kỳ: 70%

### 9. Thang điểm : Theo qui chế tín chỉ.

#### PHỤ TRÁCH BỘ MÔN



Nguyễn Thị Ngọc Bích

#### GIẢNG VIÊN



Nguyễn Thị Phương Thảo



Nguyễn Thị Hoài Ân

**HỌC PHẦN****TOÁN KINH TẾ 2****1. Thông tin chung của học phần:**

Tên học phần: **TOÁN KINH TẾ 2**. Mã học phần: Số tín chỉ: 03

Trình độ: Dành cho sinh viên năm 2. Điều kiện tiên quyết: **Xác suất thống kê, Giải tích, Quy hoạch tuyến tính, Mô hình toán kinh tế**

Phân giờ tín chỉ: Lên lớp: 30 tiết. Thực hành: 0 tiết. Tự học: 30 tiết

**2. Mục tiêu của học phần:****\* Về kiến thức:**

- Sau khi nghiên cứu môn học, sinh viên vừa được trang bị các kiến thức cơ bản về bản chất và nguyên lý tính toán trong các nghiệp vụ tài chính,
- Biết vận dụng các kiến thức đó để xây dựng các bài toán tài chính trong những hoàn cảnh riêng với môi trường và các điều kiện khác nhau.

**\*Về kỹ năng:**

Sinh viên được rèn luyện kỹ năng tính toán, kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình, thảo luận các vấn đề có liên quan, sử dụng lý thuyết để giải thích các tình huống thực tế.

**\*Về thái độ:**

Sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của môn học trong việc cung cấp các kiến thức cơ sở ngành, những kiến thức này là nền tảng giúp sinh viên đi sâu vào các môn học chuyên ngành sau này.

**3. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:** Môn học cung cấp hệ thống kiến thức cơ bản về cách thức tính lãi, chiết khấu, chuỗi tiền tệ, trả nợ vay và ứng dụng chuỗi niên kim vào thẩm định dự án đầu tư. Qua đó, sinh viên nắm được bản chất, nguyên lý và các công cụ tính toán trong hoạt động kinh doanh của ngành ngân hàng nói riêng cũng như các nghiệp vụ tài chính nói chung.

**4. Nội dung chi tiết học phần.****CHƯƠNG 1: MỘT SỐ KHÁI NIỆM CƠ BẢN**

*Chương này nhắc lại một số kiến thức toán học cơ bản có liên quan đến môn học nhằm giúp sinh viên củng cố lại kiến thức và là tiền đề để tiếp cận các chương tiếp theo*

**1.1. Cấp số cộng****1.1.1. Định nghĩa****1.1.2. Công thức tính tổng cấp số nhân****1.2. Cấp số nhân****1.2.1. Định nghĩa****1.2.2. Công thức tính tổng cấp số cộng****1.3. Cấp số nhân vô hạn**

### 1.3.1. Định nghĩa

### 1.3.2. Công thức tính tổng cấp số nhân vô hạn

## 1.4. Lợi tức (Tiền lãi) và tỷ suất lợi tức (Khái niệm)

## CHƯƠNG 2: LÃI ĐƠN

*Chương này cung cấp kiến thức về lãi đơn, giúp sinh viên nắm được cách tính toán, cấu trúc của phương pháp tính này*

### 2.1. Lãi đơn

#### 2.1.1. Lãi đơn

#### 2.1.2. Lợi tức tính theo lãi đơn

- Công thức tính lãi với độ dài thời gian tính theo năm
- Công thức tính lãi với độ dài thời gian tính theo tháng
- Công thức tính lãi với độ dài thời gian tính theo ngày

### 2.2. Lãi suất tương đương (Lãi suất ngang giá)

### 2.3. Giá trị tương lai (Giá trị tích lũy) và giá trị hiện tại (Giá trị chiết khấu)

#### 2.3.1. Giá trị tương lai (Giá trị tích lũy)

#### 2.3.2. Giá trị hiện tại (Giá trị chiết khấu)

### 2.4. Lãi suất chiết khấu

### 2.5. Lãi suất trung bình

### 2.6. Lãi suất hiệu dụng (Lãi suất thực)

## CHƯƠNG 3: LÃI KÉP

*Chương này cung cấp kiến thức về lãi kép, giúp sinh viên nắm được cách tính toán, cấu trúc của phương pháp tính này*

### 3.1. Lãi kép

#### 3.1.1. Lãi kép

#### 3.1.2. Giá trị tương lai (Giá trị tích lũy) tính theo lãi kép

#### 3.1.3. Giá trị hiện tại (Giá trị chiết khấu) tính theo lãi kép

### 3.2. Lãi suất tỷ lệ và lãi suất tương đương (Lãi suất ngang giá)

### 3.3. Lãi kép liên tục

### 3.4. Lãi suất trung bình

### 3.5. Lãi suất thực

### 3.6. So sánh giữa lãi đơn và lãi kép

## CHƯƠNG 4: CHUỖI TIỀN

*Chương này giới thiệu về chuỗi tiền tệ và trường hợp đặc biệt của nó là chuỗi tiền đều. Thông qua chương này, sinh viên sẽ nắm được cách tính giá trị hiện tại và giá trị tương lai của các loại chuỗi tiền tệ, đồng thời nắm được cách ứng dụng các phương pháp tính này vào việc tính các chỉ số phục vụ cho công việc thẩm định dự án đầu tư*

### 4.1. Định nghĩa chuỗi tiền tệ (dãy niên kim)

#### 4.1.1. Phân loại chuỗi tiền tệ

#### 4.1.2. Theo số tiền phát sinh mỗi kỳ

#### 4.1.3. Theo số kỳ khoản phát sinh

- 4.1.4. Theo phương thức phát sinh
- 4.2. Giá trị tương lai và hiện tại của một chuỗi tiền tệ
  - 4.2.1. Giá trị tương lai của một chuỗi tiền tệ phát sinh cuối kỳ
  - 4.2.2. Giá trị hiện tại của một chuỗi tiền tệ phát sinh cuối kỳ
  - 4.2.3. Giá trị tương lai của một chuỗi tiền tệ phát sinh đầu kỳ
  - 4.2.4. Giá trị hiện tại của một chuỗi tiền tệ phát sinh đầu kỳ
- 4.3. Giá trị tương lai và hiện tại của một chuỗi tiền tệ đều
  - 4.3.1. Giá trị tương lai của một chuỗi tiền tệ đều phát sinh cuối kỳ
  - 4.3.2. Giá trị hiện tại của một chuỗi tiền tệ đều phát sinh cuối kỳ
  - 4.3.3. Giá trị tương lai của một chuỗi tiền tệ đều phát sinh đầu kỳ
  - 4.3.4. Giá trị hiện tại của một chuỗi tiền tệ đều phát sinh đầu kỳ
  - 4.3.5. Giá trị hiện tại của một chuỗi tiền tệ cố định phát sinh vĩnh viễn
- 4.4. Chuỗi tiền tệ biến đổi có quy luật
  - 4.4.1. Chuỗi tiền tệ biến đổi theo cấp số cộng
  - 4.4.2. Chuỗi tiền tệ biến đổi theo cấp số nhân
- 4.5. Áp dụng dãy niên kim vào thẩm định dự án đầu tư
  - 4.5.1. Giá trị hiện tại thuần (NPV)
  - 4.5.2. Tỷ suất hoàn vốn nội bộ (IRR)
  - 4.5.3. Suất sinh lời nội bộ hiệu chỉnh (MIRR)
  - 4.5.4. Thời gian hoàn vốn (PP)

## CHƯƠNG 5: TRÁI PHIẾU

*Chương này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về trái phiếu, các loại trái phiếu, các phương pháp thanh toán và các phương pháp tính lãi suất sinh lợi của trái phiếu*

- 5.1. Trái phiếu
  - 5.1.1. Trái phiếu không tính lãi ( Zero Coupon)
  - 5.1.2. Trái phiếu thanh toán 1 lần khi đáo hạn
  - 5.1.3. Trái phiếu trả lãi định kỳ, nợ gốc trả khi đáo hạn
  - 5.1.4. Trái phiếu được thanh toán dần định kỳ
  - 5.1.5. Trái phiếu thanh toán cuối kỳ theo giá mua lại cao hơn mệnh giá
  - 5.1.6. Trái phiếu vô thời hạn
- 5.2. Một số trường hợp thanh toán đặc biệt
  - 5.2.1. Thanh toán bằng các niên kim cố định
  - 5.2.2. Số lượng trái phiếu thanh toán mỗi đợt cố định
- 5.3. Bảng thanh toán nợ
- 5.4. Median của trái phiếu
- 5.5. Thời hạn trung bình của trái phiếu
- 5.6. Lãi suất sinh lợi của trái phiếu
  - 5.6.1. Lãi suất sinh lợi trung bình vào thời điểm phát hành
  - 5.6.2. Lãi suất sinh của trái phiếu thanh toán vào cuối năm thứ nhất
  - 5.6.3. Lãi suất sinh lợi của trái phiếu thanh toán vào cuối năm p

## 5.7. Lãi suất chi phí của người đi vay

### CHƯƠNG 6: VAY VỐN

*Chương này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhằm giúp sinh viên tiếp cận với các khoản vay, các hình thức hoàn trả tiền vay, từ đó có thể vận dụng kiến thức cơ bản này để tiếp cận với các môn học có liên quan*

#### 6.1. Tổng quan

#### 6.2. Các phương thức hoàn trả

##### 6.2.1. Trả vốn vay (nợ gốc) và lãi 1 lần khi đáo hạn

##### 6.2.2. Trả lãi định kỳ, nợ gốc trả khi đáo hạn

##### 6.2.3. Trả nợ dần định kỳ

##### 6.2.4. Trả nợ dần định kỳ bằng kỳ khoản cố định

###### 6.2.4.1. Kỳ khoản trả nợ

###### 6.2.4.2. Bảng hoàn trả

###### 6.2.4.3. Định luật trả nợ dần định kỳ bằng kỳ khoản cố định

##### 6.2.5. Trả nợ dần định kỳ cố định phần trả nợ gốc

#### 6.3. Vấn đề lập quỹ trả nợ

### 5. Tài liệu tham khảo:

- Sách, giáo trình chính

1. Nguyễn Tấn Bình, Toán tài chính ứng dụng. NXB Thống kê, 2007

2. Phan Đức Châu chủ biên, Giáo trình toán tài chính, Hà Nội, 2008

- Tài liệu tham khảo

1. GS. Nguyễn Tiên Dũng và GS. Đỗ Đức Thái. Nhập môn Toán tài chính. Hà Nội – Toulouse, 2014

2. Nguyễn Văn Hữu, Vương Quân Hoàng, Các phương pháp toán học trong tài chính, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2007.

3. Bodie, Z.Kane A, Marcus, A., Essentials of Investments, 8th Edition, McGraw Hill and Irwin, 2008.

4. Ross, SA, Westerfield, R.W, Jaffee, J.F, Corporate Finance, 7th Edition, McGraw – Hill and Irwin, 2006.

### 6. Lịch trình dạy học:

T T	Nội dung	Số tiết lên lớp Phân bố thời gian			Tự học	Ghi chú
		Tổng cộng	Lí thuyết	Bài tập		
1	Chương 1: Một Số Khái Niệm Cơ Bản	4	2	2	4	
2	Chương 2: Lãi Đơn	5	3	2	5	
3	Chương 3: Lãi Kép	5	3	2	5	

4	Chương 4: Chuỗi Tiền	6	4	2	8	
5	Chương 5: Trái Phiếu	5	3	2	4	
6	Chương 6: Vay Vốn	5	3	2	4	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>30</b>	<b>18</b>	<b>12</b>	<b>30</b>	

**7. Nhiệm vụ của sinh viên:**

Tham dự học và thảo luận, kiểm tra giữa học kì theo Quyết định 43/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/8/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Quy chế học vụ hiện hành của nhà trường.

**8. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:** Chuyên cần: 10%; Kiểm tra thường xuyên: 10%; Kiểm tra giữa kỳ: 10%; Thi cuối kỳ: 70%

**9. Thang điểm:** Theo qui chế tín chỉ.

**PHỤ TRÁCH BỘ MÔN**

**Nguyễn Thị Ngọc Bích**

**GIẢNG VIÊN**

**Lê Thị Kim Tuyền**

**Nguyễn Thanh Hiền**

**HỌC PHẦN****MARKETING CĂN BẢN****1. Thông tin chung của học phần:**

Tên học phần: **MARKETING CĂN BẢN**. Mã học phần: Số tín chỉ: 03

Trình độ: Dành cho sinh viên năm 2. Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô, Quản trị học

Phân giờ tín chỉ: Lên lớp: 45 tiết. Thực hành: 0 tiết. Tự học: 90 tiết

**2. Mục tiêu của học phần:**

Cung cấp cho sinh viên:

-Kiến thức: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Marketing, sự vận dụng chúng vào thực tiễn kinh doanh của doanh nghiệp như: hệ thống thông tin và nghiên cứu Marketing, môi trường Marketing và thị trường các doanh nghiệp; nhận định nhu cầu khách hàng; phương pháp luận nghiên cứu marketing và nguyên lý ứng xử của doanh nghiệp với thị trường, gồm: các chiến lược thị trường, các chính sách marketing căn bản và tổ chức quản trị Marketing của doanh nghiệp.

-Kỹ năng: Cách thức marketing một sản phẩm, dịch vụ

Thái độ, chuyên cần: Chủ động, tích cực trong việc học tập, nghiên cứu môn học; tiếp cận và giải quyết các vấn đề kinh tế hiện đại phù hợp với xu thế phát triển hiện nay. Có đạo đức lương tâm nghề nghiệp, có ý thức tổ chức kỷ luật, sức khỏe giúp cho người học sau khi tốt nghiệp có khả năng tìm kiếm việc làm tại các doanh nghiệp

**3. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:**

Đề tài nghiên cứu được chia thành 6 chương, với cách trình bày dưới dạng phân tích và sử dụng đồ thị minh họa. Nội dung mỗi chương trình bày các vấn đề một cách logic, đơn giản và tạo thành một chuỗi nội dung cần thiết trong môn marketing; Học phần cung cấp những kiến thức căn bản về các nguyên lý Marketing và việc vận dụng vào thực tiễn kinh doanh, bao gồm: Định nghĩa Marketing hiện đại; đại cương hoạt động Marketing của doanh nghiệp như môi trường Marketing và thị trường của doanh nghiệp; nhận dạng nhu cầu và hành vi khách hàng; Phương pháp luận nghiên cứu Marketing và nguyên lý ứng xử của doanh nghiệp với thị trường của nó, bao gồm: chiến lược và các chính sách Marketing căn bản, tổ chức quản trị Marketing của doanh nghiệp.

**4. Nội dung chi tiết học phần****CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ MARKETING**

*Ý nghĩa chương: Sau khi học xong chương này, sinh viên cần nắm được các vấn đề sau: Bản chất của Marketing, Vai trò, chức năng của Marketing, Mối quan hệ của chức năng Marketing với các chức năng khác trong doanh nghiệp. Con đường phát triển của tư duy kinh doanh*

**1.1 Sự ra đời và các giai đoạn phát triển của Marketing****1.1.1 Sự ra đời của Marketing**

1.1.2 Các giai đoạn phát triển của Marketing

## **1.2 Một số khái niệm về Marketing**

1.2.1 Nhu cầu

1.2.2 Mong muốn

1.2.3 Yêu cầu

1.2.4 Sản phẩm

1.2.5 Trao đổi

1.2.6 Thương vụ

1.2.7 Thị trường

1.2.8 Marketing

## **1.3 Nội dung cơ bản của Marketing**

## **1.4 Môi trường Marketing**

1.4.1 Khái niệm

1.4.2 Phân loại

1.4.2.1 Môi trường vĩ mô

1.4.2.2 Môi trường cạnh tranh

## **1.5 Hệ thống thông tin Marketing**

1.5.1 Khái niệm

1.5.2 Các hình thức

1.5.2.1 Hệ thống thu thập thông tin nội bộ

1.5.2.2 Hệ thống tin tức marketing

1.5.2.3 Hệ thống phân tích hỗ trợ quyết định

1.5.2.4 Hệ thống nghiên cứu marketing

## **CHƯƠNG 2: THỊ TRƯỜNG VÀ HÀNH VI NGƯỜI TIÊU DÙNG**

*Ý nghĩa chương: Sau khi học chương này, sinh viên cần nắm được: Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi của người tiêu dùng, Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi của các doanh nghiệp.*

### **2.1 Thị trường**

2.1.1 Khái Niệm

2.1.2 Phân loại thị trường

### **2.2 Hành vi tiêu dùng trong thị trường hàng tiêu dùng (HTD)**

2.2.1 Định nghĩa về thị trường HTD

2.2.2 Khái niệm về hành vi NTD

2.2.3 Các nhân tố ảnh hưởng đến hành vi NTD

2.2.3.1 Văn hoá

2.2.3.2 Xã hội

2.2.3.3 Cá nhân

2.2.3.4 Tâm lý

2.2.4 Quy trình quyết định mua hàng

2.2.4.1 Nhận dạng nhu cầu.

2.2.4.2 Tìm kiếm thông tin.



2.2.4.3 Đánh giá các thay thế.

2.2.4.4 Quyết định mua.

2.2.4.5 Hành vi sau khi mua.

## **2.3 Thị trường mục tiêu và định vị sản phẩm**

2.3.1 Phân khúc thị trường

2.3.1.1 Những nguyên tắc cần thiết trong việc phân khúc thị trường

2.3.1.2 Các tiêu chí phân khúc thị trường

2.3.2 Chọn thị trường mục tiêu

2.3.3 Định vị sản phẩm

2.3.3.1 Khái niệm định vị sản phẩm

2.3.3.2 Những chiến lược tạo vị trí sản phẩm

## **CHƯƠNG 3: SẢN PHẨM**

*Ý nghĩa chương: Sau khi học xong chương này sinh viên cần nắm được các vấn đề sau: Định nghĩa sản phẩm theo quan điểm Marketing. Các quyết định về nhãn hiệu sản phẩm. Các quyết định về chủng loại sản phẩm. Các giai đoạn hình thành sản phẩm mới. Chu kỳ sống của sản phẩm. Chiến lược sản phẩm thị trường*

### **3.1 Sản phẩm**

3.1.1 Định nghĩa

3.1.2 Các thành phần của một sản phẩm

3.1.3 Phân loại sản phẩm

3.1.3.1 Sản phẩm lâu bền, sản phẩm không bền và các dịch vụ.

3.1.3.2 Sản phẩm tiêu dùng

3.1.3.3 Sản phẩm công nghiệp

3.1.4 Chu kỳ sống của sản phẩm

3.1.4.1 Giai đoạn giới thiệu

3.1.4.2 Giai đoạn phát triển

3.1.4.3 Giai đoạn trưởng thành

3.1.4.4 Giai đoạn suy thoái

### **3.2 Nhãn hiệu sản phẩm**

3.2.1 Các khái niệm

3.2.1.1 Nhãn hiệu

3.2.1.2 Tên nhãn hiệu

3.2.1.3 Biểu tượng nhãn hiệu

3.2.1.4 Nhãn hiệu cầu chứng

3.2.1.5 Bản quyền

3.2.2 Vai trò của nhãn hiệu

3.2.3 Ý nghĩa của nhãn hiệu

3.2.4 Những điều kiện để bảo hộ một nhãn hiệu

3.2.5 Những tiêu chí cần tuân thủ khi đặt tên nhãn hiệu

3.2.6 Những đặc điểm trong việc đặt tên nhãn hiệu

### 3.2.7 Chiến lược lựa chọn nhãn hiệu

#### 3.2.7.1 Mở rộng chủng loại

#### 3.2.7.2 Mở rộng nhãn hiệu

#### 3.2.7.3 Đa nhãn hiệu

#### 3.2.7.4 Nhãn hiệu mới

### 3.2.8 Bao bì và dán nhãn sản phẩm.

## 3.3 Hoạch định và phát triển sản phẩm mới

### 3.3.1 Định nghĩa.

### 3.3.2 Các bước trong quá trình đưa sản phẩm mới ra thị trường

## 3.4 Dịch vụ

### 3.4.1 Khái niệm

### 3.4.2 Các loại dịch vụ

## CHƯƠNG 4: GIÁ CẢ

*Ý nghĩa chương: Sau khi học xong chương này, sinh viên cần nắm được các vấn đề sau: Các yếu tố ảnh hưởng đến các quyết định về giá; Quy trình xác định giá ban đầu; Các chiến lược giá chủ yếu*

### 4.1 Giá và những yếu tố quyết định giá cả.

#### 4.1.1 Khái niệm giá cả

#### 4.1.2 Các yếu tố bên trong

##### 4.1.2.1 Mục tiêu Marketing

##### 4.1.2.2 Chiến lược Marketing Mix

##### 4.1.2.3 Chi phí sản xuất

##### 4.1.2.4 Chất lượng sản phẩm

#### 4.1.2 Các yếu tố bên ngoài

##### 4.1.2.1 Thị trường và lượng cầu

##### 4.1.2.2 Tình hình cạnh tranh

##### 4.1.2.3 Các yếu tố khác của môi trường Marketing

### 4.2 Định giá sản phẩm

#### 4.2.1 Định giá dựa vào chi phí

#### 4.2.2 Định giá theo lợi nhuận mục tiêu

#### 4.2.3 Định giá theo người mua

#### 4.2.4 Định giá dựa vào cạnh tranh

##### 4.2.4.1 Định giá theo thời giá

##### 4.2.4.2 Định giá đấu thầu kín

### 4.3 Chiến lược ấn định giá

#### 4.3.1 Chiến lược định giá cho sản phẩm mới

##### 4.3.1.1 Chiến lược định giá hót váng sữa

##### 4.3.1.2 Chiến lược định giá thâm nhập thị trường

#### 4.3.2 Các chiến lược định giá cho hỗn hợp sản phẩm

##### 4.3.2.1 Định giá cho dòng sản phẩm.

- 4.3.2.2 Định giá cho sản phẩm tự chọn
- 4.3.2.3 Định giá cho sản phẩm kèm theo
- 4.3.2.4 Định giá thứ phẩm hay sản phẩm phụ
- 4.3.2.5 Định giá cho gói sản phẩm

#### 4.4 Các chiến lược điều chỉnh giá

- 4.4.1 Định giá chiết khấu và giảm giá
- 4.4.2 Định giá theo tâm lý
- 4.4.3 Định giá chiêu thị
- 4.4.4 Định giá theo vùng địa lý
- 4.4.5 Định giá phân biệt

#### 4.5 Điều chỉnh giá

- 4.5.1 Chủ động giảm giá
  - 4.5.1.1 Dự thừa năng lực sản xuất.
  - 4.5.1.2 Thị phần giảm sút.
- 4.5.2 Chủ động tăng giá
  - 4.5.2.1 Nạn lạm phát chi phí
  - 4.5.2.2 Nhu cầu quá mức
- 4.5.3 Phản ứng của người tiêu dùng
- 4.5.4 Phản ứng của đối thủ cạnh tranh

### CHƯƠNG 5: PHÂN PHỐI

*Ý nghĩa chương: Sau khi học chương này, sinh viên cần nắm được: Khái niệm kênh phân phối, cấu trúc kênh; Các loại trung gian, vai trò trung gian trong kênh phân phối*

#### 5.1 Kênh phân phối

- 5.1.1 Khái niệm kênh phân phối
- 5.1.2 Chức năng kênh phân phối
- 5.1.3 Thiết kế kênh phân phối

#### 5.2 Quyết định thiết kế kênh phân phối

- 5.2.1 Phân tích nhu cầu của khách hàng
- 5.2.2 Xác định mục tiêu phân phối
- 5.2.3 Lựa chọn kênh phân phối
- 5.2.4 Đánh giá các kênh phân phối chủ yếu

#### 5.3 Hành vi và tổ chức kênh phân phối

- 5.3.1 Hành vi của kênh
- 5.3.2 Tổ chức kênh phân phối
  - 5.3.2.1 Kênh phân phối truyền thống
  - 5.3.2.2 Kênh phân phối dọc
  - 5.3.2.3 Kênh phân phối ngang
  - 5.3.2.4 Hệ thống đa kênh

#### 5.4 Bán lẻ và bán buôn

- 5.4.1 Bán lẻ

5.4.1.1 Khái niệm

5.4.1.2 Các hình thức bán lẻ

5.4.2 Bán buôn

5.4.2.1 Khái niệm

5.4.2.2 Các hình thức bán buôn

## **CHƯƠNG 6: XÚC TIẾN**

*Ý nghĩa chương: Sau khi nghiên cứu chương này, học viên cần nắm được các vấn đề sau: Bản chất, vai trò của xúc tiến; Nội dung các thành tố của chiến lược xúc tiến; Mô hình truyền thông Marketing; Liên hệ với các chiến lược xúc tiến đang được thực hiện trên thị trường*

### **6.1 Xúc tiến và tầm quan trọng của xúc tiến**

6.1.1 Khái niệm xúc tiến

6.1.2 Tầm quan trọng của xúc tiến

### **6.2 Quá trình truyền thông**

6.2.1 Nhận dạng khách hàng mục tiêu

6.2.2 Xác định phản ứng của khách hàng

6.2.3 Thiết kế thông điệp

6.2.4 Chọn phương tiện truyền thông

6.2.5 Thu thập thông tin phản hồi

### **6.3 Thiết lập ngân sách xúc tiến**

6.3.1 Phương pháp dựa vào khả năng cấp phát kinh phí

6.3.2 Phương pháp tính tỷ lệ trên doanh số bán

6.3.3 Phương pháp cân bằng cạnh tranh

6.3.4 Phương pháp dựa vào mục tiêu và nhiệm vụ

### **6.4 Quyết định về hỗn hợp xúc tiến**

6.4.1 Các chiến lược xúc tiến

6.4.1.1 Chiến lược kéo

6.4.1.2 Chiến lược đẩy

6.4.2 Công cụ hỗn hợp xúc tiến

6.4.2.1 Quảng cáo

6.4.2.2 Khuyến mãi

6.4.2.3 Quan hệ công chúng

6.4.2.4 Bán hàng cá nhân

6.4.2.5 Marketing trực tiếp

## **5. Tài liệu tham khảo**

1. Giáo trình Marketing căn bản. PGS.TS Trần Minh Đạo, Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân năm 2006.
2. Giáo trình Marketing. Trường Đại học Tài chính Kế toán Hà Nội, Nhà xuất bản. Thống kê năm 2004.
3. Marketing căn bản. Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Giáo dục năm 2004.

4. Quản trị Marketing. Philip Kotler. Nhà xuất bản Thống kê năm 2000.

5. Những hiểu biết sâu sắc về tiếp thị từ A đến Z của Philip Kotler. Nhà xuất bản Thống kê năm 2004.

**6. Lịch trình dạy học:**

STT	NỘI DUNG	Hình thức tổ chức giảng dạy				Tổng cộng
		Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Tự học	
1	<b>CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ MARKETING</b>	4	3	1		8
2	<b>CHƯƠNG 2: THỊ TRƯỜNG VÀ HÀNH VI NGƯỜI</b> 2.1 Thị trường 2.2 Hành vi tiêu dùng trong thị trường hàng tiêu dùng (HTD) 2.3 Thị trường mục tiêu và định vị sản phẩm	4	3	1		8
3	<b>CHƯƠNG 3: SẢN PHẨM</b> 3.1 Sản phẩm 3.2 Nhãn hiệu sản phẩm 3.3 Hoạch định và phát triển sản phẩm mới 3.4 Dịch vụ	4	3	1		8
4	<b>CHƯƠNG 4: GIÁ CẢ</b> 4.1 Giá và những yếu tố quyết định giá cả. 4.2 Định giá sản phẩm 4.3 Chiến lược ấn định giá 4.5 Điều chỉnh giá	3	3	1		7
5	<b>CHƯƠNG 5: PHÂN PHỐI</b> 5.1 Kênh phân phối 5.2 Quyết định thiết kế kênh phân phối 5.3 Hành vi và tổ chức kênh phân phối 5.4 Bán lẻ và bán buôn	3	3	1		7
6	<b>CHƯƠNG 6: XÚC TIẾN</b> 6.1 Xúc tiến và tầm quan trọng của xúc tiến 6.2 Quá trình truyền thông 6.3 Thiết lập ngân sách xúc tiến 6.4 Quyết định về hỗn hợp xúc tiến	3	3	1		7
<b>Tổng cộng</b>		21	18	6		45

T T	Nội dung	Số tiết lên lớp			Tự hoc	Ghi chú
		TỔn	LT	TH		
1	Chương 1: Tổng Quan Về Marketing	4	4		5	
2	Bài tập	4	4		10	
3	Chương 2: Thị Trường Và Hành Vi Người	4	4		5	
4	Bài tập	4	4		10	
5	Chương 3: Sản Phẩm	4	4		10	
6	Bài tập – Kiểm tra	4	4		5	
7	Chương 4: Giá Cả	4	4		5	
8	Bài tập-Kiểm tra	4	4		15	
9	Chương 5: Phân Phối	4	4		5	
10	Chương 6: Xúc Tiến	4	4		5	
11	Bài tập – Ôn tập	5	5		15	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>45</b>	<b>45</b>		<b>90</b>	

### 7. Nhiệm vụ của sinh viên:

Tham dự học và thảo luận, kiểm tra giữa học kì theo Quyết định 43/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/8/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Quy chế học vụ hiện hành của nhà trường.

**8. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:** Chuyên cần: 10%; Kiểm tra thường xuyên: 10%; Kiểm tra giữa kỳ: 10%; Thi cuối kỳ: 70%

**9. Thang điểm:** Theo qui chế tín chỉ.

**PHỤ TRÁCH BỘ MÔN**

**Nguyễn Thị Ngọc Bích**

**GIẢNG VIÊN**

**Đinh Thị Hóa**

**HỌC PHẦN****NGUYÊN LÝ THỐNG KÊ KINH TẾ****1. Thông tin chung của học phần:**

- Tên học phần: **NGUYÊN LÝ THỐNG KÊ KINH TẾ**
- Mã học phần:
- Số tín chỉ: 3
- Trình độ: Dành cho sinh viên năm thứ 2
- Điều kiện tiên quyết: Đã học các môn chính trị, toán cao cấp, kinh tế vi mô, vĩ mô.
- Phân giờ tín chỉ:
  - + Lên lớp: 30 tiết
  - + Thực hành; Thảo luận : 15 tiết
  - + Tự học : 90 tiết

**2. Mục tiêu của học phần:****\* Về kiến thức:**

Sau khi học xong môn học này sinh viên biết thu thập, tổng hợp và phân tích số liệu cũng như dự đoán được xu hướng phát triển của hiện tượng trong tương lai.

**\*Về kỹ năng:**

Sinh viên được rèn luyện kỹ năng thống kê, kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình, thảo luận các vấn đề có liên quan, sử dụng lý thuyết để giải thích các tình huống thực tế.

**\*Về thái độ:**

Sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của môn học trong việc cung cấp các kiến thức cơ sở ngành, những kiến thức này là nền tảng giúp sinh viên đi sâu vào các môn học chuyên ngành sau này.

**3. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:**

Môn học đưa ra những chỉ tiêu khoa học để phân tích, đánh giá các hiện tượng kinh tế xã hội và dự đoán quy luật phát triển của hiện tượng trong tương lai.

**4. Nội dung chi tiết học phần.**Chương 1:**KHÁI QUÁT CHUNG VỀ THỐNG KÊ**

- 1.1. Đối tượng nghiên cứu của thống kê học
  - 1.1.1. Sơ lược sự ra đời của thống kê học
  - 1.1.2. Đối tượng nghiên cứu
- 1.2. Các khái niệm thường dùng trong thống kê.
  - 1.2.1. Tổng thể thống kê và đơn vị tổng thể.
  - 1.2.2. Tiêu thức thống kê.
  - 1.2.3 Chỉ tiêu thống kê và hệ thống chỉ tiêu thống kê.
- 1.3. Tính giai cấp của Thống kê học.

## Chương 2

### **QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU THỐNG KÊ**

#### **GD 1: ĐIỀU TRA THỐNG KÊ**

- 2.1. Khái niệm, ý nghĩa, đặc điểm và yêu cầu của điều tra thống kê.
  - 2.1.1. Khái niệm và ý nghĩa của điều tra thống kê.
  - 2.1.2. Đặc điểm và yêu cầu của điều tra thống kê.
- 2.2. Các hình thức điều tra.
  - 2.2.1. Báo cáo thống kê định kỳ.
  - 2.2.2. Điều tra chuyên môn.
- 2.3. Các loại điều tra thống kê.
  - 2.3.1. Điều tra thường xuyên và điều tra không thường xuyên.
  - 2.3.2. Điều tra toàn bộ và điều tra không toàn bộ.
- 2.4. Các phương pháp thu thập tài liệu ban đầu trong điều tra thống kê.
  - 2.4.1. Phương pháp điều tra gián tiếp.
  - 2.4.2. Phương pháp điều tra trực tiếp.
- 2.5. Sai số trong điều tra thống kê và biện pháp khắc phục.

#### **GD 2: TỔNG HỢP THỐNG KÊ**

- 2.1. Khái niệm, ý nghĩa nhiệm vụ của tổng hợp thống kê.
  - 2.1.1. Khái niệm;
  - 2.1.2. Ý nghĩa;
  - 2.1.3. Nhiệm vụ;
- 2.2. Trình bày kết quả thống kê
  - 2.2.1. Bảng thống kê.
    - 2.2.1.1. Khái niệm, ý nghĩa và cấu tạo của bảng thống kê.
    - 2.2.1.2. Các loại bảng thống kê.
    - 2.2.1.3. Quy tắc chung của việc xây dựng bảng thống kê.
  - 2.2.2. Đồ thị thống kê.
    - 2.2.2.1. Khái niệm, ý nghĩa của đồ thị thống kê.
    - 2.2.2.2. Quy tắc xây dựng đồ thị thống kê.
    - 2.2.2.3. Các loại đồ thị thống kê thường sử dụng.

#### **GD3: PHÂN TÍCH THỐNG KÊ**

- 2.1. Khái niệm, ý nghĩa nhiệm vụ của tổng hợp thống kê.
  - 2.1.1. Khái niệm;
  - 2.1.2. Ý nghĩa;
  - 2.1.3. Nhiệm vụ;
- 2.2. Kỹ thuật phân tích thống kê

## Chương 3

### **CÁC MỨC ĐỘ CỦA HIỆN TƯỢNG KINH TẾ XÃ HỘI**

- 3.1. Số tuyệt đối.
  - 3.1.1. Khái niệm, ý nghĩa của số tuyệt đối.
  - 3.1.2. Đặc điểm của số tuyệt đối trong thống kê
  - 3.1.3. Các loại số tuyệt đối
- 3.2. Số tương đối.
  - 3.2.1. Khái niệm, ý nghĩa và đặc điểm của số tương đối.
  - 3.2.2. Các loại số tương đối.



- 3.2.2.1. Số tương đối động thái.
- 3.2.2.2. Số tương đối kế hoạch
- 3.2.2.3. Số tương đối so sánh.
- 3.2.2.4. Số tương đối kết cấu.
- 3.2.2.5. Số tương đối cường độ.
- 3.2.3. Một số điểm cần chú ý khi tính toán và sử dụng số tương đối.
- 3.3. Số bình quân.
  - 3.3.1. Khái niệm, ý nghĩa và đặc điểm của số bình quân.
  - 3.3.2. Các loại số bình quân.
    - 3.3.2.1. Số bình quân số học.
    - 3.3.2.2. Số bình quân điều hoà.
    - 3.3.2.3. Số bình quân nhân.

#### Chương 4

### **DÃY SỐ THỜI GIAN**

- 4.1. Khái niệm, ý nghĩa của dãy số biến động theo thời gian.
  - 4.1.1. Khái niệm.
  - 4.1.2. Ý nghĩa.
- 4.2. Quy tắc lập dãy số thời gian và các loại dãy số thời gian.
  - 4.2.1. Quy tắc lập dãy số thời gian.
  - 4.2.2. Các loại dãy số thời gian.
- 4.3. Các chỉ tiêu phân tích sự biến động của dãy số thời gian.
  - 4.3.1. Mức độ bình quân theo thời gian.
  - 4.3.2. Lượng tăng (giảm) tuyệt đối.
  - 4.3.3. Tốc độ phát triển.
  - 4.3.4. Tốc độ tăng (giảm)
  - 4.3.5. Giá trị tuyệt đối của 1% tăng (giảm)
- 4.4. Một số phương pháp dự đoán thống kê ngắn hạn.

#### Chương 5

### **CHỈ SỐ THỐNG KÊ.**

- 5.1. Khái niệm, ý nghĩa chỉ số thống kê.
  - 5.1.1. Khái niệm chỉ số thống kê
  - 5.1.2. Ý nghĩa của chỉ số thống kê.
  - 5.1.3. Các loại chỉ số thống kê.
- 5.2. Phương pháp tính.
  - 5.2.1. Chỉ số cá thể
  - 5.2.2. Chỉ số tổng hợp
- 5.3. Hệ thống chỉ số thống kê.
  - 5.3.1. Khái niệm
  - 5.3.2. **Các loại hệ thống chỉ số**

### **5. Tài liệu học tập:**

- 5.1. Giáo trình, bài giảng  
Đề cương bài giảng của giảng viên
- 5.2. Tài liệu tham khảo

- [1]. Nguyên lý thống kê – PGS.TS Nguyễn Thị Kim Thúy trường Đại học Kinh tế TP.HCM, NXB Thống kê 2009
- [2]. Thống kê ứng dụng trong kinh tế xã hội – Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc, NXB Thống kê 2007
- [3]. Một số thuật ngữ thống kê thông dụng – Tổng Cục Thống kê, NXB Thống kê 2004
- [4]. Một số vấn đề phương pháp luận thống kê – Viện khoa học Thống kê, NXB Thống kê 2005
- [5]. Nguyên lý thống kê – Trường Trung cấp Thống kê II, NXB Thống kê 2009
- [6]. Tạp chí Con số thống kê

#### 6. Lịch trình dạy học:

Chương	Nội dung	Tổng số tiết	LT	BT
I	Khái quát chung về Thống kê			
II	Quá trình nghiên cứu Thống kê			
III	Các mức độ của hiện tượng nghiên cứu			
IV	Dãy số thời gian			
V	Chỉ số thống kê			
	<b>Cộng</b>			

#### 7. Nhiệm vụ của sinh viên:

Tham dự học và thảo luận, kiểm tra giữa học kì theo quy chế.

#### 8. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

- Chuyên cần: 10%
- Kiểm tra thường xuyên: 10%
- Kiểm tra giữa kỳ: 10%
- Thi cuối kỳ: 70%

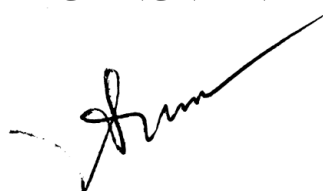
#### 9. Thang điểm : Theo qui chế tín chỉ.

**PHỤ TRÁCH BỘ MÔN**



**Ths. Nguyễn Thị Ngọc Bích**

**GIẢNG VIÊN**



**Nguyễn Thanh Hiền**

**HỌC PHẦN****NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN****1. Thông tin chung của học phần:**

Tên học phần: **NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN**. Mã học phần: Số tín chỉ: 03

Trình độ: Dành cho sinh viên năm 2. Điều kiện tiên quyết: **Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, Thuế**

Phân giờ tín chỉ: Lên lớp: 45 tiết. Thực hành: 0 tiết. Tự học: 90 tiết

**2. Mục tiêu của học phần:****\* Về kiến thức**

Học phần cung cấp cho sinh viên các ngành kinh tế như kế toán, tài chính ngân hàng, quản trị kinh doanh những khái niệm, vấn đề cơ bản về kế toán, trang bị nền tảng kiến thức kế toán để học tập nghiên cứu những môn kế toán nâng cao về sau.

**\* Về kỹ năng**

- Kỹ năng tính toán, kỹ năng nghiên cứu văn bản pháp luật  
- Kỹ năng làm việc nhóm, làm việc độc lập, thuyết trình, kỹ năng tự nghiên cứu, tự học.

**\* Về thái độ**

Sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của học phần trong việc cung cấp các kiến thức cơ sở ngành, những kiến thức này là nền tảng giúp sinh viên đi sâu vào các môn học chuyên ngành sau này.

**3. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:** Giới thiệu một số khái niệm, phân loại, phương pháp, nguyên tắc và yêu cầu cơ bản của kế toán; Nội dung, phương pháp lập, ý nghĩa và tầm quan trọng của các báo cáo kế toán; Các phương pháp kế toán như Tài khoản – Ghi sổ kép, Chứng từ kế toán, Kiểm kê, Tính giá đối tượng kế toán. Hướng dẫn các phương pháp tính giá một số đối tượng cụ thể. Hướng dẫn hạch toán một số quá trình sản xuất kinh doanh: kế toán tài sản cố định, kế toán tiền lương, kế toán các khoản trích theo lương, kế toán tính giá thành sản xuất, kế toán tiêu thụ và xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

**4. Nội dung chi tiết học phần.****Chương 1: Một Số Vấn Đề Chung Về Kế Toán**

*Ý nghĩa: Sau khi học sinh viên sẽ hiểu và nắm được định nghĩa kế toán, phân loại về kế toán, đối tượng của kế toán, các phương pháp sử dụng trong kế toán. Sinh viên hiểu được các khái niệm trong kế toán, tìm hiểu về các nguyên tắc và yêu cầu cơ bản đối với kế toán.*

1.1. Lịch sử ra đời và phát triển của kế toán

1.2. Định nghĩa và phân loại kế toán

1.2.1. Định nghĩa kế toán

1.2.2. Phân loại

1.3. Đối tượng và phương pháp kế toán

1.3.1. Đối tượng kế toán

- 1.3.2. Phương pháp kế toán
- 1.4. Các khái niệm, nguyên tắc kế toán cơ bản
  - 1.4.1. Các khái niệm kế toán
  - 1.4.2. Nguyên tắc kế toán
- 1.5. Yêu cầu cơ bản đối với kế toán
- 1.6. Kế toán Việt Nam

## **Chương 2: Báo Cáo Kế Toán**

*Ý nghĩa: Sau khi học xong chương 2, sinh viên sẽ hiểu được tầm quan trọng của báo cáo kế toán, xác định được các thông tin cần trình bày, kết cấu, nội dung, tính chất cơ bản của báo cáo.*

- 2.1. Tầm quan trọng của báo cáo kế toán
  - 2.1.1. Khái niệm
  - 2.1.2. Phân loại
- 2.2. Bảng cân đối kế toán
  - 2.2.1. Khái niệm
  - 2.2.2. Kết cấu và nội dung
  - 2.2.3. Ảnh hưởng của nghiệp vụ kinh tế
- 2.3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
  - 2.3.1. Khái niệm
  - 2.3.2. Kết cấu và nội dung
- 2.4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
  - 2.4.1. Khái niệm
  - 2.4.2. Kết cấu và nội dung
- 2.5. Thuyết minh báo cáo tài chính
  - 2.5.1. Khái niệm
  - 2.5.2. Kết cấu và nội dung

## **Chương 3: Tài Khoản Và Ghi Sổ Kép**

*Ý nghĩa: Sau khi học xong chương 3, sinh viên sẽ hiểu và nắm được phương pháp kế toán Tài khoản và Ghi sổ kép, hiểu được về kế toán tổng hợp và kế toán chi tiết, mối quan hệ giữa tài khoản và bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Biết cách đối chiếu số liệu ghi chép kế toán; Hiểu và sử dụng được hệ thống tài khoản áp dụng cho các doanh nghiệp.*

- 3.1. Tài khoản
  - 3.1.1. Khái niệm
  - 3.1.2. Phân loại tài khoản
  - 3.1.3. Kết cấu tài khoản
  - 3.1.4. Nguyên tắc phản ánh trên các tài khoản

- 3.2. Ghi sổ kép
  - 3.2.1. Khái niệm
  - 3.2.2. Các loại định khoản
- 3.3. Kế toán tổng hợp và kế toán chi tiết
  - 3.3.1. Kế toán tổng hợp
  - 3.3.2. Kế toán chi tiết
- 3.4. Mối quan hệ giữa tài khoản và bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- 3.5. Đối chiếu số liệu ghi chép trên các sổ kế toán (Bảng cân đối số phát sinh)
- 3.6. Hệ thống tài khoản áp dụng cho các doanh nghiệp

#### **Chương 4: Tính Giá Đối Tượng Kế Toán**

*Ý nghĩa: Sau khi nghiên cứu sinh viên sẽ hiểu được khái niệm và sự cần thiết phải tính giá các đối tượng kế toán; Nắm được các nguyên tắc tính giá và các nhân tố ảnh hưởng đến tính giá đối tượng; Hiểu và biết xác định cách tính giá một số đối tượng như tài sản cố định và hàng tồn kho.*

- 4.1. Khái niệm và tầm quan trọng tính giá đối tượng
- 4.2. Các nguyên tắc và nhân tố ảnh hưởng đến tính giá đối tượng
  - 4.2.1. Các nguyên tắc kế toán
  - 4.2.2. Các nhân tố ảnh hưởng
- 4.3. Tính giá các đối tượng kế toán chủ yếu
  - 4.3.1. Tài sản cố định
  - 4.3.2. Hàng tồn kho

#### **Chương 5: Chứng Từ Và Kiểm Kê**

*Mục tiêu: Sau khi học xong, sinh viên sẽ hiểu được khái niệm, bản chất, tác dụng và tính chất pháp lý của chứng từ kế toán, các loại chứng từ và cách lập xử lý chứng từ; Hiểu được các vấn đề cơ bản của kiểm kê như khái niệm, tác dụng, vai trò kế toán trong kiểm kê.*

- 5.1. Chứng từ kế toán
  - 5.1.1. Lịch sử hình thành
  - 5.1.2. Khái niệm và ý nghĩa kinh tế pháp lý của chứng từ kế toán
  - 5.1.3. Phân loại
  - 5.1.4. Nội dung, lập và xử lý chứng từ kế toán
- 5.2. Kiểm kê
  - 5.2.1. Khái niệm
  - 5.2.2. Phân loại
  - 5.2.3. Vai trò kế toán trong kiểm kê

#### **Chương 6: Kế Toán Hoạt Động Sản Xuất Kinh Doanh Chủ Yếu Của Doanh Nghiệp**

*Ý nghĩa: Hướng dẫn sinh viên vận dụng các kiến thức từ chương 1 đến chương 5 để hạch toán một số quá trình kinh doanh chủ yếu của doanh nghiệp: kế toán sản xuất, kế toán tiêu thụ, kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh.*

- 6.1. Kế toán các yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất
  - 6.1.1. Kế toán tài sản cố định
  - 6.1.2. Kế toán nguyên vật liệu
  - 6.1.3. Kế toán khoản phải trả người lao động
- 6.2. Kế toán quá trình sản xuất và tính giá thành sản xuất
  - 6.2.1. Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp
  - 6.2.2. Kế toán chi phí nhân công trực tiếp
  - 6.2.3. Kế toán chi phí sử dụng máy thi công
  - 6.2.4. Kế toán chi phí sản xuất chung
  - 6.2.5. Kế toán tính giá thành sản xuất
- 6.3. Kế toán quá trình tiêu thụ và xác định kết quả hoạt động kinh doanh
  - 6.3.1. Kế toán tiêu thụ thành phẩm
  - 6.3.2. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp
  - 6.3.3. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
  - 6.3.4. Kế toán xác định kết quả kinh doanh
- 6.4. Kế toán hoạt động mua bán hàng hóa và xác định kết quả kinh doanh đối với doanh nghiệp thương mại

### **Chương 7: Sổ Kế Toán Và Hình Thức Kế Toán**

*Ý nghĩa: Sau khi học xong, sinh viên sẽ hiểu được các vấn đề về sổ kế toán: khái niệm, phân loại, tác dụng, kỹ thuật ghi sổ và sửa sai trên sổ kế toán, nắm được các hình thức kế toán được áp dụng tại Việt Nam.*

- 7.1. Sổ kế toán
    - 7.1.1. Khái niệm, ý nghĩa và tác dụng
    - 7.1.2. Phân loại
    - 7.1.3. Kỹ thuật ghi sổ và sửa sai
  - 7.2. Hình thức kế toán
    - 7.2.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung
    - 7.2.2. Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái
    - 7.2.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ
    - 7.2.4. Hình thức kế toán Nhật ký chứng từ
    - 7.2.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính
5. Tài liệu học tập:

- + Giáo trình Nguyên lý kế toán – Đại Học Kinh tế Tp.HCM
- + Tài liệu giảng dạy của giảng viên đứng lớp.

### **6. Lịch trình dạy học:**

T	Nội dung	Số tiết lên lớp			Tự học	Ghi chú
		Tôn	LT	TH		
1	Chương I: Một số vấn đề chung về kế toán	4	4		5	
2	Chương II: Báo cáo kế toán	4	4		10	
3	Bài tập	4	4		5	

4	Chương III: Tài khoản và Ghi sổ kép	4	4		10	
5	Bài tập-Kiểm Tra	4	4		5	
6	Chương IV: Tính giá đối tượng kế toán	4	4		10	
7	Bài tập	4	4		5	
8	Chương V: Chứng từ và kiểm kê	4	4		10	
9	Chương VI: Kế toán hoạt động sản xuất kinh	4	4		5	
10	Bài tập-Kiểm Tra	4	4		10	
11	Chương VII: Sổ kế toán và Hình thức kế toán	5	5		5	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>45</b>	<b>45</b>		<b>90</b>	

**7. Nhiệm vụ của sinh viên:**

Tham dự học và thảo luận, kiểm tra giữa học kì theo Quyết định 43/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/8/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Quy chế học vụ hiện hành của nhà trường.

**8. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:** Chuyên cần: 10%; Kiểm tra thường xuyên: 10%; Kiểm tra giữa kỳ: 10%; Thi cuối kỳ: 70%

**9. Thang điểm:** Theo qui chế tín chỉ.

**PHỤ TRÁCH BỘ MÔN**



**Ths. Nguyễn Thị Ngọc Bích**

**GIẢNG VIÊN**



**Phan Thị Kim Anh**



**Nguyễn Thế Khang**

**HỌC PHẦN****LÝ THUYẾT TÀI CHÍNH TIỀN TỆ****1. Thông tin chung của học phần:**

Tên học phần: **LÝ THUYẾT TÀI CHÍNH TIỀN TỆ**. Mã học phần: Số tín chỉ: 03

Trình độ: Dành cho sinh viên năm 2. Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô, vĩ mô

Phân giờ tín chỉ: Lên lớp: 45 tiết. Thực hành: 0 tiết. Tự học: 90 tiết

**2. Mục tiêu của học phần:***\* Về kiến thức*

Nắm rõ các kiến thức cơ bản về tài chính, tiền tệ, tín dụng, ngân hàng.

*\* Về kỹ năng*

Lý giải được các vấn đề trong nền kinh tế thông qua các hoạt động tài chính và vận dụng các kiến thức về tài chính trong quá trình hoạt động kinh tế.

*\* Về thái độ*

Chuyên cần, tích cực tham gia trả lời câu hỏi và thảo luận tại lớp. Phát triển tinh thần tự học, đọc tài liệu tham khảo, làm việc nhóm, trả lời các câu hỏi của giảng viên.

**3. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:** Trình bày những kiến thức cơ bản như: Lý luận cơ bản về tài chính và cấu trúc hệ thống tài chính; lý luận cơ bản về tiền tệ; khái quát những nội dung cơ bản các khâu trong hệ thống tài chính: tài chính công, tài chính doanh nghiệp, các định chế tài chính trung gian, tín dụng và lãi suất; hoạt động thị trường tài chính.

**4. Nội dung chi tiết học phần.****Chương 1: Lý Luận Cơ Bản Về Tài Chính**

*Ý nghĩa của chương: Giúp sinh viên nắm được khái niệm, bản chất, chức năng của tài chính và hiểu rõ về hệ thống tài chính.*

1.1. Tiền đề ra đời và phát triển tài chính

1.2. Bản chất của tài chính

1.2.1. Nguồn tài chính

1.2.2. Bản chất tài chính

1.3. Chức năng của tài chính

1.3.1. Huy động nguồn lực tài chính

1.3.2. Phân bổ nguồn lực tài chính

1.3.3. Kiểm tra tài chính

1.4. Hệ thống tài chính

1.4.1. Khái niệm và cơ cấu hệ thống tài chính

1.4.2. Đặc trưng các khâu tài chính

1.4.3. Môi quan hệ giữa các bộ phận của hệ thống tài chính

**Chương 2: Các Tổ Chức Tài Chính Trung Gian**



*Ý nghĩa của chương: nghiên cứu đặc điểm vai trò của các trung gian tài chính, sau đó phân tích cơ chế hoạt động của một số trung gian tài chính gồm định chế ngân hàng và phi ngân hàng*

## 2.1. Khái niệm, chức năng và phân loại các tổ chức tài chính trung gian

2.1.1. Khái niệm

2.1.2. Chức năng

2.1.3. Phân loại

## 2.2. Vai trò của các tổ chức tài chính trung gian

## 2.3. Đặc điểm cơ bản của một số tổ chức tài chính trung gian

2.3.1. Các ngân hàng trung gian

2.3.2. Các định chế phi ngân hàng

## 2.4 Ngân hàng Trung ương (NHTW)

2.4.1. Khái niệm NHTW

2.4.2. Chức năng NHTW

2.4.3. Hệ thống NHTW trên thế giới và Việt Nam

## 2.5. Định hướng về tái cấu trúc hệ thống ngân hàng thương mại ở Việt Nam

### **Chương 3: Thị trường Tài Chính**

*Ý nghĩa của chương: tìm hiểu cơ cấu của thị trường tài chính, các chủ thể tham gia và các công cụ được vận hành trên thị trường tài chính.*

## 3.1. Các vấn đề chung về thị trường tài chính

3.1.1. Khái niệm thị trường tài chính

3.1.2. Cấu trúc, phân loại thị trường tài chính

3.1.3. Chức năng thị trường tài chính

3.1.4. Vai trò thị trường tài chính

## 3.2. Thị trường tiền tệ

3.2.1. Khái niệm của thị trường tiền tệ

3.2.2. Đặc điểm của thị trường tiền tệ

3.2.3. Phân loại thị trường tiền tệ

3.2.4. Công cụ trên thị trường tiền tệ

## 3.4. Thị trường vốn

3.3.1. Khái niệm và phân loại

3.3.2. Các công cụ trên thị trường vốn

3.3.3. Các chủ thể hoạt động trên thị trường vốn

3.3.4. Vai trò của thị trường tài chính

## 3.5. Mối quan hệ giữa thị trường tiền tệ và thị trường vốn

### **Chương 4: Tín Dụng**

*Ý nghĩa của chương: đề cập đến 2 vấn đề cơ bản là bản chất vai trò của tín dụng và các hình thái của tín dụng, từ đó làm nền tảng nghiên cứu hoạt động của các định chế tài chính và quá trình phân phối tài chính trong nền kinh tế để đạt hiệu quả cao.*

## 4.1. Sự ra đời và phát triển của tín dụng

- 4.1.1. Cơ sở ra đời của quan hệ tín dụng
- 4.1.2. Quá trình phát triển của tín dụng
- 4.1.3. Khái niệm và bản chất của tín dụng
- 4.2. Chức năng và vai trò của tín dụng
  - 4.2.1. Chức năng
  - 4.2.2. Vai trò
- 4.3. Các hình thức tín dụng trong nền kinh tế thị trường
  - 4.3.1. Tín dụng thương mại
  - 4.3.2. Tín dụng ngân hàng
  - 4.3.3. Tín dụng nhà nước
  - 4.4. Tín dụng thuê mua
  - 4.4.5. Tín dụng tiêu dùng
- 4.4. Những vấn đề chung về tín dụng tại Việt Nam
  - 4.4.1. Tín dụng ngắn hạn
  - 4.4.2. Tín dụng trung dài hạn

## **Chương 5: Lãi Suất**

*Ý nghĩa của chương: tìm hiểu về lãi suất qua bản chất của lãi suất, các loại lãi suất, cách tính các loại lãi suất và tìm ra các nhân tố ảnh hưởng đến lãi suất*

- 5.1. Khái niệm
- 5.2. Bản chất của lãi suất
- 5.3. Các loại lãi suất
- 5.4. Phương pháp xác định lãi suất cho vay
- 5.5. Các nhân tố ảnh hưởng đến lãi suất
  - 5.5.1. Ảnh hưởng của mức cầu tiền tệ
  - 5.5.2. Ảnh hưởng của lạm phát
  - 5.5.3. Ảnh hưởng của ổn định nền kinh tế
  - 5.5.4. Ảnh hưởng của chính sách Nhà nước

## **Chương 6: Những Vấn Đề Chung Về Tiền Tệ**

*Ý nghĩa của chương: giới thiệu những kiến thức tổng quan về phạm trù tiền tệ: lịch sử ra đời, bản chất và các chế độ tiền tệ. Đây là chương lý luận cơ bản để tìm hiểu sâu vào các chương sau có liên quan mật thiết với lĩnh vực tiền tệ: tín dụng lạm phát, cung cầu tiền tệ, ngân hàng...*

- 6.1. Sự ra đời và phát triển của tiền tệ
  - 6.1.1. Quá trình phát triển của tiền tệ
  - 6.1.2. Các thời kỳ phát triển của tiền tệ
- 6.2. Bản chất và chức năng của tiền tệ
  - 6.2.1. Khái niệm tiền tệ
  - 6.2.2. Chức năng của tiền tệ
- 6.3. Các chế độ tiền tệ
  - 6.3.1. Các nhân tố của chế độ tiền tệ

- 6.3.2. Chế độ lưu thông tiền kim loại
- 6.3.3. Chế độ lưu thông tiền giấy
- 6.3.4. Chế độ lưu thông tiền tệ ở Việt Nam

## **Chương 7: Cung Cầu Tiền Tệ và Chính sách tiền tệ quốc gia**

*Ý nghĩa của chương: tìm hiểu về các lý thuyết cầu tiền tệ, các khối tiền tệ trong lưu thông và chính sách tiền tệ quốc gia*

- 7.1. Lý thuyết về cầu tiền tệ
  - 7.1.1. Quy luật lưu thông tiền tệ của K.Marx
  - 7.1.2. Thuyết số lượng tiền tệ
  - 7.1.3. Thuyết ưa thích thanh khoản của J.M.Keynes
  - 7.1.4. Thuyết số lượng tiền tệ của Milton-Friedman
- 7.2. Các khối tiền trong lưu thông
  - 7.2.1. Các loại tiền trong nền kinh tế hiện đại
  - 7.2.2. Phép đo tổng lượng tiền trong nền kinh tế hiện đại
- 7.3. Cân đối tiền tệ ở Việt Nam hiện nay
- 7.4. Chính sách tiền tệ quốc gia
  - 7.4.1. Định nghĩa chính sách tiền tệ
  - 7.4.2. Mục tiêu chính sách tiền tệ
  - 7.4.3. Nội dung cơ bản của chính sách tiền tệ
  - 7.4.4. Công cụ thực hiện chính sách tiền tệ

## **Chương 8: Lạm phát**

*Ý nghĩa của chương: tìm hiểu khái niệm, nguyên nhân lạm phát, hậu quả lạm phát đem lại cho nền kinh tế để đề ra các giải pháp khắc phục lạm phát trong giai đoạn hiện nay*

- 8.1. Khái niệm
  - 8.1.1. Định nghĩa
  - 8.1.2. Đo lường lạm phát
  - 8.1.3. Phân loại lạm phát
- 8.2. Hậu quả của lạm phát đối với nền kinh tế
  - 8.2.1. Lạm phát dự tính được
  - 8.2.2. Lạm phát không dự tính được
- 8.3. Nguyên nhân dẫn đến lạm phát
  - 8.3.1. Do cầu kéo
  - 8.3.2. Do chi phí đẩy
- 8.4. Những biện pháp thực hiện để kiềm chế lạm phát

## **5. Tài liệu tham khảo:**

- + Giáo trình lý thuyết tài chính tiền tệ – Đại Học Kinh tế Tp.HCM  
( Chủ biên PGS.TS. Sử Đình Thành- Vũ Thị Minh Hằng)
- + Tài liệu giảng dạy của giảng viên đứng lớp.

**6. Lịch trình dạy học:**

T T	Nội dung	Số tiết lên lớp			Tự hoc	Ghi chú
		TỔn	LT	TH		
1	Chương 1: Lý luận cơ bản về tài chính	4	4		5	
2	Bài tân	4	4		10	
3	Chương 3: Thị trường tài chính	4	4		5	
4	Bài tập	4	4		10	
5	Chương 4: Tín Dụng	4	4		10	
6	Bài tập-Kiểm tra	4	4		5	
7	Chương 6: Những Vấn Đề Chung Về Tiền Tệ	4	4		5	
8	Chương 7: Cung cầu tiền tệ và chính sách tiền tệ quốc gia	4	4		15	
9	Chương 8: Lạm Phát	4	4		5	
10	Bài tập-Kiểm tra	4	4		5	
11	Bài tập-Ôn tập	5	5		15	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>45</b>	<b>45</b>		<b>90</b>	

**7. Nhiệm vụ của sinh viên:** Tham dự học và thảo luận, kiểm tra giữa học kì theo Quyết định 43/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/8/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Quy chế học vụ hiện hành của nhà trường.

**8. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:** Chuyên cần: 10%; Kiểm tra thường xuyên: 10%; Kiểm tra giữa kỳ: 10%; Thi cuối kỳ: 70%

**9. Thang điểm:** Theo qui chế tín chỉ.

**PHỤ TRÁCH BỘ MÔN**

**Nguyễn Thị Ngọc Bích**

**GIẢNG VIÊN**

**Hoàng Thị Ngọc Diệp**

**Hoàng Thị Thu Hà**

**HỌC PHẦN****LUẬT KINH TẾ**

1. Tên học phần : **LUẬT KINH TẾ**
2. Mã số học phần : .....
3. Số tiết : 30
4. Thời điểm thực hiện : Theo chương trình khung của Bộ GD&ĐT đối với chuyên ngành ngoài Luật học
5. Thời gian : Theo thời khóa biểu chung

**6. Mục tiêu của học phần:**

- *Mục tiêu về kiến thức:* Giúp sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản nhất của Pháp luật về lĩnh vực kinh tế; có sự hiểu biết nhất định về các loại hình doanh nghiệp trong nền kinh tế quốc dân; những vấn đề pháp lý về giải thể, phá sản doanh nghiệp; cách thức giải quyết các tranh chấp trong kinh doanh, ..

- *Mục tiêu về kỹ năng:* Cùng với việc được trang bị những kiến thức trong môn Pháp luật đại cương ở Học kỳ trước, môn Luật kinh tế sẽ giúp sinh viên có được sự hiểu biết về pháp luật một cách đầy đủ nhất để sống và làm việc theo pháp luật, thực hiện đúng quy định của pháp luật trong lĩnh vực chuyên môn, nghề nghiệp mà mình được đào tạo.

- *Các mục tiêu khác (thái độ học tập ...):* Sinh viên có ý thức về môn học này như là một môn học cơ bản và quan trọng. Đây là một trong những kiến thức rất cần thiết và hữu ích trên con đường lập nghiệp sau này. Cần chú ý các buổi thảo luận và nghiên cứu, cập nhật những kiến thức mới (vì pháp luật luôn thay đổi theo sự vận động và phát triển của xã hội).

**7. Điều kiện tiên quyết (các môn phải học trước):** đã học môn Pháp luật đại cương**8. Nội dung tóm tắt (mô tả vắn tắt nội dung chính của học phần):**

- Pháp luật kinh tế là bộ phận cấu thành của nền kinh tế thị trường. Trong kinh doanh đòi hỏi các nhà kinh doanh phải hiểu biết pháp luật để kinh doanh theo đúng pháp luật. Do vậy Luật kinh tế là môn học cần thiết đối với sinh viên ngành kinh tế, quản trị kinh doanh và các ngành học liên quan đến lĩnh vực kinh tế ở các bậc đại học.

- Môn học Luật kinh tế trình bày những lý luận cơ bản về chủ thể kinh doanh – thành phần cơ bản trong nền kinh tế thị trường dưới góc độ khoa học pháp lý cũng như đòi hỏi của môi trường kinh doanh trong thực tiễn hiện nay ở Việt Nam

**9. Kế hoạch lên lớp:**

Lý thuyết	Thực hành	Bài tập	Tổng số
<b>20</b>	<b>4</b>	<b>6</b>	<b>30</b>

**10. Phương pháp dạy và học:**

– Người dạy: Giáo viên là người hỗ trợ việc học tập và nghiên cứu của học sinh với các phương pháp: (1) diễn giảng, (2) diễn giảng có nêu vấn đề; (3) tổ chức thảo luận nhóm/ giải quyết vấn đề, (4) giảng dạy bằng tình huống, bài tập

– Người học: Học sinh bên cạnh việc tham gia nghe giảng, thảo luận nhóm, thuyết trình, làm các bài tập thực hành; học sinh cần chủ động tìm hiểu tài liệu, trao đổi với các giáo viên, những người có kinh nghiệm thực tế, bạn bè trong nhóm để có thể nắm vững kiến thức

## 11. Đánh giá kết thúc học phần:

11.1. Hình thức đánh giá bộ phận bao gồm

- Dự lớp (chuyên cần): Thông qua kiểm tra thường xuyên.
- Thái độ tham gia thảo luận: Phát biểu đóng góp ý kiến xây dựng bài.
- Kiểm tra thường xuyên: Kiểm tra viết, kiểm tra miệng;

11.2. Hình thức thi kết thúc học phần bao gồm

- Thi viết (trắc nghiệm hoặc tự luận).

## 12. Đề cương chi tiết học phần:

Nội dung bài giảng	Thời gian (tiết)			
	Lý thuyết	Thực hành	Bài tập	Tổng cộng
<p><b>Chương 1: ĐẠI CƯƠNG VỀ LUẬT KINH TẾ</b></p> <p>❖ <b>Mục đích của chương:</b> Giới thiệu sơ lược về luật kinh tế, các đặc trưng pháp lý nhằm giúp người học nắm bắt những kiến thức cơ bản nhất khi nhập môn môn học.</p> <p>❖ <b>Nội dung chính của chương:</b></p> <p>1.1 Khái niệm luật kinh tế</p> <p>1.2. Đối tượng và phương pháp điều chỉnh của luật kinh tế</p> <p style="padding-left: 40px;"><i>1.2.1. Đối tượng điều chỉnh</i></p> <p style="padding-left: 40px;"><i>1.2.2. Phương pháp điều chỉnh</i></p> <p>1.3. Chủ thể của Luật kinh tế</p> <p style="padding-left: 40px;"><i>1.3.1. Cá nhân</i></p> <p style="padding-left: 40px;"><i>1.3.2. Tổ chức (Pháp nhân và Tổ chức không phải Pháp nhân)</i></p> <p style="padding-left: 40px;"><i>1.3.3. Hộ gia đình</i></p>	2			2
<p><b>Chương 2: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP</b></p> <p>❖ <b>Mục đích của chương:</b> Giới thiệu cho người học về các loại hình doanh nghiệp và giúp người học nắm rõ những quy định cơ bản của pháp luật về những thủ tục pháp lý liên quan đến việc đăng ký thành lập, thay đổi hình thức doanh nghiệp, quyền</p>	3		1	4

<p>và nghĩa vụ của doanh nghiệp. <b>Nội dung chính của chương:</b></p> <p>2.1. Khái niệm - Phân loại doanh nghiệp</p> <p>    2.1.1. <i>Khái niệm doanh nghiệp</i></p> <p>    2.1.2. <i>Phân loại doanh nghiệp</i></p> <p>2.2. Thành lập, tổ chức và giải thể doanh nghiệp</p> <p>    2.2.1. <i>Thành lập doanh nghiệp</i></p> <p>    2.2.2. <i>Tổ chức lại doanh nghiệp</i></p> <p>    2.2.3. <i>Giải thể doanh nghiệp</i></p> <p>2.3. Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp</p> <p>    2.3.1. <i>Quyền của doanh nghiệp</i></p> <p>    2.3.2. <i>Nghĩa vụ của doanh nghiệp</i></p>				
<p><b>Chương 3: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN</b></p> <p>❖ <b>Mục đích của chương:</b></p> <p>Giới thiệu về Công ty TNHH và những vấn đề pháp lý có liên quan đến cơ cấu tổ chức, quản lý công ty, việc xử lý các hoạt động về vốn góp.</p> <p>❖ <b>Nội dung chính của chương:</b></p> <p>3.1. Công ty Trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên trở lên</p> <p>    3.1.1. <i>Khái niệm và đặc điểm</i></p> <p>    3.1.2. <i>Thành viên công ty</i></p> <p>    3.1.3. <i>Các hình thức xử lý vốn trong công ty</i></p> <p>    3.1.4. <i>Cơ cấu tổ chức và quản lý của công ty</i></p> <p>3.2. Công ty TNHH 1 thành viên</p> <p>    3.2.1. <i>Khái niệm và đặc điểm</i></p> <p>    3.2.2. <i>Chủ sở hữu công ty</i></p> <p>    3.2.3. <i>Các hình thức tăng, giảm vốn điều lệ và xử lý vốn khác trong công ty</i></p> <p>    3.2.4. <i>Cơ cấu tổ chức và quản lý công ty</i></p>	3	1		4
<p><b>Chương 4: CÔNG TY CỔ PHẦN</b></p> <p>❖ <b>Mục đích của chương:</b></p> <p>Giới thiệu về Công ty cổ phần và những vấn đề pháp lý có liên quan, giúp người học nắm rõ về đặc điểm pháp lý của loại hình doanh nghiệp này, phân biệt được các khái niệm cơ bản như cổ phần, cổ phiếu và cổ đông và cơ cấu tổ chức, quản lý công ty.</p> <p>❖ <b>Nội dung chính của chương:</b></p> <p>4.1 Khái niệm và đặc điểm</p> <p>    4.1.1 <i>Khái niệm</i></p>	2	1	1	4

<p>4.1.2 Đặc điểm pháp lý</p> <p>4.2 Cổ phần, cổ phiếu và cổ đông</p> <p>4.2.1 Cổ phần</p> <p>4.2.2 Cổ phiếu</p> <p>4.2.3 Cổ đông</p> <p>4.3 Cơ cấu tổ chức và quản lý công ty cổ phần</p> <p>4.3.1 Đại hội đồng cổ đông</p> <p>4.3.2 Hội đồng quản trị</p> <p>4.3.3 Giám đốc hoặc tổng giám đốc</p> <p>4.3.4 Ban kiểm soát</p>				
<p><b>Chương 5: CÔNG TY HỢP DANH VÀ DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN</b></p> <p>❖ <b>Mục đích của chương:</b></p> <p>Giới thiệu về Công ty hợp danh và doanh nghiệp tư nhân, giúp người học nắm rõ những vấn đề pháp lý có liên quan đến cơ cấu tổ chức, quản lý doanh nghiệp, việc xử lý các hoạt động về tài chính doanh nghiệp.</p> <p>❖ <b>Nội dung chính của chương:</b></p> <p>5.1 Công ty hợp danh</p> <p>5.1.1 Khái niệm và đặc điểm</p> <p>5.1.2 Thành viên công ty hợp danh</p> <p>5.1.3 Tổ chức quản lý công ty hợp danh</p> <p>5.2 Doanh nghiệp tư nhân</p> <p>5.2.1 Khái niệm và đặc điểm</p> <p>5.2.2 Tổ chức và quản lý doanh nghiệp tư nhân</p>	2	1	1	4
<p><b>Chương 6: HỘ KINH DOANH CÁ THỂ - HỢP TÁC XÃ</b></p> <p>❖ <b>Mục đích của chương:</b></p> <p>Giới thiệu về Hộ kinh doanh cá thể và HTX, giúp người học nắm rõ và phân biệt được những vấn đề pháp lý có liên quan đến việc thành lập, tổ chức và quản lý trong 2 hình thức kinh doanh đặc thù được quy định ngoài Luật Doanh nghiệp.</p> <p>❖ <b>Nội dung chính của chương:</b></p> <p>6.1 Hộ kinh doanh cá thể</p> <p>6.1.1 Khái niệm và đặc điểm</p> <p>6.1.2 Thành lập, đăng ký kinh doanh</p> <p>6.1.3 Quyền và nghĩa vụ của Hộ kinh doanh cá thể</p>	3		1	4



<p>6.1.4 Tổ chức quản lý và điều hành Hộ kinh doanh cá thể</p> <p>6.1.5 Chuyển địa điểm kinh doanh – Tạm ngưng kinh doanh – Chấm dứt kinh doanh</p> <p>6.2 Hợp tác xã</p> <p>6.2.1 Khái niệm Hợp tác xã</p> <p>6.2.2 Nguyên tắc tổ chức và hoạt động</p> <p>6.2.3 Thành lập và đăng ký kinh doanh</p> <p>6.2.4 Quyền và nghĩa vụ của Hợp tác xã</p> <p>6.2.5 Xã viên</p> <p>6.2.6 Tổ chức và quản lý Hợp tác xã</p> <p>6.2.7 Tổ chức lại – Giải thể Hợp tác xã</p> <p>6.2.8 Liên hiệp Hợp tác xã – Liên minh Hợp tác xã</p>				
<p><b>Chương 7: PHÁP LUẬT VỀ PHÁ SẢN</b></p> <p>❖ <b>Mục đích của chương:</b></p> <p>Giới thiệu về những quy định pháp lý liên quan đến phá sản doanh nghiệp và hợp tác xã, giúp người học phân biệt được các hình thức doanh nghiệp, HTX chấm dứt hoạt động và các vấn đề pháp lý liên quan.</p> <p>❖ <b>Nội dung chính của chương:</b></p> <p>7.1 Những quy định chung về phá sản</p> <p>7.1.1 Khái niệm về phá sản</p> <p>7.1.2 Đối tượng áp dụng pháp luật phá sản</p> <p>7.1.3 Đối tượng có quyền, nghĩa vụ nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản</p> <p>7.1.4 Thẩm quyền giải quyết yêu cầu mở thủ tục phá sản</p> <p>7.2. Trình tự và thủ tục giải quyết yêu cầu mở thủ tục phá sản</p> <p>7.2.1 Nộp đơn và thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản</p> <p>7.2.2 Mở thủ tục phá sản và tổ chức hội nghị chủ nợ</p> <p>7.2.3 Phục hồi hoạt động kinh doanh</p> <p>7.2.4 Thanh lý tài sản và thanh lý nợ</p> <p>7.2.5 Tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã bị phá sản</p>	2	1	1	4
<p><b>Chương 8: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP TRONG KINH DOANH</b></p> <p>❖ <b>Mục đích của chương:</b></p>	3		1	4

<p>Giới thiệu đến người học những hình thức giải quyết tranh chấp trong kinh doanh, phân biệt các hình thức đó dựa vào các tiêu chí luật định, trình tự thủ tục và hệ quả pháp lý</p> <p>❖ <b>Nội dung chính của chương:</b></p> <p><b>8.1 Khái niệm tranh chấp trong kinh doanh</b></p> <p>8.1.1. Khái niệm</p> <p>8.1.2 <i>Các yêu cầu của quá trình giải quyết tranh chấp trong kinh doanh</i></p> <p>8.2. Các hình thức giải quyết tranh chấp trong kinh doanh</p> <p>8.2.1. <i>Thương lượng</i></p> <p>8.2.2. <i>Hoà giải.</i></p> <p><b>8.2.3 Giải quyết tranh chấp kinh tế bằng trọng tài thương mại</b></p> <p>8.2.4. <i>Giải quyết tranh chấp kinh doanh bằng toà án</i></p>				
<b>Tổng</b>	<b>20</b>	<b>4</b>	<b>6</b>	<b>30</b>

### 13. Trang thiết bị cần cho việc dạy và học:

Giáo trình học phần; các loại phương tiện và đồ dùng dạy học (máy chiếu Overhead, Media projector, máy vi tính, các băng tư liệu, các đĩa hình, giấy, ...) có liên quan đến nội dung Chương trình môn học.

### 14. Yêu cầu về giáo viên:

- *Trình độ*: đã qua đào tạo chính quy chuyên ngành Luật học
- *Năng lực, kinh nghiệm*: có chứng chỉ Nghiệp vụ sư phạm và có kinh nghiệm giảng dạy môn học, có nghiên cứu, tìm hiểu về các vấn đề thực tiễn liên quan đến Chương trình môn học.

### 15. Tài liệu tham khảo:

- Giáo trình Luật kinh tế, Nhà xuất bản giáo dục, năm 2015
- Giáo trình Luật kinh tế, Trường Đại Học Luật Hà Nội, năm 2017
- TS. Lê Văn Hưng chủ biên, *Giáo trình Luật kinh tế*, Nhà xuất bản Đại Học Quốc Gia TPHCM, năm 2013.
- ThS. Ngô Văn Tăng Phước, *Giáo trình Luật kinh tế*, Nhà xuất bản thống kê.
- Văn bản pháp luật liên quan:
  - + Luật dân sự
  - + Luật doanh nghiệp
  - + Luật thương mại
  - + Luật hợp tác xã
  - + Luật phá sản
  - + Luật Tố tụng dân sự

- + Luật Trọng tài thương mại
- + Các văn bản luật khác có liên quan (Nghị định, thông tư...hướng dẫn thi hành các văn bản trên).

**PHỤ TRÁCH BỘ MÔN**



**Nguyễn Thị Ngọc Bích**

**GIẢNG VIÊN**



**Phan Thị Cẩm Lai**

**HỌC PHẦN****THUẾ****1. Thông tin chung của học phần:**

Tên học phần: **THUẾ**. Mã học phần: Số tín chỉ: 03

Trình độ: Dành cho sinh viên năm 1. Điều kiện tiên quyết: **Nguyên lý kế toán; Kinh tế Vĩ mô**

Phân giờ tín chỉ: Lên lớp: 45 tiết. Thực hành: 0 tiết. Tự học: 90 tiết

**2. Mục tiêu của học phần:***\* Về kiến thức*

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chính sách thuế, các phương pháp tính thuế cũng như cách thức thu, nộp các loại thuế.

*\* Về kỹ năng*

Tính được số thuế phải nộp: Thuế thu nhập cá nhân, thuế Giá trị gia tăng, thuế xuất nhập khẩu, thuế thu nhập doanh nghiệp.

*\* Về thái độ*

Sinh viên có thái độ tuân thủ pháp luật về thuế.

**3. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:** Học phần này gồm những vấn đề cơ bản về thuế và những chính sách thuế của nhà nước liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Nội dung cơ bản của học phần nhằm nghiên cứu các sắc thuế hiện hành, làm rõ đặc điểm của từng loại thuế, phương pháp tính toán và các thủ tục cần thiết kê khai nộp thuế đối với nhà nước

**4. Nội dung chi tiết học phần.****Chương 1. Những Vấn Đề Chung Về Thuế**

*Ý nghĩa của chương: Giúp sinh viên hiểu rõ về khái niệm, vai trò và các yếu tố cấu thành nên một sắc thuế, tác động của chính sách thuế đến các hoạt động kinh tế.*

**1.1. Khái niệm và các đặc trưng của thuế**

## 1.1.1. Khái niệm

## 1.1.2. Các đặc trưng cơ bản của thuế

**1.2. Bản chất và vai trò của thuế trong nền kinh tế thị trường**

## 1.2.1. Bản chất của thuế

## 1.2.2. Vai trò của thuế trong nền kinh tế thị trường

**1.3. Phân loại thuế**

## 1.3.1. Căn cứ vào phương thức đánh thuế

## 1.3.2. Căn cứ vào đối tượng đánh thuế

## 1.3.3. Căn cứ theo chế độ phân cấp và điều hành ngân sách

## 1.3.4. Căn cứ theo phương thức sử dụng

- 1.4. Các yếu tố cơ bản hợp thành luật thuế
  - 1.4.1. Tên gọi của luật thuế
  - 1.4.2. Đối tượng chịu thuế
  - 1.4.3. Người nộp thuế
  - 1.4.4. Căn cứ tính thuế
  - 1.4.4. Thuế suất
  - 1.4.5. Miễn giảm thuế
- 1.5. Tác động của chính sách thuế đến các hoạt động kinh tế
  - 1.5.1. Tác động lên giá cả hàng hóa, dịch vụ
  - 1.5.2. Tác động vào tiền lương
  - 1.5.3. Tác động vào thu nhập cá nhân
  - 1.5.4. Tác động vào thương mại quốc tế
  - 1.5.5. Tác động đến hoạt động kinh tế

## **Chương 2. Thuế Xuất Nhập Khẩu**

*Ý nghĩa của chương: Giúp sinh viên hiểu rõ về khái niệm và đối tượng chịu thuế xuất nhập khẩu. Căn cứ tính thuế và phương pháp tính thuế XNK. Các chính sách miễn thuế, giảm thuế, và hoàn thuế XNK.*

- 2.1. Tổng quan về thuế xuất nhập khẩu.
  - 2.1.1. Khái niệm
  - 2.1.2. Đặc điểm của thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.
  - 2.1.3. Vai trò của thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.
- 2.2. Đối tượng chịu thuế, đối tượng nộp thuế.
  - 2.2.1. Đối tượng chịu thuế
  - 2.2.2. Đối tượng nộp thuế
- 2.3. Căn cứ tính thuế và phương pháp tính thuế
  - 2.3.1. Đối với hàng hóa áp dụng thuế suất theo tỉ lệ phần trăm
  - 2.3.2. Đối với hàng hóa áp dụng thuế tuyệt đối
- 2.4. Kê khai thuế, thời điểm tính thuế, thời hạn nộp thuế
  - 2.4.1. Kê khai thuế
  - 2.4.2. Thời điểm tính thuế
  - 2.4.3. Thời hạn nộp thuế
- 2.5. Miễn thuế, xét miễn thuế, giảm thuế, hoàn thuế xuất nhập khẩu
  - 2.5.1. Miễn thuế
  - 2.5.2. Xét miễn thuế
  - 2.5.3. Xét giảm thuế
  - 2.5.4. Hoàn thuế

## **Chương 3. Thuế Tiêu Thụ Đặc Biệt**

*Ý nghĩa của chương: Giúp sinh viên hiểu rõ về khái niệm và đối tượng chịu thuế TTĐB. Căn cứ tính thuế và phương pháp tính thuế TTĐB. Căn cứ để miễn giảm, và hoàn thuế TTĐB.*

- 3.1. Tổng quan về thuế tiêu thụ đặc biệt

- 3.1.1. Khái niệm.
- 3.1.2. Vai trò.
- 3.1.3. Đặc điểm.
- 3.2. Đối tượng chịu thuế, đối tượng nộp thuế
  - 3.2.1. Đối tượng chịu thuế
  - 3.2.2. Đối tượng không chịu thuế
  - 3.2.3. Đối tượng nộp thuế
- 3.3. Căn cứ tính thuế và phương pháp tính thuế
  - 3.3.1. Giá tính thuế
  - 3.3.2. Thuế suất
- 3.4. Đăng ký thuế, kê khai thuế, nộp thuế, quyết toán thuế, giảm miễn thuế, hoàn thuế
  - 3.4.1. Đăng ký thuế
  - 3.4.2. Kê khai thuế
  - 3.4.3. Nộp thuế
  - 3.4.4. Miễn thuế
  - 3.4.5. Giảm thuế
  - 3.4.6. Hoàn thuế

#### **Chương 4. Thuế Giá Trị Gia Tăng**

*Ý nghĩa của chương: Giúp sinh viên hiểu rõ về khái niệm, mục đích và đối tượng chịu thuế GTGT. Căn cứ tính thuế và phương pháp tính thuế GTGT. Đăng ký thuế, kê khai, nộp thuế quyết toán thuế, và hoàn thuế GTGT.*

- 4.1. Tổng quan về thuế giá trị gia tăng
  - 4.1.1. Khái niệm
  - 4.1.2. Vai trò
  - 4.1.3. Đặc điểm
- 4.2. Đối tượng chịu thuế, đối tượng nộp thuế
  - 4.2.1. Đối tượng chịu thuế
  - 4.2.2. Đối tượng không chịu thuế
  - 4.2.3. Đối tượng nộp thuế
- 4.3. Căn cứ tính thuế và phương pháp tính thuế
  - 4.3.1. Căn cứ tính thuế
  - 4.3.2. Phương pháp tính thuế
- 4.4. Đăng ký thuế, kê khai thuế, nộp thuế, quyết toán thuế
  - 4.4.1. Đăng ký thuế
  - 4.4.2. Kê khai thuế
  - 4.4.3. Nộp thuế
  - 4.4.4. Quyết toán thuế
- 4.5. Hoàn thuế
  - 4.5.1. Đối tượng và trường hợp được hoàn thuế
  - 4.5.2. Hồ sơ hoàn thuế

#### 4.5.3. Thảm quyền và trình tự giải quyết hoàn thuế

### **Chương 5. Thuế Thu Nhập Doanh Nghiệp**

*Ý nghĩa của chương: Giúp sinh viên hiểu rõ về khái niệm, mục đích và đối tượng nộp thuế TNDN. Căn cứ tính thuế và phương pháp tính thuế TNDN. Xác định các loại thu nhập chịu thuế. Đăng ký thuế, kê khai, nộp thuế, quyết toán thuế, và xác định được điều kiện ưu đãi, miễn, giảm thuế TNDN.*

#### 5.1. Tổng quan về thuế thu nhập doanh nghiệp.

##### 5.1.1. Khái niệm

##### 5.1.2. Vai trò

##### 5.1.3. Đặc điểm

#### 5.2. Đối tượng nộp thuế

#### 5.3. Căn cứ tính thuế và phương pháp tính thuế

##### 5.3.1. Thu nhập chịu thuế trong kỳ

##### 5.3.2. Thuế suất

#### 5.4. Đăng ký thuế, kê khai thuế, nộp thuế, quyết toán thuế

##### 5.4.1. Đăng ký thuế

##### 5.4.2. Kê khai thuế

##### 5.4.3. Nộp thuế

##### 5.4.4. Quyết toán thuế

#### 5.5. Miễn, giảm thuế

##### 5.5.1. Điều kiện ưu đãi thuế

##### 5.5.2. Thuế suất ưu đãi và thời hạn áp dụng thuế suất ưu đãi

##### 5.5.3. Mức và thời gian miễn thuế, giảm thuế

### **Chương 6. Thuế Thu Nhập Cá Nhân**

*Ý nghĩa của chương: Giúp sinh viên hiểu rõ về khái niệm, mục đích và đối tượng chịu thuế TNCN. Căn cứ tính thuế và phương pháp tính thuế TNCN. Đăng ký thuế, kê khai, nộp thuế quyết toán thuế, và hoàn thuế TNCN. Hiểu rõ trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc thu nộp thuế và chế độ miễn giảm thuế TNCN.*

#### 6.1. Tổng quan về thuế thu nhập cá nhân.

##### 6.1.1. Khái niệm

##### 6.1.2. Vai trò

#### 6.2. Đối tượng nộp thuế

#### 6.3. Căn cứ và phương pháp tính thuế

##### 6.3.1. Thu nhập chịu thuế

##### 6.3.2. Thuế suất

#### 6.4. Đăng ký, kê khai, nộp thuế, quyết toán thuế, hoàn thuế

##### 6.4.1. Đăng ký thuế

##### 6.4.2. Kê khai thuế

##### 6.4.3. Nộp thuế

##### 6.4.4. Quyết toán thuế

#### 6.4.5. Hoàn thuế

### **Chương 7. Các Loại Thuế Khác**

*Ý nghĩa của chương: Giúp sinh viên hiểu rõ về khái niệm, mục đích và đối tượng chịu thuế nhà thầu, thuế tài nguyên, thuế bảo vệ môi trường, thuế môn bài. Căn cứ tính thuế và phương pháp tính thuế. Đăng ký thuế, kê khai, nộp thuế quyết toán thuế, và hoàn thuế.*

*Thực hiện được việc kê khai nộp thuế: thuế môn bài, thuế nhà thầu, thuế tài nguyên, và thuế bảo vệ môi trường.*

#### 7.1. Thuế tài nguyên

##### 7.2.1. Đối tượng chịu thuế

##### 7.2.2. Người nộp thuế

##### 7.2.3. Căn cứ tính thuế

##### 7.2.4. Kê khai thuế, nộp thuế

#### 7.2. Thuế bảo vệ môi trường

##### 7.3.1. Đối tượng nộp thuế bảo vệ môi trường

##### 7.3.2. Đối tượng chịu thuế

##### 7.3.3. Đối tượng không chịu thuế

##### 7.3.4. Căn cứ tính thuế

##### 7.3.5. Kê khai thuế bảo vệ môi trường

#### 7.3. Thuế môn bài

##### 7.4.1. Đối tượng nộp thuế môn bài

##### 7.4.2. Bậc và mức thuế môn bài

##### 7.4.3. Kê khai và nộp thuế môn bài

### **5. Tài liệu học tập:**

#### 5.1. Sách, giáo trình chính:

[1]. Giáo trình Thuế, Gs.Ts. Sử Đình Thành, khoa Tài chính Nhà Nước, Đại Học Kinh tế Tp. HCM, 2015.

[2]. Tài liệu do giảng viên cung cấp.

#### 5.2. Tài liệu tham khảo:

[1]. Sách bài tập thuế của khoa Tài chính nhà nước, Đại Học Kinh tế Tp. HCM.

[2]. Các Luật thuế và văn bản hướng dẫn dưới luật (chủ yếu là Nghị định của Chính phủ và Thông tư của Bộ Tài chính )

[3] Tạp chí Tài chính.

[4] Tạp chí Thuế.

[5] Các trang: [www.mof.gov.vn](http://www.mof.gov.vn), [www.gdt.gov.vn](http://www.gdt.gov.vn), [www.custom.gov.vn](http://www.custom.gov.vn)6. Lịch trình dạy học:



**6. Lịch trình dạy học:**

T T	Nội dung	Số tiết lên lớp Phân bố thời gian			Tự học	Ghi chú
		Tổng cộng	LT	TH		
1	Chương 1: Những vấn đề chung về thuế	4	4		5	
2	Chương 2: Thuế xuất nhập khẩu	4	4		10	
3	Bài tập	3	3		6	
4	Chương 3: Thuế tiêu thụ đặc biệt	4	4		10	
5	Bài tập - kiểm tra	4	4		5	
6	Chương 4: Thuế giá trị gia tăng	4	4		10	
7	Bài tập	4	4		5	
8	Chương 5: Thuế thu nhập doanh nghiệp	4	4		10	
9	Bài tập - kiểm tra	4	4		5	
10	Chương 6: Thuế thu nhập cá nhân	4	4		10	
11	Bài tập	2	2		4	
12	Chương 7: Các loại thuế khác	4	4		10	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>45</b>	<b>45</b>		<b>90</b>	

**7. Nhiệm vụ của sinh viên:**

Tham dự học và thảo luận, kiểm tra giữa học kì theo Quyết định 43/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/8/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Quy chế học vụ hiện hành của nhà trường.

**8. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:** Chuyên cần: 10%; Kiểm tra thường xuyên: 10%; Kiểm tra giữa kỳ: 20%; Thi cuối kỳ: 60%

**9. Thang điểm:** Theo qui chế tín chỉ.

**PHỤ TRÁCH BỘ MÔN**

**Nguyễn Thị Ngọc Bích****GIẢNG VIÊN**

**Nguyễn Thị Lý**

**Vương Quang Thịnh**

**HỌC PHẦN****ANH VĂN CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ****1. Thông tin chung của học phần:**

- Tên học phần: **Anh văn chuyên ngành kinh tế**
- Mã học phần:
- Số tín chỉ: 3
- Trình độ: Dành cho sinh viên năm thứ 2
- Điều kiện tiên quyết:: Anh văn căn bản 1, 2 và 3
- Phân giờ tín chỉ:
  - + Lên lớp: 42 tiết
  - + Thực hành; Thảo luận: 3 tiết
  - + Tự học: 90 tiết

**2. Mục tiêu của học phần:****\* Về kiến thức**

Học phần này nhằm giúp sinh viên ngành quản trị kinh doanh có thể sử dụng tiếng Anh để giao tiếp trong nhiều tình huống khác nhau liên quan đến lĩnh vực kinh doanh. Nghe, nói, đọc và viết được các bài viết trong từng đơn vị bài học.

**\* Về kỹ năng:**

Thuần thục bốn kỹ năng: nghe, nói, đọc viết; kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm...

**\* Về thái độ:**

Sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của môn học trong việc cung cấp các kiến thức cơ sở ngành, những kiến thức này là nền tảng giúp sinh viên đi sâu vào các môn học chuyên ngành sau này. Có thái độ chủ động trong việc tự trau dồi và cập nhật những biến đổi mới

**3. Mô tả vắn tắt nội dung chính của học phần**

Học phần gồm 12 bài, mỗi bài đề cập đến một lĩnh vực khác nhau về ngành QTKD như các vấn đề cơ bản về tổ chức, cách điều hành, quan hệ khách hàng, thị trường, công việc, con người, văn hoá và giao thương.

**4. Nội dung chi tiết học phần****UNIT 1. STARTERS 1****1.1. Letters**

1.1.1. Review Letters of the Alphabet

1.1.2. Names and addresses

## 1.2. Numbers

1.2.1 Cardinals

1.2.2 Ordinals

1.2.3 Decimal Fractions

1.2.4 Money

1.2.5 Time

1.2.6 Dates

## **Unit 2. STARTERS 2**

### 2.1. Introductions

2.1.1 Introduce about yourself

2.1.2 Introduce about your family

2.1.3 Introduce about your company

### 2. 2 Small talks

2.2.1 Tips for small talk

2.2.2 Making small talk

2.2.3 Beginning and ending small talk

### 2.3. Describing your routine

## **UNIT 3: THE ORGANIZATION**

### **\*\* Purposes:**

This unit introduces to students a new definition – entrepreneurs – and different kinds of companies. Teaching them some skills that are really essential when participating a meeting such as interrupting in meetings, handling interruptions and agendas and action minutes.

### **\*\* Unit details:**

3.1. Entrepreneurs.

3.2. Types of companies

3.3. Grammar: reported speech.

3.4. Interrupting in meetings.

3.4.1. Are you a good listener?

3.4.2. Handling interruptions.

3.5. Agendas and action minutes.

3.6. Case study: Soup chicken and Gourmet to go.

## **UNIT 4: OPERATIONS**

### **\*\* Purposes:**

This unit focuses on teaching students how to add value to the work, present and describe trends.

### **\*\* Unit details:**

4.1. Lean manufacturing

## 4.2. Trends and planning

4.2.1. Grammar: Present continuous, adverbs, present simple passive

4.2.2. Describing a trend.

## 4.3 Speaking: Presentation – signposts and stepping stones.

4.3.1. Starting a presentation

4.3.2. Signposting language.

4.3.3. Giving a presentation.

## 4.4. Case study: Scotair.

# UNIT 5: DEALING WITH CUSTOMERS

### **\*\* Purposes:**

The main purpose of this unit is to help students know how to make requests and offers, also handling problems both via phone calls and emails.

### **\*\* Unit details:**

## 5.1. About business: The shopping experience

5.1.1. BREUNINGER - The beautiful things in life.

5.1.2. Grammar: Countable and uncountable nouns.

5.1.3. Polite requests and offers.

5.1.4. A customer survey.

## 5.2. Telephoning and customer care

5.2.1. Dealing with customers: The seven steps to customer satisfaction.

5.2.2. Telephoning – Handling complaints and solving problems.

5.2.3. Formal and Informal emails.

5.2.4. Dealing with an email of complaint.

## 5.3. Case study: The panorama conference.

# UNIT 6: SELLING

### **\*\* Purposes:**

It is going to help students practice buying, selling, negotiating when doing trade.

### **\*\* Unit details:**

## 6.1. Advertising

## 6.2. Buying and selling

## 6.3. Grammar: Comparatives, superlatives and asking questions

6.3.1. Comparatives

6.3.2. Superlatives

6.3.3. Asking questions

6.3.4. Making comparatives.

## 6.4. Negotiating

6.4.1. Role plays

6.4.2. Negotiating by email.

## 6. 5. Case Study: Cool hunters.

### **UNIT 7: MARKETS**

#### **\*\* Purposes:**

Helping students to understand different types of market and then facilitate them to do business in the international market.

#### **\*\* Unit details:**

- 7.1. Vocabulary: Types of market.
- 7.2. Reading: The car market in Russia.
- 7.3. Grammar: Comparatives and Superlatives.
- 7.4. Listening: Doing business in India.
- 7.5. Skills: Participating in discussions.
- 7.6. Case study: Cara Domestics.

### **UNIT 8: THE STOCK MARKETS**

#### **\*\* Purposes:**

- The stock market is a global marketplace where people invest their money and their companies on it, thus, future businessmen should understand how the stock market works to be best investors.

#### **\*\* Unit details:**

- 8.1: Keep it in the family- Buy at what cost?
- 8.2. Dealing with the figures
- 8.3. Grammar: will, won't, be going to and first conditional.
- 8.4. Negotiations – making offers and agreeing deadlines.
  - 8.4.1 Constructive stress.
  - 8.4.2. Negotiation language.
  - 8.4.3. Negotiation.
- 8.3 Describing figures
  - 8.3.1. Causes and effects.
  - 8.3.2. Describing figures.
- 8.4. Case study: Trading stocks.

### **UNIT 9: PEOPLE**

#### **\*\* Purposes:**

- People are the key factor of an organization that hold knowledge, skills and enthusiasm to make the business grow. Therefore, students of business and administration faculty should learn how to deal with people problem in order to maintain and nurture the score value and minimize conflict within the organization.

#### **\*\* Unit details:**

- 9.1 Vocabulary: Describing people.
- 9.2. Listening: Bad manager.
- 9.3. Grammar: Past simple: Negatives and questions
- 9.4. Reading: Mercedes Error
- 9.5. Negotiating: Dealing with problems.
- 9.6. Case study: A people problem

## **UNIT 10: CULTURES**

### **\*\* Purposes:**

- A key to being successful in business internationally is to understand the role of culture in international business. Whatever sector people are operating in, cultural differences will have a direct impact on their profitability. Improving the level of knowledge of international cultural difference in business can aid in building international competencies as well as enabling business people to gain a competitive advantage.

### **\*\* Unit details:**

- 10.1. Vocabulary: Company Cultures
- 10.2. Listening: Cultural mistakes
- 10.3. Grammar: Should, shouldn't, could and would.
- 10.4. Reading: Wall-mart in Germany.
- 10.5. Identifying problems and agreeing action.
- 10.6. Case study: A change of culture.

## **UNIT 11: JOBS**

### **\*\* Purposes:**

- A curriculum vitae is usually a document for academic purposes in order to persuade a future employer that someone is the right person for them. Students should consider that a CV as an advertising brochure which sells a product, and the product is themselves. If people presume newly graduated students are products, they only seek for the best one.

So, studying how to write a nice CV, but not “on- size fit all” is the must.

### **\*\* Unit details:**

- 11.1. Skills and abilities
- 11.2. Grammar: Present perfect and past simple.
- 11.3.A curriculum vitae
- 11.4. Listening: Interviewing for a job
- 11.5. Interview skills.
- 11.6. Case study: High Profile Inc.

## **UNIT 12: GOING GLOBAL**

### **\*\* Purposes:**

- There is no doubt that franchising plays an important role in the development of modern business and contributes towards the national economies of many countries all over the world, thus, students are expected to understand many aspects of it and this helps to equip themselves well before entering working environment.

**\*\* Unit details:**

- 12.1. Franchising: going global with submarine
- 12.2. Vocabulary: Setting up a franchise
- 12.3. Grammar: Past simple and present perfect
- 12.4. Speaking: Presentations – handling questions
- 12.5. Writing: Reports of recommendation
- 12.6. Case study: Choosing a franchise

**5. Tài liệu học tập:**

*Sách, giáo trình chính, rút trích từ các sách:*

- [1]. Li Ya Bing, *Basic Ielts Listening*, 2015, Nhan Tri Viet.
- [2]. David Cotton, David Falvey, *Market Leader – Elementary Business English course book*, 2008, Pearson Longman.
- [3]. Karen Richardson, Marie Kavanagh, John Sydes, Paul Emmerson , *The Business – Pre Intermediate Level*, 2015, MacMillan

**6. Lịch trình dạy học:**

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy- học				Tự học	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp	Ghi chú
		Giờ lên lớp						
		Lý thuyết	Thực hành	Thảo luận	Bài tập			
Tuần 1	Unit 1. Starters 1	3				6		
Tuần 2	Unit 2. Starters 2	3				6		
Tuần 3	Unit 3: The organization	3				6		
Tuần 4	Unit 4: Operations	3				6		
Tuần 5	Revision	2	1			6		
Tuần 6	Unit 5: Dealing with customers	3				6		
Tuần 7	Unit 6: Selling	3				6		
Tuần 8	Unit 7: Markets	3				6		
Tuần 9	Unit 8: The stock markets	3				6		
Tuần 10	Revision	2	1			6		
Tuần 11	Unit 9: People	3				6		

Tuần 12	Unit 10: Cultures	3			6		
Tuần 13	Unit 11: Jobs	3			6		
Tuần 14	Unit 12: Going global	3			6		
Tuần 15	Revision	2	1		6		
<b>TC</b>		<b>42</b>	<b>3</b>		<b>90</b>		

### 7. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Sinh viên bên cạnh việc tham gia nghe giảng, thảo luận nhóm, thuyết trình, làm các bài tập thực hành, sinh viên cần chủ động tìm hiểu tài liệu, trao đổi với giáo viên và những người có kinh nghiệm thực tế, bạn bè trong nhóm để có thể nắm vững kiến thức.
- Tham dự học và thảo luận, kiểm tra giữa học kì theo Quyết định 43/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/8/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, và Quy chế học vụ hiện hành của nhà trường.

### 8. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

- Chuyên cần: 10%
- Kiểm tra thường xuyên: 10%
- Kiểm tra giữa kỳ: 10%
- Thi cuối kỳ: 70%

### 9. Thang điểm: Theo qui chế tín chỉ.

**PHỤ TRÁCH BỘ MÔN**

**Nguyễn Thị Ngọc Bích**

**GIẢNG VIÊN**

**Nguyễn Bích Quyên**



**HỌC PHẦN****PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC****1. Thông tin chung của học phần:**

Tên học phần: **PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC**. Mã học phần: Số      tín  
chỉ: 02

Trình độ: Dành cho sinh viên năm 4. Điều kiện tiên quyết:

Phân giờ tín chỉ: Lên lớp: 30 tiết. Thực hành: 0 tiết. Tự học: 60 tiết

**2. Mục tiêu của học phần:** Môn học Phương pháp nghiên cứu giúp người học hiểu rõ, phân tích và đánh giá những vấn đề cần nghiên cứu một cách khoa học.

**3. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:***\* Về kiến thức*

Học phần Phương pháp nghiên cứu giúp người học hiểu rõ, phân tích và đánh giá những vấn đề cần nghiên cứu một cách khoa học.

*\* Về kỹ năng*

- Kỹ năng đọc hiểu, tóm tắt vấn đề, tự nghiên cứu, tìm kiếm tài liệu
- Kỹ năng sử dụng phần mềm để xử lý số liệu

*\* Về thái độ*

Sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của môn học trong việc cung cấp các kiến thức cơ sở ngành, những kiến thức này là nền tảng giúp sinh viên đi sâu vào các môn học chuyên ngành sau này.

**4. Nội dung chi tiết học phần.****Chương 1. Khái Niệm Khoa Học Và Nghiên Cứu Khoa Học****1.1. Khái niệm khoa học và vai trò của khoa học**

## 1.1.1. Khái niệm

## 1.1.1.1. Khoa học

## 1.1.1.2. Giả thuyết khoa học

## 1.1.1.3. Phân loại giả thuyết

## 1.1.1.4. Kiểm chứng giả thuyết

**1.1.2. Vai trò của khoa học**

## 1.1.2.1. Trong nhận thức

## 1.1.2.2. Trong thực tiễn

**1.2. Nghiên cứu khoa học**

## 1.2.1. Khái niệm

## 1.2.2. Phân loại

## 1.2.2.1. Phân loại theo đối tượng nghiên cứu

## 1.2.2.2. Phân loại theo chức năng nghiên cứu

**Chương 2. Quy Trình Nghiên Cứu Khoa Học****2.1. Phát hiện vấn đề nghiên cứu**

- 2.2. Xây dựng giả thuyết nghiên cứu
- 2.3. Xây dựng luận chứng
- 2.4. Tìm luận cứ lý thuyết và luận cứ thực tiễn
- 2.5. Xử lý thông tin, phân tích
- 2.6. Tổng hợp kết quả; Kết luận; Khuyến nghị.

### **Chương 3. Tổng Quan Vấn Đề Nghiên Cứu Và Phương Pháp Nghiên Cứu Khoa Học**

- 3.1. Tổng quan tài liệu và cơ sở lý thuyết
  - 3.1.1 Khái niệm
  - 3.1.2 Mục đích của tổng quan tài liệu và cơ sở lý thuyết
  - 3.1.3 Một số lưu ý
- 3.2. Cách trích dẫn và ghi tài liệu tham khảo
  - 3.2.1 Các hình thức trích dẫn
  - 3.2.2 Cách ghi tài liệu tham khảo
- 3.3. Phương pháp nghiên cứu
  - 3.3.1. Phương pháp phân tích tài liệu
  - 3.3.2. Phương pháp điều tra bảng hỏi
  - 3.3.3. Phương pháp phỏng vấn
  - 3.3.4. Phương pháp quan sát, tổng kết thực tiễn

### **Chương 4. Xây Dựng Đề Cương Nghiên Cứu**

- 4.1. Tên đề tài
- 4.2. Lý do nghiên cứu
- 4.3. Tổng quan về vấn đề nghiên cứu
- 4.4. Mục tiêu nghiên cứu và đối tượng nghiên cứu
- 4.5. Các phương pháp sử dụng trong nghiên cứu
- 4.6. Ý nghĩa của nghiên cứu
- 4.7. Kết cấu nội dung nghiên cứu
- 4.8. Kế hoạch thực hiện
- 4.9. Các phương pháp phối hợp nghiên cứu
- 4.10. Sản phẩm dự kiến.

#### **5. Tài liệu tham khảo:**

- [1] TS Trần Tiến Khai (2009), Phương pháp nghiên cứu kinh tế, tài liệu giảng dạy – Khoa kinh tế phát triển - Trường Đại học Kinh tế TP.HCM.
- [2] PGS.TS Đinh Phi Hồ (2012), Phương pháp nghiên cứu định lượng, Nhà xuất bản Phương Đông.
- [3] TS Nguyễn Trọng Hoài (2008), Phương pháp nghiên cứu định lượng cho lĩnh vực kinh tế trong điều kiện Việt Nam, đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường – Trường Đại học Kinh tế TP.HCM.

#### **6. Lịch trình dạy học:**

T T	Nội dung	Số tiết lên lớp			Tự hoc	Ghi chú
		TỔn	LT	TH		
1	Chương 1. Khái niệm khoa học và nghiên cứu	4	4		5	
2	Chương 2. Quy trình nghiên cứu khoa học	4	4		10	
3	Thảo luận	4	4		5	
4	Chương 3. Tổng quan vấn đề nghiên cứu và	4	4		10	
5	Thảo luận-Kiểm tra	4	4		10	
6	Chương 4. Xây dựng đề cương nghiên cứu	5	5		10	
7	Thảo luận – Viết đề cương nghiên cứu	5	5		10	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>30</b>	<b>30</b>		<b>60</b>	

### 7. Nhiệm vụ của sinh viên:

Tham dự học và thảo luận, kiểm tra giữa học kì theo Quyết định 43/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/8/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Quy chế học vụ hiện hành của nhà trường.

**8. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:** Chuyên cần: 10%; Kiểm tra thường xuyên: 10%; Kiểm tra giữa kỳ: 10%; Thi cuối kỳ: 70%

**9. Thang điểm:** Theo qui chế tín chỉ.

### PHỤ TRÁCH BỘ MÔN

**Nguyễn Thị Ngọc Bích**

### GIẢNG VIÊN

**Nguyễn Thu Thủy**

**Nguyễn Thế Khang**

**HỌC PHẦN****THANH TOÁN QUỐC TẾ****1. Thông tin chung của học phần:**Tên học phần: **THANH TOÁN QUỐC TẾ**. Mã học phần:

Số tín chỉ: 02

Trình độ: Dành cho sinh viên năm 2. Điều kiện tiên quyết: **Kế toán tài chính 1**

Phân giờ tín chỉ: Lên lớp: 30 tiết. Thực hành: 0 tiết. Tự học: 60 tiết

**2. Mục tiêu của học phần:***\* Về kiến thức*

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về vấn đề thanh toán trong lĩnh vực ngoại thương, và các nghiệp vụ kinh doanh ngoại tệ trên thị trường hối đoái. Ngoài ra, học phần còn cung cấp cho sinh viên những vấn đề thực tiễn trong việc tài trợ, tín dụng cho một thương vụ quốc tế. Sau khi học xong có thể làm việc trong hệ thống ngân hàng, tham gia hoạt động trao đổi mua bán hàng hóa trên thị trường quốc tế. Biết được các phương pháp xác định tỷ giá hối đoái. Biết được các phương tiện thanh toán quốc tế trong hệ thống ngân hàng. Biết được các phương thức thanh toán quốc tế trong hệ thống ngân hàng

*\* Về kỹ năng*

- Kỹ năng tự nghiên cứu, làm việc nhóm, làm việc độc lập

*\* Về thái độ*

Sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của môn học trong việc cung cấp các kiến thức cơ sở ngành, những kiến thức này là nền tảng giúp sinh viên đi sâu vào các môn học chuyên ngành sau này.

**3. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:** Thanh toán quốc tế bao gồm những nội dung cơ bản như sau: Đặc điểm, vai trò và các điều kiện trong thanh toán quốc tế. Cơ sở hình thành, các nhân tố ảnh hưởng và cách thức niêm yết tỷ giá ngoại tệ trên thị trường hối đoái. Các phương tiện giao dịch và các phương thức thanh toán quốc tế. Bộ chứng từ tài chính và bộ chứng từ thương mại trong thanh toán quốc tế.

**4. Nội dung chi tiết học phần.****Chương 1: Những Vấn Đề Cơ Bản Trong Thanh Toán Quốc Tế**

*Ý nghĩa của chương: Thanh toán quốc tế là khâu then chốt, cuối cùng để khép kín một chu trình mua bán hàng hoá hoặc trao đổi dịch vụ giữa các tổ chức, cá nhân thuộc các quốc gia khác nhau. Chương này giúp sinh viên hiểu rõ những điều kiện về thanh toán, những hiệp định thương mại, các hiệp định trả tiền giữa các nước, của các hợp đồng mua bán ngoại thương ký kết giữa người mua và người bán.*

**1.1. Khái niệm, đặc điểm và vai trò của thanh toán quốc tế****1.1.1. Khái niệm****1.1.2. Đặc điểm**

- 1.1.3. Vai trò
- 1.2. Cán cân thanh toán quốc tế
  - 1.2.1. Khái niệm, nội dung phản ánh cán cân TTQT
  - 1.2.2. Nguyên tắc, trách nhiệm lập cán cân TTQT
  - 1.2.3. Trạng thái cán cân TTQT
- 1.3. Các điều kiện trong thanh toán quốc tế
  - 1.3.1. Điều kiện tiền tệ
  - 1.3.2. Điều kiện thời gian thanh toán
  - 1.3.3. Phương thức thanh toán

## **Chương 2. Tỷ Giá Hối Đoái**

*Ý nghĩa của chương: Giúp sinh viên hiểu rõ sự so sánh về mặt giá cả giữa hai đồng tiền của hai nước khác nhau. Đồng thời tính được giá trị khi chuyển đổi các loại tiền tệ trên mối quan hệ cung cầu về ngoại tệ giữa các nước.*

- 2.1. Khái niệm và cơ sở hình thành tỷ giá hối đoái
  - 2.1.1. Khái niệm
  - 2.1.2. Cơ sở hình thành tỷ giá hối đoái
  - 2.1.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến tỷ giá hối đoái
- 2.2. Các phương pháp công bố tỷ giá
  - 2.2.1. Yết giá trực tiếp
  - 2.2.2. Yết giá gián tiếp
- 2.3. Các loại tỷ giá hối đoái
  - 2.3.1 Tỷ giá chính thức
  - 2.3.2 Tỷ giá thương mại
  - 2.3.3 Tỷ giá chéo
  - 2.3.4 Tỷ giá đối ứng
- 2.4. Các biện pháp điều chỉnh tỷ giá

## **Chương 3 : Thị Trường Hối Đoái Và Các Giao Dịch Hối Đoái**

*Ý nghĩa của chương: Giúp sinh viên hiểu rõ cách chuyển đổi, giao dịch mua bán ngoại tệ hợp lý giữa bên mua và bên bán thông qua hệ thống ngân hàng. Dựa trên cơ sở này các công ty có thể phòng ngừa, hạn chế rủi ro tỷ giá nhằm phục vụ tốt mục đích hoạt động kinh doanh của mình.*

- 3.1. Khái niệm, đặc điểm và phân loại thị trường hối đoái
  - 3.1.1. Khái niệm, đặc điểm thị trường hối đoái
  - 3.1.2. Phân loại thị trường hối đoái
- 3.2. Các nghiệp vụ giao dịch hối đoái
  - 3.2.1 Giao dịch giao ngay
  - 3.2.2 Giao dịch kỳ hạn
  - 3.2.3 Giao dịch hoán đổi
  - 3.2.4 Giao dịch quyền chọn
  - 3.2.5 Giao dịch tương lai

## **Chương 4 : Các Phương Tiện Thanh Toán Quốc Tế**

*Ý nghĩa của chương: Giúp sinh viên hiểu rõ các công cụ tiền tệ tín dụng được sử dụng trong thanh toán quốc tế. Các công cụ này có vai trò hết sức quan trọng, nó hoàn toàn khác với tiền kim loại hay tiền giấy nhưng lại có đầy đủ giá trị, chức năng như tiền để lưu thông giữa bên mua và bên bán.*

### 4.1. Hối phiếu

#### 4.1.1 Khái niệm

#### 4.1.2 Cách tạo lập và hình thức hối phiếu

#### 4.1.3 Phân loại hối phiếu

#### 4.1.4 Quy trình lưu thông hối phiếu

### 4.2. Lệnh phiếu

#### 4.2.1 Khái niệm

#### 4.2.2 Cách tạo lập và hình thức lệnh phiếu

### 4.3. Séc

### 4.4. Giấy chuyển tiền

#### 4.4.1 Khái niệm

#### 4.4.2 Phân loại giấy chuyển tiền

### 4.5. Thẻ thanh toán

## **Chương 5: Các Phương Thức Thanh Toán Quốc Tế**

*Ý nghĩa của chương: Hiểu rõ được các phương thức thanh toán quốc tế sẽ giúp sinh viên biết được những khó khăn mà doanh nghiệp thường xuyên gặp trong thương mại quốc tế. Khi tiến hành giao dịch 2 bên sẽ thống nhất phương án thanh toán nhằm tránh rủi ro trong giao dịch và giảm thiểu chi phí trong thanh toán.*

### 5.1. Phương thức chuyển tiền

#### 5.1.1. Khái niệm

#### 5.1.2. Quy trình chuyển tiền

### 5.2. Phương thức nhờ thu

#### 5.2.1. Khái niệm

#### 5.2.2. Các hình thức nhờ thu

#### 5.2.3. Quy trình thực hiện nhờ thu

### 5.3. Phương thức thanh toán đối chứng từ- CAD

#### 5.3.1 Khái niệm

#### 5.3.2 Quy trình thực hiện thanh toán CAD

### 5.4. Phương thức tín dụng chứng từ

#### 5.4.1 Khái niệm thư tín dụng

#### 5.4.2 Phân loại thư tín dụng

#### 5.4.3 Quy trình thanh toán thư tín dụng

## **Chương 6 : Bộ Chứng Từ Trong Thanh Toán Quốc Tế**

*Ý nghĩa của chương: Rủi ro trong thanh toán là điều không thể tránh khỏi đối với các doanh nghiệp. Chương này giúp sinh viên nhận diện, thiết lập các loại chứng từ trong thanh toán quốc tế- một trong những yếu tố quan trọng không thể thiếu trong thương mại quốc tế.*

- 6.1. Hóa đơn thương mại
- 6.2. Phiếu đóng gói
- 6.3. Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa
- 6.4. Vận đơn đường biển
- 6.5. Chứng từ bảo hiểm
- 6.6. Một số chứng từ liên quan khác

### 5. Tài liệu tham khảo:

Thanh toán quốc tế - PGS.TS Nguyễn Đăng Dòn, Trường Đại học Kinh tế TP.HCM, Nhà XB ĐHQG TP.HCM, 2009

PGS.TS. Nguyễn Văn Tiến, Giáo trình thanh toán quốc tế & tài trợ ngoại thương, NXB Thống kê

TS. Trần Thị Xuân Hương, Thanh toán quốc tế, NXB Thống kê

Th.S Nguyễn Trọng Thùy, Toàn Tập UCP 600, NXB Thống kê

### 6. Lịch trình dạy học:

T T	Nội dung	Số tiết lên lớp			Tự học	Ghi chú
		Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành		
1	Những vấn đề cơ bản trong thanh toán	4	4		5	
2	Bài tập	4	4		10	
3	Thị trường hối đoái và các giao dịch hối	4	4		5	
4	Bài tập-Kiểm tra	4	4		10	
5	Các phương thức thanh toán quốc tế	4	4		5	
6	Bài tập-Kiểm tra	5	5		10	
7	Bài tập-Ôn	5	5		15	
<b>TỔNG</b>		<b>30</b>	<b>30</b>	<b>30</b>	<b>60</b>	

### 7. Nhiệm vụ của sinh viên:

Tham dự học và thảo luận, kiểm tra giữa học kì theo Quyết định 43/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/8/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Quy chế học vụ hiện hành của nhà trường.

**8. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:** Chuyên cần: 10%; Kiểm tra thường xuyên: 10%; Kiểm tra giữa kỳ: 10%; Thi cuối kỳ: 70%

**9. Thang điểm:** Theo qui chế tín chỉ.

**PHỤ TRÁCH BỘ MÔN**



**Nguyễn Thị Ngọc Bích**

**GIẢNG VIÊN**



**Phạm Thị Thu Hiền**



**Hoàng Thị Ngọc Diệp**



**HỌC PHẦN****TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP****1. Thông tin chung của học phần:**Tên học phần: **TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP**. Mã học phần:

Số tín chỉ: 04

Trình độ: Dành cho sinh viên năm 2. Điều kiện tiên quyết: **Kinh tế Vi mô, Nguyên lý Kế toán**

Phân giờ tín chỉ: Lên lớp: 60 tiết. Thực hành: 0 tiết. Tự học: 120 tiết

**2. Mục tiêu của học phần:****\* Về kiến thức**

Học phần này miêu tả các khái niệm, bản chất của Tài chính doanh nghiệp; lý thuyết về cấu trúc vốn; các mô hình định giá tài sản vốn; định giá và quyết định đầu tư tài chính; các căn cứ để ra quyết định quyết định đầu tư tài sản cố định; các quyết định tài trợ và phân chia thu nhập của doanh nghiệp.

**\* Về kỹ năng**

- Vận dụng các lý thuyết để phân tích, giải thích và định giá và đưa ra quyết định về tài chính.

- Kỹ năng phân tích, đánh giá, dự báo...

**\* Về thái độ**

Sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của môn học trong việc cung cấp các kiến thức cơ sở ngành, những kiến thức này là nền tảng giúp sinh viên đi sâu vào các môn học chuyên ngành sau này.

**3. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:** Học phần này miêu tả các khái niệm, bản chất của Tài chính doanh nghiệp; lý thuyết về cấu trúc vốn; các mô hình định giá tài sản vốn; định giá và quyết định đầu tư tài chính; các căn cứ để ra quyết định quyết định đầu tư tài sản cố định; các quyết định tài trợ và phân chia thu nhập của doanh nghiệp.

**4. Nội dung chi tiết học phần.****Chương 1. Tổng Quan Về Tài Chính Doanh Nghiệp**

*Ý nghĩa chương 1: Giúp sinh viên hệ thống hóa những vấn đề lý luận cơ bản về doanh nghiệp và tài chính doanh nghiệp: khái niệm, bản chất, chức năng, các quyết định chủ yếu của tài chính doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường*

**1.1. Bản chất, chức năng tài chính DN****1.1.1. Bản chất của TCDN****1.1.2. Chức năng của TCDN****1.2. Các quyết định chủ yếu của TCDN****1.2.1. Quyết định đầu tư****1.2.2. Quyết định tài trợ****1.2.3. Quyết định phân phối thu nhập**

- 1.2.4. Các quyết định khác
- 1.3. Những nhân tố ảnh hưởng tới tài chính DN
  - 1.3.1. Hình thức pháp lý tổ chức DN
  - 1.3.2. Đặc điểm kinh tế kỹ thuật của ngành kinh doanh
  - 1.3.3. Môi trường kinh doanh
- 1.4. Nguyên tắc tổ chức tài chính DN
  - 1.4.1. Tôn trọng pháp luật
  - 1.4.2. Quản lý có kế hoạch
  - 1.4.3. Hoạt động có hiệu quả
- 1.5. Nội dung công tác TCDN
  - 1.5.1. Lập kế hoạch tài chính ở DN
  - 1.5.2. Quản lý và giám đốc thực hiện kế hoạch tài chính

## **Chương 2: Giá Trị Tiền Tệ Theo Thời Gian**

*Ý nghĩa chương 2: Giúp sinh viên hệ thống hóa lý luận giá trị tiền tệ theo thời gian: Khái niệm, xác định giá trị với các công thức lý thuyết, sử dụng các công thức tính toán giá trị tiền tệ theo thời gian để chọn lựa các quyết định tài chính trong thực tế, ra các quyết định đầu tư, tài trợ, ...*

- 2.1. Các khái niệm và cách tính
  - 2.1.1. Lãi suất
  - 2.1.2. Lãi đơn
  - 2.1.3. Lãi kép
- 2.2. Chuỗi tiền tệ
  - 2.2.1. Khái niệm
  - 2.2.2. Giá trị tương lai của chuỗi tiền tệ
  - 2.2.3. Hiện giá của chuỗi tiền tệ

### 2.3. Ứng dụng Excel

## **Chương 3: Các Lý Thuyết Về Cơ Cấu Vốn Của Doanh Nghiệp**

*Ý nghĩa chương 3: Giúp sinh viên biết được cấu trúc nguồn vốn của một DN và biết được cơ cấu vốn có ảnh hưởng đến giá trị của doanh nghiệp hay không.*

- 3.1. Những vấn đề chung về cơ cấu vốn của DN
- 3.2. Lý thuyết cơ cấu vốn tối ưu
  - 3.2.1. Cơ cấu nguồn vốn tối ưu
  - 3.2.2. Những yếu tố ảnh hưởng đến quyết định cơ cấu nguồn vốn
- 3.3. Lý thuyết lợi nhuận hoạt động ròng
  - 3.4. Lý thuyết M&M về cơ cấu vốn doanh nghiệp
    - 3.4.1. Các giả định và mệnh đề của lý thuyết M&M
    - 3.4.2. Lý thuyết M&M về cơ cấu vốn công ty trong trường hợp không có thuế
    - 3.4.3. Lý thuyết M&M về cơ cấu vốn công ty trong trường hợp có thuế
- 3.5. Nguyên tắc cơ bản khi hoạch định nguồn vốn

## **Chương 4: Mô Hình Định Giá Tài Sản Vốn (Capm)**

*Ý nghĩa chương 4: Giúp sinh viên hiểu được mô hình CAPM nhằm mô tả mối quan hệ giữa rủi ro và tỷ suất sinh lời kỳ vọng; ưu điểm của mô hình này trong thực tế và thiếu sót của nó trong đánh giá tỷ suất sinh lợi chứng khoán*

#### 4.1. Tổng quan về mô hình định giá tài sản vốn

##### 4.1.1. Tổng quan mô hình CAPM

##### 4.1.2. Giả định của mô hình

#### 4.2. Nội dung của mô hình CAPM

##### 4.2.1. Rủi ro khi nhà đầu tư nắm giữ danh mục thị trường

##### 4.2.2. Quan hệ giữa rủi ro và tỷ suất sinh lợi

##### 4.2.3. Ưu điểm và nhược điểm của mô hình CAPM

#### 4.3. Lý thuyết thị trường vốn và mô hình CAPM

##### 4.3.1. Tổng quan về lý thuyết thị trường vốn

##### 4.3.2. Nội dung của lý thuyết thị trường vốn

##### 4.3.3. Quan hệ giữa lý thuyết thị trường vốn và mô hình CAPM

### **Chương 5: Định Giá Chứng Khoán**

*Ý nghĩa chương 5: Giúp sinh viên hiểu và biết cách định giá các loại chứng khoán để ra quyết định đầu tư, tức là nên mua hay bán chứng khoán nhằm mục tiêu sinh lợi hoặc thanh khoản*

#### 5.1. Các cặp khái niệm về giá trị

##### 5.1.1. Giá trị thanh lý và giá trị hoạt động

##### 5.1.2. Giá trị sổ sách và giá trị thị trường

##### 5.1.3. Giá trị thị trường và giá trị lý thuyết

#### 5.2. Định giá trái phiếu

##### 5.2.1. Những vấn đề chung về trái phiếu

##### 5.2.2. Định giá trái phiếu

#### 5.3. Định giá cổ phiếu ưu đãi

##### 5.3.1. Những vấn đề chung về cổ phiếu ưu đãi

##### 5.3.2. Định giá cổ phiếu ưu đãi

#### 5.4. Định giá cổ phiếu thường

##### 5.4.1. Những vấn đề chung về cổ phiếu thường

##### 5.4.2. Định giá cổ phiếu thường

### **Chương 6: Đầu Tư Tài Sản Dài Hạn**

*Ý nghĩa chương 6: Giúp cho sinh viên thấy được tầm quan trọng của đầu tư tài sản dài hạn và phương pháp tính toán để có quyết định đầu tư tài sản dài hạn có hiệu quả cao*

#### 6.1. Những vấn đề chung về đầu tư dài hạn

#### 6.2. Quy trình phân tích và quyết định đầu tư

##### 6.2.1. Đánh giá dự án

##### 6.2.2. Phân tích dòng tiền

##### 6.2.3. Thực hiện quyết định

#### 6.3. Các tiêu chuẩn đánh giá dự án

##### 6.3.1. Tiêu chuẩn hiện giá thuần

- 6.3.2. Tiêu chuẩn tỷ suất thu nhập nội bộ
- 6.3.3. Tiêu chuẩn chỉ số sinh lợi
- 6.3.4. Tiêu chuẩn thời gian hoàn vốn
- 6.4. Các phương pháp cho những dự án có thời gian hoạt động không bằng nhau
  - 6.4.1. Phương pháp chuỗi thay thế
  - 6.4.2. Phương pháp chuỗi tiền đều tương đương hàng năm
- 6.5. Các dự án gắn với quyền chọn
- 6.6. Lựa chọn dự án trong điều kiện giới hạn ngân sách

## **Chương 7: Nguồn Tài Trợ Của Doanh Nghiệp**

*Ý nghĩa chương 7: Giúp sinh viên biết các DN quyết định huy động các nguồn vốn như thế nào cho hiệu quả.*

- 7.1. Tổng quan về nguồn tài trợ của doanh nghiệp
- 7.2. Nguyên tắc cơ bản để lựa chọn nguồn vốn
- 7.3. Nội dung các nguồn vốn của doanh nghiệp
  - 7.3.1. Nguồn vốn ngắn hạn của DN
  - 7.3.2. Nguồn vốn dài hạn của DN
- 7.4. Quyết định lựa chọn nguồn vốn dài hạn của DN
  - 7.4.1. Căn cứ vào chi phí sử dụng vốn
  - 7.4.2. Căn cứ vào ưu điểm của nguồn vốn

## **Chương 8: Chính Sách Phân Chia Cổ Tức Của Dn**

*Ý nghĩa chương 8: Giúp sinh viên hiểu được các công ty chi trả cổ tức như thế nào và liệu chính sách cổ tức đó có tác động đến giá cổ phiếu hay không.*

- 8.1. Những vấn đề chung về cổ tức
- 8.2. Trình tự phân chia cổ tức
- 8.3. Chính sách cổ tức
  - 8.3.1. Các quan điểm về chính sách cổ tức
  - 8.3.2. Các chính sách cổ tức
  - 8.3.3. Các yếu tố ảnh hưởng tới quyết định chính sách cổ tức

## **5. Tài liệu tham khảo:**

- Tài chính doanh nghiệp của tập thể tác giả: PGS.TS. Phan Thị Cúc – TS.Nguyễn Trung Trực – Ths. Đoàn Văn Huy – Ths. Đặng Thị Trường Giang – Ths. Nguyễn Thị Mỹ Phượng – Nhà xuất bản tài chính năm 2010
- Tài chính doanh nghiệp hiện đại – Chủ biên: PGS.TS. Trần Ngọc Thơ – Nhà xuất bản Thống kê năm 2004
- Tài chính doanh nghiệp – Chủ biên: TS Bùi Hữu Phước – Nhà xuất bản lao động xã hội năm 2007
- Tài liệu giảng dạy của giảng viên đứng lớp.

## **6. Lịch trình dạy học:**

T T	Nội dung	Số tiết lên lớp			Tự hoc	Ghi chú
		TỔn	LT	TH		
1	Chương 1: Tổng quan về TCDN	4	4		5	
2	Chương 2: Giá trị tiền tệ theo thời gian	4	4		5	
3	Bài tập	4	4		10	
4	Chương 3: Các lý thuyết về cơ cấu vốn của DN	4	4		5	
5	Bài tập-Kiểm tra	4	4		10	
6	Chương 4: Mô hình định giá tài sản vốn	4	4		5	
7	Bài tập	4	4		10	
8	Chương 5: Định giá chứng khoán.	4	4		5	
9	Bài tập	4	4		10	
10	Chương 6: Đầu tư tài sản dài hạn	4	4		5	
11	Bài tập- Kiểm tra	4	4		10	
12	Chương 7: Nguồn tài trợ của DN	4	4		5	
13	Bài tập	4	4		10	
14	Chương 8: Chính sách phân chia cổ tức của	4	4		5	
15	Bài tập-Ôn	4	4		20	
	<b>TỔn cộng</b>	<b>60</b>	<b>60</b>		<b>120</b>	

### 7. Nhiệm vụ của sinh viên:

Tham dự học và thảo luận, kiểm tra giữa học kì theo Quyết định 43/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/8/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Quy chế học vụ hiện hành của nhà trường.

**8. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:** Chuyên cần: 10%; Kiểm tra thường xuyên: 10%; Kiểm tra giữa kỳ: 10%; Thi cuối kỳ: 70%

**9. Thang điểm:** Theo qui chế tín chỉ.

**PHỤ TRÁCH BỘ MÔN**

**Nguyễn Thị Ngọc Bích**

**GIẢNG VIÊN**

**Nguyễn Thanh Hòa**

**Nguyễn Thu Thủy**

**HỌC PHẦN****NGHIỆP VỤ NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI****1. Thông tin chung của học phần**Tên học phần: **NGHIỆP VỤ NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI.**

Số tín chỉ: 03

Trình độ: Dành cho sinh viên năm 2. Điều kiện tiên quyết: **Lý thuyết tài chính – Tiền tệ**

Phân giờ tín chỉ: Lý thuyết: 45 tiết. Thực hành: 0 tiết.

Tự học: 90 tiết

**2. Mục tiêu của học phần**

- Kiến thức: Người học nắm được nội dung các nghiệp vụ cơ bản của Ngân hàng thương mại.
- Kỹ năng: Tính toán và giải quyết các nghiệp vụ phát sinh ở Ngân hàng thương mại
- Thái độ: Sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của môn học trong việc cung cấp các kiến thức cơ sở ngành, những kiến thức này là nền tảng giúp sinh viên đi sâu vào các môn học chuyên ngành sau này.

**3. Mô tả vắn tắt nội dung học phần**

Giới thiệu khái niệm, đặc điểm, chức năng và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng thương mại. Nguồn vốn và sử dụng vốn của Ngân hàng thương mại. Các hoạt động chính của ngân hàng thương mại và cách tính toán, giải quyết các nghiệp vụ liên quan.

**4. Nội dung chi tiết học phần****Chương I: Nghiệp vụ nguồn vốn trong Ngân hàng thương mại**

*Ý nghĩa của chương:* Giải thích nguồn hình thành nên vốn của NHTM. Các hình thức mà NHTM sử dụng để làm tăng vốn huy động.

**1.1. Nguồn vốn của NHTM**

1.1.1. Vốn chủ sở hữu (Vốn tự có)

1.1.2. Vốn huy động

1.1.3. Vốn đi vay

1.1.4. Vốn tiếp nhận

1.1.5. Vốn khác

**1.2. Các hình thức huy động vốn**

1.2.1. Tiền gửi không kỳ hạn

1.2.2. Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn

1.2.3. Phát hành chứng từ có giá

**1.3. Biện pháp gia tăng vốn huy động****Chương II: Tổng quan về tín dụng ngân hàng**

*Ý nghĩa của chương:* Cung cấp các kiến thức cơ bản về tín dụng ngân hàng. Định nghĩa về quy trình tín dụng, giải thích đầy đủ các bước của quy trình tín dụng và ý nghĩa của việc thiết lập quy trình tín dụng đối với chính ngân hàng, đối với người được cấp tín dụng và đối với

nền kinh tế. Khái niệm về bảo đảm tín dụng, các hình thức bảo đảm tín dụng và ý nghĩa của bảo đảm tín dụng đối với ngân hàng, đối với người được cấp tín dụng và đối với nền kinh tế.

## 2.1. Những vấn đề cơ bản về tín dụng ngân hàng

- 2.1.1. Định nghĩa
- 2.1.2. Các nguyên tắc tín dụng
- 2.1.3. Phân loại tín dụng NHTM
- 2.1.4. Lãi suất tín dụng

## 2.2. Quy trình tín dụng

- 2.2.1. Định nghĩa
- 2.2.2. Các bước của quy trình tín dụng
- 2.2.3. Tác dụng của việc thiết lập quy trình tín dụng

## 2.3. Bảo đảm tín dụng

- 2.3.1. Khái niệm
- 2.3.2. Vai trò của bảo đảm tín dụng
- 2.3.3. Các hình thức bảo đảm tín dụng

## **Chương III: Tín dụng ngắn hạn tài trợ kinh doanh**

*Ý nghĩa của chương:* Giải thích đầy đủ ý nghĩa của tín dụng ngắn hạn tài trợ kinh doanh. Nêu rõ khái niệm, đặc điểm và phương pháp cho vay của các phương thức cho vay ngắn hạn mà các NHTM thường sử dụng. Trong mỗi phương thức cho vay, tài liệu còn cung cấp cho người học cách thức tính toán hạn mức cho vay (số tiền cho vay tối đa) đối với mỗi hợp đồng vay.

## 3.1. Nhu cầu vốn ngắn hạn

## 3.2. Phương thức cho vay ngắn hạn

- 3.2.1. Cho vay theo hạn mức tín dụng
  - 3.2.1.1. Khái niệm
  - 3.2.1.2. Đặc điểm
  - 3.2.1.3. Cách xác định hạn mức tín dụng
  - 3.2.1.4. Phương pháp cho vay
- 3.2.2. Cho vay theo món (Cho vay từng lần)
  - 3.2.2.1. Khái niệm
  - 3.2.2.2. Đặc điểm
  - 3.2.2.3. Phương pháp cho vay
- 3.2.3. Cho vay trả góp
  - 3.2.3.1. Khái niệm
  - 3.2.3.2. Đặc điểm
  - 3.2.3.3. Phương pháp cho vay
- 3.2.4. Cho vay theo hạn mức thấu chi
  - 3.2.4.1. Khái niệm
  - 3.2.4.2. Đặc điểm
  - 3.2.4.3. Cách xác định hạn mức thấu chi
  - 3.2.4.4. Phương pháp cho vay

## **Chương IV: Tín dụng dài hạn tài trợ dự án đầu tư**

*Ý nghĩa của chương:* Giới thiệu những vấn đề chung về tín dụng trung và dài hạn: đối tượng cho vay, nguồn vốn dùng để cấp tín dụng, mức cho vay đối với một dự án và thời hạn cho vay. Chương này còn cung cấp những kiến thức sơ lược về thẩm định dự án. Các hình thức tín dụng trung dài hạn mà các NHTM thường sử dụng.

### 4.1. Những vấn đề chung về tín dụng tài trợ dự án đầu tư

4.1.1. Đối tượng cho vay

4.1.2. Nguồn vốn để cho vay

4.1.3. Mức cho vay

4.1.4. Thời hạn cho vay

### 4.2. Thẩm định dự án đầu tư

4.2.1. Phân tích sự cần thiết và tính khả thi của dự án đầu tư

4.2.2. Thẩm định về phương diện thị trường

4.2.3. Thẩm định về phương diện kỹ thuật

4.2.4. Thẩm định về phương diện tài chính

4.2.5. Phân tích rủi ro

### 4.3. Các hình thức tín dụng trung dài hạn tài trợ dự án đầu tư

4.3.1. Cho vay theo dự án đầu tư

4.3.2. Cho vay theo hạn mức tín dụng dự phòng

4.3.3. Cho vay đồng tài trợ

## **Chương V: Tín dụng tiêu dùng**

*Ý nghĩa của chương:* Cung cấp cho sinh viên khái niệm và đặc điểm, mục đích của tín dụng tiêu dùng (tín dụng cá nhân); cách tính toán số tiền cho vay và số gốc, lãi mà khách hàng phải trả mỗi kỳ.

### 5.1. Khái niệm và đặc điểm tín dụng tiêu dùng

5.1.1. Khái niệm

5.1.2. Đặc điểm

### 5.2. Một số mục đích tín dụng tiêu dùng

### 5.3. Phương pháp cho vay và thu nợ

#### 5.3.1. Phương pháp cho vay

5.3.1.1. Cho vay theo món

5.3.1.2. Cho vay theo hạn mức

#### 5.3.2. Phương pháp thu nợ

5.3.2.1. Trả đều vốn gốc, lãi theo dư nợ còn lại

5.3.2.2. Trả đều vốn gốc, lãi theo vốn gốc hoàn trả

5.3.2.3. Trả vốn gốc không đều, lãi theo dư nợ còn lại

5.3.2.4. Trả vốn gốc không đều, lãi theo vốn gốc hoàn trả

5.3.2.5. Tổng số tiền thanh toán đều nhau mỗi kỳ

## **Chương VI: Chiết khấu và Bao thanh toán**



*Ý nghĩa của chương:* Chương VII bao gồm hai nghiệp vụ Chiết khấu và nghiệp vụ Bao thanh toán của NHTM. Đối với mỗi nghiệp vụ sinh viên sẽ hiểu được khái niệm, ý nghĩa, phân loại và cách xử lý chứng từ, tính toán các nghiệp vụ.

## 6.1 Chiết khấu

### 6.1.1. Khái niệm và ý nghĩa

### 6.1.2. Đối tượng chiết khấu và điều kiện chiết khấu

#### 6.1.2.1. Đối tượng chiết khấu

#### 6.1.2.2. Điều kiện chiết khấu

#### 6.1.2.3. Phương pháp tính tiền chiết khấu

#### 6.1.2.4. Mức chiết khấu

### 6.1.3. Quy trình chiết khấu

#### 6.1.3.1. Người sở hữu chứng từ có giá tiến hành thủ tục xin chiết khấu

#### 6.1.3.2. Thẩm định và kiểm tra chứng từ

#### 6.1.3.3. Chuyển giao chứng từ và hàng hóa

#### 6.1.3.4. Xử lý chứng từ khi đến hạn thanh toán

## 6.2. Bao thanh toán

### 6.2.1. Khái niệm và các bên liên quan

### 6.2.2. Quy trình bao thanh toán

#### 6.2.2.1. Thẩm định hồ sơ và ký hợp đồng bao thanh toán

#### 6.2.2.2. Người bán thực hiện hợp đồng

#### 6.2.2.3. Người bán nộp bộ chứng từ xin tài trợ bao thanh toán

#### 6.2.2.4. Đơn vị bao thanh toán thẩm định và thực hiện tài trợ

#### 6.2.2.5. Hoàn tất quy trình bao thanh toán

### 6.2.3. Các loại hình bao thanh toán

### 6.2.4. Phương thức bao thanh toán

### 6.2.5. Tác dụng của bao thanh toán

## **Chương VII: Bảo lãnh và Cho thuê tài chính**

*Ý nghĩa của chương:* Chương VIII bao gồm 2 nghiệp vụ là Bảo lãnh và Cho thuê tài chính. Đối với nghiệp vụ Bảo lãnh, sinh viên sẽ hiểu được khái niệm, tác dụng, quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia, điều kiện và mức bảo lãnh, thời hạn và phí bảo lãnh, các loại hình bảo lãnh và quy trình xử lý nghiệp vụ bảo lãnh. Đối với nghiệp vụ Cho thuê tài chính, sinh viên sẽ hiểu được khái niệm, tác dụng, quy trình xử lý và cách tính toán trong nghiệp vụ Cho thuê tài chính.

## 7.1. Bảo lãnh

### 7.1.1. Những vấn đề chung về bảo lãnh ngân hàng

#### 7.1.1.1. Khái niệm

#### 7.1.1.2. Tác dụng của bảo lãnh

#### 7.1.1.3. Quyền và nghĩa vụ của ngân hàng bảo lãnh và người được bảo lãnh

#### 7.1.1.4. Điều kiện và mức bảo lãnh

#### 7.1.1.5. Thời hạn và phí bảo lãnh

- 7.1.2. Các loại hình bảo lãnh
- 7.1.3. Quy trình bảo lãnh
- 7.2. Cho thuê tài chính
  - 7.2.1. Những vấn đề chung về cho thuê tài chính
  - 7.2.2. Quy trình cho thuê tài chính
  - 7.2.3. Một số phương pháp tính tiền thuê
    - 7.2.3.1. Kỳ khoản giảm dần
    - 7.2.3.2. Kỳ khoản tăng dần
    - 7.2.3.3. Kỳ khoản cố định

## **Chương VIII: Thanh toán qua ngân hàng và các dịch vụ ngân hàng khác**

*Ý nghĩa của chương:* Giúp sinh viên nắm được khái niệm, các bên liên quan và quy trình xử lý nghiệp vụ thanh toán qua ngân hàng và các tiện ích của một ngân hàng hiện đại.

- 8.1. Thanh toán qua ngân hàng
  - 8.1.1. Những vấn đề chung về thanh toán qua ngân hàng
  - 8.1.2. Phương thức thanh toán qua ngân hàng
    - 8.1.2.1. Thanh toán bằng Séc
    - 8.1.2.2. Thanh toán bằng Ủy nhiệm chi
    - 8.1.2.3. Thanh toán bằng Ủy nhiệm thu
    - 8.1.2.4. Thanh toán bằng thẻ ngân hàng
- 8.2. Thanh toán vốn giữa các ngân hàng thương mại
  - 8.2.1. Thanh toán điện tử liên ngân hàng
  - 8.2.2. Thanh toán bù trừ
  - 8.2.3. Thanh toán qua NHNN
- 8.3. Các dịch vụ ngân hàng khác
  - 8.3.1. Home banking
  - 8.3.2. Internet Banking
  - 8.3.3. Phone Banking
  - 8.3.4. Mobile banking
  - 8.3.5. Call centre

## **5. Tài liệu tham khảo**

- + Giáo trình Nghiệp vụ Ngân hàng thương mại – Đại Học Kinh tế Tp.HCM
- + Tài liệu giảng dạy của giảng viên đứng lớp.

## **6. Lịch trình dạy học:**

T T	Nội dung	Số tiết lên lớp			Tự học	Ghi chú
		Tổng cộng	Lí thuy ết	Thự c hành		
1	Chương I: Nghiệp vụ nguồn vốn trong Ngân hàng thương mại	3	3		6	
2	Chương II: Tổng quan về tín dụng ngân hàng	3	3		6	
3	Chương III: Tín dụng ngắn hạn tài trợ kinh doanh	3	2	1	6	
4	Bài tập chương III	3		3	6	
5	Chương IV: Tín dụng dài hạn tài trợ dự án đầu tư	3	2	1	6	
6	Bài tập chương IV	3		3	6	
7	Ôn tập + Bài tập	3		3	6	
8	<b>Kiểm tra giữa kỳ (Bài số 1)</b> Chương V: Tín dụng tiêu dùng	3	2	1	6	
9	Bài tập chương V	3		3	6	
10	Bài tập chương V	3		3	6	
11	Chương VI: Chiết khấu và Bao thanh toán	3	2	1	6	
12	Bài tập chương VI	3		3	6	
13	<b>Kiểm tra giữa kỳ (Bài số 2)</b> Chương VII: Bảo lãnh và cho thuê tài	3	2	1	6	
14	Chương VIII: Thanh toán qua ngân hàng và các dịch vụ ngân hàng khác	3	3		6	
15	Ôn tập	3			6	
<b>TỔNG</b>		<b>45</b>	<b>22</b>	<b>23</b>	<b>90</b>	

### 7. Nhiệm vụ của sinh viên:

Tham dự học và thảo luận, kiểm tra giữa học kì theo Quyết định 43/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/8/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Quy chế học vụ hiện hành của nhà trường.

**8. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:** Chuyên cần 10%; Kiểm tra giữa kỳ (Bài 1) : 10%; Kiểm tra giữa kỳ (Bài 2) : 10%; Thi cuối kỳ: 70%

**9. Thang điểm:** Theo qui chế tín chỉ.

**PHỤ TRÁCH BỘ MÔN**



**Nguyễn Thị Ngọc Bích**

**GIẢNG VIÊN**



**Võ Thị Từ Hiếu**



**Phạm Thị Thu Hiền**

**HỌC PHẦN****KẾ TOÁN TÀI CHÍNH 1****1. Thông tin chung của học phần:**

Tên học phần: **KẾ TOÁN TÀI CHÍNH - PHẦN 1**. Mã học phần: Số tín chỉ: 04

Trình độ: Dành cho sinh viên năm 2. Điều kiện tiên quyết: **Nguyên lý Kế toán**

Phân giờ tín chỉ: Lên lớp: 60 tiết. Thực hành: 0 tiết. Tự học: 120 tiết

**2. Mục tiêu của học phần:***\* Về kiến thức*

Người học hiểu, biết các phương pháp hạch toán kế toán áp dụng trong việc tính giá, ghi nhận nghiệp vụ kinh tế... của các đối tượng kế toán (vốn bằng tiền, phải thu, hàng tồn kho, tài sản cố định, tiền lương, chi phí giá thành, tiêu thụ thành phẩm và xác định kết quả kinh doanh). Biết các chứng từ, sổ sách liên quan đến các đối tượng kế toán trên.

*\* Về kỹ năng*

- Tính giá các đối tượng kế toán
- Định khoản các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh liên quan tới các phần hành cơ bản.
- Tính toán, tổng hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp sản xuất
- Xác định kết quả kinh doanh trong kỳ của đơn vị kế toán

*\* Về thái độ*

- Người học được rèn tính cẩn thận, tính chính trực, khách quan, bảo mật thông tin
- Có ý thức chấp hành đúng cá qui định của Nhà nước khi thực hiện công tác kế toán

**3. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:** Kế Toán Tài Chính phần 1 là học phần thuộc phần kiến thức chuyên ngành cung cấp những kiến thức tổng quát về tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp; hướng dẫn hạch toán về Vốn bằng tiền và các khoản nợ phải thu; các phương pháp tính giá nhập, xuất và nguyên tắc hạch toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ; Cách tính nguyên giá và hướng dẫn hạch toán tài sản cố định; cung cấp cho người học những kiến thức về kế toán tiền lương: các hình thức trả lương trong doanh nghiệp, hạch toán kế toán tiền lương, các khoản trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ theo qui định hiện hành; kiến thức về kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm: Phân loại chi phí sản xuất, các phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang, phương pháp tính giá thành sản phẩm..... tìm hiểu về qui trình bán hàng và xác định được kết quả kinh doanh

**4. Nội dung chi tiết học phần.****Chương 1 : Tổ Chức Công Tác Kế Toán Trong Doanh Nghiệp**

*Ý nghĩa chương: Giúp nhận biết khái quát về công tác kế toán trong doanh nghiệp. Nhắm được các nguyên tắc kế toán cơ bản, môi trường pháp lý của kế toán, các yếu tố của báo cáo*

*tài chính và việc ghi nhận các yếu tố của báo cáo tài chính. Nắm được những quy định chung về chứng từ, sổ sách kế toán và trình tự ghi sổ kế toán.*

1.1. Tổ chức công tác kế toán:

1.1.1. Vai trò của kế toán

1.1.2. Môi trường pháp lý của kế toán

1.1.3. Tổ chức vận dụng chế độ chứng từ kế toán

1.1.4. Tổ chức vận dụng hệ thống tài khoản kế toán

1.1.5. Tổ chức vận dụng hình thức kế toán và sổ kế toán

1.1.6. Tổ chức vận dụng chế độ báo cáo kế toán

1.2. Tổ chức bộ máy kế toán:

1.2.1. Đối với doanh nghiệp có quy mô lớn

1.2.2. Đối với doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ

## **Chương 2 : Kế Toán Vốn Bằng Tiền Và Các Khoản Phải Thu**

*Ý nghĩa chương: Giúp tìm hiểu công việc của người làm kế toán vốn bằng tiền từ khi nghiệp vụ phát sinh cho đến khi trình bày thông tin tiền trên báo cáo tài chính. Giúp nhận biết một khoản nợ phải thu. Phân loại khoản phải thu nhằm phục vụ việc kiểm soát, quản lý chặt chẽ từng khoản nợ và tổ chức công việc kế toán. Thực hiện tính toán và xử lý kế toán liên quan đến Vốn bằng tiền, các đối tượng thuộc khoản phải thu và trình bày thông tin trên BCTC.*

2.1. Kế toán Vốn bằng tiền:

2.1.1. Những vấn đề chung:

2.1.1.1. Khái niệm

2.1.1.2. Nguyên tắc hạch toán

2.1.2. Kế toán tiền mặt:

2.1.2.1. Nội dung

2.1.2.2. Tài khoản sử dụng

2.1.2.3. Phương pháp hạch toán

2.1.2.4. Sơ đồ kế toán

2.1.3. Kế toán tiền gửi ngân hàng:

2.1.3.1. Nội dung

2.1.3.2. Tài khoản sử dụng

2.1.3.3. Phương pháp hạch toán

2.1.3.4. Sơ đồ kế toán

2.1.4. Kế toán tiền đang chuyển:

2.1.4.1. Nội dung

2.1.4.2. Tài khoản sử dụng

2.1.4.3. Phương pháp hạch toán

2.1.4.4. Sơ đồ kế toán

2.2. Kế toán các khoản phải thu:

2.2.1. Kế toán phải thu khách hàng:

2.2.1.1. Nội dung

- 2.2.1.2. Tài khoản sử dụng
- 2.2.1.3. Phương pháp hạch toán
- 2.2.1.4. Sơ đồ kế toán
- 2.2.2. Kế toán thuế GTGT được khấu trừ :
  - 2.2.2.1. Nội dung
  - 2.2.2.2. Tài khoản sử dụng
  - 2.2.2.3. Phương pháp hạch toán
  - 2.2.2.4. Sơ đồ kế toán
- 2.2.3. Kế toán phải thu nội bộ :
  - 2.2.3.1. Nội dung
  - 2.2.3.2. Tài khoản sử dụng
  - 2.2.3.3. Phương pháp hạch toán
  - 2.2.3.4. Sơ đồ kế toán
- 2.2.4. Kế toán các khoản tạm ứng:
  - 2.2.4.1. Nội dung
  - 2.2.4.2. Tài khoản sử dụng
  - 2.2.4.3. Phương pháp hạch toán
  - 2.2.4.4. Sơ đồ kế toán
- 2.2.5. Kế toán các khoản chi phí trả trước:
  - 2.2.5.1. Nội dung
  - 2.2.5.2. Tài khoản sử dụng
  - 2.2.5.3. Phương pháp hạch toán
  - 2.2.5.4. Sơ đồ kế toán
- 2.2.6. Kế toán cầm cố, ký quỹ, ký cược:
  - 2.2.6.1. Nội dung
  - 2.2.6.2. Tài khoản sử dụng
  - 2.2.6.3. Phương pháp hạch toán
  - 2.2.6.4. Sơ đồ kế toán
- 2.2.7. Kế toán phải thu khác:
  - 2.2.7.1. Nội dung
  - 2.2.7.2. Tài khoản sử dụng
  - 2.2.7.3. Phương pháp hạch toán
  - 2.2.7.4. Sơ đồ kế toán
- 2.2.8. Kế toán dự phòng Nợ phải thu khó đòi:
  - 2.2.8.1. Nội dung
  - 2.2.8.2. Tài khoản sử dụng
  - 2.2.8.3. Phương pháp hạch toán
  - 2.2.8.4. Sơ đồ kế toán

Bài tập chương 2

### **Chương 3: Kế Toán Nguyên Vật Liệu Và Công Cụ Dụng Cụ**

*Ý nghĩa chương: Giúp sinh viên nắm bắt được các khái niệm về Nguyên vật liệu và CCDC, tính giá nhập, xuất nguyên vật liệu và CCDC. Nắm bắt được nguyên tắc hạch toán, các phương pháp kế toán hàng tồn kho và hạch toán tình hình nhập xuất nguyên vật liệu và CCDC. Trình bày các chỉ tiêu về Kế toán Nguyên vật liệu và CCDC trên báo cáo tài chính.*

### 3.1. Kế toán nguyên vật liệu:

#### 3.1.1. Những vấn đề chung:

##### 3.1.1.1. Khái niệm

##### 3.1.1.2. Đặc điểm

##### 3.1.1.3. Nguyên tắc hạch toán

##### 3.1.1.4. Phương pháp Kế toán hàng tồn kho

##### 3.1.1.5. Phân loại

#### 3.1.2. Tính giá nguyên, vật liệu

##### 3.1.2.1. Đánh giá vật liệu nhập

##### 3.1.2.2. Đánh giá vật liệu xuất

#### 3.1.3. Kế toán tổng hợp tình hình nhập, xuất vật liệu

##### 3.1.3.1. Chứng từ kế toán

##### 3.1.3.2. Tài khoản sử dụng

##### 3.1.3.3. Kế toán vật liệu nhập, xuất kho (phương pháp kê khai thường xuyên)

##### 3.1.3.4. Kế toán vật liệu nhập, xuất kho (phương pháp kiểm kê định kỳ)

##### 3.1.3.5. Kế toán một số trường hợp khác về vật liệu

#### 3.1.4. Kế toán chi tiết Vật liệu:

##### 3.1.4.1. Phương pháp thẻ song song

##### 3.1.4.2. Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển

##### 3.1.4.3. Phương pháp sổ dư

### 3.2. Kế toán công cụ, dụng cụ:

#### 3.2.1. Những vấn đề chung:

##### 3.2.1.1. Khái niệm

##### 3.2.1.2. Đặc điểm

##### 3.2.1.3. Phân loại

##### 3.2.1.4. Nguyên tắc hạch toán

#### 3.2.2. Kế toán tổng hợp tình hình nhập, xuất CCDC

##### 3.2.2.1. Chứng từ kế toán

##### 3.2.2.2. Tài khoản sử dụng

##### 3.2.2.3. Kế toán CCDC nhập, xuất kho (phương pháp kê khai thường xuyên)

##### 3.2.2.4 - Kế toán CCDC nhập, xuất kho (phương pháp kiểm kê định kỳ)

### 3.3. Kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho

#### 3.3.1. Khái niệm

#### 3.3.2. Nguyên tắc và điều kiện lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

#### 3.3.3. Tài khoản sử dụng



3.3.4. Phương pháp hạch toán

3.3.5. Sơ đồ kế toán

Bài tập chương 3

#### **Chương 4: Kế Toán Tài Sản Cố Định**

*Ý nghĩa chương: Phân biệt TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình. Xác định được nguyên giá của TSCĐ; nguyên tắc và phương pháp tính khấu hao. Hướng dẫn hạch toán tăng, giảm TSCĐ; sửa chữa TSCĐ; TSCĐ thuê ngoài và đánh giá lại TSCĐ.*

4.1. Khái niệm và nhiệm vụ kế toán TSCĐ

4.1.1. Khái niệm

4.1.2. Tiêu chuẩn và nhận biết TSCĐ

4.1.3. Nhiệm vụ

4.2. Phân loại và đánh giá tài sản cố định

4.2.1. Phân loại TSCĐ

4.2.2. Đánh giá tài sản cố định

4.3. Kế toán tình hình tăng – giảm TSCĐ

4.3.1. Nội dung

4.3.2. Tài khoản sử dụng

4.3.3. Phương pháp hạch toán

4.3.4. Sơ đồ kế toán

4.4. Kế toán khấu hao TSCĐ

4.4.1. Khái niệm

4.4.2. Nguyên tắc trích khấu hao

4.4.3. Xác định thời gian sử dụng TSCĐ

4.4.4. Phương pháp tính khấu hao

4.4.5. Kế toán khấu hao tài sản cố định

4.5. Kế toán sửa chữa TSCĐ

4.5.1. Nội dung

4.5.2. Tài khoản sử dụng

4.5.3. Phương pháp hạch toán

4.5.4. Sơ đồ kế toán

4.6. Kế toán TSCĐ thuê ngoài

4.6.1. Kế toán TSCĐ thuê hoạt động

4.6.2. Kế toán TSCĐ thuê tài chính

4.7. Kế toán đánh giá lại TSCĐ

4.7.1. Nội dung

4.7.2. Tài khoản sử dụng

4.7.3. Phương pháp hạch toán

4.7.4. Sơ đồ kế toán

Bài tập chương 4

#### **Chương 5: Kế Toán Tiền Lương Và Các Khoản Trích Theo Lương**

*Ý nghĩa chương: Trình bày được ý nghĩa, nhiệm vụ của kế toán tiền lương. Phân loại được các hình thức trả lương trong doanh nghiệp. Thực hiện các nghiệp vụ kế toán chi tiết và kế toán tổng hợp tiền lương. Vận dụng kiến thức vào làm bài tập thực hành ứng dụng.*

#### 5.1. Những vấn đề chung:

##### 5.1.1. Khái niệm

##### 5.1.2. Nội dung của quỹ tiền lương

##### 5.1.3. Nhiệm vụ của kế toán tiền lương

#### 5.2. Nội dung quỹ BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ:

##### 5.2.1. Quỹ Bảo hiểm xã hội (BHXH)

##### 5.2.2. Quỹ Bảo hiểm Y tế (BHYT)

##### 5.2.3. Quỹ Bảo hiểm thất nghiệp (BHTN)

##### 5.2.4. Kinh phí công đoàn (KPCĐ)

#### 5.3. Các hình thức trả lương :

##### 5.3.1. Hình thức trả lương theo thời gian

##### 5.3.2. Hình thức trả lương theo sản phẩm

##### 5.3.3. Cách tính lương trong một số trường hợp đặc biệt

#### 5.4. Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương:

##### 5.4.1. Nội dung

##### 5.4.2. Tài khoản sử dụng

##### 5.4.3. Phương pháp hạch toán

##### 5.4.4. Sơ đồ kế toán

#### 5.5. Kế toán trích trước tiền lương nghỉ phép của công nhân sản xuất:

##### 5.5.1. Nội dung

##### 5.5.2. Tài khoản sử dụng

##### 5.5.3. Phương pháp hạch toán

##### 5.5.4. Sơ đồ kế toán

### Bài tập chương 5

## **Chương 6: Kế Toán Chi Phí Sản Xuất Và Tính Giá Thành Sản Phẩm**

*Ý nghĩa chương: Chương này trình bày tổ chức công việc kế toán hoạt động sản xuất (lĩnh vực công nghiệp) qua đó giúp sinh viên có khả năng hiểu và thực hiện các nội dung sau: Phân biệt khái niệm chi phí và giá thành; Tổ chức kế toán chi phí sản xuất; Hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm của hoạt động SXKD chính; Hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, lao vụ của hoạt động SX phụ; Hạch toán các khoản thiệt hại trong sản xuất*

#### 6.1. Khái niệm và nhiệm vụ kế toán

##### 6.1.1. Khái niệm

##### 6.1.2. Nhiệm vụ

#### 6.2. Những vấn đề cơ bản về hạch toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm:

##### 6.2.1. Xác định đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành

##### 6.2.2. Kỳ tính giá thành

- 6.3. Phân loại chi phí sản xuất:
  - 6.3.1. Phân loại chi phí SX theo nội dung kinh tế
  - 6.3.2. Phân loại chi phí sản xuất theo khoản mục
- 6.4. Trình tự tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm:
- 6.5. Kế toán chi phí sản xuất:
  - 6.5.1. Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp
  - 6.5.2. Kế toán chi phí nhân công trực tiếp
  - 6.5.3. Kế toán chi phí sản xuất chung
- 6.6. Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sp:
  - 6.6.1. Tài khoản sử dụng
  - 6.6.2. Phương pháp hạch toán
  - 6.6.3. Sơ đồ kế toán
- 6.7. Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, lao vụ của phân xưởng sản xuất phụ:
  - 6.7.1. Nội dung
  - 6.7.2. Hạch toán kế toán tại phân xưởng sản xuất phụ
- 6.8. Kế toán các khoản thiệt hại trong sản xuất
  - 6.8.1. Hạch toán thiệt hại về sản phẩm hỏng
  - 6.8.2. Hạch toán thiệt hại về ngừng sản xuất
- 6.9. Các phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang
  - 6.9.1. Phương pháp đánh giá theo chi phí NVL trực tiếp hoặc theo chi phí NVL chính
  - 6.9.2. Phương pháp ước lượng SP hoàn thành tương đương
  - 6.9.3. Phương pháp đánh giá SP dở dang theo 50% chi phí chế biến
  - 6.9.4. Phương pháp đánh giá theo chi phí định mức hoặc chi phí kế hoạch
- 6.10. Các phương pháp tính giá thành:
  - 6.10.1. Phương pháp trực tiếp
  - 6.10.2. Phương pháp hệ số
  - 6.10.3. Phương pháp tỷ lệ
  - 6.10.4. Phương pháp loại trừ giá trị sản phẩm phụ
  - 6.10.5. Phương pháp đơn đặt hàng
  - 6.10.6. Phương pháp phân bước

Bài tập chương 6

### **Chương 7: Kế Toán Tiêu Thụ Thành Phẩm Và Xác Định Kết Quả Kinh Doanh**

*Ý nghĩa chương: Giúp nắm bắt được quá trình tiêu thụ thành phẩm, hiểu được nguyên tắc hạch toán doanh thu bán hàng, các khoản giảm trừ doanh thu. Hiểu được phương pháp kế toán một số nghiệp vụ chủ yếu liên quan đến các khoản chi phí trong doanh nghiệp như chi phí bán hàng, chi phí QLDN. Hiểu được phương pháp kế toán một số nghiệp vụ chủ yếu liên quan đến kế toán hoạt động tài chính và hoạt động khác trong doanh nghiệp. Hướng dẫn xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.*

- 7.1. Kế toán thành phẩm:
  - 7.1.1. Khái niệm thành phẩm

- 7.1.2. Nhiệm vụ của kế toán
- 7.1.3. Đánh giá thành phẩm
- 7.1.4. Kế toán chi tiết thành phẩm
- 7.1.5. Kế toán tổng hợp thành phẩm
- 7.2. Kế toán tiêu thụ thành phẩm :
  - 7.2.1. Khái niệm
  - 7.2.2. Nhiệm vụ của kế toán
  - 7.2.3. Kế toán tiêu thụ thành phẩm và cung cấp dịch vụ
  - 7.2.4 – kế toán các khoản giảm trừ doanh thu
  - 7.2.5. Kế toán doanh thu thuần
- 7.3. Kế toán các khoản chi phí :
  - 7.3.1. Kế toán giá vốn hàng bán
  - 7.3.2. Kế toán chi phí tài chính
  - 7.3.3. Kế toán chi phí bán hàng
  - 7.3.4. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp
  - 7.3.5. Kế toán chi phí khác
  - 7.3.6. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
- 7.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác
  - 7.4.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính
  - 7.4.2. Kế toán thu nhập khác
- 7.5. Kế toán xác định kết quả kinh doanh:
  - 7.5.1. Tài khoản sử dụng
  - 7.5.2. Phương pháp hạch toán
  - 7.5.3. Sơ đồ kế toán

Bài tập chương 7

### **5. Tài liệu tham khảo:**

1. Vụ chế độ kế toán và kiểm toán, 2015, Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 1), Nxb. Tài chính, Hà Nội.
2. Vụ chế độ kế toán và kiểm toán, 2015, Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 2), NXB. Tài chính, Hà Nội.
3. PGS.TS Hà Xuân Thạch, 2015, Hướng dẫn chuyển đổi theo chế độ kế toán doanh nghiệp mới, NXB. Kinh tế Tp.HCM
4. Tập thể tác giả Bộ môn Kế toán tài chính(Khoa Kế toán Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh), 2015, Giáo trình Kế toán tài chính quyển 1, NXB. Kinh tế Tp.HCM
5. Tập thể tác giả Bộ môn Kế toán tài chính(Khoa Kế toán Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh), 2015, Giáo trình Kế toán tài chính quyển 2, NXB. Kinh tế Tp.HCM
6. Tập thể tác giả Bộ môn Kế toán tài chính(Khoa Kế toán Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh), 2015, Giáo trình Kế toán tài chính quyển 3, NXB. Kinh tế Tp.HCM
7. Tài liệu giảng dạy của giảng viên đứng lớp.

**6. Lịch trình dạy học:**

T T	Nội dung	Số tiết lên lớp			Tự học	Ghi chú
		Tổn	LT	T		
1	Chương 1 : Tổ Chức Công Tác Kế Toán Trong	4	4		5	
2	Chương 2 : Kế Toán Vốn Bằng Tiền Và Các	4	4		5	
3	Bài tập	4	4		10	
4	Chương 3: Kế Toán Nguyên Vật Liệu Và Công	4	4		5	
5	Bài tập	4	4		10	
6	Chương 4: Kế Toán Tài Sản Cố Định	4	4		5	
7	Bài tập-Kiểm tra	4	4		10	
8	Chương 5: Kế Toán Tiền Lương Và Các	4	4		5	
9	Bài tập	4	4		10	
10	Chương 6: Kế Toán Chi Phí SX Và Tính Giá	4	4		5	
11	Bài tập-Kiểm tra	4	4		10	
12	Chương 7: Kế Toán Tiêu Thu Thành Phẩm Và	4	4		5	
13	Bài tập	4	4		10	
14	Bài tập	4	4		5	
15	Bài tập-Ôn	4	4		20	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>60</b>	<b>60</b>		<b>120</b>	

**7. Nhiệm vụ của sinh viên:**

Tham dự học và thảo luận, kiểm tra giữa học kì theo Quyết định 43/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/8/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Quy chế học vụ hiện hành của nhà trường.

**8. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:** Chuyên cần: 10%; Kiểm tra thường xuyên: 10%; Kiểm tra giữa kỳ: 10%; Thi cuối kỳ: 70%

**9. Thang điểm:** Theo qui chế tín chỉ.

**PHỤ TRÁCH BỘ MÔN**

**Nguyễn Thị Ngọc Bích****GIẢNG VIÊN**

**Nguyễn Thị Ngọc Bích**

**Nguyễn Thị Vững**

**HỌC PHẦN****KẾ TOÁN TÀI CHÍNH 2****1. Thông tin chung của học phần:**

Tên học phần: **KẾ TOÁN TÀI CHÍNH - PHẦN 2**. Mã học phần: Số tín chỉ: 03

Trình độ: Dành cho sinh viên năm 3. Điều kiện tiên quyết: **Kế toán tài chính - phần 1**

Phân giờ tín chỉ: Lên lớp: 45 tiết. Thực hành: 0 tiết. Tự học: 90 tiết

**2. Mục tiêu của học phần:***\* Về kiến thức*

Người học hiểu, biết các phương pháp hạch toán kế toán áp dụng trong việc tính giá, ghi nhận nghiệp vụ kinh tế... của các đối tượng kế toán (Chênh lệch tỷ giá hối đoái, Nợ phải trả, vốn chủ sở hữu, kế toán thuế và kế toán hàng hoá trong doanh nghiệp thương mại). Biết các chứng từ, sổ sách liên quan đến các đối tượng kế toán trên.

*\* Về kỹ năng*

- Xác định tỷ giá trong từng trường hợp  
- Định khoản các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh liên quan tới các phần hành cơ bản.

- Tính toán các loại thuế

- Xác định kết quả kinh doanh trong kỳ của doanh nghiệp thương mại.

*\* Về thái độ*

- Người học được rèn tính cẩn thận, tính chính trực, khách quan, bảo mật thông tin

- Có ý thức chấp hành đúng cá qui định của Nhà nước khi thực hiện công tác kế toán **3. Mô tả**

**vấn tất nội dung học phần:** Kế Toán Tài Chính phần 2 là học phần thuộc phần kiến thức chuyên ngành tiếp theo học phần Kế Toán Tài Chính phần 1. Nội dung của học phần cung cấp những kiến thức tổng quát và hướng dẫn hạch toán về Kế toán các khoản Nợ phải trả; Nguồn Vốn chủ sở hữu; hướng dẫn hạch toán các giao dịch ngoại tệ; hạch toán các khoản thuế, phí, lệ phí và tìm hiểu về hoạt động thương mại.

**4. Nội dung chi tiết học phần.****Chương 1 : Kế Toán Chênh Lệch Tỷ Giá Hối Đoái**

*Ý nghĩa chương: Giúp nhận biết các giao dịch bằng ngoại tệ. Hiểu được những nguyên tắc và phương pháp kế toán những ảnh hưởng do thay đổi tỷ giá hối đoái trong trường hợp doanh nghiệp có các giao dịch ngoại tệ được chuyển sang đơn vị tiền tệ kế toán của doanh nghiệp. Trình bày thông tin về các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trên BCTC.*

**1.1. Những vấn đề chung:**

1.1.1. Các khái niệm cơ bản

1.1.2. Các qui định hạch toán ngoại tệ

**1.2. Kế toán chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ:**

1.2.1. Nội dung

- 1.2.2. Tài khoản sử dụng
- 1.2.3. Phương pháp hạch toán
- 1.2.4. Sơ đồ kế toán
- 1.3. Kế toán chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm tài chính:
  - 1.3.1. Nội dung
  - 1.3.2. Tài khoản sử dụng
  - 1.3.3. Phương pháp hạch toán
  - 1.3.4. Sơ đồ kế toán

Bài tập chương 1

## **Chương 2 : Kế Toán Các Khoản Nợ Phải Trả**

Ý nghĩa chương: Giúp nhận biết một khoản nợ phải trả. Phân loại khoản nợ phải trả nhằm phục vụ việc kiểm soát, quản lý chặt chẽ từng khoản nợ và tổ chức công việc kế toán. Thực hiện tính toán và xử lý kế toán liên quan đến các đối tượng thuộc khoản Nợ phải trả.

Trình bày thông tin về Nợ phải trả trên BCTC.

- 2.1. Tổng quan về nợ phải trả
  - 2.1.1. Khái niệm
  - 2.1.2. Nguyên tắc hạch toán
- 2.2. Kế toán các khoản phải trả người bán:
  - 2.2.1. Nội dung
  - 2.2.2. Tài khoản sử dụng
  - 2.2.3. Phương pháp hạch toán
  - 2.2.4. Sơ đồ kế toán
- 2.3. Kế toán thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước
  - 2.3.1. Nội dung
  - 2.3.2. Tài khoản sử dụng
  - 2.3.3. Phương pháp hạch toán
  - 2.3.4. Sơ đồ kế toán
- 2.4. Kế toán khoản phải trả người lao động
  - 2.4.1. Nội dung
  - 2.4.2. Tài khoản sử dụng
  - 2.4.3. Phương pháp hạch toán
  - 2.4.4. Sơ đồ kế toán
- 2.5. Kế toán chi phí phải trả
  - 2.5.1. Nội dung
  - 2.5.2. Tài khoản sử dụng
  - 2.5.3. Phương pháp hạch toán
  - 2.5.4. Sơ đồ kế toán
- 2.6. Kế toán phải trả nội bộ
  - 2.6.1. Nội dung
  - 2.6.2. Tài khoản sử dụng

- 2.6.3. Phương pháp hạch toán
- 2.6.4. Sơ đồ kế toán
- 2.7. Kế toán thanh toán theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng
  - 2.7.1. Nội dung
  - 2.7.2. Tài khoản sử dụng
  - 2.7.3. Phương pháp hạch toán
  - 2.7.4. Sơ đồ kế toán
- 2.8. Kế toán phải trả, phải nộp khác
  - 2.8.1. Nội dung
  - 2.8.2. Tài khoản sử dụng
  - 2.8.3. Phương pháp hạch toán
  - 2.8.4. Sơ đồ kế toán
- 2.9. Kế toán vay và nợ thuê tài chính
  - 2.9.1. Nội dung
  - 2.9.2. Tài khoản sử dụng
  - 2.9.3. Phương pháp hạch toán
  - 2.9.4. Sơ đồ kế toán
- 2.10. Kế toán trái phiếu phát hành
  - 2.10.1. Nội dung
  - 2.10.2. Tài khoản sử dụng
  - 2.10.3. Phương pháp hạch toán
  - 2.10.4. Sơ đồ kế toán
- 2.11. Kế toán nhận ký quỹ, ký cược
  - 2.11.1. Nội dung
  - 2.11.2. Tài khoản sử dụng
  - 2.11.3. Phương pháp hạch toán
  - 2.11.4. Sơ đồ kế toán
- 2.12. Kế toán thuế thu nhập hoãn lại phải trả
  - 2.12.1. Nội dung
  - 2.12.2. Tài khoản sử dụng
  - 2.12.3. Phương pháp hạch toán
  - 2.12.4. Sơ đồ kế toán
- 2.13. Kế toán dự phòng phải trả
  - 2.13.1. Nội dung
  - 2.13.2. Tài khoản sử dụng
  - 2.13.3. Phương pháp hạch toán
  - 2.13.4. Sơ đồ kế toán
- 2.14. Kế toán các quỹ thuộc nội dung Nợ phải trả
  - 2.14.1. Kế toán quỹ khen thưởng, phúc lợi
  - 2.14.2. Kế toán quỹ phát triển khoa học và công nghệ



### 2.14.3. Kế toán quỹ bình ổn giá

#### Bài tập chương 2

### **Chương 3: Kế Toán Vốn Chủ Sở Hữu**

*Ý nghĩa chương: Giúp nhận biết được một khoản thuộc Vốn chủ sở hữu. Nguồn hình thành và mục đích sử dụng của từng loại vốn, quỹ (trong vốn chủ sở hữu), nguồn kinh phí trong doanh nghiệp. Nắm vững nguyên tắc phân phối lợi nhuận và thực hiện phân phối theo đúng chế độ qui định. Ghi nhận và theo dõi từng loại vốn, quỹ; nguồn kinh phí sự nghiệp, nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ ở những doanh nghiệp được nhà nước hoặc cấp trên cấp phát kinh phí sự nghiệp, kinh phí dự án. Trình bày các chỉ tiêu thuộc vốn chủ sở hữu trên báo cáo tài chính.*

#### 3.1. Tổng quan về vốn chủ sở hữu

##### 3.1.1. Khái niệm

##### 3.1.2. Nguyên tắc hạch toán

#### 3.2. Kế toán vốn đầu tư của chủ sở hữu

##### 3.2.1. Nội dung

##### 3.2.2. Tài khoản sử dụng

##### 3.2.3. Phương pháp hạch toán

##### 3.2.4. Sơ đồ kế toán

#### 3.3. Kế toán chênh lệch đánh giá lại tài sản

##### 3.3.1. Nội dung

##### 3.3.2. Tài khoản sử dụng

##### 3.3.3. Phương pháp hạch toán

##### 3.3.4. Sơ đồ kế toán

#### 3.4. Kế toán chênh lệch tỷ giá hối đoái

##### 3.4.1. Nội dung

##### 3.4.2. Tài khoản sử dụng

##### 3.4.3. Phương pháp hạch toán

##### 3.4.4. Sơ đồ kế toán

#### 3.5. Kế toán các quỹ thuộc Vốn chủ sở hữu

##### 3.5.1. Kế toán quỹ đầu tư phát triển

##### 3.5.2. Kế toán quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp

##### 3.5.3. Kế toán các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

#### 3.6. Kế toán Cổ phiếu quỹ

##### 3.6.1. Nội dung

##### 3.6.2. Tài khoản sử dụng

##### 3.6.3. Phương pháp hạch toán

##### 3.6.4. Sơ đồ kế toán

#### 3.7. Kế toán Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

##### 3.7.1. Nội dung

##### 3.7.2. Tài khoản sử dụng

- 3.7.3. Phương pháp hạch toán
- 3.7.4. Sơ đồ kế toán
- 3.8. Kế toán nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản
  - 3.8.1. Nội dung
  - 3.8.2. Tài khoản sử dụng
  - 3.8.3. Phương pháp hạch toán
  - 3.8.4. Sơ đồ kế toán
- 3.9. Kế toán nguồn kinh phí sự nghiệp
  - 3.9.1. Nội dung
  - 3.9.2. Tài khoản sử dụng
  - 3.9.3. Phương pháp hạch toán
  - 3.9.4. Sơ đồ kế toán
- 3.10. Kế toán nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ
  - 3.10.1. Nội dung
  - 3.10.2. Tài khoản sử dụng
  - 3.10.3. Phương pháp hạch toán
  - 3.10.4. Sơ đồ kế toán

Bài tập chương 3

#### **Chương 4: Kế Toán Thuế**

*Ý nghĩa chương: Nắm bắt nội dung cơ bản của từng loại thuế, chứng từ, phương pháp tính và hạch toán từng loại thuế. Phân biệt được lợi nhuận kế toán và thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN), phương pháp điều chỉnh từ lợi nhuận kế toán sang thu nhập tính thuế.*

- 4.1. Kế toán thuế giá trị gia tăng (GTGT):
  - 4.1.1. Nội dung
  - 4.1.2. Kế toán thuế GTGT được khấu trừ
  - 4.1.3. Kế toán thuế GTGT phải nộp
- 4.2. Kế toán thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB):
  - 4.2.1. Nội dung
  - 4.2.2. Tài khoản sử dụng
  - 4.2.3. Phương pháp hạch toán
  - 4.2.4. Sơ đồ kế toán
- 4.3. Kế toán thuế xuất nhập khẩu:
  - 4.3.1. Nội dung
  - 4.3.2. Tài khoản sử dụng
  - 4.3.3. Phương pháp hạch toán
  - 4.3.4. Sơ đồ kế toán
- 4.4. Kế toán thuế TNDN:
  - 4.4.1. Nội dung
  - 4.4.2. Tài khoản sử dụng
  - 4.4.3. Phương pháp hạch toán

- 4.4.4. Sơ đồ kế toán
- 4.5. Kế toán thuế thu nhập cá nhân:
  - 4.5.1. Nội dung
  - 4.5.2. Tài khoản sử dụng
  - 4.5.3. Phương pháp hạch toán
  - 4.5.4. Sơ đồ kế toán
- 4.6. Kế toán thuế tài nguyên:
  - 4.6.1. Nội dung
  - 4.6.2. Tài khoản sử dụng
  - 4.6.3. Phương pháp hạch toán
  - 4.6.4. Sơ đồ kế toán
- 4.7. Kế toán thuế nhà đất, tiền thuê đất
  - 4.7.1. Nội dung
  - 4.7.2. Tài khoản sử dụng
  - 4.7.3. Phương pháp hạch toán
  - 4.7.4. Sơ đồ kế toán
- 4.8. Kế toán các loại thuế khác:
  - 4.8.1. Nội dung
  - 4.8.2. Tài khoản sử dụng
  - 4.8.3. Phương pháp hạch toán
  - 4.8.4. Sơ đồ kế toán
- 4.9. Kế toán phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác:
  - 4.9.1. Nội dung
  - 4.9.2. Tài khoản sử dụng
  - 4.9.3. Phương pháp hạch toán
  - 4.9.4. Sơ đồ kế toán

Bài tập chương 4

### **Chương 5: Kế Toán Hoạt Động Thương Mại Và Xác Định Kết Quả Kinh Doanh**

*Ý nghĩa chương: Giúp nắm bắt được qui trình hoạt động cơ bản về giao dịch mua bán hàng hóa của doanh nghiệp thương mại. Hiểu được phương pháp kế toán một số nghiệp vụ chủ yếu liên quan đến giao dịch mua bán hàng hóa. Hiểu được phương pháp kế toán một số nghiệp vụ chủ yếu liên quan đến hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa. Hướng dẫn xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp thương mại.*

- 5.1. Những vấn đề chung:
  - 5.1.1. Khái niệm
  - 5.1.2. Nguyên tắc hạch toán
- 5.2. Kế toán quá trình mua hàng nội địa:
  - 5.2.1. Nội dung
  - 5.2.2. Tài khoản sử dụng
  - 5.2.3. Phương pháp hạch toán

- 5.2.4. Sơ đồ kế toán
- 5.3. Kế toán quá trình nhập khẩu hàng hóa:
  - 5.3.1. Nội dung
  - 5.3.2. Tài khoản sử dụng
  - 5.3.3. Phương pháp hạch toán
  - 5.3.4. Sơ đồ kế toán
- 5.4. Kế toán quá trình bán hàng nội địa:
  - 5.4.1. Nội dung
  - 5.4.2. Tài khoản sử dụng
  - 5.4.3. Phương pháp hạch toán
  - 5.4.4. Sơ đồ kế toán
- 5.5. Kế toán quá trình xuất khẩu hàng hóa:
  - 5.5.1. Nội dung
  - 5.5.2. Tài khoản sử dụng
  - 5.5.3. Phương pháp hạch toán
  - 5.5.4. Sơ đồ kế toán
- 5.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh:
  - 5.6.1. Nội dung
  - 5.6.2. Tài khoản sử dụng
  - 5.6.3. Phương pháp hạch toán
  - 5.6.4. Sơ đồ kế toán

#### Bài tập chương 5

#### **5. Tài liệu Tham khảo:**

1. Vụ chế độ kế toán và kiểm toán, 2015, Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 1), Nxb. Tài chính, Hà Nội.
2. Vụ chế độ kế toán và kiểm toán, 2015, Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 2), NXB. Tài chính, Hà Nội.
3. PGS.TS Hà Xuân Thạch, 2015, Hướng dẫn chuyển đổi theo chế độ kế toán doanh nghiệp mới, NXB. Kinh tế Tp.HCM
4. Tập thể tác giả Bộ môn Kế toán tài chính(Khoa Kế toán Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh), 2015, Giáo trình Kế toán tài chính quyển 1, NXB. Kinh tế Tp.HCM
5. Tập thể tác giả Bộ môn Kế toán tài chính(Khoa Kế toán Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh), 2015, Giáo trình Kế toán tài chính quyển 2, NXB. Kinh tế Tp.HCM
6. Tập thể tác giả Bộ môn Kế toán tài chính(Khoa Kế toán Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh), 2015, Giáo trình Kế toán tài chính quyển 3, NXB. Kinh tế Tp.HCM
7. Tài liệu giảng dạy của giảng viên đứng lớp.

#### **6. Lịch trình dạy học:**

T T	Nội dung	Số tiết lên lớp			Tự hoc	Ghi chú
		TỔn	LT	TH		
1	Chương 1 : Kế Toán Chênh Lệch Tỷ Giá Hối	4	4		5	
2	Bài tập	4	4		10	
3	Chương 2 : Kế Toán Các Khoản Nợ Phải Trả	4	4		5	
4	Bài tập	4	4		10	
5	Chương 3: Kế Toán Vốn Chủ Sở Hữu	4	4		10	
6	Bài tập – Kiểm tra	4	4		5	
7	Chương 4: Kế Toán Thuế	4	4		5	
8	Bài tập	4	4		15	
9	Chương 5: Kế Toán Hoạt Động Thương Mại	4	4		5	
10	Bài tập-Kiểm tra	4	4		5	
11	Bài tập – Ôn tập	5	5		15	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>45</b>	<b>45</b>		<b>90</b>	

#### 7. Nhiệm vụ của sinh viên:

Tham dự học và thảo luận, kiểm tra giữa học kì theo Quyết định 43/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/8/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Quy chế học vụ hiện hành của nhà trường.

**8. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:** Chuyên cần: 10%; Kiểm tra thường xuyên: 10%; Kiểm tra giữa kỳ: 10%; Thi cuối kỳ: 70%

**9. Thang điểm:** Theo qui chế tín chỉ.

**PHỤ TRÁCH BỘ MÔN**



**Nguyễn Thị Ngọc Bích**



**Nguyễn Thị Ngọc Bích**

**GIẢNG VIÊN**



**Nguyễn Thị Vững**

**HỌC PHẦN****KẾ TOÁN TÀI CHÍNH 3****1. Thông tin chung của học phần:**

Tên học phần: **KẾ TOÁN TÀI CHÍNH PHẦN 3**. Mã học phần: Số tín chỉ: 02

Trình độ: Dành cho sinh viên năm 4. Điều kiện tiên quyết: **Kế toán tài chính 1,2**

Phân giờ tín chỉ: Lên lớp: 30 tiết. Thực hành: 0 tiết. Tự học: 60 tiết

**2. Mục tiêu của học phần:***\* Về kiến thức*

Trang bị cho sinh viên hiểu và vận dụng thực tế phương pháp kế toán các khoản mục liên quan đến bất động sản đầu tư, đầu tư tài chính và các khoản mục liên quan đến vốn chủ sở hữu.

*\* Về kỹ năng*

Ghi nhận nghiệp vụ liên quan đến phân hành kế toán về Bất động sản đầu tư, kế toán doanh nghiệp xây lắp

*\* Về thái độ*

- Người học được rèn tính cẩn thận, tính chính trực, khách quan, bảo mật thông tin
- Có ý thức chấp hành đúng cá qui định của Nhà nước khi thực hiện công tác kế toán

**3. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:** Kết thúc học phần, sinh viên có thể: Thực hành kế toán liên quan đến những doanh nghiệp có kinh doanh đầu tư bất động sản đầu tư, đầu tư tài chính và hạch toán các nghiệp vụ liên quan đến chủ sở hữu trong các loại hình doanh nghiệp.

**4. Nội dung chi tiết học phần.****Chương 1: Kế Toán Hoạt Động Bất Động Sản Đầu Tư**

*Ý nghĩa chương: Hiểu và thực hiện được các bút toán ghi chép đến quá trình hoạt động bất động sản đầu tư trong doanh nghiệp.*

- 1.1. Khái niệm và một số quy định liên quan đến bất động sản đầu tư.
- 1.2. Tính giá bất động sản đầu tư.
- 1.3. Kế toán tổng hợp bất động sản đầu tư
- 1.4. Khấu hao bất động sản đầu tư
- 1.5. Kế toán cho thuê hoạt động bất động sản đầu tư

**Chương 2: Kế Toán Hoạt Động Đầu Tư Tài Chính**

*Ý nghĩa chương: Hiểu và thực hiện được các bút toán ghi chép đến quá trình hoạt động đầu tư tài chính trong doanh nghiệp.*

- 2.1. Kế toán các khoản đầu tư chứng khoán:
- 2.2. Kế toán đầu tư vào công ty con
- 2.3. Kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết
- 2.4. Kế toán các khoản góp vốn liên doanh.
- 2.5. Kế toán hoạt động cho vay vốn
- 2.6. Kế toán dự phòng giảm giá trong đầu tư tài chính

2.7. Kế toán doanh thu và chi phí hoạt động tài chính.

2.8. Kế toán phát hành trái phiếu

### Chương 3. Kế Toán Nguồn Vốn Chủ Sở Hữu

Ý nghĩa chương: Hiểu và thực hiện được các bút toán ghi chép đến quá trình ghi nhận các nghiệp vụ liên quan đến khoản mục vốn chủ sở hữu trong doanh nghiệp.

3.1. Một số vấn đề chung về nguồn vốn chủ sở hữu

3.2. Kế toán nguồn vốn kinh doanh

3.3. Kế toán chênh lệch đánh giá lại tài sản

3.4. Kế toán chênh lệch tỷ giá hối đoái

3.5. Kế toán lợi nhuận và phân phối lợi nhuận

3.6. Kế toán các quỹ doanh nghiệp:

3.7. Kế toán nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản

3.8. Kế toán nguồn kinh phí sự nghiệp

3.9. Kế toán nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ

3.10. Kế toán cổ phiếu quỹ

**5. Tài liệu tham khảo:** + Giáo trình Kế toán tài chính – Đại Học Kinh tế Tp.HCM  
+ Tài liệu giảng dạy của giảng viên đứng lớp.

### 6. Lịch trình dạy học:

T T	Nội dung	Số tiết lên lớp			Tự học	Ghi chú
		TỔn	LT	TH		
1	Chương I: Kế Toán Hoạt Động Bất Động Sản	4	4		5	
2	Bài tập	4	4		10	
3	Chương 2: Kế Toán Hoạt Động Đầu Tư Tài	4	4		5	
4	Bài tập-Kiểm tra	4	4		10	
5	Chương 3. Kế Toán Nguồn Vốn Chủ Sở Hữu	4	4		5	
6	Bài tập-Kiểm tra	4	4		10	
7	Bài tập-Ôn	6	6		15	
	Tổng cộng	30	30		60	

### 7. Nhiệm vụ của sinh viên:

Tham dự học và thảo luận, kiểm tra giữa học kì theo Quyết định 43/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/8/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Quy chế học vụ hiện hành của nhà trường.

**8. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:** Chuyên cần: 10%; Kiểm tra thường xuyên: 10%; Kiểm tra giữa kỳ: 10%; Thi cuối kỳ: 70%

**9. Thang điểm:** Theo qui chế tín chỉ.

**PHỤ TRÁCH BỘ MÔN**

**GIẢNG VIÊN**

**Nguyễn Thị Ngọc Bích**

**Nguyễn Thế Khang**

**Phan Thị Kim Anh**

**HỌC PHẦN****THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN****1. Thông tin chung của học phần:**

- Tên học phần : **THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN**
- Mã học phần :
- Số tín chỉ: 3
- Trình độ : Dành cho sinh viên năm thứ 3
- Điều kiện tiên quyết: : Không
- Phân giờ tín chỉ:
  - + Lên lớp: 30 tiết
  - + Thực hành; Thảo luận : 15 tiết
  - + Tự học : 90 tiết

**2. Mục tiêu của học phần:****\* Về kiến thức**

Học phần Thị Trường Chứng Khoán bao gồm các vấn đề lý luận cơ bản liên quan đến hoạt động của thị trường vốn, chủ yếu là thị trường tài chính dài hạn. Nội dung cơ bản của Học phần này là nghiên cứu chủ yếu vào thị trường chứng khoán, các kỹ thuật phân tích và đầu tư chứng khoán. Thông qua đó, sinh viên sẽ có kiến thức nắm bắt được tình hình hoạt động của thị trường chứng khoán ở Việt Nam

**\* Về kỹ năng**

- Kỹ thuật phân tích thị trường, phân tích chính sách kinh tế
- Tự nghiên cứu tài liệu, tổng hợp tài liệu phân tích

**\* Về thái độ**

- Có ý thức chấp hành đúng cá qui định của Nhà nước về đầu tư chứng khoán.

**3. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:**

Học phần Thị Trường Chứng Khoán bao gồm các vấn đề lý luận cơ bản liên quan đến hoạt động của thị trường vốn, chủ yếu là thị trường tài chính dài hạn. Nội dung cơ bản của Học phần này là nghiên cứu chủ yếu vào thị trường chứng khoán, các kỹ thuật phân tích và đầu tư chứng khoán. Thông qua đó, sinh viên sẽ có kiến thức nắm bắt được tình hình hoạt động của thị trường chứng khoán ở Việt Nam

**4. Nội dung chi tiết học phần.****CHƯƠNG 1****TỔNG QUAN VỀ THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH****1.1 GIỚI THIỆU VỀ THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH**

- 1.1.1 Khái niệm thị trường tài chính
- 1.1.2 Bản chất của thị trường tài chính
- 1.1.3 Chức năng của thị trường tài chính

**1.2 CẤU TRÚC CỦA THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH**



- 1.2.1 Thị trường tiền tệ và thị trường vốn
- 1.2.2 Thị trường nợ và thị trường vốn cổ phần
- 1.2.3 Thị trường sơ cấp và thị trường thứ cấp
- 1.3 CÁC CÔNG CỤ CỦA THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH
  - 1.3.1 Các công cụ của thị trường tiền tệ
    - 1.3.1.1 Tín phiếu kho bạc
    - 1.3.1.2 Thương phiếu
    - 1.3.1.3 Chứng chỉ tiền gửi và tiết kiệm
    - 1.3.1.4 Kỳ phiếu ngân hàng
  - 1.3.2 Các công cụ trên thị trường vốn
    - 1.3.2.1 Cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đầu tư
    - 1.3.2.2 Trái phiếu
    - 1.3.2.3 Các khoản tín dụng thế chấp
    - 1.3.2.4 Các khoản tín dụng trung - dài hạn
    - 1.3.2.5 Các công cụ phái sinh
- 1.4 CÁC TRUNG GIAN TÀI CHÍNH
  - 1.4.1 Các loại hình trung gian tài chính
    - 1.4.1.1 Các tổ chức nhận tiền gửi
    - 1.4.1.2 Các tổ chức tiết kiệm theo hợp đồng
    - 1.4.1.3 Các trung gian đầu tư
  - 1.4.2 Vai trò của các trung gian tài chính

## **CHƯƠNG 2**

### **TỔNG QUAN VỀ THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN**

- 2.1 LỊCH SỬ HÌNH THÀNH TTCK THẾ GIỚI
  - 2.1.1 Quá trình hình thành
  - 2.1.2 Cơ sở hình thành TTCK
- 2.2 QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TTCK VIỆT NAM
  - 2.2.1 Sự ra đời Ủy ban chứng khoán nhà nước
  - 2.2.2 Các chủ thể tham gia TTCK
  - 2.2.3 Cơ cấu các thành viên
    - 2.2.3.1 Trung tâm giao dịch chứng khoán
    - 2.2.3.2 Ngân hàng lưu ký
    - 2.2.3.3 Công ty chứng khoán
- 2.3 KHÁI NIỆM VÀ NGUYÊN TẮC HOẠT ĐỘNG CỦA TTCK
  - 2.3.1 Khái niệm TTCK
  - 2.3.2 Đặc điểm của TTCK
  - 2.3.3 Nguyên tắc hoạt động của TTCK
    - 2.3.3.1 Nguyên tắc công khai
    - 2.3.3.2 Nguyên tắc trung gian
    - 2.3.3.3 Nguyên tắc đấu giá

- 2.3.4 Sơ đồ tổ chức hoạt động của TTCK
- 2.4 PHÂN LOẠI THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN
  - 2.4.1 Căn cứ vào sự luân chuyển của nguồn vốn
    - 2.4.1.1 Thị trường sơ cấp
    - 2.4.1.2 Thị trường thứ cấp
    - 2.4.1.3 Môi liên hệ giữa thị trường sơ cấp và thứ cấp
  - 2.4.2 Căn cứ vào phương thức hoạt động của thị trường
    - 2.4.2.1 Thị trường chứng khoán tập trung
    - 2.4.2.2 Thị trường chứng khoán phi tập trung
- 2.5 CHỨC NĂNG CỦA TTCK
  - 2.5.1 Chức năng của TTCK
  - 2.5.2 Những tác động tiêu cực trên TTCK
- 2.6 CƠ CHẾ ĐIỀU HÀNH VÀ GIÁM SÁT TTCK
  - 2.6.1 Khái niệm và sự cần thiết
  - 2.6.2 Cơ chế điều hành và giám sát
  - 2.6.3 Các chủ thể tham gia TTCK

## **CHƯƠNG 3**

### **CÁC TỔ CHỨC THAM GIA THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN**

- 3.1 CÔNG TY CỔ PHẦN
  - 3.1.1 Đặc điểm của công ty cổ phần
    - 3.1.1.1 Định nghĩa (theo luật DN Việt Nam)
    - 3.1.1.2 Cơ cấu tổ chức quản lý công ty cổ phần
      - a. Đại hội cổ đông
      - b. Hội đồng quản trị
      - c. Giám đốc
      - d. Ban kiểm soát
  - 3.1.2 Các loại cổ phần
    - 3.1.2.1 Cổ phần phổ thông
      - a. Quyền của cổ đông phổ thông
      - b. Nghĩa vụ của cổ đông phổ thông
    - 3.1.2.2 Cổ phần ưu đãi
      - a. Cổ phần ưu đãi biểu quyết và quyền của cổ đông
      - b. Cổ phần ưu đãi cổ tức và quyền của cổ đông
      - c. Cổ phần ưu đãi hoàn lại và quyền của cổ đông
    - 3.1.2.3 Cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập
  - 3.1.3 Các quy định về chào bán và giao dịch chứng khoán trong công ty cổ phần
    - 3.1.3.1 Chào bán và chuyển nhượng cổ phần
    - 3.1.3.2 Phát hành trái phiếu
    - 3.1.3.3 Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông

3.1.3.4 Mua lại cổ phần theo quy định của công ty

3.1.3.4 Trả cổ tức

## 3.2 THỊ TRƯỜNG GIAO DỊCH TẬP TRUNG

3.2.1 Hình thức tổ chức thị trường

3.2.2 Chức năng và nhiệm vụ của thị trường giao dịch và sàn giao dịch chứng khoán

3.2.3 Tổ chức hoạt động của sàn giao dịch chứng khoán HOSE/HNX

## 3.3 CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

3.3.1 Định nghĩa

3.3.2 Tổ chức của công ty chứng khoán

3.3.3 Nguyên tắc hoạt động kinh doanh

3.3.4 Các hoạt động kinh doanh của công ty chứng khoán

## 3.4 QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN/ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

3.4.1 Các bên tham gia

3.4.2 Lập quỹ đầu tư chứng khoán

3.4.3 Ban đại diện quỹ

3.4.4 Điều kiện cấp giấy phép quản lý quỹ đầu tư chứng khoán

3.4.5 Quyền và nghĩa vụ của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán

3.4.6 Đại hội và người đầu tư

3.4.7 Ngân hàng giám sát

## 3.5 TRUNG TÂM LƯU KÝ CHỨNG KHOÁN VÀ THANH TOÁN BÙ TRỪ

3.5.1 Khái niệm

3.5.2 Vai trò, chức năng của hệ thống lưu ký chứng khoán và thanh toán bù trừ

3.5.2.1 Chức năng

3.5.2.2 Vai trò

## 3.6 QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CHỨNG KHOÁN VÀ THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

3.6.1 Chủ thể quản lý nhà nước về CK và TTCK

3.6.2 Nội dung quản lý nhà nước về CK và TTCK

## **CHƯƠNG 4**

### **CHỨNG KHOÁN**

#### 4.1 KHÁI NIỆM ĐẶC TRUNG CỦA CHỨNG KHOÁN

4.1.1 Khái niệm

4.1.2 Đặc trưng của chứng khoán

#### 4.2 TRÁI PHIẾU

4.2.1 Khái niệm

4.2.2 Đặc điểm

4.2.3 Phân loại trái phiếu

4.2.3.1 Căn cứ vào việc có ghi danh hay không

4.2.3.2 Căn cứ vào đối tượng phát hành trái phiếu

4.2.3.3 Căn cứ vào phương pháp trả lãi

4.2.3.4 Các loại trái phiếu khác

## 4.3 CỔ PHIẾU (STOCK)

### 4.3.1 Khái niệm

### 4.3.2 Tác dụng của việc phát hành cổ phiếu

### 4.3.3 Phân loại cổ phiếu

#### 4.3.3.1 Căn cứ vào quyền lợi của cổ phiếu

a. CP ưu đãi

b. CỔ PHIẾU phổ thông

#### 4.3.3.2 Căn cứ vào khả năng chuyển nhượng

#### 4.3.3.3 Căn cứ vào tính chất của cổ phiếu

a. Cổ phiếu quỹ

b. Cổ phiếu thường

## 4.4 CHỨNG CHỈ QUỸ ĐẦU TƯ

## 4.5 CHỨNG KHOÁN PHÁI SINH

## 4.6 ĐỊNH GIÁ CHỨNG KHOÁN

### 4.6.1 Định giá trái phiếu

#### 4.6.1.1 Hiện giá trái phiếu

#### 4.6.1.2 Tỷ suất lợi nhuận trên trái phiếu

a. Lợi tức từ lãi suất trái phiếu hay lợi tức hiện tại

b. Tỷ suất sinh lời đáo hạn

### 4.6.2 Định giá cổ phiếu

#### 4.6.2.1 Hiện giá cổ phiếu

#### 4.6.2.2 Định giá cổ phiếu theo mô hình chiết khấu cổ tức

a. Mô hình không tăng

b. Mô hình tăng đều

c. Mô hình tăng trưởng nhiều giai đoạn

#### 4.6.2.3 Định giá dựa vào tỷ suất sinh lợi /cổ phiếu

### 4.6.3 Giá của các loại cổ phiếu và trái phiếu

#### 4.6.3.1 Thư giá

#### 4.6.3.2 Thực giá của trái phiếu tính theo công thức hiện giá

### 4.6.4 Giá của các loại chứng khoán phái sinh

#### 4.6.4.1 Hợp đồng tương lai

#### 4.6.4.2 Hợp đồng quyền chọn

#### 4.6.4.3 Quyền ưu tiên mua cổ phần mới

### 4.6.5 Các nhân tố ảnh hưởng đến giá chứng khoán

#### 4.6.5.1 Các nhân tố ảnh hưởng đến giá cổ phiếu

#### 4.6.5.2 Các nhân tố ảnh hưởng đến giá trái phiếu

## CHƯƠNG 5

### PHÁT HÀNH CHỨNG KHOÁN

## 5.1 KHÁI NIỆM VÀ CHỦ THỂ PHÁT HÀNH CHỨNG KHOÁN

- 5.1.1 Khái niệm
- 5.1.2 Chủ thể phát hành chứng khoán
- 5.2 CÁC HÌNH THỨC PHÁT HÀNH CHỨNG KHOÁN
  - 5.2.1 Căn cứ vào phạm vi phát hành
  - 5.2.2 Căn cứ vào đợt phát hành
  - 5.2.3 Căn cứ vào tính chất phát hành
  - 5.2.4 Căn cứ vào mức giá phát hành
  - 5.2.5 Căn cứ vào phương thức phân phối
- 5.3 ĐIỀU KIỆN PHÁT HÀNH CHỨNG KHOÁN
  - 5.3.1 Phát hành cổ phiếu của công ty cổ phần
    - 5.3.1.1 Phát hành cổ phiếu thường
    - 5.3.1.2 Tăng vốn bằng cách phát hành cổ phiếu mới
  - 5.3.2 Phát hành trái phiếu doanh nghiệp
  - 5.3.3 Đăng ký phát hành
  - 5.3.4 Phương pháp phát hành
  - 5.3.5 Hồ sơ đăng ký phát hành
- 5.4 BẢO LÃNH PHÁT HÀNH
  - 5.4.1 Khái niệm
  - 5.4.2 Chức năng của tổ chức phát hành
  - 5.4.3 Các hình thức bảo lãnh phát hành
    - 5.4.3.1 Bảo lãnh bao tiêu
    - 5.4.3.2 Đại lý phát hành với cố gắng cao nhất
    - 5.4.3.3 Bảo đảm tất cả hoặc không

## **CHƯƠNG 6**

### **GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**

- 6.1 KHÁI NIỆM, Ý NGHĨA GDCK
  - 6.1.1 Khái niệm
  - 6.1.2 Ý nghĩa
  - 6.1.3 GDCK của người đầu tư
  - 6.1.4 GDCK của nhà đầu tư nước ngoài
- 6.2 CÁC LOẠI LỆNH GIAO DỊCH
  - 6.2.1 Khái niệm
  - 6.2.2 Nội dung của lệnh
  - 6.2.3 Phân loại lệnh giao dịch
    - 6.2.3.1 Căn cứ vào mức độ của lệnh
    - 6.2.3.2 Căn cứ vào loại giao dịch
    - 6.2.3.3 Căn cứ vào thời gian hiệu lực của lệnh
    - 6.2.3.4 Căn cứ vào giá và điều kiện giao dịch
- 6.3 PHƯƠNG THỨC GIAO DỊCH

- 6.3.1 Mua chứng khoán của tổ chức phát hành
- 6.3.2 Mua bán chứng khoán niêm yết trên sàn HOSE và HNX
- 6.3.3 Phương thức giao dịch
- 6.4 KỸ THUẬT GIAO DỊCH
  - 6.4.1 Mở tài khoản giao dịch
  - 6.4.2 Đặt lệnh mua hay bán chứng khoán
  - 6.4.3 Chuyển lệnh giao dịch vào hệ thống giao dịch
  - 6.4.4 Khớp lệnh
  - 6.4.5 Thông báo kết quả của giao dịch và thanh toán
- 6.5 GIAO DỊCH THỎA THUẬN TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

## **CHƯƠNG 7**

### **PHÂN TÍCH VÀ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN**

- 7.1 PHÂN TÍCH CƠ BẢN
  - 7.1.1 Các chỉ số hoạt động
  - 7.1.2 Các chỉ số về phương cách tạo vốn
  - 7.1.3 Các chỉ số bảo chứng
  - 7.1.4 Các chỉ số biểu hiện khả năng sinh lời của công ty
  - 7.1.5 Các chỉ số về triển vọng phát triển của công ty
- 7.2 PHÂN TÍCH KỸ THUẬT
  - 7.2.1 Lý thuyết Dow (Charles Herry Dow)
  - 7.2.2 Chỉ số giá chứng khoán
  - 7.2.3 Ba xu thế thị trường
  - 7.2.4 Các chỉ số giá trung bình
  - 7.2.5 Một số chỉ số giá nổi tiếng thế giới
- 7.3 CÁC CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN
  - 7.3.1 Chiến lược đầu tư cổ phiếu giá trị
  - 7.3.2 Chiến lược đầu tư cổ phiếu tăng trưởng
  - 7.3.3 Chiến lược đầu tư thụ động
  - 7.3.4 Chiến lược đầu tư chủ động
  - 7.3.5 Chiến lược đầu tư lướt sóng
  - 7.3.6 Chiến lược đầu tư trung bình hóa chi phí

#### **5. Tài liệu học tập:**

##### **5.1. Sách, giáo trình chính:**

- [1] Giáo trình bài giảng của giảng viên
- [2] Thị trường chứng khoán, PGS.TS. Bùi Kim Yến, NXB Thống kê, 2010

##### **5.2. Tài liệu tham khảo :**

- [3] Giáo trình Thị trường chứng khoán, Trường ĐH Công nghiệp TP HCM, NXB Thống kê, 2006

[4] TS. Đào Lê Minh (Ủy ban chứng khoán Nhà nước), Những vấn đề cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia

[5] Giáo trình phân tích và đầu tư chứng khoán, PGS.TS. Nguyễn Đăng Nam

[6] 100/300 câu hỏi chứng khoán

#### 6. Lịch trình dạy học:

TT	Nội dung	Số tín chỉ	Phân bố thời gian		Tự học	Ghi chú
			Lí thuyết	Thực hành		
1	Giới thiệu về thị trường tài chính		3		6	
2	<i>Tổng quan về thị trường chứng khoán</i>		3		6	
3	Các tổ chức tham gia thị trường chứng khoán		3		6	
4	Chứng khoán		8	6	28	
5	Phát hành chứng khoán		4	2	16	
6	Giao dịch chứng khoán		4	2	16	
7	Phân tích và đầu tư chứng khoán		5	5	20	
<b>TỔNG</b>		<b>3</b>	<b>30</b>	<b>15</b>	<b>90</b>	

#### 7. Nhiệm vụ của sinh viên:

Tham dự học và thảo luận, kiểm tra giữa học kì theo Quyết định 43/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/8/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, và Quy chế học vụ hiện hành của nhà trường.

#### 8. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

- Chuyên cần: 10%
- Kiểm tra thường xuyên: 10%
- Kiểm tra giữa kỳ: 10%
- Thi cuối kỳ: 70%

#### 9. Thang điểm : Theo qui chế tín chỉ.

**PHỤ TRÁCH BỘ MÔN**



**Nguyễn Thị Ngọc Bích**

**GIẢNG VIÊN**



**Đinh Thị Hóa**

**HỌC PHẦN****KẾ TOÁN CHI PHÍ****1. Thông tin chung của học phần:**

Tên học phần: **KẾ TOÁN CHI PHÍ**. Mã học phần: Số tín chỉ: 02

Trình độ: Dành cho sinh viên năm 3. Điều kiện tiên quyết: **Kế toán tài chính 1**

Phân giờ tín chỉ: Lên lớp: 30 tiết. Thực hành: 0 tiết. Tự học: 60 tiết

**2. Mục tiêu của học phần:***\* Về kiến thức*

Trang bị cho sinh viên những kiến thức về việc phân loại, hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp sản xuất có quy trình sản xuất phức tạp, nhiều công đoạn chế biến.

*\* Về kỹ năng*

- Tính toán, tổng hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm

*\* Về thái độ*

- Có ý thức chấp hành đúng cá quy định của Nhà nước về kế toán

**3. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:** Giới thiệu một số khái niệm, phân loại chi phí; Các phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang; hạch toán và phân bổ chi phí do sản phẩm hỏng, thiệt hại trong quá trình sản xuất. Hướng dẫn cách hạch toán đối với sản xuất phụ trợ phục vụ cho sản xuất chính, cách hạch toán đối với doanh nghiệp sản xuất có nhiều giai đoạn chế biến có tính giá thành của từng giai đoạn chế biến. Hướng dẫn nguyên tắc hạch toán trong doanh nghiệp trồng trọt và chăn nuôi.

**4. Nội dung chi tiết học phần.****Chương 1: Những Vấn Đề Chung Về Kế Toán Chi Phí**

*Ý nghĩa của chương: Giúp sinh viên hiểu rõ về nội dung, ý nghĩa và nguyên tắc hạch toán các loại chi phí trong doanh nghiệp*

**1.1. Mục đích và chức năng của kế toán chi phí**

1.1.1. Mục đích

1.1.2. Chức năng

**1.2. So sánh kế toán chi phí, kế toán tài chính và kế toán quản trị**

1.2.1. Sự khác nhau

1.2.2. Sự giống nhau

**1.3. Quá trình vận động của chi phí**

1.3.1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp sản xuất

1.3.2. Quá trình vận động của chi phí trong doanh nghiệp sản xuất

**1.4. Phân loại chi phí**

1.4.1. Khái niệm

1.4.2. Phân loại chi phí



## 1.5. Phân loại giá thành sản phẩm

### 1.5.1. Khái niệm

### 1.5.2. Phân loại giá thành

## **Chương 2: Kế Toán Chi Phí Sản Xuất Và Tính Giá Thành Sản Phẩm**

*Ý nghĩa của chương: Giúp sinh viên hiểu rõ về nội dung, ý nghĩa và nguyên tắc hạch toán Chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm. Biết cách hạch toán phân xưởng sản xuất phụ và kế toán thiệt hại trong quá trình sản xuất cũng như lập phiếu tính giá thành đơn vị sản phẩm.*

### 2.1. Những vấn đề chung

#### 2.1.1. Mục tiêu

#### 2.1.2. Đặc điểm

### 2.2. Đối tượng tập hợp CPSX, đối tượng tính giá thành, kỳ tính giá thành

### 2.3. Quy trình kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm sản xuất chính

### 2.4. Kế toán CPSX và tính giá thành sản phẩm chính

### 2.5. Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm

#### 2.5.1. Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất

#### 2.5.2. Các phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ

#### 2.5.3. Các phương pháp kế toán tính giá thành sản phẩm

#### 2.5.4. Lập phiếu tính giá thành

### 2.6. Kế toán bộ phận sản xuất phụ

#### 2.6.1. Bộ phận sản xuất phụ không cung cấp sản phẩm lẫn nhau

#### 2.6.2. Bộ phận sản xuất phụ có cung cấp sản phẩm lẫn nhau

### 2.7. Kế toán thiệt hại trong quá trình sản xuất

## **Chương 3: Kế Toán Chi Phí Sản Xuất Và Tính Giá Thành Sản Phẩm Trong Doanh Nghiệp Có Quy Trình Sản Xuất Phức Tạp.**

*Ý nghĩa của chương: Giúp sinh viên hiểu rõ về nội dung, ý nghĩa và nguyên tắc hạch toán Chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp có quy trình sản xuất phức tạp, có tính giá thành của từng công đoạn chế biến. Biết cách hạch toán trong doanh nghiệp trồng trọt và chăn nuôi.*

### 3.1. Những vấn đề chung

#### 3.1.1. Mục tiêu

#### 3.1.2. Đặc điểm

### 3.2. Đối tượng tập hợp CPSX, đối tượng tính giá thành, kỳ tính giá thành

#### 3.2.1. Đối với quy trình sản xuất nhiều giai đoạn nối tiếp

#### 3.2.2. Đối với quy trình sản xuất nhiều giai đoạn song song

### 3.3. Đặc điểm kế toán trong doanh nghiệp trồng trọt, chăn nuôi

#### 3.3.1. Đặc điểm

#### 3.3.2. Nguyên tắc

## **5. Tài liệu tham khảo: + Giáo trình Kế toán Chi Phí – Đại Học Kinh tế Tp.HCM + Tài liệu giảng dạy của giảng viên đứng lớp.**

**6. Lịch trình dạy học:**

T T	Nội dung	Số tiết lên lớp			Tự học	Ghi chú
		Tổng cộng	Lí thuyết	Thực hành		
1	Chương I: Những Vấn Đề Chung Về Kế Toán Chi Phí	4	4		5	
2	Bài tập	4	4		5	
3	Chương II: Kế Toán Chi Phí Sản Xuất Và Tính Giá Thành Sản Phẩm	4	4		5	
4	Bài tập-Kiểm tra	4	4		15	
5	Chương III: Kế Toán Chi Phí Sản Xuất Và Tính Giá Thành Sản	4	4		5	
6	Bài tập-Kiểm tra	5	5		15	
7	Bài tập-Ôn tập	5	5		10	
<b>TỔNG</b>		<b>30</b>	<b>30</b>		<b>60</b>	

**7. Nhiệm vụ của sinh viên:**

Tham dự học và thảo luận, kiểm tra giữa học kì theo Quyết định 43/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/8/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Quy chế học vụ hiện hành của nhà trường.

**8. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:** Chuyên cần: 10%; Kiểm tra thường xuyên: 10%; Kiểm tra giữa kỳ: 10%; Thi cuối kỳ: 70%

**9. Thang điểm:** Theo qui chế tín chỉ.

**PHỤ TRÁCH BỘ MÔN**

**GIẢNG VIÊN**





**Nguyễn Thị Ngọc Bích**

**Nguyễn Thị Ngọc Bích**

**Phan Thị Kim Anh**

**HỌC PHẦN****KẾ TOÁN QUẢN TRỊ****1. Thông tin chung của học phần:**

Tên học phần: **KẾ TOÁN QUẢN TRỊ**. Mã học phần:                      Số tín chỉ: 04

Trình độ: Dành cho sinh viên năm 3. Điều kiện tiên quyết: Kế toán 1, Kế toán chi phí

Phân giờ tín chỉ: Lên lớp: 60 tiết. Thực hành: 0 tiết. Tự học: 120 tiết

**2. Mục tiêu của học phần:***\* Về kiến thức*

Giúp sinh viên lập được dự toán tổng hợp cho một doanh nghiệp; kiểm soát chi phí sản xuất thông qua phân tích chênh lệch. Sử dụng được các công cụ của kế toán quản trị để thu thập, xử lý và truyền đạt thông tin cho các nhà quản trị nội bộ doanh nghiệp để ra các quyết định liên quan đến đánh giá thành quả của các bộ phận; đánh giá thành quả quản lý của các nhà quản lý bộ phận; lựa chọn các phương án kinh doanh; xác định giá bán của sản phẩm mới; xác định giá trị của các dịch vụ, lựa chọn thông tin thích hợp trong việc ra quyết định

*\* Về kỹ năng*

- Tính toán, phân tích, dự báo, đánh giá
- Sử dụng các công cụ để quản lý
- Lập dự toán
- Lựa chọn thông tin thích hợp

*\* Về thái độ*

- Người học được rèn tính cẩn thận, tính chính trực, khách quan, bảo mật thông tin
- Có ý thức chấp hành đúng cá qui định của Nhà nước khi thực hiện công tác kế toán

**3. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:** Kế Toán Quản Trị là học phần thuộc phần kiến thức chuyên ngành, kết hợp với kế toán tài chính đã trở thành công cụ hỗ trợ đắc lực cho nhà quản trị. Qua môn học này sẽ giúp giải thích sự cần thiết của kế toán quản trị trong một doanh nghiệp; hướng dẫn các cách phân loại chi phí; phân tích được mối quan hệ giữa chi phí, khối lượng, lợi nhuận; mô tả quá trình lập dự toán ngân sách và sử dụng dự toán ngân sách để hoạch định và kiểm soát hoạt động của doanh nghiệp; phân tích biến động chi phí; đánh giá thành quả quản lý của các nhà quản trị; đưa ra các quyết định về giá bán và sử dụng thông tin thích hợp để tính toán và lựa chọn các quyết định một cách nhanh chóng, đúng đắn.

**4. Nội dung chi tiết học phần.****Chương 1 : Tổng Quan Về Kế Toán Quản Trị**

*Ý nghĩa chương: Hiểu được kế toán quản trị là gì. Phân biệt được kế toán quản trị và kế toán tài chính. Phân biệt doanh nghiệp thương mại và doanh nghiệp sản xuất dưới góc độ kế toán. Phân biệt các khoản mục chi phí sản xuất. Phân biệt các khái niệm giá thành.*

1.1. Khái niệm và bản chất của kế toán quản trị

1.2. Mục tiêu kế toán quản trị

- 1.3. Nội dung của kế toán quản trị doanh nghiệp
- 1.4. Chức năng của nhà quản trị
  - 1.4.1. Chức năng hoạch định
  - 1.4.2. Chức năng tổ chức – điều hành
  - 1.4.3. Chức năng kiểm soát
  - 1.4.4. Chức năng ra quyết định
- 1.5. Vai trò của kế toán quản trị
- 1.6. Phương pháp của kế toán quản trị
  - 1.6.1. Nhóm phương pháp chung của kế toán
  - 1.6.2. Nhóm phương pháp đặc thù của KTQT
- 1.7. Phân biệt kế toán quản trị với kế toán tài chính
  - 1.7.1. Những điểm giống nhau
  - 1.7.2. Những điểm khác nhau

Bài tập chương 1

## **Chương 2: Phân Loại Chi Phí**

*Ý nghĩa chương:* Phân loại được chi phí theo chức năng hoạt động; theo kỳ kinh doanh; kiểm tra và ra quyết định và cách ứng xử chi phí. Phân biệt biến phí, định phí và chi phí hỗn hợp. Biết cách tách biến phí và định phí ra khỏi chi phí hỗn hợp theo ba phương pháp: cực đại cực tiểu; đồ thị phân tán; bình phương bé nhất. Lập được Báo cáo KQHĐKD theo phương pháp toàn bộ và phương pháp trực tiếp

- 2.1. Khái niệm và đặc điểm chi phí
  - 2.1.1. Khái niệm
  - 2.1.2. Đặc điểm
- 2.2. Phân loại chi phí:
  - 2.2.1. Phân loại chi phí theo chức năng hoạt động:
    - 2.2.1.1. Chi phí sản xuất
    - 2.2.1.2. Chi phí ngoài sản xuất
  - 2.2.2. Phân loại chi phí theo kỳ kinh doanh:
    - 2.2.2.1. Chi phí sản phẩm
    - 2.2.2.2. Chi phí thời kỳ
  - 2.2.3. Phân loại chi phí sử dụng trong kiểm tra và ra quyết định:
    - 2.2.3.1. Chi phí trực tiếp, chi phí gián tiếp
    - 2.2.3.2. Chi phí chênh lệch
    - 2.2.3.3. Chi phí kiểm soát được và không kiểm soát được
    - 2.2.3.4. Chi phí cơ hội
    - 2.2.3.5. Chi phí chìm (lặn)
  - 2.2.4. Phân loại chi phí theo cách ứng xử chi phí:
    - 2.2.4.1. Biến phí
    - 2.2.4.2. Định phí
    - 2.2.4.3. Chi phí hỗn hợp

## 2.3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

2.3.1. Báo cáo KQHĐKD theo chức năng chi phí (lập theo phương pháp toàn bộ)

2.3.2. Báo cáo KQHĐKD theo cách ứng xử của chi phí – số dư đảm phí (lập theo phương pháp trực tiếp)

### Bài tập chương 2

## **Chương 3: Phân Tích Mối Quan Hệ Chi Phí, Khối Lượng, Lợi Nhuận**

*Ý nghĩa chương: Nắm vững biểu thức thể hiện mối quan hệ giữa chi phí - khối lượng - lợi nhuận (CVP). Vận dụng mối quan hệ CVP để phân tích điểm hòa vốn. Nắm vững kỹ thuật tính toán và ý nghĩa kinh tế của các thuật ngữ liên quan đến Số dư đảm phí. Ứng dụng phân tích CVP: Hoạch định lợi nhuận, Chọn kết cấu chi phí, Phân tích kết cấu hàng bán, Chọn phương án kinh doanh, Nắm vững các giả thiết khi phân tích CVP.*

### 3.1. Những khái niệm cơ bản:

3.1.1. Số dư đảm phí

3.1.2. Tỷ lệ số dư đảm phí

3.1.3. Kết cấu chi phí

3.1.4. Đòn bẩy hoạt động

### 3.2. Một số ví dụ ứng dụng:

3.2.1. Định phí và số lượng sản phẩm tiêu thụ thay đổi

3.2.2. Biến phí và số lượng sản phẩm tiêu thụ thay đổi

3.2.3. Định phí, giá bán và số lượng sản phẩm tiêu thụ thay đổi

3.2.4. Định phí, biến phí và số lượng sản phẩm tiêu thụ thay đổi

3.2.5. Định phí, biến phí, giá bán và số lượng sản phẩm tiêu thụ thay đổi

3.2.6. Xác định giá trong trường hợp đặc biệt

### 3.3. Phân tích điểm hoà vốn:

3.3.1. Điểm hòa vốn

3.3.2. Cách tính điểm hoà vốn:

3.3.2.1. Xác định số lượng sản phẩm tiêu thụ hoà vốn

3.3.2.2. Xác định doanh thu hoà vốn

3.3.2.3. Công suất hoà vốn

3.3.2.4. Thời gian hoà vốn

3.3.3. Đồ thị hoà vốn:

3.3.3.1. Đồ thị điểm hoà vốn

3.3.3.2. Đồ thị lợi nhuận

3.3.4. Phân tích lợi nhuận mục tiêu

3.3.5. Số dư an toàn

### 3.4. Phân tích kết cấu hàng bán:

3.4.1. Khái niệm

3.4.2. Kết cấu hàng bán và điểm hòa vốn

### 3.5. Hạn chế của phân tích mối quan hệ C – V – P

## **Chương 4: Dự Toán Ngân Sách**

*Ý nghĩa chương:* Biết được mục tiêu của dự toán, mối quan hệ của các loại dự toán. Biết được trình tự và kỹ thuật lập một dự toán tổng thể bao gồm các dự toán: Dự toán tiêu thụ sản phẩm; Dự toán sản xuất; Dự toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp; Dự toán chi phí nhân công trực tiếp; Dự toán chi phí sản xuất chung; Dự toán tồn kho thành phẩm cuối kỳ; Dự toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp; Dự toán tiền; Dự toán kết quả hoạt động kinh doanh; Dự toán Bảng cân đối kế toán.

4.1. Ý nghĩa của dự toán ngân sách:

4.1.1. Khái niệm

4.1.2. Các loại dự toán ngân sách

4.1.3. Mối quan hệ giữa các dự toán bộ phận

4.1.4. Mục đích của dự toán ngân sách

4.1.5. Lợi ích của dự toán ngân sách

4.2. Trách nhiệm và trình tự lập dự toán ngân sách:

4.2.1. Trách nhiệm lập dự toán ngân sách

4.2.2. Trình tự lập dự toán ngân sách

4.3. Phương pháp lập dự toán ngân sách:

4.3.1. Xây dựng định mức chi phí sản xuất:

4.3.1.1. Định mức chi phí NVL trực tiếp

4.3.1.2. Định mức về chi phí nhân công trực tiếp

4.3.1.3. Định mức chi phí sản xuất chung

4.3.2. Dự toán tiêu thụ sản phẩm

4.3.3. Dự toán sản xuất

4.3.4. Dự toán chi phí NVL trực tiếp

4.3.5. Dự toán chi phí nhân công trực tiếp

4.3.6. Dự toán chi phí sản xuất chung

4.3.7. Dự toán tồn kho thành phẩm cuối kỳ

4.3.8. Dự toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý DN

4.3.9. Dự toán tiền

4.3.10. Dự toán kết quả hoạt động kinh doanh

4.3.11. Dự toán bảng cân đối kế toán

Bài tập chương 4

## **Chương 5: Phân Tích Biến Động Chi Phí**

*Ý nghĩa chương:* *Nắm bắt khái niệm và các vấn đề liên quan đến định mức chi phí. Giải thích cách lập các định mức về chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung từ đó tính toán các biến động liên quan đến từng khoản mục chi phí. Lập dự toán linh hoạt và sử dụng các mô hình thích hợp để phân tích các biến động của biến phí và định phí sản xuất chung.*

5.1. Chi phí định mức

5.2. Mô hình phân tích biến phí:

5.2.1. Mô hình chung

- 5.2. 2. Phân tích các biến động của chi phí nguyên vật liệu trực tiếp
- 5.2.3. Phân tích các biến động của chi phí nguyên nhân công trực tiếp
- 5.3. Phân tích biến động của chi phí sản xuất chung:
  - 5.3.1. Dự toán linh hoạt
  - 5.3.2. Phương pháp phân tích bốn biến động:
    - 5.3.2.1. Phân tích biến động biến phí sản xuất chung
    - 5.3.2.2. Phân tích biến động định phí sản xuất chung
  - 5.3.3. Phương pháp phân tích ba biến động
  - 5.3.4. Phương pháp phân tích hai biến động

Bài tập chương 5

## **Chương 6: Đánh Giá Trách Nhiệm Quản Lý**

*Ý nghĩa chương: Biết cách sử dụng kế toán trách nhiệm như một công cụ để đánh giá thành quả quản lý của các nhà quản trị ở các trung tâm trách nhiệm khác nhau. Biết cách sử dụng ROI và RI như những công cụ để đánh giá thành quả quản lý của các nhà quản trị ở các trung tâm đầu tư. Biết cách định giá sản phẩm chuyển giao có lợi nhất trong một tổ chức phân quyền*

- 6.1. Quản lý phân quyền và kế toán trách nhiệm
  - 6.1.1. Quản lý phân quyền
    - 6.1.1.1. Khái niệm
    - 6.1.1.2. Các dạng phân quyền
    - 6.1.1.3. Ưu, nhược điểm của việc quản lý phân quyền
  - 6.1.2. Kế toán trách nhiệm
- 6.2. Các trung tâm trách nhiệm
  - 6.2.1. Trung tâm chi phí
  - 6.2.2. Trung tâm doanh thu
  - 6.2.3. Trung tâm lợi nhuận
  - 6.2.4. Trung tâm đầu tư
- 6.3. Đánh giá các trung tâm trách nhiệm
  - 6.3.1. Đánh giá trung tâm chi phí
  - 6.3.2. Đánh giá trung tâm doanh thu
  - 6.3.3. Đánh giá trung tâm lợi nhuận
  - 6.3.4. Đánh giá trung tâm đầu tư:
    - 6.3.4.1. Tỷ lệ hoàn vốn đầu tư (ROI)
    - 6.3.4.2. Lợi nhuận còn lại (RI)
- 6.4. Định giá sản phẩm chuyển giao
  - 6.4.1. Khái niệm
  - 6.4.2. Các phương pháp định giá sản phẩm chuyển giao:
  - 6.4.3. Nguyên tắc định giá chuyển giao tối thiểu:
    - 6.4.3.1. Khái niệm
    - 6.4.3.2. Lưu ý

## 6.5. Báo cáo bộ phận

### 6.5.1. Khái niệm

### 6.5.2. Đặc điểm của báo cáo bộ phận:

### 6.5.3. Phân tích báo cáo bộ phận:

#### 6.5.3.1. Đánh giá kết quả bộ phận

#### 6.5.3.2. Đánh giá thành quả quản lý

## Bài tập chương 6

### **Chương 7: Định Giá Bán Sản Phẩm Và Dịch Vụ**

*Ý nghĩa chương: Biết cách xác định giá bán của sản phẩm mới để đạt được lợi nhuận mong muốn. Biết cách xác định chi phí mong muốn làm cơ sở để đưa ra các quyết định kinh doanh các mặt hàng đã có trên thị trường. Biết cách xác định giá trị của các dịch vụ sao cho đạt được lợi nhuận mong muốn.*

#### 7.1. Những vấn đề chung:

##### 7.1.1. Lý thuyết cơ bản về định giá sản phẩm

##### 7.1.2. Vai trò của chi phí trong việc định giá bán

#### 7.2. Định giá bán sản phẩm sản xuất hàng loạt:

##### 7.2.1. Định giá bán sản phẩm đối với doanh nghiệp định giá:

###### 7.2.1.1. Phương pháp toàn bộ

###### 7.2.1.2. Phương pháp trực tiếp

##### 7.2.2. Định giá bán sản phẩm đối với doanh nghiệp nhận giá

#### 7.3. Định giá bán sản phẩm dịch vụ

#### 7.4. Định giá bán sản phẩm mới:

##### 7.4.1. Thực nghiệm tiếp thị sản phẩm mới

##### 7.4.2. Các chiến lược định giá

#### 7.5. Định giá trong các trường hợp đặc biệt

#### 7.6. Ảnh hưởng của chi phí cơ hội đến việc định giá

## Bài tập chương 7

### **Chương 8: Thông Tin Thích Hợp Cho Việc Ra Quyết Định**

#### 8.1. Nhận diện thông tin thích hợp:

##### 8.1.1. Tiêu chuẩn lựa chọn quyết định

##### 8.1.2. Phân tích thông tin thích hợp

##### 8.1.3. Các chi phí chìm không phải là thông tin thích hợp

##### 8.1.4. Các khoản thu và chi như nhau không phải là thông tin thích hợp

##### 8.1.5. Sự cần thiết phải nhận diện thông tin thích hợp đối với việc ra quyết định

#### 8.2. Ứng dụng thông tin thích hợp trong việc ra quyết định:

## Bài tập chương 8

### **5. Tài liệu tham khảo:**

1. Tập thể tác giả Bộ môn Kế toán quản trị - Phân tích hoạt động kinh doanh (Khoa Kế toán Kiểm toán Trường Đại học Kinh tế TP Hồ Chí Minh), Kế toán quản trị, NXB. Kinh tế Tp.HCM, Năm 2013



2. Belverd E. Needles, Henry R. Anderson, James C. Caldwell; Principles of Accounting (Fifth Edition); Houghton Mifflin Company; 1993
3. Ray H. Garrison, Eric W. Noreen, Peter C. Brewer; Managerial Accounting (14th Edition); The McGraw-Hill Companies, Inc., 2012
4. Charles T. Horngren, Srikant M. Datar, George Foster; Cost Accounting: A Managerial Emphasis (Twelfth Edition); Prentice – Hall, Inc; 2006
5. Tài liệu giảng dạy của giảng viên đứng lớp.

**6. Lịch trình dạy học:**

T T	Nội dung	Số tiết lên lớp			Tự học	Ghi chú
		Tổn	LT	TH		
1	Chương 1 : Tổng Quan Về Kế Toán Quản Trị	4	4		5	
2	Bài tập	4	4		5	
3	Chương 3: Phân Tích Mối Quan Hệ Chi Phí,	4	4		5	
4	Bài tập	4	4		10	
5	Chương 4: Dư Toán Ngân Sách	4	4		5	
6	Bài tập-Kiểm tra	4	4		10	
7	Chương 5: Phân Tích Biến Động Chi Phí	4	4		5	
8	Bài tập	4	4		10	
9	Chương 6: Đánh Giá Trách Nhiệm Quản Lý	4	4		5	
10	Bài tập	4	4		10	
11	Chương 7: Định Giá Bán Sản Phẩm Và Dịch	4	4		5	
12	Bài tập-Kiểm tra	4	4		10	
13	Chương 8: Thông Tin Thích Hợp Cho Việc Ra	4	4		5	
14	Bài tập	4	4		10	
15	Bài tập-Ôn tập	4	4		20	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>60</b>	<b>60</b>		<b>120</b>	

**7. Nhiệm vụ của sinh viên:**

Tham dự học và thảo luận, kiểm tra giữa học kì theo Quyết định 43/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/8/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Quy chế học vụ hiện hành của nhà trường.

**8. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:** Chuyên cần: 10%; Kiểm tra thường xuyên: 10%; Kiểm tra giữa kỳ:10%; Thi cuối kỳ: 70%

**9. Thang điểm:** Theo qui chế tín chỉ.

**PHỤ TRÁCH BỘ MÔN**

**GIẢNG VIÊN**





**Nguyễn Thị Ngọc Bích**

**Nguyễn Thị Ngọc Bích**

**Nguyễn Thị Vững**

**HỌC PHẦN****KẾ TOÁN HÀNH CHÍNH SỰ NGHIỆP****1. Thông tin chung của học phần:**

Tên học phần: **KẾ TOÁN HÀNH CHÍNH SỰ NGHIỆP**. Mã học phần:   Số tín chỉ: 03

Trình độ: Dành cho sinh viên năm 3. Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý kế toán

Phân giờ tín chỉ: Lên lớp: 45 tiết. Thực hành: 0 tiết. Tự học: 90 tiết

**2. Mục tiêu của học phần:**

Kiến thức: cung cấp kiến thức cơ bản về kế toán trong các tổ chức hành chính sự nghiệp.

Kỹ năng: định khoản kế toán đúng, hợp lý; thiết lập, đối chiếu hệ thống kế toán qua chứng từ, sổ, báo cáo tài chính.

Thái độ: chấp hành quy định tài chính, kế toán hành chính sự nghiệp, xác định các đức tính cần thiết của người kế toán.

**3. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:** Khái quát về công tác kế toán của các đơn vị hành chính sự nghiệp. Nguyên tắc, phương pháp hạch toán từng phần hành kế toán cụ thể ở đơn vị hành chính sự nghiệp. Cách lập, đọc các báo cáo tài chính của các đơn vị hành chính sự nghiệp.

**4. Nội dung chi tiết học phần.****Chương 1: Nhiệm Vụ Và Tổ Chức Kế Toán Trong Cơ Quan, Đơn Vị Hành Chính Sự Nghiệp**

*Ý nghĩa của Chương: Biết sự phân cấp các đơn vị dự toán; Hiểu nhiệm vụ kế toán hành chính sự nghiệp (HCSN); Biết hệ thống tài khoản kế toán HCSN; Vận dụng hệ thống chứng từ kế toán.*

**1.1 Nhiệm vụ**

## 1.1.1 Khái niệm

## 1.1.2 Khái quát tài chính HCSN

## 1.1.3 Nhiệm vụ

**1.2 Tổ chức kế toán HCSN**

## 1.2.1 Phân theo trình tự công việc

## 1.2.2 Phân theo hình thức tổ chức kế toán

**1.3 Hệ thống tài khoản kế toán**

## 1.3.1 Tài khoản và hệ thống tài khoản

## 1.3.2 Mô tả hệ thống tài khoản

## 1.3.3 Lựa chọn áp dụng

**1.4 Chứng từ, sổ sách và hình thức tổ chức hệ thống sổ kế toán**

## 1.4.1 Chứng từ

## 1.4.2 Sổ sách

### **Chương 2: Kế Toán Vốn Bằng Tiền**

*Ý nghĩa của Chương: Biết các loại tiền và yêu cầu quản lý tiền trong tổ chức HCSN; Hiểu các tài khoản trung tâm của đối tượng kế toán. Từ đó, vận dụng các nguyên tắc, phương pháp hạch toán tài khoản các nghiệp vụ kinh tế liên quan đến vốn bằng tiền trong từng trường hợp cụ thể.*

2.1 Nội dung, nguyên tắc kế toán, nhiệm vụ kế toán vốn bằng tiền

2.2 Nội dung và phương pháp kế toán vốn bằng tiền

2.2.1 Kế toán tiền mặt

2.2.2 Kế toán tiền gửi ngân hàng, kho bạc

### **Chương 3: Kế Toán Vật Liệu, Dụng Cụ Và Sản Phẩm, Hàng Hóa**

*Ý nghĩa của Chương: Vận dụng tính giá thực tế vật liệu, dụng cụ và sản phẩm, hàng hóa nhập, xuất kho; Hiểu các tài khoản trung tâm của đối tượng kế toán. Từ đó, vận dụng các nguyên tắc, phương pháp hạch toán tài khoản các nghiệp vụ kinh tế liên quan đến kho vật liệu, dụng cụ và sản phẩm, hàng hóa trong từng trường hợp cụ thể.*

3.1 Kế toán vật liệu, dụng cụ

3.1.1 Khái niệm

3.1.2 Nguyên tắc kế toán

3.1.3 Chứng từ

3.1.4 Sổ kế toán

3.1.5 Hạch toán các nghiệp vụ chủ yếu

3.2 Kế toán sản phẩm, hàng hóa

3.2.1 Khái niệm

3.2.2 Nguyên tắc kế toán

3.2.3 Chứng từ

3.2.4 Sổ kế toán

3.2.5 Hạch toán các nghiệp vụ chủ yếu

### **Chương 4: Kế Toán Tài Sản Cố Định**

*Ý nghĩa của Chương: Nhận biết các loại tài sản cố định (TSCĐ) HCSN; Hiểu các quy định về quản lý, sử dụng TSCĐ; Tính được hao mòn TSCĐ HCSN; Hiểu các tài khoản chính của đối tượng kế toán; Vận dụng tài khoản trong các trường hợp hạch toán TSCĐ kết hợp chứng từ kế toán chi tiết.*

4.1 Kế toán tài sản cố định (TSCĐ)

4.1.1 Tiêu chuẩn nhận biết tài sản cố định

4.1.2 Phân loại TSCĐ

4.1.3 Quy định cụ thể về quản lý TSCĐ

4.1.4 Nguyên tắc xác định nguyên giá TSCĐ

4.1.5 Chứng từ

4.1.6 Sổ kế toán chi tiết

4.1.7 Tài khoản sử dụng

- 4.1.8 Hạch toán các nghiệp vụ chủ yếu
- 4.2 Kế toán hao mòn và khấu hao TSCĐ
  - 4.2.1 Đối tượng không tính hao mòn
  - 4.2.2 Kỳ tính hao mòn
  - 4.2.3 Thời gian sử dụng và tỷ lệ tính hao mòn
  - 4.2.4 Phương pháp tính hao mòn
  - 4.2.5 Khấu hao TSCĐ
  - 4.2.6 Chứng từ
  - 4.2.7 Tài khoản sử dụng
  - 4.2.8 Hạch toán các nghiệp vụ chủ yếu
- 4.3. Kế toán sửa chữa TSCĐ
  - 4.3.1 Sửa chữa thường xuyên (sửa chữa nhỏ)
  - 4.3.2 Sửa chữa lớn

## **Chương 5: Kế Toán Thanh Toán**

*Ý nghĩa của Chương: Biết những nội dung thanh toán thường phát sinh trong tổ chức HCSN; Hiểu nội dung kế toán quản lý các khoản thanh toán; Hiểu các tài khoản chính của đối tượng kế toán; Vận dụng hạch toán các nghiệp vụ cơ bản, chủ yếu, kết hợp chứng từ kế toán chi tiết.*

- 5.1 Kế toán thanh toán các khoản phải thu
  - 5.1.1 Nội dung các khoản phải thu
  - 5.1.2 Chứng từ
  - 5.1.3 Sổ kế toán
  - 5.1.4 Tài khoản sử dụng
  - 5.1.5 Hạch toán các nghiệp vụ chủ yếu
- 5.2 Kế toán thanh toán các khoản tạm ứng
  - 5.2.1 Nội dung các khoản tạm ứng
  - 5.2.2 Chứng từ
  - 5.2.3 Sổ kế toán
  - 5.2.4 Tài khoản sử dụng
  - 5.2.5 Hạch toán các nghiệp vụ chủ yếu
- 5.3 Kế toán thanh toán các khoản phải trả
  - 5.3.1 Nội dung các khoản phải trả
  - 5.3.2 Chứng từ
  - 5.3.3 Sổ kế toán
  - 5.3.4 Tài khoản sử dụng
  - 5.3.5 Hạch toán các nghiệp vụ chủ yếu
- 5.4 Kế toán thanh toán với công chức, viên chức và đối tượng khác
  - 5.4.1 Nội dung các khoản thanh toán với công chức, viên chức và đối tượng khác
  - 5.4.2 Chứng từ
  - 5.4.3 Sổ kế toán
  - 5.4.4 Tài khoản sử dụng

- 5.4.5 Hạch toán các nghiệp vụ chủ yếu
- 5.5 Kế toán các khoản phải nộp theo lương
  - 5.5.1 Nội dung các khoản phải nộp theo lương
  - 5.5.2 Chứng từ
  - 5.5.3 Sổ kế toán
  - 5.5.4 Tài khoản sử dụng
  - 5.5.5 Hạch toán các nghiệp vụ chủ yếu
- 5.6 Kế toán các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước
  - 5.6.1 Nội dung các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước
  - 5.6.2 Chứng từ
  - 5.6.3 Sổ kế toán
  - 5.6.4 Tài khoản sử dụng
  - 5.6.5 Hạch toán các nghiệp vụ chủ yếu
- 5.7 Kế toán kinh phí đã quyết toán chuyển sang năm sau
  - 5.7.1 Nội dung các khoản kinh phí đã quyết toán chuyển sang năm sau
  - 5.7.2 Chứng từ
  - 5.7.3 Sổ kế toán
  - 5.7.4 Tài khoản sử dụng
  - 5.7.5 Hạch toán các nghiệp vụ chủ yếu

## **Chương 6: Kế Toán Nguồn Kinh Phí Hoạt Động, Nguồn Kinh Phí Đã Hình Thành Tài Sản Cố Định, Quỹ Cơ Quan**

*Ý nghĩa của Chương: Hiểu nguồn kinh phí HCSN phù hợp đặc điểm hoạt động HCSN thông qua nội dung khái niệm, phân loại, yêu cầu quản lý; Hiểu các tài khoản chính của đối tượng kế toán; Áp dụng tài khoản theo dõi và vận dụng hạch toán các nghiệp vụ chủ yếu.*

- 6.1 Kế toán nguồn kinh phí hoạt động
  - 6.1.1 Khái niệm
  - 6.1.2 Quy định về kế toán nguồn kinh phí hoạt động
  - 6.1.3 Chứng từ
  - 6.1.4 Sổ kế toán
  - 6.1.5 Tài khoản sử dụng
  - 6.1.6 Hạch toán các nghiệp vụ chủ yếu
- 6.2 Kế toán nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ
  - 6.2.1 Khái niệm
  - 6.2.3 Chứng từ
  - 6.2.4 Sổ kế toán
  - 6.2.5 Tài khoản sử dụng
  - 6.2.6 Hạch toán các nghiệp vụ chủ yếu
- 6.3 Kế toán quỹ cơ quan
  - 6.3.1 Hình thành và sử dụng các quỹ
  - 6.3.2 Chứng từ
  - 6.3.3 Sổ kế toán

6.3.4 Tài khoản sử dụng

6.3.5 Hạch toán các nghiệp vụ chủ yếu

## **Chương 7: Kế Toán Các Khoản Thu**

*Ý nghĩa của Chương: Hiểu các khoản thu HCSN và yêu cầu quản lý; Phân biệt công dụng từng tài khoản loại 5 trong việc phản ánh các khoản thu; Vận dụng hạch toán các nghiệp vụ chủ yếu, từ đó, biết tính toán và hạch toán kết chuyển chênh lệch thu chi từ các tài khoản loại 5 này.*

7.1 Nội dung và nguyên tắc kế toán các khoản thu

7.1.1 Nội dung

7.1.2 Nguyên tắc

7.2 Kế toán các khoản thu

7.2.1 Chứng từ

7.2.2 Sổ kế toán

7.2.3 Tài khoản sử dụng

7.2.4 Hạch toán các nghiệp vụ chủ yếu

7.3 Kế toán khoản thu chưa qua ngân sách

7.3.1 Nội dung khoản thu chưa qua ngân sách

7.3.2 Tài khoản sử dụng

7.3.3 Hạch toán các nghiệp vụ chủ yếu

7.4 Kế toán thu hoạt động sản xuất, kinh doanh kinh doanh

7.4.1 Tài khoản sử dụng

7.4.2 Nguyên tắc kế toán hoạt động sản xuất, kinh doanh

7.4.3 Hạch toán các nghiệp vụ chủ yếu

## **Chương 8: Kế Toán Các Khoản Chi**

*Ý nghĩa của Chương: Hiểu các khoản chi HCSN và yêu cầu quản lý; Phân biệt công dụng từng tài khoản loại 6 trong việc phản ánh các khoản chi; Vận dụng hạch toán các nghiệp vụ chủ yếu, từ đó, biết tính toán và hạch toán kết chuyển chi.*

8.1 Nội dung và nguyên tắc kế toán các khoản chi

8.1.1 Nội dung

8.1.2 Nguyên tắc

8.2 Kế toán chi hoạt động

8.2.1 Chứng từ

8.2.2 Sổ kế toán

8.2.3 Tài khoản sử dụng

8.2.4 Hạch toán các nghiệp vụ chủ yếu

8.3 Kế toán chi sản xuất, kinh doanh kinh doanh

8.3.1 Chứng từ

8.3.2 Sổ kế toán

8.3.3 Tài khoản sử dụng

8.3.4 Hạch toán các nghiệp vụ chủ yếu

8.4 Kế toán chi phí trả trước

8.5 Kế toán chi phí quản lý chung

## **Chương 9: Chế Độ Báo Cáo Tài Chính**

*Ý nghĩa của Chương: Biết các quy định chung về chế độ lập báo cáo tài chính; Hiểu công dụng, tra cứu cách lập từng báo biểu, biết cách đọc và phân tích báo biểu; Đánh giá tính quan trọng từng biểu và khả năng cải tiến báo cáo tài chính.*

9.1 Những quy định chung

9.1.1 Mục đích lập báo cáo tài chính

9.1.2 Trách nhiệm lập báo cáo

9.1.3 Thời hạn gửi báo cáo

9.1.4 Danh mục và nơi nhận báo cáo tài chính

9.2 Nội dung và phương pháp lập báo cáo tài chính

9.2.1 Bảng cân đối tài khoản (B01-H)

9.2.2 Tổng hợp tình hình kinh phí và quyết toán kinh phí đã sử dụng (B02 – H)

9.2.3 Báo cáo chi tiết kinh phí hoạt động (F02 – 1H)

9.2.4 Báo cáo chi tiết kinh phí dự án (F02 – 2H)

9.2.5 Bảng đối chiếu dự toán kinh phí ngân sách tại kho bạc (F02 – 3aH)

9.2.6 Bảng đối chiếu tình hình tạm ứng và thanh toán tạm ứng kinh phí ngân sách tại KBNN (F02 – 3bH)

9.2.7 Báo cáo thu chi hoạt động sự nghiệp và hoạt động sản xuất, kinh doanh (B03 – H)

9.2.8 Báo cáo tình hình tăng giảm TSCĐ (B04 – H)

9.2.9 Báo cáo kinh phí chưa sử dụng đã quyết toán năm trước chuyển sang (B05 – H)

9.2.10 Thuyết minh báo cáo tài chính

### **5. Tài liệu tham khảo:**

1. Luật về Kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/6/2003 của Quốc hội khóa XII, và các bổ sung, điều chỉnh Luật;
2. Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/3/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính, về việc ban hành Chế độ kế toán hành chính sự nghiệp.
3. Thông tư số 185/2010/ TT-BTC ngày 15/11/2010 của Bộ Tài chính, hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Hành chính sự nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
4. Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ, quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.
5. Thông tư số 162/2014/TT-BTC ngày 6/11/2014 của Bộ Tài chính, Quy định chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản cố định trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức có sử dụng ngân sách nhà nước.
6. Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh (2012), “Giáo trình kế toán hành chính sự nghiệp”, NXB Phương Đông.

7. Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh (2012), “Hệ thống bài tập kế toán và sơ đồ kế toán hành chính sự nghiệp”, NXB Phương Đông.

#### 6. Lịch trình dạy học:

T T	Nội dung	Số tiết lên lớp			Tự hoc	Ghi chú
		Tôn	LT	TH		
1	Chương 1: Nhiệm vụ và tổ chức kế toán trong đơn vị HCSN Chương 2: Kế toán vốn bằng tiền	4	4		5	
2	Bài tập	4	4		10	
3	Chương 3: Kế toán vật liệu, dụng cụ và sản phẩm, hàng hóa Chương 4: Kế toán tài sản cố định	4	4		5	
4	Bài tập	4	4		10	
5	Chương 5: Kế toán thanh toán Chương 6: Kế toán nguồn KP hoạt động,	4	4		5	
6	Bài tập-Kiểm tra	4	4		10	
7	Chương 7: Kế toán các khoản thu	4	4		5	
8	Bài tập	4	4		15	
9	Chương 9: Chế độ báo cáo tài chính	4	4		5	
10	Bài tập	4	4		5	
11	Bài tập-Ôn Tập	5	5		15	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>45</b>	<b>45</b>		<b>90</b>	

7. **Nhiệm vụ của sinh viên:** Tham dự học và thảo luận, kiểm tra giữa học kì theo Quyết định 43/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/8/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Quy chế học vụ hiện hành của nhà trường.

8. **Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:** Chuyên cần: 10%; Kiểm tra thường xuyên: 10%; Kiểm tra giữa kỳ: 10%; Thi cuối kỳ: 70%

9. **Thang điểm:** Theo qui chế tín chỉ.

**PHỤ TRÁCH BỘ MÔN**

**Nguyễn Thị Ngọc Bích**

**GIẢNG VIÊN**

**Vương Quang Thịnh**

**Nguyễn Thị Lý**



**HỌC PHẦN**

**KẾ TOÁN NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI**

**1. Thông tin chung của học phần:**

Tên học phần: **KẾ TOÁN NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI**. Mã học phần: Số tín chỉ: 03

Trình độ: Dành cho sinh viên năm 3. Điều kiện tiên quyết: Nguyên Lý Kế toán

Phân giờ tín chỉ: Lên lớp: 45 tiết. Thực hành: 0 tiết. Tự học: 90 tiết

**2. Mục tiêu của học phần:**

*\* Về kiến thức*

Trang bị những kiến thức cơ bản về kế toán ngân hàng như đặc điểm của hệ thống kế toán ngân hàng; kế toán về nghiệp vụ huy động vốn, tín dụng, thanh toán bù trừ, ... Sau khi học xong có thể làm việc trong hệ thống ngân hàng, tổ chức tín dụng. Biết được cách hạch toán trong kế toán ngân hàng. Biết được các phương pháp thanh toán qua ngân hàng. Biết được cách thức huy động vốn, cho vay trong hệ thống ngân hàng

*\* Về kỹ năng*

- Kỹ năng vận dụng kiến thức lý thuyết đã học để ứng dụng công việc trong thực tế như: huy động vốn, cho vay, hạch toán kế toán trong ngân hàng.

*\* Về thái độ*

- Người học được rèn tính cẩn thận, tính chính trực, khách quan, bảo mật thông tin
- Có ý thức chấp hành đúng cá qui định của Nhà nước khi thực hiện công tác kế toán

**3. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:** Kế toán ngân hàng là học phần thuộc phần kiến thức chuyên ngành nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kế toán ngân hàng như đặc điểm của hệ thống kế toán ngân hàng; kế toán về nghiệp vụ huy động vốn, tín dụng, thanh toán bù trừ, ...

**4. Nội dung chi tiết học phần.**

**Chương 1: Những Vấn Đề Cơ Bản Của Kế Toán Ngân Hàng**

*Ý nghĩa của chương: Giới thiệu những kiến thức căn bản về Kế toán ngân hàng bao gồm các khái niệm, hệ thống tài khoản, hệ thống các loại bảng, các loại chứng từ và hình thức kế toán được sử dụng*

- 1.1. Đối tượng, mục tiêu, vị trí của Kế toán Ngân hàng
- 1.2. Đặc điểm của Kế toán Ngân hàng
- 1.3. Chứng từ của Kế toán Ngân hàng
- 1.4. Hệ thống tài khoản, Bảng cân đối tài khoản và Bảng cân đối kế toán.
  - 1.4.1. Hệ thống tài khoản
  - 1.4.2. Bảng cân đối tài khoản (Bảng cân đối số phát sinh)
  - 1.4.3. Bảng cân đối kế toán hay Bảng cân đối tài chính

#### 1.4.4. Hình thức kế toán

### **Chương 2: Kế Toán Nghiệp Vụ Huy Động Vốn**

*Ý nghĩa của chương: Trình bày về cách hạch toán các nghiệp vụ huy động vốn phát sinh tại ngân hàng, cho thấy được tầm quan trọng của công tác huy động là nguồn vốn chiếm tỷ trọng chủ yếu trong ngân hàng. Làm tốt công tác huy động vốn không những mở rộng công tác cho vay, tăng cường vốn cho nền kinh tế mà còn mang đến cho ngân hàng nhiều lợi nhuận.*

#### 2.1 Ý nghĩa công tác huy động vốn

#### 2.2 Nguồn vốn huy động

#### 2.3 Phương pháp hạch toán huy động vốn bằng đồng Việt Nam

##### 2.3.1 Chứng từ liên quan

##### 2.3.2 Tài khoản sử dụng

##### 2.3.3 Phương pháp hạch toán

#### 2.4 Phương pháp hạch toán huy động vốn bằng vàng, ngoại tệ.

##### 2.4.1 Chứng từ liên quan

##### 2.4.2 Tài khoản sử dụng

##### 2.4.3 Phương pháp hạch toán

### **Chương 3: Kế Toán Nghiệp Vụ Tín Dụng, Nghiệp Vụ Chiết Khấu Thương Phiếu Và Giấy Tờ Có Giá**

*Ý nghĩa của chương: Trình bày về cách hạch toán các nghiệp vụ cho vay, đầu tư phát sinh tại ngân hàng, cho thấy được tầm quan trọng của nghiệp vụ tín dụng. Nghiệp vụ tín dụng chiếm tỷ trọng lớn trong toàn bộ tài sản có của ngân hàng. Đây là nguồn hình thành từ huy động trong khách hàng, do vậy ngân hàng phải sử dụng có hiệu quả.*

#### 3.1 Ý nghĩa, nhiệm vụ kế toán cho vay

##### 3.1.1 Tổ chức kế toán cho vay

##### 3.1.2 Những quy định về cho vay

#### 3.2 Kế toán nghiệp vụ cho vay

##### 3.2.1 Phân loại

##### 3.2.2 Quy trình cho vay

##### 3.2.3 Các phương pháp cho vay

##### 3.2.4 Chứng từ liên quan

##### 3.2.5 Tài khoản sử dụng

##### 3.2.6 Phương pháp hạch toán

#### 3.3 Nghiệp vụ chiết khấu thương phiếu và giấy tờ có giá

##### 3.3.1 Chứng từ liên quan

##### 3.3.2 Tài khoản sử dụng

##### 3.3.3 Phương pháp hạch toán

###### 3.3.3.1 Giấy tờ có giá ngang giá

###### 3.3.3.2 Giấy tờ có giá chiết khấu

###### 3.3.3.3 Giấy tờ có giá phụ trội

###### 3.3.3.4 Chiết khấu giấy tờ có giá

## **Chương 4: Kế Toán Các Nghiệp Vụ Thanh Toán Qua Ngân Hàng**

*Ý nghĩa của chương: Giới thiệu cách hạch toán các nghiệp vụ thanh toán qua ngân hàng như: Thanh toán vốn giữa các ngân hàng, một nhu cầu không thể thiếu được trong hoạt động ngân hàng. Hoạt động này diễn ra hằng ngày giữa các ngân hàng theo nhu cầu của khách hàng. Thanh toán qua ủy nhiệm chi, ủy nhiệm thu, séc, thư tín dụng và thẻ thanh toán. Nêu lên vai trò làm trung gian thanh toán của ngân hàng. Nhờ đó giúp khách hàng giải quyết nhanh vòng quay vốn, tiết kiệm chi phí lưu thông tiền mặt và tăng lợi nhuận cho ngân hàng.*

### **4.1 Kế toán các nghiệp vụ thanh toán vốn giữa các ngân hàng**

4.1.1 Thanh toán liên hàng

4.1.2 Thanh toán bù trừ

4.1.3 Thanh toán qua Ngân hàng Nhà nước

### **4.2 Kế toán nghiệp vụ thanh toán qua ngân hàng**

4.2.1 Chứng từ liên quan

4.2.2 Tài khoản sử dụng

4.2.3 Các phương thức thanh toán qua ngân hàng

## **Chương 5: Kế Toán Thu Nhập, Chi Phí Và Kqkd Của Ngân Hàng**

*Ý nghĩa của chương: Chương này giới thiệu và mô tả một cách khái quát về những tài liệu cơ bản được sử dụng trong việc đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh của ngân hàng. Để việc đánh giá được thuận tiện, bảng Cân Đối Kế Toán (bảng tổng kết tài sản) và báo cáo thu nhập của ngân hàng sẽ được trình bày một cách cụ thể để làm ví dụ.*

### **5.1 Nội dung các khoản thu nhập và chi phí của ngân hàng.**

5.1.1 Các khoản thu nhập.

5.1.2 Các khoản chi phí.

### **5.2 Kế toán thu nhập.**

5.2.1 Tài khoản sử dụng.

5.2.2 Kế toán thu nhập.

### **5.3 Kế toán chi phí.**

5.3.1 Tài khoản sử dụng.

5.3.2 Kế toán chi phí.

### **5.4 Kế toán kết quả kinh doanh và phân phối lợi nhuận.**

5.4.1 Tài khoản sử dụng.

5.4.2 Phương pháp hạch toán.

## **5. Tài liệu tham khảo:**

- Sách, giáo trình chính

1. Kế toán ngân hàng, TS. Lâm Thị Hồng Hoa, Ths. Nguyễn Thị Loan, Nhà xuất bản Phương Đông, năm XB 2011

2. Bài tập và bài giải Kế toán ngân hàng, TS. Lâm Thị Hồng Hoa, Ths. Nguyễn Thị Loan, Nhà xuất bản Phương Đông, năm XB 2011

- Tài liệu tham khảo

1. Kế Toán Ngân hàng - Trường Đại Học Ngân hàng, Nhà Xuất Bản Thống Kê, 2006

**6. Lịch trình dạy học:**

T T	Nội dung	Số tiết lên lớp			Tự học	Ghi chú
		Tổng cộng	Lí thuyết	Thực hành		
1	Tổng quan về kế toán ngân hàng	4	4		5	
2	Bài tập	4	4		5	
3	Kế toán nghiệp vụ huy động vốn	4	4		5	
4	Bài tập	4	4		10	
5	Kế toán nghiệp vụ tín dụng, nghiệp vụ chiết	4	4		5	
6	Bài tập-Kiểm tra	4	4		10	
7	Kế toán nghiệp vụ thanh toán qua ngân hàng	4	4		5	
8	Bài tập	4	4		10	
9	Báo cáo thu nhập, chi phí và xác định kết quả	4	4		5	
10	Bài tập-Kiểm tra	4	4		15	
11	Bài tập- Ôn Tập	5	5		15	
	Tổng cộng	<b>45</b>	<b>45</b>		<b>90</b>	

**7. Nhiệm vụ của sinh viên:**

Tham dự học và thảo luận, kiểm tra giữa học kì theo Quyết định 43/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/8/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Quy chế học vụ hiện hành của nhà trường.

**8. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:** Chuyên cần: 10%; Kiểm tra thường xuyên: 10%; Kiểm tra giữa kỳ: 10%; Thi cuối kỳ: 70%

**9. Thang điểm:** Theo qui chế tín chỉ.

**PHỤ TRÁCH BỘ MÔN**

**Nguyễn Thị Ngọc Bích**

**GIẢNG VIÊN**

**Võ Thị Từ Hiếu**

**Phạm Thị Thu Hiền**

**HỌC PHẦN**  
**KẾ TOÁN MỸ**

**1. Thông tin chung của học phần:**

Tên học phần: **KẾ TOÁN MỸ**. Mã học phần: Số tín chỉ: 03  
Trình độ: Dành cho sinh viên năm 4. Điều kiện tiên quyết: **Nguyên Lý Kế toán**  
Phân giờ tín chỉ: Lên lớp: 45 tiết. Thực hành: 0 tiết. Tự học: 90 tiết

**2. Mục tiêu của học phần:**

*\* Về kiến thức*

Kết thúc học phần, sinh viên có thể hiểu và vận dụng kế toán Mỹ vào các đơn vị có nhu cầu.

Chương trình gồm các phần kế toán như: Môi trường kế toán, Mô hình kế toán cơ bản, Kế toán ở công ty thương mại, Kế toán tài sản ngắn hạn, Kế toán tài sản dài hạn, Kế toán nợ phải trả, Kế toán vốn chủ sở hữu

*\* Về kỹ năng*

- Kỹ năng vận dụng kiến thức lý thuyết đã học để ứng dụng công việc trong hạch toán kế toán Mỹ.

- So sánh kế toán Mỹ với kế toán Việt Nam

*\* Về thái độ*

- Người học được rèn tính cẩn thận, tính chính trực, khách quan, bảo mật thông tin

- Có ý thức chấp hành đúng cá qui định của Nhà nước khi thực hiện công tác kế toán

**3. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:** Kết thúc học phần, sinh viên có thể hiểu và vận dụng kế toán Mỹ vào các đơn vị có nhu cầu. Chương trình gồm các phần kế toán như: Môi trường kế toán, Mô hình kế toán cơ bản, Kế toán ở công ty thương mại, Kế toán tài sản ngắn hạn, Kế toán tài sản dài hạn, Kế toán nợ phải trả, Kế toán vốn chủ sở hữu

**4. Nội dung chi tiết học phần.**

**Chương 1. Môi Trường Kế Toán**

*Ý nghĩa chương: Hiểu được thế nào là môi trường kiểm toán ở các khía cạnh như: Người sử dụng thông tin kế toán, mục đích sử dụng, thế nào là kế toán tài chính, kế toán quản trị, cũng như vai trò đạo đức trong kế toán cũng như các nguyên tắc kế toán được chấp nhận trên thế giới.*

1.1. Kế toán và môi trường kế toán

1.2. Các đối tượng sử dụng thông tin kế toán

1.3. Ảnh hưởng của các tổ chức nghề nghiệp kế toán

1.4. Sự phát triển các chuẩn mực kế toán

1.5. Những nguyên tắc kế toán được thừa nhận

**Chương 2. Mô Hình Kế Toán Cơ Bản**

*Ý nghĩa chương: Giới thiệu bốn báo cáo tài chính cơ bản, vấn đề hạch toán kế toán và ảnh hưởng của các nghiệp vụ kinh tế đến phương trình kế toán.*

- 2.1. Kế toán – một hệ thống thông tin
- 2.2. Hệ thống kế toán kép
- 2.3. Xác định kết quả kinh doanh và quá trình điều chỉnh
- 2.4. Hoàn tất một chu trình kế toán

### **Chương 3. Kế Toán Ở Công Ty Thương Mại**

*Ý nghĩa chương: Hiểu và thực hiện được các bút toán ghi chép đến quá trình bán hàng và mua hàng của công ty trong cả hai hệ thống là tồn kho thường xuyên và kiểm kê định kỳ.*

- 3.1. Báo cáo thu nhập trong công ty thương mại
- 3.2. Kế toán doanh thu bán hàng
- 3.3. Kế toán giá vốn hàng bán
- 3.4. Kế toán hàng tồn kho
- 3.5. Kế toán chi phí hoạt động
- 3.6. Bảng tính nhập ở công ty thương mại

### **Chương 4. Kế Toán Tài Sản Ngắn Hạn**

*Ý nghĩa chương: Hiểu và hạch toán được các nghiệp vụ liên quan đến tài sản ngắn hạn trong doanh nghiệp*

- 4.1. Kế toán tiền và các khoản tương đương tiền
- 4.2. Kế toán đầu tư ngắn hạn
- 4.3. Kế toán khoản phải thu và nợ khó đòi
- 4.4. Kế toán thương phiếu phải thu
- 4.5. Đánh giá hàng tồn kho

### **Chương 5. Kế Toán Tài Sản Dài Hạn**

*Ý nghĩa chương: Hiểu và hạch toán được các nghiệp vụ liên quan đến tài sản dài hạn trong doanh nghiệp*

- 5.1. Tính chất của tài sản dài hạn
- 5.2. Kế toán bất động sản, nhà xưởng, thiết bị
- 5.3. Kế toán tài nguyên thiên nhiên
- 5.4. Kế toán tài sản cố định vô hình
- 5.5. Kiểm soát tài sản cố định
- 5.6. Kế toán đầu tư dài hạn

### **Chương 6. Kế Toán Nợ Phải Trả**

*Ý nghĩa chương: Hiểu và hạch toán được các nghiệp vụ liên quan đến nợ phải trả trong doanh nghiệp*

- 6.1. Phân loại nợ phải trả
- 6.2. Kế toán nợ ngắn hạn
- 6.3. Kế toán nợ dài hạn

### **Chương 7. Kế Toán Vốn Chủ Sở Hữu**

*Ý nghĩa chương: Hiểu và hạch toán được các nghiệp vụ liên quan đến vốn chủ sở hữu trong doanh nghiệp*

7.1. Công ty hợp danh

7.2. Công ty cổ phần

**5. Tài liệu tham khảo:** + Giáo trình Kế toán Mỹ – Đại Học Kinh tế Tp.HCM  
+ Tài liệu giảng dạy của giảng viên đứng lớp.

**6. Lịch trình dạy học:**

T T	Nội dung	Số tiết lên lớp			Tự học	Ghi chú
		Phân bố thời gian				
		Tổng cộng	Lí thuyết	Thực hành		
1	Chương 1. Môi Trường Kế Toán Chương 2. Mô Hình Kế Toán Cơ Bản	4	4		5	
2	Bài tập	4	4		10	
3	Chương 3. Kế Toán Ở Công Ty Thương Mại	4	4		5	
4	Bài tập-Kiểm tra	4	4		10	
5	Chương 4. Kế Toán Tài Sản Ngắn Hạn Chương 5. Kế Toán Tài Sản Dài Hạn	4	4		5	
6	Bài tập	4	4		10	
7	Chương 6. Kế Toán Nợ Phải Trả	4	4		5	
8	Bài tập-Kiểm tra	4	4		15	
9	Chương 7. Kế Toán Vốn Chủ Sở Hữu	4	4		5	
10	Bài tập	4	4		5	
11	Bài tập – Ôn	5	5		15	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>45</b>	<b>45</b>		<b>90</b>	

**7. Nhiệm vụ của sinh viên:**

Tham dự học và thảo luận, kiểm tra giữa học kì theo Quyết định 43/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/8/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Quy chế học vụ hiện hành của nhà trường.

**8. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:** Chuyên cần: 10%; Kiểm tra thường xuyên: 10%; Kiểm tra giữa kỳ: 10%; Thi cuối kỳ: 70%

**9. Thang điểm:** Theo qui chế tín chỉ.

**PHỤ TRÁCH BỘ MÔN**

**GIẢNG VIÊN**



**Nguyễn Thị Ngọc Bích**



**Nguyễn Thế Khang**



**Phan Thị Kim Anh**

**HỌC PHẦN****KIỂM TOÁN****1. Thông tin chung của học phần:**Tên học phần: **KIỂM TOÁN**. Mã học phần:

Số tín chỉ: 03

Trình độ: Dành cho sinh viên năm 4. Điều kiện tiên quyết: **Kế toán tài chính 1,2,3**

Phân giờ tín chỉ: Lên lớp: 45 tiết. Thực hành: 0 tiết. Tự học: 90 tiết

**2. Mục tiêu của học phần:***\* Về kiến thức*

Học phần này giới thiệu các kiến thức cơ bản về kiểm toán và hoạt động kiểm toán: bản chất, vai trò của kiểm toán; các loại kiểm toán và môi trường hoạt động của kiểm toán; một số khái niệm, phương pháp quy trình cơ bản trong kiểm toán báo cáo tài chính.

*\* Về kỹ năng*

- Kỹ năng đọc hiểu, phân tích thông tin, nghiên cứu văn bản pháp luật kế toán

*\* Về thái độ*

- Người học được rèn tính cẩn thận, tính chính trực, khách quan, bảo mật thông tin

- Có ý thức chấp hành đúng cá qui định của Nhà nước khi thực hiện công tác kế toán.

**3. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:** Kết thúc học phần, sinh viên có thể: Giải thích được bản chất hoạt động kiểm toán và vai trò kiểm toán trong nền kinh tế, bao gồm các loại hình kiểm toán khác nhau. Trình bày những định chế chi phối hoạt động kiểm toán độc lập và những vấn đề cơ bản về trách nhiệm kiểm toán viên độc lập. Trình bày các yếu tố cấu thành hệ thống kiểm soát nội bộ trong một tổ chức. Giải thích các khái niệm trọng yếu và rủi ro kiểm toán, cách thức ứng dụng trong quá trình kiểm toán báo cáo tài chính. Trình bày quy trình kiểm toán bao gồm việc chuẩn bị kiểm toán, thực hiện các thử nghiệm và hoàn thành kiểm toán. Trình bày vai trò, yêu cầu và các kỹ thuật thu thập bằng chứng kiểm toán. Giải thích ý nghĩa và nội dung của báo cáo kiểm toán.

**4. Nội dung chi tiết học phần.****Chương 1. Tổng Quan Về Kiểm Toán**

*Ý nghĩa chương: Sau khi nghiên cứu xong nội dung này, người học có thể: Mô tả bản chất của kiểm toán. Nêu các lĩnh vực kiểm toán khác nhau và giải thích sự khác biệt.*

1.1. Định nghĩa về kiểm toán

1.2. Phân loại kiểm toán:

1.2.1. Phân loại theo mục đích cuộc kiểm toán

1.2.2. Phân loại theo chủ thể cuộc kiểm toán

1.3. Kiểm toán viên và công ty kiểm toán.

1.4. Lịch sử hình thành và vai trò của ngành kiểm toán

**Chương 2. Môi Trường Kiểm Toán**



*Ý nghĩa chương: Giúp sinh viên mô tả môi trường của kiểm toán, bao gồm các định chế pháp lý và nghề nghiệp chi phối hoạt động kiểm toán.*

- 2.1. Môi trường kiểm toán
  - 2.1.1. Đặc điểm của nghề nghiệp kiểm toán
  - 2.2.2. Môi trường kiểm toán
- 2.2. Chuẩn mực kiểm toán
- 2.3. Đạo đức nghề nghiệp
- 2.4. Trách nhiệm của kiểm toán viên độc lập

### **Chương 3. Khái Niệm Thường Dùng Trong Kiểm Toán**

*Ý nghĩa chương: Làm rõ nội hàm các thuật ngữ và ý nghĩa của các thuật ngữ trong lĩnh vực kiểm toán.*

- 3.1. Cơ sở dẫn liệu:
  - 3.1.1. Tính có thật:
  - 3.1.2. Đã tính toán và đánh giá:
  - 3.1.3. Đã ghi chép và cộng dồn:
- 3.2. Hệ thống kiểm soát nội bộ:
- 3.3. Gian lận và sai sót
- 3.4. Trọng yếu và rủi ro
- 3.5. Bằng chứng kiểm toán
- 3.6. Hoạt động liên tục
- 3.7. Báo cáo kiểm toán.
- 3.8. Hồ sơ kiểm toán

### **Chương 4. Hệ Thống Kiểm Soát Nội Bộ**

*Ý nghĩa chương: Hiểu được các bộ phận cấu thành hệ thống kiểm soát nội bộ trong một doanh nghiệp, ý nghĩa của HTKSNB đối với công tác kiểm toán của kiểm toán viên*

- 4.1. Các bộ phận hợp thành:
  - 4.1.1. Môi trường kiểm soát:
  - 4.1.2. Đánh giá rủi ro:
  - 4.1.3. Hoạt động kiểm soát:
  - 4.1.4. Thông tin và truyền thông
  - 4.1.5. Giám sát
- 4.2. Những hạn chế của HTKSNB
- 4.3. Mục đích nghiên cứu của KSNB đối với công tác kiểm toán
- 4.4. Trình tự nghiên cứu

### **Chương 5. Trình Tự Các Bước Kiểm Toán Và Phương Pháp Kiểm Toán**

*Ý nghĩa chương: Giúp sinh viên hiểu được một cách tổng quát trình tự và các công việc cần phải thực hiện trong từng giai đoạn của một cuộc kiểm toán. Nắm được các phương pháp kiểm toán cần áp dụng cho các khoản mục kiểm toán để có bằng chứng kết luận vấn đề.*

- 5.1. Trình tự cuộc kiểm toán
  - 5.1.1. Chuẩn bị kiểm toán.

- 5.1.2. Thực hành kiểm toán.
- 5.1.3. Kết thúc công việc kiểm toán
- 5.2. Phương pháp kiểm toán
  - 5.2.1. Phương pháp khoa học chung
  - 5.2.2. Các phương pháp, kỹ thuật, nghiệp vụ áp dụng trong kiểm toán
    - 5.2.2.1. Phương pháp kiểm toán cơ bản.
      - 5.2.2.1.1. Phương pháp phân tích đánh giá tổng quát.
      - 5.2.2.1.2. Phương pháp kiểm tra chi tiết nghiệp vụ và số dư tài khoản
    - 5.2.2.2. Phương pháp kiểm toán tuân thủ:
  - 5.2.3. Kỹ thuật lấy mẫu trong kiểm toán
  - 5.2.4. Mối quan hệ giữa mức độ RRTT và RRKS với việc áp dụng các phương pháp kiểm toán

## **Chương 6. Kiểm Toán Một Số Mặt Hoạt Động**

*Ý nghĩa chương: Giúp sinh viên nắm được đặc điểm các khoản mục trong báo cáo tài chính và cách thức kiểm toán các khoản mục đó.*

- 6.1. Kiểm toán vốn bằng tiền
  - 6.1.1. Nội dung
  - 6.1.2. Đặc điểm
  - 6.1.3. Mục tiêu kiểm toán
  - 6.1.4. Kiểm soát nội bộ
  - 6.1.5. Chương trình kiểm toán
    - 6.1.5.1. Nghiên cứu về HTKSNB
    - 6.1.5.2. Thử nghiệm cơ bản
- 6.2. Kiểm toán nợ phải thu
  - 6.2.1. Nội dung
  - 6.2.2. Đặc điểm
  - 6.2.3. Mục tiêu kiểm toán
  - 6.2.4. Kiểm soát nội bộ
  - 6.2.5. Chương trình kiểm toán
    - 6.2.5.1. Nghiên cứu về HTKSNB
    - 6.2.5.2. Thử nghiệm cơ bản
- 6.3. Kiểm toán hàng tồn kho và giá vốn hàng bán
  - 6.3.1. Nội dung
  - 6.3.2. Đặc điểm
  - 6.3.3. Mục tiêu kiểm toán
  - 6.3.4. Kiểm soát nội bộ
  - 6.3.5. Chương trình kiểm toán
    - 6.3.5.1. Nghiên cứu về HTKSNB
    - 6.3.5.2. Thử nghiệm cơ bản

#### 6.4. Kiểm toán tài sản cố định và chi phí khấu hao

6.4.1. Nội dung

6.4.2. Đặc điểm

6.4.3. Mục tiêu kiểm toán

6.4.4. Kiểm soát nội bộ

6.4.5. Chương trình kiểm toán

6.4.5.1. Nghiên cứu về HTKSNB

6.4.5.2. Thử nghiệm cơ bản

#### 6.5. Kiểm toán nợ phải trả và nguồn vốn chủ sở hữu

6.5.1. Nội dung

6.5.2. Đặc điểm

6.5.3. Mục tiêu kiểm toán

6.5.4. Kiểm soát nội bộ

6.5.5. Chương trình kiểm toán

6.5.5.1. Nghiên cứu về HTKSNB

6.5.5.2. Thử nghiệm cơ bản

#### 6.6. Kiểm toán doanh thu, thu nhập và chi phí

6.6.1. Nội dung

6.6.2. Đặc điểm

6.6.3. Mục tiêu kiểm toán

6.6.4. Kiểm soát nội bộ

6.6.5. Chương trình kiểm toán

6.6.5.1. Nghiên cứu về HTKSNB

6.6.5.2. Thử nghiệm cơ bản

**5. Tài liệu tham khảo:** + Giáo trình Kiểm toán – Đại Học Kinh tế Tp.HCM  
+ Tài liệu giảng dạy của giảng viên đứng lớp.

#### 6. Lịch trình dạy học:

T T	Nội dung	Số tiết lên lớp			Tự học	Ghi chú
		Tổng g cộng	Lí thuy ết	Thự c hàn h		
1	Chương I. Tổng Quan Về Kiểm Toán	4	4		5	
2	Chương II. Môi Trường Kiểm Toán	4	4		5	
3	Bài tập	4	4		10	
4	Chương III. Khái Niệm Thường Dùng Trong	4	4		5	
5	Bài tập	4	4		10	

6	Chương IV. Hệ Thống Kiểm Soát Nội Bộ	4	4		5	
7	Bài tập-Kiểm tra	4	4		10	
8	Chương V. Trình Tự Các Bước Kiểm Toán Và	4	4		5	
9	Bài tập-Kiểm tra	4	4		15	
10	Chương VI. Kiểm Toán Một Số Mặt Hoạt Động	4	4		5	
11	Bài tập-Ôn	5	5		15	
	Tổng cộng	<b>45</b>	<b>45</b>		<b>90</b>	

**7. Nhiệm vụ của sinh viên:**

Tham dự học và thảo luận, kiểm tra giữa học kì theo Quyết định 43/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/8/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Quy chế học vụ hiện hành của nhà trường.

**8. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:** Chuyên cần: 10%; Kiểm tra thường xuyên: 10%; Kiểm tra giữa kỳ: 10%; Thi cuối kỳ: 70%

**9. Thang điểm:** Theo qui chế tín chỉ.

**PHỤ TRÁCH BỘ MÔN**



**Nguyễn Thị Ngọc Bích**

**GIẢNG VIÊN**



**Nguyễn Thế Khang**



**Phan Thị Kim Anh**

**HỌC PHẦN****HỆ THỐNG THÔNG TIN KẾ TOÁN****1. Thông tin chung của học phần:**

Tên học phần: **HỆ THỐNG THÔNG TIN KẾ TOÁN**. Mã học phần:      Số tín chỉ: 03

Trình độ: Dành cho sinh viên năm 4. Điều kiện tiên quyết: **Kế toán tài chính 1,2,3**

Phân giờ tín chỉ: Lên lớp: 45 tiết. Thực hành: 0 tiết. Tự học: 90 tiết

**2. Mục tiêu của học phần:**

- Kiến thức: Hiểu rõ các quy trình kinh doanh chính trong đơn vị kinh doanh; Nắm được các nhiệm vụ cơ bản của từng bộ phận chức năng và mối quan hệ giữa các bộ phận chức năng trong toàn quy trình; Hiểu những khái niệm và vai trò của hệ thống kiểm soát nội bộ trong đơn vị kinh doanh; Vận dụng những kiến thức đã có để thiết kế, tổ chức, vận hành hệ thống thông tin kế toán trong đơn vị.

- Kỹ năng: Xây dựng được hệ thống thông tin kế toán trong một doanh nghiệp thực tế

- Thái độ: Có ý thức chấp hành qui định pháp luật, tự học, tự nghiên cứu

**3. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:** Môn học này cung cấp những kiến thức cơ bản về hệ thống thông tin, giúp sinh viên hệ thống hóa các môn học trong ngành quản trị doanh nghiệp, từ đó tổ chức hệ thống thông tin kế toán nhằm kiểm soát tài sản cũng như cung cấp kịp thời các thông tin hữu ích cho nhà quản trị trong và ngoài doanh nghiệp khi ra quyết định kinh doanh. Môn học được bắt đầu từ giới thiệu hệ thống thông tin kế toán trong doanh nghiệp, kế đến sẽ mô tả các quy trình kinh doanh chính và mục tiêu kiểm soát trong từng quy trình, và cuối cùng là các tiêu chí, cơ sở để lựa chọn, vận hành hệ thống thông tin kế toán trong doanh nghiệp.

**4. Nội dung chi tiết học phần.****Chương 1. Tổng Quan Về Hệ Thống Thông Tin Kế Toán**

## 1.1. Hệ thống

1.1.1. Khái niệm

1.1.2. Phân loại

## 1.2. Hệ thống thông tin

1.2.1. Khái niệm

1.2.2. Cấu trúc quản lý

1.2.3. Hệ thống thông tin trong doanh nghiệp

1.2.4. Chu trình hoạt động kinh doanh

## 1.3. Hệ thống thông tin kế toán

1.3.1. Khái niệm hệ thống thông tin kế toán

1.3.2. Các chu trình xử lý nghiệp vụ kế toán

## 1.4. Các công cụ kỹ thuật

1.4.1. Sơ đồ dòng dữ liệu

1.4.2. Lưu đồ

## **Chương 2. Cơ Sở Dữ Liệu**

2.1. Khái niệm cơ sở dữ liệu

2.1.1. Vai trò của cơ sở dữ liệu

2.1.2. Lưu ý khi lưu trữ dữ liệu trên CSDL

2.2. Thiết kế CSDL trong hệ thống thông tin kế toán

## **Chương 3. Kiểm Soát Hệ Thống Thông Tin Kế Toán**

3.1. Kiểm soát nội bộ

3.1.1. Các thành phần của hệ thống kiểm soát nội bộ

3.1.2. Mối quan hệ giữa các thành phần của hệ thống KSNB

3.1.3. Các nhận xét

3.2. Kiểm soát hệ thống thông tin kế toán trong môi trường xử lý bằng máy

3.2.1. Đặc điểm

3.2.2. Rủi ro

3.2.3. Thủ tục kiểm soát chung

3.2.4. Thủ tục kiểm soát ứng dụng

## **Chương 4. Các Chu Trình Kế Toán**

4.1. Chu trình doanh thu

4.1.1. Các hoạt động kinh tế trong chu trình doanh thu

4.1.2. Sơ đồ dữ liệu cấp tổng quát chu trình doanh thu

4.1.3. Báo cáo

4.1.4. Quy trình xử lý nghiệp vụ

4.1.5. Các hoạt động kiểm soát trong chu trình doanh thu

4.2. Chu trình chi phí

4.2.1. Các hoạt động kinh tế trong chu trình chi phí

4.2.2. Sơ đồ dòng dữ liệu cấp tổng quát

4.2.3. Quy trình xử lý nghiệp vụ

4.2.4. Báo cáo

4.2.5. Thủ tục kiểm soát trong chu trình chi phí

## **Chương 5. Phát Triển Hệ Thống Thông Tin Kế Toán**

5.1. Tổng quan về phát triển hệ thống

5.1.1. Mục tiêu phát triển hệ thống

5.1.2. Nhân sự tham gia trong quá trình phát triển hệ thống

5.1.3. Chu trình phát triển hệ thống

5.2. Phân tích hệ thống

5.2.1. Tầm quan trọng của phân tích hệ thống

5.2.2. Đề xuất nghiên cứu hệ thống

5.2.3. Công cụ phân tích hệ thống

5.2.4. Khảo sát sơ bộ

5.2.5. Nghiên cứu tính khả thi

5.2.6. Báo cáo phân tích hệ thống

5.3. Thiết kế hệ thống

5.4. Thực hiện hệ thống

### 5. Tài liệu học tập:

5.1. Sách, giáo trình chính:

[1]. Hệ thống thông tin kế toán – Tập thể tác giả, Khoa kế toán kiểm toán – ĐH Kinh Tế Tp.HCM

5.2. Tài liệu tham khảo:

[1]. Bài giảng Hệ thống thông tin kế toán - Ts. Bùi Quang Hùng

[2]. Bài giảng Hệ thống thông tin kế toán – Ths. Nguyễn Bích Liên

### 6. Lịch trình dạy học:

T T	Nội dung	Số tiết lên lớp			Tự học	Ghi chú
		TỔn	LT	TH		
1	Tổng quan hệ thống thông tin kế toán	4	4		5	
2	Bài tập	4	4		10	
3	Cơ sở dữ liệu	4	4		5	
4	Bài tập-Kiểm tra	4	4		10	
5	Kiểm soát hệ thống thông tin kế toán	4	4		5	
6	Bài tập	4	4		10	
7	Các chu trình kế toán	4	4		5	
8	Bài tập - Kiểm tra	4	4		10	
9	Phát triển hệ thống thông tin kế toán	4	4		5	
10	Bài tập	4	4		10	
11	Bài tập – Ôn tập	5	5		5	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>45</b>	<b>45</b>		<b>90</b>	

### 7. Nhiệm vụ của sinh viên:

Tham dự học và thảo luận, kiểm tra giữa học kì theo Quyết định 43/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/8/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Quy chế học vụ hiện hành của nhà trường.

**8. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:** Chuyên cần: 10%; Kiểm tra thường xuyên: 10%; Kiểm tra giữa kỳ: 10%; Thi cuối kỳ: 70%

**9. Thang điểm:** Theo qui chế tín chỉ.

**PHỤ TRÁCH BỘ MÔN**

**GIẢNG VIÊN**

**Nguyễn Thị Ngọc Bích**

**Thái Thị Hoài Thương**

**Phan Thị Châu Nga**

**HỌC PHẦN****KẾ TOÁN – KHAI BÁO THUẾ****1. Thông tin chung của học phần:**

Tên học phần: **KẾ TOÁN – KHAI BÁO THUẾ**. Mã học phần: Số tín chỉ: 03

Trình độ: Dành cho sinh viên năm 4. Điều kiện tiên quyết: **Thuế, Nguyên Lý Kế toán, Tin Học**

Phân giờ tín chỉ: Lên lớp: 45 tiết. Thực hành: 0 tiết. Tự học: 90 tiết

**2. Mục tiêu của học phần:***\* Về kiến thức*

Giúp sinh viên hiểu rõ về cơ chế tự khai – tự nộp – tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về thuế; Giúp sinh viên hiểu và thực hiện đúng các qui định pháp luật đối với người nộp thuế khi đăng ký, kê khai, điều chỉnh, hoàn thuế, quyết toán thuế; Sinh viên có điều kiện để vận dụng vào thực tế những kiến thức lý luận đã được học ở môn học thuế, nguyên ý kế toán, kế toán tài chính; Sinh viên được trang bị các kiến thức, kinh nghiệm thực tế trong lĩnh vực khai báo thuế.

*\* Về kỹ năng*

- Tính toán các loại thuế; kê khai và lập báo cáo thuế

*\* Về thái độ*

- Người học được rèn tính cẩn thận, tính chính trực, khách quan, bảo mật thông tin

- Có ý thức chấp hành đúng cá qui định của Nhà nước khi thực hiện công tác kế toán

**3. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:** Môn học cung cấp cho sinh viên những qui định pháp luật về đăng ký, kê khai, điều chỉnh, quyết toán và hoàn thuế của một số luật thuế quan trọng.  
- Hướng dẫn qui trình quản lý, kiểm soát xử lý hóa đơn. - Hướng dẫn chi tiết các kỹ thuật, trình tự khi kê khai, quyết toán thuế.

**4. Nội dung chi tiết học phần.****Chương 1: Kiến Thức Cơ Bản Về Hóa Đơn Trong Kê Khai Thuế**

*Ý nghĩa của chương: Giúp sinh viên hiểu rõ về hệ thống thông pháp luật về hóa đơn, thủ tục in hóa đơn, kỹ thuật lập hóa đơn và những tình huống xử lý hóa đơn trong công tác kế toán của doanh nghiệp.*

1.1. Giới thiệu hệ thống thông tin pháp luật về hóa đơn

1.2. Thủ tục đăng ký lưu hành và sử dụng hóa đơn

1.2.1 . Thủ tục mua hóa đơn

1.2.2. Thủ tục tự in hóa đơn

1.3. Xây dựng qui trình kiểm soát hóa đơn

1.4. Kỹ thuật lập hóa đơn

1.5. Những tình huống xử lý hoá đơn



- 1.5.1. Mất hóa đơn
- 1.5.2. Xuất hóa đơn hàng xuất khẩu
- 1.5.3. Hàng bán lẻ
- 1.5.4. Bán hàng qua điện thoại hoặc giao hàng tận nơi
- 1.5.5. Hóa đơn viết sai
- 1.5.6. Chiết khấu thanh toán
- 1.5.7. Chiết khấu thương mại
- 1.5.8. Ủy quyền ký duyệt hóa đơn
- 1.5.9. Trả lại hàng
- 1.5.10. Hóa đơn hàng biếu, tặng, trao đổi, trả thay lương hoặc tiêu dung nội bộ phải tính thuế giá trị gia tăng
- 1.5.11. Hàng xuất không đúng số lượng so với hóa đơn
- 1.5.12. Hóa đơn giảm giá do kém chất lượng
- 1.5.13. Hóa đơn hàng quảng cáo, khuyến mãi, hàng mẫu dung thử không thu tiền
- 1.5.14. Hóa đơn ghi thu bằng ngoại tệ
- 1.5.15. Hóa đơn hàng hóa vật tư vay, mượn

## **Chương 2. Kế Toán Kế Khai Thuế Xuất, Nhập Khẩu.**

*Ý nghĩa của chương: Giúp sinh viên hiểu nắm rõ thời hạn, quy trình kê khai của kế toán thuế xuất nhập khẩu, phương pháp xác lập tờ khai giá trị tính thuế hàng hóa xuất nhập khẩu trong công tác kế toán của doanh nghiệp.*

- 2.1. Những qui định về thời hạn kê khai, nộp thuế xuất, nhập khẩu
  - 2.1.1. Thời hạn kê khai thuế xuất, nhập khẩu
  - 2.1.2. Thời hạn nộp thuế xuất, nhập khẩu
- 2.2. Giới thiệu mẫu hồ sơ và tờ khai hàng hóa xuất, nhập khẩu
  - 2.2.1. Tờ khai hàng hóa xuất khẩu
  - 2.2.2. Tờ khai hàng hóa nhập khẩu
- 2.3. Hướng dẫn lập tờ khai hàng hóa xuất
- 2.4. Hướng dẫn lập tờ khai hàng hóa nhập khẩu
  - 2.4.1. Hướng dẫn lập tờ khai hàng hóa nhập khẩu
  - 2.4.2. Hướng dẫn lập tờ khai trị giá tính thuế hàng nhập khẩu
- 2.5. Phương pháp kế toán thuế xuất nhập khẩu.

## **Chương 3. Kế Toán Kế Khai Thuế Tiêu Thụ Đặc Biệt**

*Ý nghĩa của chương: Giúp sinh viên hiểu nắm rõ thời hạn, quy trình kê khai thuế tiêu thụ đặc biệt, của kế toán thuế TTĐB, phương pháp xác lập tờ khai giá trị tính thuế hàng hóa TTĐB trong doanh nghiệp.*

- 3.1. Những qui định về thời hạn đăng ký, kê khai thuế tiêu thụ đặc biệt
  - 3.1.1. Quy định về thời hạn đăng ký thuế tiêu thụ đặc biệt
  - 3.1.2. Quy định về thời hạn nộp tờ khai và nộp thuế tiêu thụ đặc biệt
- 3.2. Tập hợp và phân loại hóa đơn trước khi kê khai thuế
- 3.3. Giới thiệu mẫu hồ sơ kê khai thuế tiêu thụ đặc biệt

3.4. Phương pháp kế toán thuế tiêu thụ đặc biệt

3.5. Hướng dẫn kê khai thuế tiêu thụ đặc biệt

#### **Chương 4. Kế Toán Kê Khai Thuế Giá Trị Gia Tăng**

*Ý nghĩa của chương: Giúp sinh viên hiểu nắm rõ thời hạn, quy trình kê khai, quyết toán thuế GTGT, phương pháp kế toán thuế GTGT và phương pháp xác lập tờ khai giá trị tính thuế GTGT, phương pháp điều chỉnh tờ khai thuế GTGT và cách lập hồ sơ hoàn thuế GTGT.*

4.1. Những qui định về thời hạn đăng ký, kê khai và quyết toán thuế giá trị gia tăng

4.2. Giới thiệu mẫu hồ sơ đăng ký, kê khai, điều chỉnh và quyết toán thuế giá trị gia tăng

4.2.1. Mẫu hồ sơ đăng ký thuế giá trị gia tăng

4.2.2. Mẫu hồ sơ kê khai thuế giá trị gia tăng

4.3. Hướng dẫn lập tờ khai thuế giá trị gia tăng.

4.3.1. Lập tờ khai thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ

4.3.2. Lập tờ khai thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp

4.4. Phương pháp kế toán thuế giá trị gia tăng.

4.4.1. Phương pháp kế toán thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế.

4.4.2. Phương pháp kế toán tính thuế GTGT trực tiếp trên.

4.5. Hướng dẫn điều chỉnh tờ khai thuế giá trị gia tăng

4.6. Hướng dẫn lập hồ sơ hoàn thuế giá trị gia tăng

#### **Chương 5. Kế Toán Kê Khai Thuế Thu Nhập Doanh Nghiệp**

*Ý nghĩa của chương: Giúp sinh viên hiểu nắm rõ thời hạn, quy trình kê khai, quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp, phương pháp kế toán thuế TNDN và phương pháp xác lập tờ khai giá trị tính thuế TNDN, xác định được các khoản chênh lệch tạm thời và vĩnh viễn thuế TNDN, lập hồ sơ quyết toán thuế TNDN.*

5.1. Những qui định về thời hạn kê khai và quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp.

5.2. Giới thiệu mẫu tờ khai và quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp

5.2.1. Giới thiệu mẫu tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp

5.2.2. Giới thiệu mẫu hồ sơ quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp

5.3. Phương pháp kế toán

5.3.1. Các khoản chênh lệch tạm thời.

5.3.2. Các khoản chênh lệch vĩnh viễn.

5.4. Hướng dẫn lập tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp.

5.4.1. Lập tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính

5.4.2. Lập tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp tính theo tỷ lệ thu nhập trên doanh thu

5.4. Hướng dẫn lập hồ sơ quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp

5.5. Lập tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp

5.6. Lập các phụ lục kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp

#### **Chương 6. Kế Toán Kê Khai Thuế Thu Nhập Cá Nhân**

*Ý nghĩa của chương: Giúp sinh viên hiểu nắm rõ thời hạn, quy trình kê khai, quyết toán thuế TNCN, phương pháp kế toán thuế TNCN và cách xác lập tờ khai đăng ký mã số thuế, xác lập*

được giá trị tính thuế TNCN, thiếp lập tờ khai thuế thu nhập cá nhân và cách lập hồ sơ quyết toán thuế thu nhập cá nhân.

6.1. Những qui định về thời hạn kê khai và quyết toán thuế thu nhập cá nhân

6.2. Lập tờ khai đăng ký cấp mã số thuế

6.3. Lập tờ khai thuế thu nhập cá nhân

6.4. Lập tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân

6.5. Kế toán thuế thu nhập cá nhân.

## 5. Tài liệu tham khảo:

### 5.1. Sách, giáo trình chính:

[1]. Giáo trình Thuế III, Gs.Ts. Sử Đình Thành, khoa Tài chính Nhà Nước, Đại Học Kinh tế Tp. HCM, 2015.

[2]. Tài liệu do giảng viên cung cấp.

[3]. Phần mềm kê khai thuế của tổng cục thuế.

### 5.2. Tài liệu tham khảo:

[1]. Sách thực hành khai báo thuế thuế, Gs.Ts Sử Đình Thành, khoa Tài chính nhà nước, Đại Học Kinh tế Tp. HCM.

[2]. Các văn bản hướng dẫn thực hiện thủ tục đăng ký lưu hành và sử dụng hóa đơn.

[3]. Các Luật thuế và văn bản hướng dẫn dưới luật (chủ yếu là Nghị định của Chính phủ và Thông tư của Bộ Tài chính, Tổng cục thuế).

[4]. Luật thuế xuất nhập khẩu và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

[5]. Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

[6]. Luật thuế giá trị gia tăng và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

[7]. Luật thuế thu nhập cá nhân và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

[8]. Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

[9]. Các trang: [www.mof.gov.vn](http://www.mof.gov.vn), [www.gdt.gov.vn](http://www.gdt.gov.vn), [www.custom.gov.vn](http://www.custom.gov.vn).

## 6. Lịch trình dạy học:

T T	Nội dung	Số tiết lên lớp			Tự hoc	Ghi chú
		Tổn	LT	TH		
1	Chương 1: Kiến thức cơ bản về hóa đơn trong	4	4		5	
2	Bài tập	4	4		10	
3	Chương 2: Kế toán kê khai thuế xuất, nhập	4	4		5	
4	Bài tập	4	4		10	
5	Chương 3: Kế toán kê khai thuế tiêu thụ đặc	4	4		5	
6	Bài tập - kiểm tra.	4	4		10	
7	Chương 4: Kế toán kê khai thuế giá trị gia tăng	4	4		5	
8	Bài tập	4	4		10	
9	Chương 5: Kế toán kê khai thuế thu nhập	4	4		5	

10	Bài tập - kiểm tra.	4	4		10	
11	Chương 6: Kế toán kê khai thuế thu nhập cá nhân-Ôn tập	5	5		5	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>45</b>	<b>45</b>		<b>90</b>	

**7. Nhiệm vụ của sinh viên:**

Tham dự học và thảo luận, kiểm tra giữa học kì theo Quyết định 43/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/8/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Quy chế học vụ hiện hành của nhà trường.

**8. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:** Chuyên cần: 10%; Kiểm tra thường xuyên: 10%; Kiểm tra giữa kỳ: 20%; Thi cuối kỳ: 60%

**9. Thang điểm:** Theo qui chế tín chỉ.

**PHỤ TRÁCH BỘ MÔN**



**Nguyễn Thị Ngọc Bích**

**GIẢNG VIÊN**



**Thái Thị Hoài Thương**



**Phan Thị Châu Nga**

**HỌC PHẦN****ỨNG DỤNG PHẦN MỀM KẾ TOÁN****1. Thông tin chung của học phần:**

Tên học phần: **ỨNG DỤNG PHẦN MỀM KẾ TOÁN**. Mã học phần:      Số tín chỉ: 04

Trình độ: Dành cho sinh viên năm 4. Điều kiện tiên quyết: **Kế toán tài chính 1,2,3**

Phân giờ tín chỉ: Lên lớp: 60 tiết. Thực hành: 0 tiết. Tự học: 120 tiết

**2. Mục tiêu của học phần:***\* Về kiến thức*

Ứng dụng trên phần mềm Kế toán thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành kế toán nên cần phải được học sau các môn: Tin học văn phòng, Nguyên lý kế toán, Kế toán tài chính, Thuế. Sau khi học xong các môn tiên quyết sinh viên đã nắm vững vốn kiến thức về kế toán, ngoài việc thực hiện công tác kế toán bằng tay sinh viên cần bổ sung các kiến thức về ứng dụng CNTT trong lĩnh vực kế toán, để thực hiện các công tác kế toán và theo dõi toàn bộ tình hình kế toán phát sinh trong đơn vị. Giúp sinh viên có khả năng phân tích, sáng tạo trong việc tổ chức và tư vấn công tác kế toán máy tính tại doanh nghiệp.

*\* Về kỹ năng*

- Nhập dữ liệu, kết xuất dữ liệu, kiểm tra dữ liệu
- Sử dụng phần mềm kế toán

*\* Về thái độ*

- Người học được rèn tính cẩn thận, tính chính trực, khách quan, bảo mật thông tin
- Có ý thức chấp hành đúng cá qui định của Nhà nước khi thực hiện công tác kế toán

**3. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:** Môn học giúp cho học sinh có được những kỹ năng sau: Kỹ năng sử dụng phần mềm kế toán để xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, tạo các báo cáo kế toán theo yêu cầu, Kỹ năng tổ chức triển khai, tổ chức bộ máy kế toán trong môi trường xử lý thông tin trên phần mềm, Kỹ năng đánh giá, so sánh chất lượng phần mềm kế toán.

**4. Nội dung chi tiết học phần.****Chương I. Tổng Quan Phần Mềm Kế Toán**

*Ý nghĩa: Sau khi hoàn thành chương này, sinh viên có thể nắm được: Khái niệm phần mềm kế toán; Mô hình hóa hoạt động của phần mềm kế toán; Tính ưu việt của phần mềm kế toán so với kế toán thủ công; Lợi ích của việc ứng dụng phần mềm kế toán; Phân loại phần mềm kế toán; Các tiêu chuẩn và điều kiện của một phần mềm kế toán*

- 1.1. Khái niệm phần mềm kế toán
- 1.2. Mô hình hóa hoạt động của phần mềm kế toán
- 1.3. Tính ưu việt của phần mềm kế toán so với kế toán thủ công
- 1.4. Lợi ích của việc ứng dụng phần mềm kế toán
- 1.5. Phân loại phần mềm kế toán

1.6. Các tiêu chuẩn và điều kiện của một phần mềm kế toán

1.7. Câu hỏi ôn tập

## **Chương 2. Cài Đặt Phần Mềm Và Mở Sổ Kế Toán Của Doanh Nghiệp**

*Ý nghĩa: Sau khi hoàn thành chương này, sinh viên có thể nắm được: Cách cài đặt phần mềm; Các bước tiến hành mở sổ kế toán; Cách nhập số dư ban đầu; Phân công công việc và quyền hạn trong phòng kế toán; Cách lưu trữ và bảo quản sổ kế toán trên máy vi tính; Phương thức trao đổi chứng từ kế toán giữa các bộ phận; Quy trình cập nhật phần mềm theo thông báo của nhà cung cấp*

2.1. Hướng dẫn cài đặt

2.2. Các bước tiến hành mở sổ kế toán

2.3. Nhập số dư ban đầu

2.4. Phân công công việc và quyền hạn trong phòng kế toán

2.5. Lưu trữ và bảo quản sổ kế toán trên máy tính

2.6. Phương thức trao đổi chứng từ kế toán giữa các bộ phận

2.7. Quy trình cập nhật phần mềm theo thông báo của nhà cung cấp

2.8. Câu hỏi ôn tập

## **Chương 3. Kế Toán Vốn Bằng Tiền**

*Ý nghĩa chương: Sau khi hoàn thành chương này, sinh viên có thể nắm được: Nguyên tắc hạch toán; Mô hình hóa hoạt động thu, chi tiền mặt, tiền gửi; Sơ đồ hạch toán kế toán vốn bằng tiền; Kỹ năng thực hành trên phần mềm kế toán*

3.1. Nguyên tắc hạch toán

3.2. Mô hình hoạt động thu chi tiền mặt

3.2.1. Thu tiền mặt

3.2.2. Chi tiền mặt

3.3. Mô hình hoạt động thu chi tiền gửi

3.3.1. Thu tiền gửi

3.3.2. Chi tiền gửi

3.4. Thực hiện trên phần mềm kế toán

3.4.1. Quy trình xử lý trên phần mềm

3.4.2. Kế toán tiền mặt tại quỹ

3.4.2.1. Sơ đồ hạch toán

3.4.2.2. Các chứng từ đầu vào liên quan

3.4.2.3. Nhập chứng từ vào phần mềm kế toán

3.4.3. Kế toán tiền gửi

3.4.3.1. Sơ đồ hạch toán

3.4.3.2. Các chứng từ đầu vào liên quan

3.4.3.3. Nhập chứng từ vào phần mềm kế toán

3.5. Một số ví dụ cụ thể cho từng nghiệp vụ kinh tế phát sinh

3.6. Câu hỏi ôn tập

## **Chương 4. Kế Toán Mua Hàng Và Công Nợ Phải Trả**

*Ý nghĩa chương: Sau khi hoàn thành chương này, sinh viên có thể nắm được: Nguyên tắc hạch toán; Mô hình hóa hoạt động mua hàng và công nợ phải trả; Sơ đồ hạch toán kế toán mua hàng và công nợ phải trả; Kỹ năng thực hành trên phần mềm kế toán*

4.1. Nguyên tắc hạch toán

4.2. Mô hình hoạt động mua hàng và công nợ phải trả

4.3. Thực hiện trên phần mềm kế toán

4.3.1. Quy trình xử lý trên phần mềm

4.3.2. Sơ đồ hạch toán kế toán mua hàng và công nợ phải trả

4.3.2.1. Sơ đồ hạch toán kế toán mua hàng

4.3.2.2. Sơ đồ hạch toán kế toán công nợ phải trả

4.3.3. Các chứng từ đầu vào liên quan

4.3.4. Nhập chứng từ vào phần mềm kế toán

4.4. Một số ví dụ cụ thể cho từng nghiệp vụ kinh tế phát sinh

4.5. Câu hỏi ôn tập

## **Chương 5. Kế Toán Bán Hàng Và Công Nợ Phải Thu**

*Ý nghĩa chương: Sau khi hoàn thành chương này, sinh viên có thể nắm được: Nguyên tắc hạch toán; Mô hình hóa hoạt động bán hàng và công nợ phải thu; Sơ đồ hạch toán kế toán bán hàng và công nợ phải thu; Kỹ năng thực hành trên phần mềm kế toán*

5.1. Nguyên tắc hạch toán

5.2. Mô hình hoạt động bán hàng và công nợ phải thu

5.3. Thực hiện trên phần mềm kế toán

5.3.1. Quy trình xử lý trên phần mềm

5.3.2. Sơ đồ hạch toán kế toán bán hàng và công nợ phải thu

5.3.2.1. Sơ đồ hạch toán kế toán bán hàng

5.3.2.2. Sơ đồ hạch toán kế toán công nợ phải thu

5.3.3. Các chứng từ đầu vào liên quan

5.3.4. Nhập chứng từ vào phần mềm kế toán

5.4. Một số ví dụ cụ thể cho từng nghiệp vụ kinh tế phát sinh

5.5. Câu hỏi ôn tập

## **Chương 6. Kế Toán Tài Sản Cố Định**

*Ý nghĩa chương: Sau khi hoàn thành chương này, sinh viên có thể nắm được: Nguyên tắc hạch toán; Mô hình hóa hoạt động tăng, giảm TSCĐ; Sơ đồ hạch toán kế toán TSCĐ; Kỹ năng thực hành trên phần mềm kế toán*

6.1. Nguyên tắc hạch toán

6.2. Mô hình hóa hoạt động tăng, giảm tài sản cố định

6.2.1. Kế toán tăng TSCĐ

6.2.2. Kế toán giảm TSCĐ

6.3. Thực hành trên phần mềm kế toán

6.3.1. Quy trình xử lý trên phần mềm

6.3.2. Sơ đồ hạch toán kế toán TSCĐ

6.3.3. Các chứng từ đầu vào liên quan

6.3.4. Nhập chứng từ vào phần mềm kế toán

6.4. Một số ví dụ cụ thể cho từng nghiệp vụ kinh tế phát sinh

6.5. Câu hỏi ôn tập

## **Chương 7. Kế Toán Tiền Lương Và Các Khoản Trích Theo Lương**

*Ý nghĩa chương: Sau khi hoàn thành chương này, sinh viên có thể nắm được: Nguyên tắc hạch toán; Mô hình hóa hoạt động tiền lương; Sơ đồ hạch toán kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương;- Kỹ năng thực hành trên phần mềm kế toán*

7.1. Nguyên tắc hạch toán

7.2. Mô hình hóa hoạt động tiền lương và các khoản trích theo lương

7.3. Thực hành trên phần mềm kế toán

7.3.1. Quy trình xử lý trên phần mềm

7.3.2. Sơ đồ hạch toán kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương

7.3.3. Các chứng từ đầu vào liên quan

7.3.4. Nhập chứng từ vào phần mềm kế toán

7.4. Một số ví dụ cụ thể cho từng nghiệp vụ kinh tế phát sinh

7.5. Câu hỏi ôn tập

## **Chương 8. Kế Toán Thuế**

*Ý nghĩa chương: Sau khi hoàn thành chương này, sinh viên có thể nắm được: Các khái niệm cơ bản về thuế; Mô hình hóa hoạt động thuế GTGT, thuế TTĐB; Sơ đồ hạch toán kế toán thuế GTGT, thuế TTĐB; Kỹ năng thực hành trên phần mềm kế toán*

8.1. Các khái niệm

8.1.1. Thuế GTGT

8.1.2. Thuế TTĐB

8.1.3. Thuế TNDN

8.1.4. Thuế TNCN

8.2. Nguyên tắc hạch toán

8.3. Mô hình hóa hoạt động kế toán thuế

8.4. Thực hành trên phần mềm kế toán

8.4.1. Quy trình xử lý trên phần mềm

8.4.2. Sơ đồ hạch toán kế toán thuế GTGT

8.4.2.1. Thuế GTGT đầu vào

8.4.2.2. Thuế GTGT phải nộp

8.4.3. Sơ đồ hạch toán kế toán thuế TTĐB

8.4.4. Hướng dẫn lập hồ sơ khai báo thuế và nộp thuế

8.4.4.1. Các chứng từ đầu vào liên quan

8.4.4.2. Nhập chứng từ vào phần mềm kế toán

8.4.4.2.1. Thuế GTGT

8.4.4.2.2. Thuế TTĐB

8.5. Một số ví dụ cụ thể cho từng nghiệp vụ kinh tế phát sinh



## 8.6. Câu hỏi ôn tập

### **Chương 9. Kế Toán Giá Thành**

*Ý nghĩa chương: Sau khi hoàn thành chương này, sinh viên có thể nắm được: Nguyên tắc hạch toán; Mô hình hóa hoạt động kế toán giá thành; Sơ đồ hạch toán kế toán thuế giá thành; Kỹ năng thực hành trên phần mềm kế toán*

#### 9.1. Nguyên tắc hạch toán

#### 9.2. Mô hình hóa hoạt động kế toán giá thành

#### 9.3. Các phương pháp tính giá thành

##### 9.3.1. Phương pháp trực tiếp

##### 9.3.2. Phương pháp hệ số

##### 9.3.3. Phương pháp tỷ lệ

##### 9.3.4. Phương pháp định mức

##### 9.3.5. Phương pháp loại trừ giá trị sản phẩm phụ

##### 9.3.6. Phương pháp phân bước

#### 9.4. Phân biệt chi phí và giá thành

#### 9.5. Thực hành trên phần mềm kế toán

##### 9.5.1. Quy trình xử lý trên phần mềm

9.5.2. Sơ đồ hạch toán kế toán giá thành (theo phương pháp kê khai thường xuyên – Thông tư 200/2014/ TT-BTC)

#### 9.5.3. Hướng dẫn các nghiệp vụ kinh tế phát sinh

##### 9.5.3.1. Các chứng từ đầu vào liên quan

##### 9.5.3.2. Nhập chứng từ vào phần mềm kế toán

##### 9.5.3.2.1. Tính giá thành theo phương pháp giản đơn

##### 9.5.3.2.2. Tính giá thành theo phương pháp hệ số, tỷ lệ

##### 9.5.3.2.3. Tính giá thành theo công trình

##### 9.5.3.2.4. Tính giá thành theo đơn hàng

##### 9.5.3.2.5. Tính giá thành theo hợp đồng

#### 9.6. Một số ví dụ cụ thể cho từng nghiệp vụ kinh tế phát sinh

#### 9.7. Câu hỏi ôn tập

### **Chương 10. Kế Toán Tổng Hợp Và Báo Cáo Tài Chính**

*Ý nghĩa chương: Sau khi hoàn thành chương này, sinh viên có thể nắm được: Nhiệm vụ của kế toán tổng hợp; Mô hình hóa hoạt động kế toán tổng hợp; Sơ đồ hạch toán kế toán tổng hợp; Kỹ năng thực hành trên phần mềm kế toán*

#### 10.1. Nhiệm vụ kế toán tổng hợp

#### 10.2. Mô hình hóa hoạt động kế toán tổng hợp

#### 10.3. Thực hành trên phần mềm kế toán

#### 10.4. Một số chức năng bổ sung khác

#### 10.5. Xem báo cáo tài chính

### **5. Tài liệu học tập:**

#### 5.1. Sách, giáo trình chính:

[1]. Giáo trình hướng dẫn sử dụng Phần mềm MISA SME.NET 2015 – Công ty cổ phần MISA

5.2. Tài liệu tham khảo:

[1]. Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về Chế độ kế toán doanh nghiệp và Quyết định 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ Tài chính về Chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa.

[2]. Thông tư 103/2005/TT-BTC của Bộ Tài chính ký ngày 24/11/2005 về việc “Hướng dẫn tiêu chuẩn và điều kiện của phần mềm kế toán”.6. Lịch trình dạy học:

T T	Nội dung	Số tiết lên lớp			Tự hoc	Ghi chú
		TỔn	LT	TH		
1	Tổng quan về phần mềm kế toán	2	2		5	
2	Cài đặt phần mềm và mở sổ kế toán của doanh	2	2		5	
3	Thực hành	8		8	10	
4	Kế toán vốn bằng tiền	1	1		5	
5	Thực hành	4		4	10	
6	Kế toán mua hàng và công nợ phải trả	1	1		5	
7	Kế toán bán hàng và công nợ phải thu	1	1		10	
8	Thực hành	13		13	5	
9	Kế toán TSCĐ	1	1		10	
10	Kế toán tiền lương và các khoản trích theo	1	1		5	
11	Thực hành	10		10	10	
12	Kế toán thuế	1	1		5	
13	Kế toán giá thành	2	2		10	
14	Kế toán tổng hợp và báo cáo tài chính	1	1		5	
15	Thực hành	12		12	20	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>60</b>	<b>13</b>	<b>47</b>	<b>120</b>	

### 7. Nhiệm vụ của sinh viên:

Tham dự học và thảo luận, kiểm tra giữa học kì theo Quyết định 43/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/8/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Quy chế học vụ hiện hành của nhà trường.

**8. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:** Chuyên cần: 10%; Kiểm tra thường xuyên: 10%; Kiểm tra giữa kỳ: 10%; Thi cuối kỳ: 70%

**9. Thang điểm:** Theo qui chế tín chỉ.

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**Nguyễn Thị Ngọc Bích**

**GIẢNG VIÊN**

**Thái Thị Hoài Thương**

**Phan Thị Châu Nga**

**HỌC PHẦN****QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP****1. Thông tin chung của học phần:**

- Tên học phần: **QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP**
- Mã học phần:
- Số tín chỉ: 3
- Trình độ: Dành cho sinh viên năm thứ 3
- Điều kiện tiên quyết:: Đã học xong Quản trị học, pháp luật kinh tế
- Phân giờ tín chỉ:
  - + Lên lớp: 45tiết
  - + Thực hành; Thảo luận: 0 tiết
  - + Tự học: 90 tiết

**2. Mục tiêu của học phần:****\* Về kiến thức**

- Có kiến thức về quản trị doanh nghiệp như cơ sở tổ chức, chỉ huy, điều hành, quản lý doanh nghiệp, quản trị kết quả sản xuất kinh doanh và kiểm soát nội bộ doanh nghiệp.

- Hiểu và phân tích được những vấn đề đổi mới về quản trị doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường.

- Cập nhật những tư tưởng và thành tựu mới trong quản trị doanh nghiệp nhằm tạo ra những đột phá mới cho doanh nghiệp và giúp doanh nghiệp thích ứng hiệu quả với những thay đổi nhanh chóng của môi trường kinh doanh.

**\* Về kỹ năng:** Giúp người học nâng cao và hoàn thiện kỹ năng quản lý, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng động viên nhân viên, kỹ năng tính toán, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng quản trị nhóm, kỹ năng trình bày một báo cáo, phương án.

**\* Về thái độ:**

- Có thái độ làm việc chuyên nghiệp và khát khao thành công trong sự nghiệp

- Có ý thức trau dồi đạo đức trong kinh doanh.

- Có tinh thần hợp tác, tích cực và chủ động tham gia lớp học: nghe giảng, thảo luận, làm việc nhóm, giải quyết tình huống, trình bày – phản biện.

**3. Mô tả vấn đề nội dung học phần:**

Quản trị doanh nghiệp là học phần chuyên ngành tự chọn của ngành Kế toán. Học phần cung cấp những kiến thức tổng quan về quản trị doanh nghiệp, cụ thể là các khái niệm cơ bản về quản trị, quản trị marketing, quản trị sản xuất, quản trị nhân sự và tài chính. Trên cơ sở này sinh viên có cái nhìn tổng quát về hoạt động doanh nghiệp. Từ đây, sinh viên sẽ được học chuyên sâu từng môn học ở những năm học sau.

#### **4. Nội dung chi tiết học phần.**

### **CHƯƠNG 1 : GIỚI THIỆU TỔNG QUAN VỀ DOANH NGHIỆP**

#### **1.1. Định nghĩa doanh nghiệp:**

- 1.1.1. Các quan điểm về doanh nghiệp
- 1.1.2. Định nghĩa doanh nghiệp

#### **1.2. Phân loại doanh nghiệp:**

- 1.2.1. Căn cứ vào tính chất sở hữu tài sản trong doanh nghiệp
- 1.2.2. Căn cứ vào lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp trong nền kinh tế
- 1.2.3. Căn cứ vào quy mô của doanh nghiệp

#### **1.3. Bản chất và đặc điểm của hệ thống kinh doanh:**

- 1.3.1. Bản chất của kinh doanh
- 1.3.2. Đặc điểm của hệ thống kinh doanh
- 1.3.3. Các yếu tố sản xuất

#### **1.4. Doanh nghiệp là đơn vị sản xuất và phân phối:**

- 1.4.1. Doanh nghiệp là đơn vị sản xuất
- 1.4.2. Doanh nghiệp là đơn vị phân phối

#### **1.5. Môi trường hoạt động của doanh nghiệp:**

- 1.5.1. Quan niệm về môi trường kinh doanh của doanh nghiệp
- 1.5.2. Các yếu tố của môi trường kinh doanh

#### **1.6. Mục đích và mục tiêu của doanh nghiệp:**

- 1.6.1. Mục đích của doanh nghiệp
- 1.6.2. Mục tiêu của doanh nghiệp

#### **1.7. Thành lập, giải thể và phá sản của doanh nghiệp:**

- 1.7.1. Tạo lập doanh nghiệp mới
- 1.7.2. Mua lại doanh nghiệp sẵn có
- 1.7.3. Đại lý đặc quyền
- 1.7.4. Phá sản doanh nghiệp

### **CHƯƠNG 2 : NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP**

#### **2.1. Tổng quan về quản trị:**

- 2.1.1. Khái niệm và vai trò của quản trị
- 2.1.2. Quản trị vừa là khoa học vừa là nghệ thuật
- 2.1.3. Các chức năng quản trị

#### **2.2. Hoạch định:**

- 2.2.1. Khái niệm
- 2.2.2. Tầm quan trọng của hoạch định

- 2.2.3. Phân loại quản trị
- 2.2.4. Các bước lập kế hoạch chiến lược

### **2.3. Tổ chức:**

- 2.3.1. Khái niệm
- 2.3.2. Một số cơ cấu tổ chức quản lý doanh nghiệp
- 2.3.3. Phân chia quyền lực trong tổ chức

### **2.4. Kiểm tra:**

- 2.4.1. Khái niệm
- 2.4.2. Nội dung công tác kiểm tra và các dạng kiểm tra

### **2.5. Phân cấp trong quản trị:**

- 2.5.1. Theo cấp quản trị kinh doanh
- 2.5.2. Quản trị theo chức năng trong doanh nghiệp

### **2.6. Các kỹ năng quản trị:**

- 2.6.1. Kỹ năng chuyên môn
- 2.6.2. Kỹ năng nhân sự
- 2.6.3. Kỹ năng tư duy

### **2.7. Vai trò nhà quản trị:**

- 2.7.1. Nhóm vai trò quan hệ với con người
- 2.7.2. Nhóm vai trò thông tin
- 2.7.3. Nhóm vai trò quyết định

## **CHƯƠNG 3: QUẢN TRỊ MARKETING TRONG DOANH NGHIỆP**

### **3.1. Khái niệm, vai trò và quá trình phát triển của Marketing:**

- 3.1.1. Khái niệm về marketing
- 3.1.2. Vai trò của marketing
- 3.1.3. Quá trình phát triển của marketing

### **3.2. Marketing hỗn hợp**

- 3.2.1. Khái niệm
- 3.2.2. Thành phần của marketing hỗn hợp
- 3.2.3. Những yếu tố ảnh hưởng đến marketing hỗn hợp

### **3.3. Hành vi của người tiêu dùng**

- 3.3.1. Nhu cầu của người tiêu dùng
- 3.3.2. Động cơ thúc đẩy tiêu dùng
- 3.3.3. Hành vi của người tiêu dùng

### **3.4. Phân khúc thị trường và lựa chọn thị trường mục tiêu**

- 3.4.1. Khái niệm
- 3.4.2. Ưu điểm của phân khúc thị trường
- 3.4.3. Lựa chọn thị trường mục tiêu

### **3.5. Chính sách sản phẩm**

- 3.5.1. Định nghĩa về sản phẩm trong marketing
- 3.5.2. Vai trò, vị trí của chiến lược sản phẩm

- 3.5.3. Chu kì, đời sống sản phẩm
- 3.5.4. Nhãn hiệu – dấu hiệu – thương hiệu sản phẩm

### **3.6. Chính sách giá cả**

- 3.6.1. Tầm quan trọng của giá cả
- 3.6.2. Những yếu tố ảnh hưởng đến giá cả
- 3.6.3. Mục tiêu định giá
- 3.6.4. Các nhân tố ảnh hưởng đến việc định giá
- 3.6.5. Phương pháp định giá

### **3.7. Chính sách phân phối.**

- 3.7.1. Vai trò phân phối
- 3.7.2. Khái quát về kênh phân phối

### **3.8. Chính sách xúc tiến bán hàng ( chiêu thị)**

- 3.8.1. Khái niệm và bản chất của chiêu thị
- 3.8.2. Tầm quan trọng của hoạt động chiêu thị
- 3.8.3. Quá trình thông đạt trong chiêu thị
- 3.8.4. Sự pha trộn trong chiêu thị
- 3.8.5. Quảng cáo
- 3.8.6. Khuyến mãi
- 3.8.7. Marketing trực tiếp – Chào hàng cá nhân
- 3.8.8. Tuyên truyền – Quan hệ với công chúng

## **CHƯƠNG 4: QUẢN TRỊ CHI PHÍ TRONG DOANH NGHIỆP**

### **4.1. Một số khái niệm kế toán**

- 4.1.1. Các hệ thống kế toán trong doanh nghiệp
- 4.1.2. Tài sản trong doanh nghiệp

### **4.2. Khái niệm và phân loại chi phí trong kinh doanh**

- 4.2.1. Khái niệm
- 4.2.2. Phân loại chi phí trong kinh doanh

### **4.3. Giá thành sản phẩm/ dịch vụ**

- 4.3.1. Khái niệm
- 4.3.2. Mối quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm
- 4.3.3. Các loại giá thành sản phẩm/dịch vụ
- 4.3.4. Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm
- 4.3.5. Xác định phương pháp hạch toán CPSX phát sinh và đối tượng hạch toán CPSX hoặc đối tượng tính giá thành.
- 4.3.6. Xác định kỳ tính giá thành và phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang
- 4.3.7. Phương pháp tính giá thành.

### **4.4. Định nghĩa và vai trò ngân sách**

- 4.4.1. Định nghĩa ngân sách
- 4.4.2. Tầm quan trọng của lập ngân sách
- 4.4.3. Các ứng dụng khác của hoạch định ngân sách

## **CHƯƠNG 5: QUẢN TRỊ NHÂN SỰ TRONG DOANH NGHIỆP**

### **5.1. Khái niệm và tầm quan trọng của quản trị nhân sự:**

5.1.1. Khái niệm

5.1.2. Tầm quan trọng của vấn đề quản trị nhân sự

### **5.2. Mục tiêu và chức năng của quản trị nhân sự trong doanh nghiệp:**

5.2.1. Mục tiêu của quản trị nhân sự

5.2.2. Các chức năng của bộ phận/ phòng nhân sự

### **5.3. Khái niệm, ý nghĩa và tác dụng của phân tích công việc :**

5.3.1. Khái niệm

5.3.2. Ý nghĩa

5.3.3. Tác dụng của phân tích công việc

5.3.4. Thông tin cần thu thập, nội dung các bước phân tích công việc

5.3.5. Các phương pháp thu thập thông tin phân tích công việc.

### **5.4. Khai thác các nguồn khả năng lao động:**

5.4.1. Phân tích hiện trạng nguồn lao động trong doanh nghiệp

5.4.2. Phân tích các khả năng thu hút nhân sự từ bên ngoài

### **5.5. Bố trí và sử dụng lao động:**

5.5.1. Khái niệm

5.5.2. Hợp tác lao động và phân công lao động

### **5.6. Đào tạo huấn luyện và phát triển nhân viên:**

5.6.1. Nhu cầu đào tạo, huấn luyện và phát triển nhân viên

5.6.2. Tiến trình đào tạo và phát triển nhân sự

### **5.7. Đánh giá năng lực thực hiện công việc của nhân viên :**

5.7.1. Định nghĩa và mục đích của việc đánh giá

5.7.2. Tiến trình đánh giá thực hiện công việc

5.7.3. Phòng vấn đánh giá

5.7.4. Phương pháp đánh giá

5.7.5. Một số vấn đề cần quan tâm khi đánh giá

### **5.8. Trả công lao động:**

5.8.1. Khái niệm

5.8.2. Cơ cấu lương bổng và đãi ngộ

5.8.3. Mục tiêu của hệ thống tiền lương

5.8.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến tiền lương

5.8.5. Các hình thức tiền lương

## **CHƯƠNG 6: QUẢN TRỊ CUNG ỨNG**

### **6.1 Khái niệm và phương pháp phân tích lựa chọn cung ứng**

6.1.1 Khái niệm

6.1.2 Phương pháp phân tích lựa chọn cung ứng

### **6.2. Quản lý mua sắm:**

- 6.2.1. Dự đoán nhu cầu
- 6.2.2. Phân tích nhu cầu
- 6.2.3. Soạn thảo một kế hoạch mua sắm

### **6.3. Quản trị dự trữ (tồn kho):**

- 6.3.1. Các quan điểm đối lập về tồn kho
- 6.3.2. Bản chất của tồn kho
- 6.3.3. Quản trị hiện vật của dự trữ
- 6.3.4. Quản trị kế toán của dự trữ
- 6.3.4. Quản trị kinh tế của dự trữ

### **6.4. Hệ thống lượng đặt hàng cố định:**

- 6.3.1. Xác định lượng đặt hàng
- 6.3.2. Xác định điểm đặt hàng

## **CHƯƠNG 7: HIỆU QUẢ KINH TẾ CỦA SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP**

### **7.1. Hiệu quả kinh tế và vai trò của việc nâng cao hiệu quả kinh tế trong sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp:**

- 7.1.1. Khái niệm, bản chất của hiệu quả kinh tế trong sản xuất kinh doanh
- 7.1.2. Kinh doanh có hiệu quả - điều kiện sống còn của một doanh nghiệp

### **7.2. Hệ thống chỉ tiêu hiệu quả kinh tế và phương pháp tính toán hiệu quả kinh tế trong các doanh nghiệp :**

- 7.2.1. Mức chuẩn và hiệu quả kinh tế của hoạt động kinh doanh
- 7.2.2. Hệ thống chỉ tiêu hiệu quả kinh tế của hoạt động sản xuất kinh doanh

### **7.3. Các biện pháp nâng cao hiệu quả kinh tế của sản xuất kinh doanh :**

- 7.3.1. Tăng cường quản trị chiến lược kinh doanh và phát triển của doanh nghiệp
- 7.3.2. Lựa chọn quyết định sản xuất kinh doanh có hiệu quả
- 7.3.3. Phát triển trình độ đội ngũ lao động và tạo động lực cho tập thể và cá nhân người lao động
- 7.3.4. Công tác quản trị và tổ chức sản xuất
- 7.3.5. Đối với công nghệ kỹ thuật
- 7.3.6. Tăng cường mở rộng quan hệ cầu nối giữa doanh nghiệp với xã hội

## **5. Tài liệu học tập:**

### **5.1. Sách, giáo trình chính:**

- [1] Quản trị doanh nghiệp - PGS.TS Ngô Kim Thanh, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2012.

### **5.2. Tài liệu tham khảo:**

- [2] Quản trị doanh nghiệp – Ths. Nguyễn Đình Hòa, NXB Thống Kê, 2009
- [3] Quản trị doanh nghiệp thương mại - PGS.TS Hoàng Minh Đường, PGS.TS Nguyễn Thừa Lộc, NXB Lao động xã hội, 2012.

## **6. Lịch trình dạy học:**



TT	Nội dung	Tín chỉ	Phân bố thời gian			Ghi chú
			Lí thuyết	Thảo luận	Tự học	
1	Giới thiệu tổng quan về doanh nghiệp		3		5	
2	Những vấn đề cơ bản của quản trị doanh nghiệp		4	2	5	
3	Quản trị marketing trong doanh nghiệp		5	3	15	
4	Quản trị chi phí trong doanh nghiệp		5	3	20	
5	Quản trị nhân sự trong doanh nghiệp		5	3	20	
6	Quản trị cung ứng		5	3	20	
7	Hiệu quả kinh tế của sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp		3	1	5	
<b>Tổng</b>		<b>3</b>	<b>30</b>	<b>15</b>	<b>90</b>	

### 7. Nhiệm vụ của sinh viên:

Tham dự học, thảo luận, kiểm tra theo quy chế 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15 tháng 08 năm 2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, qui chế học vụ hiện hành của nhà trường.

### 8. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

- Chuyên cần: 10%
- Kiểm tra thường xuyên: 10%
- Kiểm tra giữa kỳ: 10%
- Thi cuối kỳ: 70%

### 9. Thang điểm: Theo qui chế tín chỉ.

#### PHỤ TRÁCH BỘ MÔN

**Nguyễn Thị Ngọc Bích**

#### GIẢNG VIÊN

**Nguyễn Thị Hoài Ân**

**Đinh Thị Hóa**

**HỌC PHẦN****QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH****1. Thông tin chung của học phần:**

Tên học phần: **QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH.** Mã học phần: Số tín chỉ: 03

Trình độ: Dành cho sinh viên năm 3.

Điều kiện tiên quyết: **Nguyên lý kế toán, Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô**

Phân giờ tín chỉ: Lên lớp: 45 tiết Thực hành: 0 tiết. Tự học: 90 tiết

**2. Mục tiêu của học phần:****\* Về kiến thức**

Học phần trang bị những kiến thức cơ bản về hoạt động tài chính của doanh nghiệp với các nội dung chủ yếu: quản lý vốn lưu động - vốn cố định, tìm nguồn tài trợ, hoạch định lợi nhuận của doanh nghiệp, đầu tư dài hạn, rủi ro trong kinh doanh...

**\* Về kỹ năng**

Biết đánh giá về tình hình tài chính của doanh nghiệp, trên cơ sở đưa ra các quyết định hợp lý về tài chính phù hợp với hoạt động của doanh nghiệp.

**\* Về thái độ**

Sinh viên tham gia lớp học với tinh thần tích cực và cầu tiến.

**3. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:**

- Giới thiệu những vấn đề căn bản về quản trị tài chính doanh nghiệp, các kiến thức nền tảng liên quan đến cơ sở đưa ra quyết định tài chính trong doanh nghiệp gồm giá trị tiền tệ theo thời gian, mô hình chiết khấu dòng tiền.
- Phân tích và quyết định đầu tư trình bày về cách phân tích để đưa ra quyết định đầu tư tài sản dài hạn và ngắn hạn, sáp nhập và thâu tóm công ty
- Phân tích tình hình tài chính doanh nghiệp, hoạch định các kế hoạch tài chính ngắn hạn và dài hạn, phân tích và quyết định sử dụng các loại đòn bẩy nhằm gia tăng khả năng sinh lợi và giảm thiểu rủi ro.

**4. Nội dung chi tiết học phần.****Chương I: Tổng quan về quản trị tài chính**

*Ý nghĩa của chương:* Giúp sinh viên hiểu rõ về mục tiêu của doanh nghiệp, những quyết định chủ yếu của quản trị tài chính và môi trường kinh doanh của doanh nghiệp.

**1.1. Khái quát về quản trị tài chính****1.2. Đối tượng và mục tiêu của quản trị tài chính****1.2.1. Đối tượng của quản trị tài chính****1.2.2. Mục tiêu của quản trị tài chính****1.3. Nhiệm vụ quản trị tài chính**

- 1.3.1. Đảm bảo đủ nguồn tài chính cho hoạt động đơn vị
- 1.3.2. Huy động nguồn ngân quỹ với chi phí thấp nhất có thể
- 1.3.3. Sử dụng hiệu quả các nguồn ngân quỹ
- 1.3.4. Tiến hành phân tích tài chính và hoạch định tài chính
- 1.4. Môi trường kinh doanh của doanh nghiệp
  - 1.4.1. Các hình thức tổ chức doanh nghiệp
  - 1.4.2. Thị trường tài chính
  - 1.4.3. Hiệu quả của thị trường tài chính

## **Chương II: Thời giá tiền tệ và mô hình chiết khấu dòng tiền**

*Ý nghĩa của chương:* Giúp sinh viên hiểu rõ về giá trị tiền tệ theo thời gian bao gồm giá trị tương lai và giá trị hiện tại của một số tiền và của một dòng tiền, qua đó hiểu được mô hình chiết khấu dòng tiền. Biết cách ứng dụng các khái niệm về thời gian tiền tệ và mô hình chiết khấu dòng tiền khi phân tích và ra các quyết định trong nhiều tình huống do thực tiễn đặt ra như định giá tài sản, quyết định đầu tư, lựa chọn nguồn tài trợ,...

- 2.1. Khái niệm thời giá tiền tệ
- 2.2. Lãi đơn và lãi kép
  - 2.2.1. Lãi đơn
  - 2.2.2. Lãi kép
- 2.3. Thời giá tiền tệ của một số tiền
  - 2.3.1. Giá trị tương lai của một số tiền
  - 2.3.2. Giá trị hiện tại của một số tiền
- 2.4. Thời giá tiền tệ của một dòng tiền
  - 2.4.1. Khái niệm dòng tiền
  - 2.4.2. Giá trị tương lai của một dòng tiền
  - 2.4.3. Giá trị hiện tại của một dòng tiền
- 2.5. Lãi suất danh nghĩa, lãi suất hiệu dụng và lãi suất thực
- 2.6. Mô hình chiết khấu dòng tiền

## **Chương III: Phân tích báo cáo tài chính**

*Ý nghĩa của chương:* Giúp sinh viên hiểu rõ về nội dung, kết cấu và đọc hiểu được các báo cáo tài chính. Biết nhận dạng những thông tin phân tích chủ yếu trong các báo cáo, nắm vững các công cụ cơ bản về phân tích tài chính và tính toán các tỷ số tài chính cơ bản thường được dùng trong phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp đồng thời tiếp cận với các phương pháp phân tích và nâng cao tính chính xác, khách quan trong phân tích.

- 3.1. Nội dung và phương pháp đọc, kiểm tra các báo cáo tài chính
  - 3.1.1. Bảng cân đối kế toán
  - 3.1.2. Báo cáo kết quả kinh doanh
  - 3.1.3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
  - 3.1.4. Thuyết minh báo cáo tài chính
- 3.2. Những công cụ chủ yếu trong phân tích tài chính
  - 3.2.1. Phân tích so sánh

- 3.2.2. Phân tích tỷ trọng
- 3.2.3. Phân tích tỷ số tài chính
- 3.2.4. Phân tích Du Pont
- 3.3. Các nguồn thông tin đối với việc phân tích tài chính
  - 3.3.1. Thông tin chung và ngành kinh tế
  - 3.3.2. Thông tin về môi trường hoạt động
  - 3.3.3. Thông tin về công ty
- 3.4. Một số vấn đề lưu ý trong phân tích tài chính
  - 3.4.1. Doanh nghiệp đa ngành
  - 3.4.2. Lạm phát
  - 3.4.3. Tính thời vụ
  - 3.4.4. Phương pháp hạch toán và khấu hao
  - 3.4.5. Sử dụng số bình quân hay thời điểm
  - 3.4.6. Số liệu quá khứ

#### **Chương IV: Hoạch định tài chính**

*Ý nghĩa của chương:* Giúp sinh viên hiểu rõ về vai trò, mục tiêu và yêu cầu của hoạch định tài chính đồng thời nắm được nội dung và mối liên hệ của các loại kế hoạch tài chính. Biết cách vận dụng các phương pháp tính toán nhằm hoạch định được các kế hoạch tài chính ngắn hạn và dài hạn của doanh nghiệp.

- 4.1. Vai trò, mục tiêu và yêu cầu của hoạch định tài chính
  - 4.1.1. Vai trò của hoạch định tài chính
  - 4.1.2. Mục tiêu của hoạch định tài chính
  - 4.1.3. Yêu cầu của hoạch định tài chính
- 4.2. Lập kế hoạch tài chính
  - 4.2.1. Căn cứ lập kế hoạch tài chính
  - 4.2.2. Các loại kế hoạch tài chính
    - 4.2.2.1. Kế hoạch tài chính ngắn hạn
    - 4.2.2.2. Kế hoạch tài chính dài hạn
    - 4.2.2.3. Mối quan hệ giữa các loại kế hoạch tài chính
  - 4.2.3. Nội dung lập kế hoạch tài chính ngắn hạn
  - 4.2.4. Nội dung lập kế hoạch tài chính dài hạn

#### **Chương V: Phân tích và quyết định thuê tài sản**

*Ý nghĩa của chương:* Giúp sinh viên hiểu rõ về vai trò của thuê tài sản nói chung và thuê tài chính nói riêng, phân biệt giữa thuê hoạt động và thuê tài chính. Biết cách phân tích để ra quyết định thuê hay mua tài sản đồng thời phân tích để quyết định chi phí thuê.

- 5.1. Khái niệm về thuê tài sản
  - 5.1.1. Khái niệm
  - 5.1.2. Các loại thuê tài sản
  - 5.1.3. Lợi ích của việc thuê tài sản
- 5.2. Thuế và vấn đề thuê tài sản

- 5.3. Quyết định thuê hay mua tài sản
  - 5.3.1. Phân tích chi phí khi thuê tài sản
  - 5.3.2. Phân tích chi phí khi mua tài sản
  - 5.3.3. Quyết định thuê hay mua tài sản

#### 5.4. Phân tích và quyết định tiền thuê

### **Chương VI: Phân tích và quyết định đầu tư tài sản lưu động**

*Ý nghĩa của chương:* Giúp sinh viên hiểu rõ về lý do tại sao doanh nghiệp đầu tư vào tài sản lưu động. Biết cách phân tích để ra quyết định tồn quỹ tối ưu, quyết định về chính sách bán chịu và quyết định về tồn kho hiệu quả cho doanh nghiệp.

- 6.1. Phân tích và quyết định lượng tiền mặt
  - 6.1.1. Lý do công ty giữ tiền mặt
  - 6.1.2. Quyết định mức tồn quỹ tiền mặt
    - 6.1.2.1 Mô hình quản lý tiền mặt Baumol
    - 6.1.2.2 Mô hình quản lý tiền mặt Miller Orr
- 6.2. Phân tích và quyết định khoản phải thu
  - 6.2.1. Chính sách tín dụng thương mại
  - 6.2.2. Quyết định chính sách tín dụng thương mại
    - 6.2.2.1. Quyết định về tiêu chuẩn
    - 6.2.2.2. Quyết định về điều khoản
- 6.3. Phân tích và quyết định tồn kho
  - 6.3.1. Tác động của tồn kho
  - 6.3.2. Mô hình quyết định lượng đặt hàng hiệu quả EOQ
  - 6.3.3. Mô hình EOQ mở rộng

### **Chương VII: Tác động đòn bẩy lên rủi ro và tỷ suất sinh lợi**

*Ý nghĩa của chương:* Giúp sinh viên hiểu được những vấn đề căn bản của các loại đòn bẩy gồm đòn bẩy hoạt động, đòn bẩy tài chính và đòn bẩy tổng hợp. Biết cách phân tích và ra quyết định khi nào doanh nghiệp nên sử dụng các loại đòn bẩy nhằm nâng cao khả năng sinh lợi và giảm thiểu rủi ro.

- 7.1. Rủi ro kinh doanh và rủi ro tài chính
  - 7.1.1. Rủi ro kinh doanh
  - 7.1.2. Rủi ro tài chính
- 7.2. Phân tích hòa vốn
  - 7.2.1. Khái quát về biến phí và định phí
  - 7.2.2. Khái quát về hòa vốn
  - 7.2.3. Cách xác định điểm hòa vốn
- 7.3. Đòn bẩy hoạt động
  - 7.3.1. Độ nghiêng đòn bẩy hoạt động (DOL)
  - 7.3.2. Công thức tính DOL
  - 7.3.3. Quan hệ giữa DOL và điểm hòa vốn
  - 7.3.4. Quan hệ giữa DOL và rủi ro doanh nghiệp

#### 7.4. Đòn bẩy tài chính

7.4.1. Phân tích quan hệ giữa EBIT và EPS

7.4.2. Độ nghiêng đòn bẩy tài chính (DFL)

7.4.3. Công thức tính DFL

#### 7.5. Đòn bẩy tổng hợp

7.5.1. Độ nghiêng đòn bẩy tổng hợp (DTL)

7.5.2. Công thức tính DTL

### Chương VIII: Sáp nhập và thu tóm công ty

*Ý nghĩa của chương:* Giúp sinh viên hiểu được những hình thức cơ bản và những lợi ích về vấn đề thu tóm và sáp nhập công ty. Biết cách xác định giá trị gia tăng khi thu tóm công ty và giá trị công ty sau khi thu tóm đồng thời hiểu về phương thức thanh toán trong giao dịch sáp nhập và thu tóm. Bên cạnh đó sinh viên có thể vận dụng kiến thức vào việc phân tích tình hình thực tiễn sáp nhập và thu tóm công ty của Việt Nam trong thời gian qua.

#### 8.1. Những hình thức cơ bản về thu tóm công ty

8.1.1. Sáp nhập và hợp nhất công ty

8.1.2. Thu tóm cổ phiếu

8.1.3. Thu tóm tài sản

#### 8.2. Sự cần thiết sáp nhập và thu tóm công ty

#### 8.3. Xác định giá trị gia tăng khi thu tóm công ty

8.3.1. Doanh thu tăng thêm

8.3.2. Cắt giảm chi phí hoạt động

8.3.3. Lợi ích về thuế

#### 8.4. Xác định giá trị công ty sau khi thu tóm công ty khác

#### 8.5. Phương thức thanh toán trong giao dịch sáp nhập và thu tóm công ty

8.5.1. Thanh toán bằng tiền

8.5.2. Thanh toán bằng cổ phiếu

#### 8.6. Tình hình sáp nhập và thu tóm công ty tại Việt Nam

### 5. Tài liệu tham khảo:

+ Giáo trình Quản trị tài chính doanh nghiệp – PGS. TS Vũ Duy Hào và Đàm Văn Huệ (Đại Học Kinh tế Quốc dân)

+ Giáo trình Quản trị tài chính – TS. Nguyễn Văn Thuận (Đại học Kinh tế TP. HCM)

+ Giáo trình Tài chính doanh nghiệp căn bản – PGS. TS Nguyễn Minh Kiều (Đại học Mở TP. HCM)

+ Tài liệu giảng dạy của giảng viên đứng lớp.

### 6. Lịch trình dạy học:

T	Nội dung	Số tiết lên lớp			Tự học	Ghi chú
		Tổn	LT	TH		
1	Tổng quan về quản trị tài chính Thời giá tiền tệ và mô hình chiết khấu dòng tiền	4	4		5	
2	Bài tập	4	4		10	

3	Phân tích báo cáo tài chính Hoạch định tài chính	4	4		5	
4	Bài tập	4	4		10	
5	Bài tập	4	4		10	
6	Phân tích và quyết định thuê tài sản Phân tích và quyết định đầu tư tài sản lưu động	4	4		5	
7	Bài tập	4	4		5	
8	Tác động đòn bẩy lên rủi ro và tỷ suất sinh lợi Sáp nhập và thu tóm công ty	4	4		15	
9	Bài tập	4	4		5	
10	Bài tập + Kiểm tra	4	4		5	
11	Bài tập-Ôn tập	5	5		15	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>45</b>	<b>45</b>		<b>90</b>	

### 7. Nhiệm vụ của sinh viên:

Tham dự học và thảo luận, kiểm tra giữa học kì theo Quyết định 43/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/8/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Quy chế học vụ hiện hành của nhà trường.

### 8. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

Chuyên cần: 10%; Kiểm tra thường xuyên: 10%; Kiểm tra giữa kỳ: 10%; Thi cuối kỳ: 70%

### 9. Thang điểm: Theo qui chế tín chỉ.

**PHỤ TRÁCH BỘ MÔN**

**Nguyễn Thị Ngọc Bích**

**GIẢNG VIÊN**

**Hoàng Thị Thu Hà**

**Võ Thị Từ Hiếu**

**HỌC PHẦN****QUẢN TRỊ RỦI RO****1. Thông tin chung của học phần:**

- Tên học phần : **QUẢN TRỊ RỦI RO**
- Mã học phần :
- Số tín chỉ: 3
- Trình độ : Dành cho sinh viên năm thứ 3
- Điều kiện tiên quyết: : Quản trị học
- Phân giờ tín chỉ:
  - + Lên lớp: 45 tiết
  - + Thực hành; Thảo luận : 0 tiết
  - + Tự học : 90 tiết

**2. Mục tiêu của học phần:**

\* **Về kiến thức:** Cung cấp cho sinh viên cơ sở lý thuyết và thực tiễn về quản trị rủi ro, giúp người học biết được các khái niệm cũng như biện pháp quản trị rủi ro trong các lĩnh vực hoạt động khác nhau của doanh nghiệp. Cụ thể môn học cung cấp các kiến thức về:

- Khái niệm rủi ro và quản trị rủi ro,
- Rủi ro từ các môi trường kinh tế, xã hội và giải pháp khắc phục,

\* **Về kỹ năng:** Trang bị cho sinh viên những kỹ năng thực hiện các nghiệp vụ quản trị rủi ro trong các hoạt động khác nhau của doanh nghiệp.

\* **Về thái độ:** Sinh viên có được nhận thức đúng đắn về rủi ro và vai trò của quản trị rủi ro trong hoạt động của doanh nghiệp, từ đó có thể áp dụng lý thuyết đã học vào thực tiễn.

**3. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:**

Quản trị rủi ro là một hoạt động cần thiết không chỉ cho giới kinh doanh mà cho cả các lĩnh vực đời sống bình thường. Quản trị rủi ro hiệu quả sẽ giúp các doanh nghiệp giữ các hoạt động ổn định, chủ động hơn và tránh được nhiều thiệt hại nhờ đã dự kiến trước. Môn học này trình bày chi tiết các bước trong quy trình quản trị rủi ro: từ nhận dạng, đo lường, đến kiểm soát và tài trợ nếu thiệt hại xảy ra. Các kỹ thuật phân tích định tính và định lượng cũng được giới thiệu để đánh giá và xếp hạng rủi ro.

**4. Nội dung chi tiết học phần.****CHƯƠNG 1****TỔNG QUAN VỀ RỦI RO****Mục tiêu**



- Nắm được các khái niệm về rủi ro.
- Hiểu được các vấn đề liên quan đến sự bất định.
- Phân tích mối quan hệ giữa rủi ro, sự bất định và đạo đức.
- Chi phí của rủi ro và sự bất định

## **Nội dung**

### **1.1 Tổng quan về rủi ro**

#### 1.1.1 Khái niệm rủi ro

#### 1.1.2 Một vài khái niệm khác liên quan đến rủi ro.

### **1.2 Sự bất định.**

#### 1.2.1 Những khái niệm thiết yếu: sự chắc chắn, sự bất định và rủi ro

#### 1.2.2 Các mức độ bất định

#### 1.2.3 Phản ứng đối với sự bất định

#### 1.2.4 Sự bất định, thông tin và truyền thông

### **1.3 Rủi ro, sự bất định và tính đạo đức**

### **1.4 Chi phí của rủi ro và sự bất định**

## **CHƯƠNG 2**

### **TỔNG QUAN VỀ QUẢN TRỊ RỦI RO**

## **Mục tiêu**

- Giới thiệu đến sinh viên lịch sử phát triển và các quan điểm của chức năng quản trị rủi ro.
- Nắm được khái niệm quản trị rủi ro.
- Phân tích mô hình quản trị chiến lược, quản trị hoạt động và rủi ro của một tổ chức
- Nội dung cơ bản của quy trình quản trị rủi ro.

## **Nội dung**

### **2.1 Lịch sử phát triển của chức năng quản trị rủi ro**

#### 2.1.1 Thời kỳ sau chiến tranh thế giới thứ II

#### 2.1.2 Giai đoạn sau 1960

### **2.2 Quan điểm về quản trị rủi ro**

#### 2.2.1 Quan điểm truyền thống

#### 2.2.2 Quản trị rủi ro toàn diện

#### 2.2.3 Quản trị rủi ro tài chính hiện đại

### **2.3 Quản trị rủi ro ngày nay**

#### 2.3.1 Khái niệm quản trị rủi ro.

#### 2.3.2 Bằng chứng về những thực hành quản trị rủi ro.

#### 2.3.3 Bản chất của những hoạt động quản trị rủi ro.

#### 2.3.4 Bản chất của các chức năng quản trị rủi ro.

### **2.4 Quản trị rủi ro tổ chức**

#### 2.4.1 Mô hình quản trị chiến lược, quản trị hoạt động và rủi ro

## 2.4.2 Những yếu tố quản trị rủi ro tổ chức

### **CHƯƠNG 3 NHẬN DẠNG RỦI RO**

#### **Mục tiêu**

- Giúp sinh viên phân loại rủi ro hay nhận biết các nguồn rủi ro.
- Giải thích quá trình nhận dạng rủi ro.
- Hiểu được các phương pháp nhận dạng rủi ro.
- Nắm được sự khác nhau giữa phân tích hiểm họa và tổn thất.

#### **Nội dung**

### **3.1 Một số khái niệm**

- 3.1.1 Nhận dạng rủi ro
- 3.1.2 Nguồn rủi ro
- 3.1.3 Yếu tố mạo hiểm
- 3.1.4 Yếu tố hiểm họa
- 3.1.5 Nguy cơ rủi ro

### **3.2 Phân loại rủi ro**

- 3.2.1 Phân loại theo phương pháp quản trị rủi ro truyền thống
- 3.2.2 Phân loại rủi ro theo nguồn gốc rủi ro
- 3.2.3 Phân loại rủi ro theo môi trường tác động
- 3.2.4 Phân loại theo đối tượng rủi ro
- 3.2.5 Phân loại theo ngành, lĩnh vực hoạt động

### **3.3 Phương pháp nhận dạng rủi ro**

- 3.3.1 Thiết lập bảng kê
- 3.3.2 Lập bảng câu hỏi nghiên cứu về rủi ro và tiến hành điều tra
- 3.3.3 Phân tích các báo cáo tài chính
- 3.3.4 Phương pháp lưu đồ
- 3.3.5 Nghiên cứu hiện trường
- 3.3.6 Phân tích các hợp đồng.

### **3.4 Phân tích hiểm họa và tổn thất**

- 3.4.1 Nguyên nhân của tai nạn
- 3.4.2 Phân tích tổn thất
- 3.4.3 Phân tích hiểm họa
- Câu hỏi ôn tập chương 3.

### **CHƯƠNG 4 ĐO LƯỜNG RỦI RO**

#### **Mục tiêu**

- Trình bày các khái niệm cơ bản về chi phí và các yếu tố rủi ro
- Sử dụng phương pháp triển khai tổn thất để lập dự án các khiếu nại bồi thường đã biết cho các khoản bồi thường trong tương lai.

- Sử dụng phương pháp phát triển tổn thất dựa trên nguy cơ rủi ro để ước lượng các khiếu nại bồi thường trong tương lai từ các hoạt động hiện tại.
- Giải thích chi phí lớn nhất có thể có được tính như thế nào nếu biết phân phối xác suất của chi phí.
- Giải thích dung sai rủi ro của nhà quản trị rủi ro ảnh hưởng như thế nào đến ước lượng chi phí lớn nhất có thể có.
- Ước lượng khả năng trong đó số lượng tổn thất sẽ vượt quá ngưỡng phát biểu, sử dụng ba phân phối xác suất khác nhau.

## **Nội dung**

### **4.1 Giới thiệu chung về đo lường rủi ro**

### **4.2 Các khái niệm cơ bản**

4.2.1 Chi phí trực tiếp và gián tiếp

4.2.2 Chi phí ẩn của tai nạn

4.2.3 Các yếu tố của rủi ro

### **4.3 Các phương pháp định lượng**

4.3.1 Tầm quan trọng của các ước lượng

4.3.2 Ước lượng các khiếu nại bồi thường

4.3.3 Phương pháp khai triển tổn thất

4.3.4 Phương pháp khai triển tổn thất dựa trên đối tượng rủi ro

### **4.4 Ước lượng độ chính xác**

4.4.1 Ước lượng tổn thất lớn nhất có thể có (MPC)

4.4.2 Các khái niệm xác suất cơ bản

## **CHƯƠNG 5 RỦI RO ĐỐI VỚI TÀI SẢN**

### **Mục tiêu**

- Hiểu rõ các loại nguy cơ rủi ro đối với tài sản
- Phân tích các phương pháp đánh giá tổn thất tiềm năng của tài sản
- Giải thích các số liệu về tần số và mức tổn thất tài sản
- Phân tích các yếu tố thời gian của tổn thất

### **Nội dung**

### **5.1 Giới thiệu chung**

### **5.2 Các loại nguy cơ rủi ro đối với tài sản**

5.2.1 Phân loại tài sản

5.2.2 Nguyên nhân rủi ro

5.2.3 Các rủi ro trực tiếp, gián tiếp và rủi ro về mặt thời gian

5.2.4 Lợi ích trong tài sản

### **5.3 Đánh giá tổn thất tiềm năng của tài sản**

5.3.1 Phương pháp đánh giá nguy cơ rủi ro là tài sản của chủ sở hữu

5.3.2 Phương pháp đánh giá trong trường hợp không có sửa chữa hay thay mới tài sản.

### **5.4 Tổn thất về mặt thời gian**

- 5.4.1 Giảm thu nhập
- 5.4.2 Tăng chi phí
- 5.4.3 Phần cải thiện không di chuyển được

## **5.5 Các số liệu về tần số và mức tổn thất tài sản**

### **CHƯƠNG 6**

## **RỦI RO NGUỒN NHÂN LỰC**

### **Mục tiêu**

- Trình bày tầm quan trọng của rủi ro nguồn nhân lực
- Đánh giá tổn thất của người lao động qua tần số tổn thất và mức độ tổn thất
- Đánh giá rủi ro trực tiếp của tổ chức
- Giải thích các biện pháp kiểm soát rủi ro nguồn nhân lực

### **Nội dung**

#### **6.1 Giới thiệu chung**

#### **6.2 Tầm quan trọng của rủi ro nguồn nhân lực**

#### **6.3 Tần số tổn thất**

- 6.3.1 Tỷ lệ tử vong
- 6.3.2 Sức khoẻ yếu kém
- 6.3.3 Tuổi già và hưu trí
- 6.3.4 Thất nghiệp

#### **6.4 Đánh giá mức độ tổn thất đối với người lao động**

- 6.4.1 Những tổn thất thu nhập tiềm ẩn
- 6.4.2 Thăm dò nhu cầu
- 6.4.3 Các chi phí tăng thêm

#### **6.5 Đánh giá rủi ro trực tiếp của tổ chức**

- 6.5.1 Tổn thất do mất đi người chủ chốt
- 6.5.2 Tổn thất do mất đi những khoản tín dụng
- 6.5.3 Tổn thất do hoạt động sản xuất kinh doanh bị đình trệ

### **CHƯƠNG 7**

## **KIỂM SOÁT RỦI RO**

### **Mục tiêu**

- Trình bày một số vấn đề cơ bản về kiểm soát rủi ro
- Phân tích các công cụ và kỹ thuật kiểm soát rủi ro
- Sử dụng các biện pháp và các chương trình hoạt động để ngăn ngừa, né tránh hoặc giảm thiểu những tổn thất, những ảnh hưởng không mong đợi có thể đến với tổ chức.
- Hiểu được những nỗ lực kiểm soát rủi ro của chính phủ và xã hội.

### **Nội dung**

#### **7.1 Giới thiệu chung**

#### **7.2 Một số vấn đề cơ bản về kiểm soát rủi ro**

7.2.1 Khái niệm

7.2.2 Các trường hợp kiểm soát rủi ro được sử dụng

7.2.3 Mối quan hệ của kiểm soát rủi ro đối với các vấn đề khác trong quản trị rủi ro.

### **7.3 Các công cụ và kỹ thuật kiểm soát rủi ro**

7.3.1 Né tránh rủi ro

7.3.2 Ngăn ngừa tổn thất

7.3.3 Giảm thiểu tổn thất

7.3.4 Quản trị thông tin

7.3.5 Chuyển giao rủi ro

7.3.6 Đa dạng hoá.

### **7.4 Những nỗ lực kiểm soát rủi ro của chính phủ và xã hội**

7.4.1 Nỗ lực của các tổ chức riêng lẻ và phi lợi nhuận

7.4.2 Những nỗ lực của Chính phủ

## **CHƯƠNG 8**

### **KỸ THUẬT TÀI TRỢ RỦI RO**

#### **Mục tiêu**

- Trình bày các khái niệm về tài trợ rủi ro.
- Phân loại phương pháp tài trợ rủi ro theo đối tượng tài trợ và cách chuẩn bị nguồn tài trợ.
- Phân tích phương pháp lưu giữ tổn thất khi nguồn bù đắp rủi ro là nguồn tự có của tổ chức.
- Giải thích kỹ thuật chuyển giao tài trợ bằng bảo hiểm và phi bảo hiểm
- Phân tích kỹ thuật trung hòa rủi ro nhằm bù trừ giữa được và mất.
- Những vấn đề cần xem xét khi lựa chọn giữa lưu giữ và chuyển giao tổn thất

#### **Nội dung**

##### **8.1 Một số khái niệm**

##### **8.2 Một số phương pháp tài trợ rủi ro**

8.2.1 Phân loại theo đối tượng tài trợ

8.2.2 Phân loại theo cách chuẩn bị nguồn tài trợ

##### **8.3 Lưu giữ tổn thất**

##### **8.4 Chuyển giao bảo hiểm**

8.4.1 Thành phần của một giao dịch bảo hiểm

8.4.2 Nguồn góp chung so với rủi ro chung.

8.4.3 Thỏa thuận góp quỹ chung và sự kết hợp.

##### **8.5 Chuyển giao tài trợ rủi ro phi bảo hiểm**

8.5.1 Chuyển giao kiểm soát rủi ro

8.5.2 Chuyển giao tài trợ rủi ro

##### **8.6 Trung hoà rủi ro**

## 8.7 Những vấn đề cần xem xét khi lựa chọn giữa lưu giữ và chuyển giao tổn thất

8.7.1 Chất lượng dịch vụ

8.7.2 Chi phí cơ hội.

8.7.3 Vấn đề thuế.

8.7.4 Hạn chế của luật pháp, kinh tế và chính sách công cộng.

8.7.5 Mức độ kiểm soát rủi ro.

8.7.6 Lệ phí chịu bảo hiểm

8.7.7 Lưu giữ tổn thất có thể là phương pháp duy nhất.

## 5. Tài liệu học tập:

### 5.1. Sách, giáo trình chính:

[1] Ngô Quang Huân - Nguyễn Quang Thu – “Quản trị rủi ro” - NXB Giáo Dục 2008.

### 5.2. Tài liệu tham khảo :

[2] GS. TS Đoàn Thị Hồng Vân, “Quản trị rủi ro và khủng hoảng”, NXB Lao động – xã hội, 2013.

[3] Nguyễn Quang Thu – “Quản trị rủi ro doanh nghiệp” - NXB Thống Kê 2012.

[4] Trần Quang Trung – “Quản trị rủi ro trong kinh doanh” - NXB Lao Động - Xã hội 2008.

[5] Quản lý khủng hoảng - Cẩm nang kinh doanh Harvard - NXB Tổng hợp TPHCM 2005.

## 6. Lịch trình dạy học:

TT	Nội dung	Tín chỉ	Phân bố thời gian			Ghi chú
			Lý thuyết	Thảo luận	Tự học	
1	Tổng quan về rủi ro		4		5	
2	Tổng quan về quản trị rủi ro		4		5	
3	Nhận dạng rủi ro		5	3	15	
4	Đo lường rủi ro		5	3	15	
5	Rủi ro về tài sản.		2	2	10	
6	Rủi ro nguồn nhân lực		2	2	10	
7	Kiểm soát rủi ro		4	3	15	
8	Kỹ thuật tài trợ rủi ro		4	2	15	
<b>TỔNG</b>		<b>3</b>	<b>30</b>	<b>15</b>	<b>90</b>	

### 7. Nhiệm vụ của sinh viên:

Tham dự học và thảo luận, kiểm tra giữa học kì theo Quyết định 43/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/8/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, và Quy chế học vụ hiện hành của nhà trường.

### 8. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

- Chuyên cần: 10%
- Kiểm tra thường xuyên: 10%
- Kiểm tra giữa kỳ: 10%
- Thi cuối kỳ: 70%

### 9. Thang điểm : Theo qui chế tín chỉ.

#### PHỤ TRÁCH BỘ MÔN



**Nguyễn Thị Ngọc Bích**

#### GIẢNG VIÊN



**Nguyễn Thị Bích Quyên**



**Trương Thị Thùy Dung**

**HỌC PHẦN****THẨM ĐỊNH TÍN DỤNG NGÂN HÀNG****1. Thông tin chung của học phần:**

Tên học phần: **THẨM ĐỊNH TÍN DỤNG NGÂN HÀNG**

Mã học phần:

Số tín chỉ: 03

Trình độ: Dành cho sinh viên năm 3

Điều kiện tiên quyết: **Tiền tệ - Ngân hàng, Tài chính doanh nghiệp**

Phân giờ tín chỉ: Lên lớp: 45 tiết. Thực hành: 0 tiết. Tự học: 90 tiết

**2. Mục tiêu của học phần:**

- Trang bị cho sinh viên các kiến thức, công cụ về phân tích, đánh giá và ra quyết định cho vay đối với hồ sơ vay vốn của khách hàng nhằm tạo điều kiện thuận lợi và dễ dàng cho sinh viên khi tiếp cận công tác thẩm định thực tế tại ngân hàng.
- Hướng dẫn sinh viên những kỹ năng và phương pháp thẩm định về tư cách pháp lý, năng lực tài chính, phương án và dự án đầu tư, tài sản đảm bảo. Thực hành lập tờ trình thẩm định được tổng hợp từ kết quả thẩm định làm cơ sở để đưa ra quyết định cấp tín dụng hợp lý nhằm kiểm soát và hạn chế thấp nhất rủi ro tín dụng.

**3. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:**

- Giới thiệu những nội dung chính của thẩm định tín dụng, các bước trong quy trình thẩm định, cơ cấu quản lý và thẩm quyền phê duyệt tín dụng tại các ngân hàng thương mại.
- Trình bày nội dung cần thẩm định, nguồn tài liệu thu thập, phương pháp thẩm định để phân tích và đánh giá hồ sơ vay vốn của khách hàng về năng lực pháp lý, năng lực tài chính, phương án sản xuất kinh doanh và dự án đầu tư, tài sản đảm bảo.
- Cung cấp kiến thức về kỹ thuật tổng hợp kết quả thẩm định, cách thức trình bày kết quả thẩm định để lập tờ trình cấp tín dụng với các nội dung đầy đủ và hoàn chỉnh.

**4. Nội dung chi tiết học phần****Chương I: Tổng quan về thẩm định tín dụng**

*Ý nghĩa của chương:* Giúp sinh viên hiểu rõ tầm quan trọng, các nội dung chủ yếu của thẩm định tín dụng, quy trình thực hiện thẩm định tín dụng và công tác tổ chức thẩm định tại các ngân hàng thương mại.

**1.1 Các vấn đề cơ bản về hoạt động tín dụng tại NHTM**

- 1.1.1 Nguyên tắc cấp tín dụng
- 1.1.2. Điều kiện cấp tín dụng
- 1.1.3. Thời hạn cấp tín dụng
- 1.1.4. Lãi suất cấp tín dụng
- 1.1.5. Hạn mức tín dụng



- 1.1.6. Đối tượng cấp tín dụng
- 1.2 Những vấn đề cơ bản về thẩm định tín dụng
  - 1.2.1. Khái niệm
  - 1.2.2. Ý nghĩa thẩm định
  - 1.2.3. Mục đích thẩm định
  - 1.2.4. Nguồn thẩm định
- 1.3. Quy trình thẩm định tín dụng
  - 1.3.1. Tiếp nhận hồ sơ xin cấp tín dụng
  - 1.3.2. Kiểm tra hồ sơ tín dụng và thu thập thông tin
  - 1.3.3. Thẩm định tín dụng
  - 1.3.4. Lập tờ trình thẩm định
  - 1.3.5. Xét duyệt cấp tín dụng
- 1.4. Nội dung cơ bản của thẩm định tín dụng
  - 1.4.1. Thẩm định tư cách pháp lý của khách hàng
  - 1.4.2. Thẩm định mục đích cấp tín dụng của khách hàng
  - 1.4.3. Thẩm định phương án sản xuất kinh doanh hoặc dự án đầu tư
  - 1.4.4. Thẩm định năng lực tài chính của khách hàng
  - 1.4.5. Thẩm định tài sản đảm bảo
- 1.5. Tổ chức thực hiện công tác thẩm định tín dụng
  - 1.5.1. Mục đích
  - 1.5.2. Nguyên tắc
  - 1.5.3. Cơ cấu tổ chức công tác thẩm định
  - 1.5.4. Ủy quyền xét duyệt thẩm định tín dụng

## **Chương II: Thẩm định năng lực pháp lý của khách hàng**

*Ý nghĩa của chương:* Giúp sinh viên hiểu rõ về điều kiện pháp lý đối với từng loại khách hàng, những loại tài liệu, nguồn thông tin cần thiết phục vụ cho việc thẩm định năng lực pháp lý của khách hàng doanh nghiệp và khách hàng cá nhân. Biết cách ứng dụng các tiêu chí và những yêu cầu cụ thể vào công tác thẩm định năng lực pháp lý của từng nhóm khách hàng phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam.

- 2.1. Những vấn đề chung về thẩm định năng lực pháp lý
  - 2.1.1. Khái niệm
  - 2.1.2. Ý nghĩa
  - 2.1.3. Mục đích
- 2.2. Thẩm định năng lực pháp lý đối với khách hàng doanh nghiệp
  - 2.2.1 Giới thiệu khách hàng doanh nghiệp
    - 2.2.1.1. Khái niệm
    - 2.2.1.2. Đặc điểm
    - 2.2.1.3. Phân loại
  - 2.2.2. Tài liệu thẩm định
  - 2.2.3. Nội dung thẩm định

## 2.3. Thẩm định năng lực pháp lý đối với khách hàng cá nhân

### 2.3.1 Giới thiệu khách hàng cá nhân

#### 2.3.1.1. Khái niệm

#### 2.3.1.2. Đặc điểm

#### 2.3.1.3. Phân loại

### 2.3.2. Tài liệu thẩm định

### 2.3.3. Nội dung thẩm định

## **Chương III: Thẩm định năng lực tài chính của khách hàng**

*Ý nghĩa của chương:* Giúp sinh viên hiểu được các phương pháp dùng để đánh giá năng lực tài chính của khách hàng. Đối với tín dụng cá nhân, biết cách thu thập thông tin và thẩm định năng lực tài chính của khách hàng vay vốn. Đối với tín dụng doanh nghiệp, biết cách sử dụng báo cáo tài chính để tìm kiếm thông tin, từ đó tính toán và phân tích các số liệu tài chính nhằm đánh giá tình hình hoạt động của doanh nghiệp, tình hình tài chính và khả năng trả nợ của doanh nghiệp.

### 3.1. Những vấn đề chung về thẩm định năng lực tài chính

#### 3.1.1. Mục đích thẩm định năng lực tài chính

#### 3.1.2. Nguyên tắc thẩm định năng lực tài chính

#### 3.1.3. Yêu cầu đối với thẩm định năng lực tài chính

### 3.2. Thẩm định năng lực tài chính của khách hàng doanh nghiệp

#### 3.2.1. Tài liệu thẩm định

#### 3.2.2. Phương pháp thẩm định

##### 3.2.2.1. Phân tích so sánh

##### 3.2.2.2. Phân tích cơ cấu

##### 3.2.2.3. Phân tích tỷ số

##### 3.2.2.4. Phân tích dòng tiền

### 3.3. Thẩm định năng lực tài chính của khách hàng cá nhân

#### 3.3.1. Tài liệu thẩm định

#### 3.3.2. Phương pháp thẩm định

## **Chương IV: Thẩm định phương án sản xuất kinh doanh và dự án đầu tư**

*Ý nghĩa của chương:* Giúp sinh viên có các kỹ năng và phương pháp thẩm định một cách khoa học đối với phương án sản xuất kinh doanh và dự án đầu tư. Biết cách sử dụng các kỹ thuật phân tích thông qua việc sử dụng các hệ thống chỉ tiêu đánh giá tính hiệu quả và khả thi của phương án và dự án, góp phần đưa ra quyết định cấp tín dụng đúng đắn, hợp lý và an toàn.

### 4.1. Thẩm định phương án sản xuất kinh doanh

#### 4.1.1. Mục đích thẩm định

#### 4.1.2. Tài liệu thẩm định

#### 4.1.3. Nội dung thẩm định

##### 4.1.3.1. Xem xét tổng thể phương án sản xuất kinh doanh

##### 4.1.3.2. Tính toán hiệu quả tài chính và khả năng trả nợ

### 4.2. Thẩm định dự án đầu tư

- 4.2.1. Khái niệm dự án đầu tư
- 4.2.2. Mục đích thẩm định dự án đầu tư
- 4.2.3. Tài liệu thẩm định
- 4.2.4. Nội dung thẩm định
  - 4.2.4.1. Tính pháp lý của dự án
  - 4.2.4.2. Mục tiêu, sự cần thiết, quy mô dự án
  - 4.2.4.3. Nội dung đầu tư và nguồn vốn đầu tư
  - 4.2.4.4. Thẩm định phương diện thị trường
  - 4.2.4.5. Thẩm định phương diện kỹ thuật
  - 4.2.4.6. Thẩm định phương diện tổ chức, quản lý thực hiện dự án
  - 4.2.4.7. Thẩm định môi trường
  - 4.2.4.8. Thẩm định phương diện kinh tế - xã hội
  - 4.2.4.9. Thẩm định phương diện tài chính
  - 4.2.4.10. Phân tích rủi ro dự án
- 4.2.5. Các bước thực hiện tính toán trong thẩm định dự án
  - 4.2.5.1. Xác định mô hình đầu vào, đầu ra của dự án
  - 4.2.5.2. Phân tích để tìm dữ liệu
  - 4.2.5.3. Lập bảng thông số
  - 4.2.5.4. Lập các bảng tính trung gian
  - 4.2.5.5. Lập báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và tính toán

khả nợ trả nợ của dự án

## **Chương V: Thẩm định tài sản đảm bảo**

*Ý nghĩa của chương:* Giúp sinh viên hiểu rõ về các hình thức bảo đảm tín dụng, quy trình thực hiện thẩm định tài sản, thẩm định tính pháp lý và giá trị của tài sản đảm bảo. Biết phương pháp xác định và tính toán giá trị các loại tài sản đảm bảo, viết báo cáo thẩm định tài sản.

- 5.1. Tài sản bảo đảm
  - 5.1.1. Khái niệm
  - 5.1.2. Điều kiện về tài sản bảo đảm
  - 5.1.3. Các hình thức bảo đảm
- 5.2. Thẩm định tài sản bảo đảm
  - 5.2.1. Mục đích
  - 5.2.2. Nguyên tắc
  - 5.2.3. Quy trình
    - 5.2.3.1. Tiếp xúc và hướng dẫn khách hàng
    - 5.2.3.2. Nhận và kiểm tra bộ hồ sơ tài sản đảm bảo
    - 5.2.3.3. Thực hiện thẩm định tài sản
    - 5.2.3.4. Viết tờ trình thẩm định tài sản
  - 5.2.4. Phương pháp thẩm định
    - 5.2.4.1. Đất
    - 5.2.4.2. Tài sản gắn liền với đất

- 5.2.4.3. Máy móc thiết bị
- 5.2.4.4. Phương tiện vận tải
- 5.2.4.5. Hàng tồn kho
- 5.2.4.6. Chứng từ có giá
- 5.2.4.7. Ngoại tệ, vàng
- 5.2.4.8. Tài sản khác

## **Chương VI: Xếp hạng tín dụng**

*Ý nghĩa của chương:* Giúp sinh viên hiểu rõ về cách thức đánh giá và xếp hạng tín dụng nhằm bổ sung thông tin cho công tác thẩm định tín dụng. Biết cách thu thập thông tin, căn cứ vào các tiêu chí để đánh giá và xếp hạng cho khách hàng cá nhân và doanh nghiệp.

### 6.1. Những vấn đề chung về xếp hạng tín dụng

- 6.1.1. Khái niệm
- 6.1.2. Ý nghĩa

### 6.2. Các tiêu chí xếp hạng

### 6.3. Đánh giá và xếp loại

## **Chương VII: Lập tờ trình thẩm định tín dụng**

*Ý nghĩa của chương:* Giúp sinh viên hiểu được nội dung, kết cấu và cách trình bày tờ trình thẩm định tín dụng. Biết cách tổng hợp kết quả thẩm định về năng lực pháp lý, năng lực tài chính, năng lực trả nợ, mục đích vay, tài sản đảm bảo,... từ đó đưa ra kết luận và kiến nghị làm cơ sở ra quyết định cấp tín dụng cho khách hàng.

### 7.1. Tổng quan về tờ trình tín dụng

- 7.1.1. Khái niệm
- 7.1.2. Mục đích
- 7.1.3. Yêu cầu chung

### 7.2. Những nội dung cơ bản của tờ trình thẩm định tín dụng

- 7.2.1. Tổ chức và quản lý
- 7.2.2. Quan hệ với các tổ chức tín dụng
- 7.2.3. Tình hình sản xuất kinh doanh
- 7.2.4. Tình hình tài chính
- 7.2.5. Môi trường kinh doanh, rủi ro ngành
- 7.2.6. Đánh giá phương án kinh doanh, nhu cầu vay vốn
- 7.2.7. Tài sản đảm bảo
- 7.2.8. Đánh giá rủi ro và các biện pháp hạn chế rủi ro
- 7.2.9. Nhận xét và kiến nghị

## **5. Tài liệu tham khảo:**

- + Giáo trình Thẩm định tín dụng – PGS. TS Trâm Thị Xuân Hương và các tác giả (Đại học Kinh tế TP. HCM)
- + Giáo trình Tín dụng và thẩm định tín dụng ngân hàng – PGS. TS Nguyễn Minh Kiều (Đại học Mở TP. HCM)
- + Tài liệu giảng dạy của giảng viên đứng lớp.

**6. Lịch trình dạy học:**

T T	Nội dung	Số tiết lên lớp			Tự hoc	Ghi chú
		Tổn	LT	TH		
1	Tổng quan về thẩm định tín dụng Thẩm định năng lực pháp lý của khách hàng	4	4		5	
2	Bài tập	4	4		10	
3	Thẩm định năng lực tài chính của khách hàng	4	4		5	
4	Bài tập	4	4		10	
5	Thẩm định phương án sản xuất kinh doanh và dự án đầu tư	4	4		10	
6	Bài tập + Kiểm tra	4	4		5	
7	Thẩm định tài sản đảm bảo	4	4		5	
8	Bài tập	4	4		15	
9	Xếp hạng tín dụng Lập tờ trình thẩm định tín dụng	4	4		5	
10	Bài tập	4	4		5	
11	Bài tập-Ôn tập	5	5		15	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>45</b>	<b>45</b>		<b>90</b>	

**7. Nhiệm vụ của sinh viên:**

Tham dự học và thảo luận, kiểm tra giữa học kì theo Quyết định 43/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/8/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Quy chế học vụ hiện hành của nhà trường.

**8. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:**

Chuyên cần: 10%; Kiểm tra giữa kỳ: 10%; Bài tập nhóm: 10%; Thi cuối kỳ: 70%;

**9. Thang điểm:** Theo qui chế tín chỉ.**PHỤ TRÁCH BỘ MÔN****GIẢNG VIÊN**

**Nguyễn Thị Ngọc Bích**

**Phan Thị Châu Ngà**

**Hoàng Thị Thu Hà**

**HỌC PHẦN****THẨM ĐỊNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ****1. Thông tin chung của học phần:**

Tên học phần: **THẨM ĐỊNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ**. Mã học phần:      Số tín chỉ: 03

Trình độ: Dành cho sinh viên năm 2. Điều kiện tiên quyết: **Tài chính doanh nghiệp**

Phân giờ tín chỉ: Lên lớp: 45 tiết. Thực hành: 0 tiết. Tự học: 90 tiết

**2. Mục tiêu của học phần:**

\* *Về kiến thức*: Sinh viên có đầy đủ kiến thức cơ bản về dự án đầu tư và quy trình thực hiện thẩm định dự án đầu tư.

\* *Về kỹ năng*: Có kỹ năng tính toán các chỉ số tài chính liên quan để đánh giá hiệu quả của dự án và lựa chọn đầu tư.

\* *Về thái độ*: Sinh viên có được nhận thức đúng đắn về lĩnh vực thẩm định dự án.

**3. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:** Giới thiệu khái niệm, đặc điểm, phân loại và các bước thiết lập dự án đầu tư. Hướng dẫn cách phân tích vấn đề tài chính, cách tính dòng tiền của dự án để có thể đánh giá sơ bộ tính khả thi của dự án. Giới thiệu các loại rủi ro mà dự án có thể mắc phải; Cách nhận diện, đo lường và xử lý những rủi ro của dự án. Hướng dẫn cách đánh giá tính hiệu quả của dự án để lựa chọn và ra quyết định đầu tư.

**4. Nội dung chi tiết học phần.****Chương 1: Các Khái Niệm Cơ Bản Về Dự Án**

*Ý nghĩa của chương: Giúp sinh viên hiểu rõ về định nghĩa, đặc điểm và phân loại dự án đầu tư.*

## 1.1. Định nghĩa dự án

## 1.2. Đặc điểm của dự án

## 1.2.1. Tính chất của dự án

## 1.2.2. Các yếu tố xác định một dự án

## 1.3. Phân loại dự án đầu tư

## 1.3.1. Phân loại theo mục tiêu đầu tư

## 1.3.2. Phân loại theo chức năng quản trị vốn đầu tư

## 1.3.2.1. Đầu tư gián tiếp

## 1.3.2.2. Đầu tư trực tiếp

## 1.3.3. Phân loại theo phương thức kinh doanh

## 1.3.3.1. Dự án BOT

## 1.3.3.2. Khu chế xuất, Khu công nghiệp

## 1.3.4. Phân loại theo mối quan hệ

**Chương 2: Các Bước Thiết Lập Dự Án**

*Ý nghĩa của chương: Giúp sinh viên hiểu rõ về các thời kỳ và những hoạt động trong từng thời kỳ của một dự án.*

## 2.1. Thời kỳ chuẩn bị đầu tư

### 2.1.1. Giai đoạn nghiên cứu cơ hội đầu tư

#### 2.1.1.1. Tìm kiếm cơ hội đầu tư

#### 2.1.1.2. Nghiên cứu sơ bộ thị trường

#### 2.1.1.3. Định vị dự án

### 2.1.2. Giai đoạn nghiên cứu tiền khả thi

### 2.1.3. Giai đoạn nghiên cứu khả thi

### 2.1.4. Giai đoạn thẩm định dự án

## 2.2. Thời kỳ thực hiện dự án

### 2.2.1. Giai đoạn tiền dự án

### 2.2.2. Giai đoạn xây dựng dự án

### 2.2.3. Giai đoạn khai thác

## 2.3. Thời kỳ kết thúc dự án

## **Chương 3: Phân Tích Tài Chính Dự Án**

*Ý nghĩa của chương: Giúp sinh viên hiểu được các thông số tài chính của dự án và cách tính toán các thông số, từ đó có “nguyên liệu” để tính toán được các số liệu tài chính của dự án nhằm có cơ sở định lượng để đánh giá tính hiệu quả của dự án.*

## 3.1. Nguyên tắc hiện giá và chuỗi niên khoản

### 3.1.1. Nguyên tắc hiện giá

### 3.1.2. Chuỗi niên khoản

## 3.2. Các thông số tài chính của dự án

### 3.2.1. Vốn đầu tư

#### 3.2.1.1. Vốn cố định

#### 3.2.1.2. Vốn lưu động

#### 3.2.1.3. Nguồn vốn

### 3.2.2. Doanh thu

### 3.2.3. Chi phí

## 3.3. Xử lý các số liệu tài chính của dự án

### 3.3.1. Kế hoạch khấu hao

### 3.3.2. Kế hoạch trả nợ

### 3.3.3. Kế hoạch lãi lỗ

### 3.3.4. Kế hoạch vốn lưu động

## **Chương 4: Kế hoạch dòng tiền**

*Ý nghĩa của chương: Giúp sinh viên thực hiện được việc xây dựng dòng tiền của dự án. Từ đó có thể lường trước được các dòng tiền vào và ra của dự án.*

## 4.1. Khái niệm

## 4.2. Các quan điểm thẩm định

4.3. Phương pháp xây dựng dòng tiền

4.4. Các quy ước trong dòng tiền

4.5. Xử lý vấn đề lạm phát

## **Chương 5: Phân Tích Rủi Ro**

*Ý nghĩa của chương: Giúp sinh viên hiểu được khái niệm và phân loại các loại rủi ro mà dự án đầu tư có thể gặp phải. Từ đó giúp nhận diện và chủ động xử lý các loại rủi ro của dự án.*

5.1. Các khái niệm về rủi ro

5.1.1. Định nghĩa rủi ro

5.1.2. Phân loại rủi ro

5.1.2.1. Phân loại rủi ro theo tính khách quan

5.1.2.2. Phân loại rủi ro theo góc độ doanh nghiệp

5.2. Phân tích rủi ro

5.2.1. Phân tích định tính

5.2.1.1. Phân tích môi trường

5.2.1.2. Phân tích các yếu tố bên trong

5.2.2. Phân tích độ nhạy

5.2.3. Phân tích hòa vốn

5.3. Xử lý rủi ro

5.3.1. Các hoạt động

5.3.2. Các công đoạn trong xử lý rủi ro

5.3.2.1. Nhận diện rủi ro

5.3.2.2. Phân tích và xử lý sơ bộ các rủi ro

5.3.2.3. Xử lý hành chính các rủi ro

5.3.2.4. Phân tích tình huống

## **Chương 6: Phân Tích Hiệu Quả Dự Án**

*Ý nghĩa của chương: Giúp sinh viên thực hiện được việc đánh giá tính hiệu quả của các dự án, so sánh và lựa chọn ra dự án hiệu quả nhất để ra quyết định đầu tư.*

6.1. Suất chiết khấu và gốc thời gian

6.1.1. Chọn suất chiết khấu cho dự án

6.1.1.1. Tỷ suất sinh lợi tối thiểu

6.1.1.2. Chi phí sử dụng vốn riêng

6.1.1.3. Chi phí sử dụng vốn vay

6.1.1.4. Chi phí sử dụng vốn bình quân (WACC)

6.1.2. Chọn và thay đổi gốc thời gian của dự án

6.2. Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả của dự án

6.2.1. Thời gian hoàn vốn

6.2.2. Giá trị hiện tại thuần (NPV)

6.2.3. Chỉ số sinh lợi của vốn đầu tư (PI)

6.2.4. Suất sinh lợi nội bộ (IRR)

6.2.5. Suất sinh lợi nội bộ hiệu chỉnh (MIRR)



### 6.2.6. Chỉ số lợi ích – chi phí (B/C)

### 6.3. So sánh và lựa chọn dự án

6.3.1. So sánh các dự án có thời gian khai thác khác nhau

6.3.2. Phương pháp thay thế

6.3.3. Phương pháp dòng thu nhập bằng nhau

### 5. Tài liệu tham khảo:

+ Giáo trình Lập và thẩm định dự án đầu tư – Đại Học Kinh tế Tp.HCM

+ Tài liệu giảng dạy của giảng viên đứng lớp.

### 6. Lịch trình dạy học:

T T	Nội dung	Số tiết lên lớp			Tự hoc	Ghi chú
		TỔn	LT	TH		
1	Chương I: Các khái niệm cơ bản về dự án	4	4		5	
2	Chương II: Các bước thiết lập dự án	4	4		10	
3	Bài tập	4	4		5	
4	Chương III: Phân tích tài chính dự án	4	4		10	
5	Bài tập-Kiểm tra	4	4		10	
6	Chương IV: Kế hoạch dòng tiền	4	4		5	
7	Bài tập	4	4		5	
8	Chương V: Phân tích rủi ro	4	4		15	
9	Bài tập-Kiểm tra	4	4		5	
10	Chương VI: Phân tích hiệu quả dự án	4	4		5	
11	Bài tập-Ôn	5	5		15	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>45</b>	<b>45</b>		<b>90</b>	

### 7. Nhiệm vụ của sinh viên:

Tham dự học và thảo luận, kiểm tra giữa học kì theo Quyết định 43/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/8/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Quy chế học vụ hiện hành của nhà trường.

**8. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:** Chuyên cần: 10%; Kiểm tra thường xuyên: 10%; Kiểm tra giữa kỳ: 10%; Thi cuối kỳ: 70%

**9. Thang điểm:** Theo qui chế tín chỉ.

**PHỤ TRÁCH BỘ MÔN**

**GIẢNG VIÊN**

**Nguyễn Thị Ngọc Bích**

**Trần Thị Bích Vân**

**Hoàng Thị Thu Hà**

**HỌC PHẦN****THỰC TẬP TỐT NGHIỆP****1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Thực tập tốt nghiệp
- Mã học phần:
- Số tín chỉ: 08
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 120 (0; 120; 0; 0)
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Điều kiện để học học phần:
- + Đòi hỏi học phần học trước: Kế toán tài chính 1,2,3,4
- + Đòi hỏi học phần học song hành: Không có
- + Sĩ số sinh viên tối đa: Không có

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Kế toán****3. Mô tả học phần**

Học phần này nhằm giúp sinh viên nắm được những kiến thức thực tế về môi trường làm việc tại cơ quan, doanh nghiệp trong quá trình thực tập.

Sinh viên lựa chọn một hoạt động trong chuyên ngành quản trị kinh doanh, sử dụng phương pháp thu thập, tổng hợp và phân tích dữ liệu, tài liệu để tìm hiểu/ phân tích/ đánh giá về một hoạt động cụ thể trong doanh nghiệp hay đơn vị thực tập và cuối cùng là thực hiện trình bày nội dung chi tiết của vấn đề thực tập theo yêu cầu của một báo cáo chuyên đề tốt nghiệp.

**4. Mục tiêu học phần*****\*Về kiến thức:***

- Trang bị thêm các kiến thức về nghiên cứu khoa học trong kinh tế như: các phương pháp thu thập dữ liệu, phân tích và đánh giá tổng quan về tình hình hoạt động tại doanh nghiệp mà sinh viên tham gia thực tập.

- Thực hành công tác kế toán các phần hành liên quan đến kế toán vốn bằng tiền; kế toán nguyên vật liệu công cụ dụng cụ; Kế toán tài sản cố định; Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương; Kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm; Kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh; Kế toán nợ phải trả; Kế toán thuế

- Mô tả được nhiệm vụ của vị trí công việc được phân công tại đơn vị thực tập (vị trí công việc này phải có liên quan đến công tác kế toán, tài chính mà sinh viên đã lựa chọn nghiên cứu – nội dung chuyên đề).

**\* Về kỹ năng:**

- Đưa ra những nhận định chung về thuận lợi, khó khăn của doanh nghiệp trong quá trình tổ chức sản xuất kinh doanh, trong công tác kế toán.

- Đánh giá về một hoạt động cụ thể tại nơi thực tập và đồng thời vận dụng các kiến thức đã học, sinh viên đề xuất các giải pháp để khắc phục/hoàn thiện hoạt động đó của doanh nghiệp.

- Ngoài ra, quá trình thực tập tại doanh nghiệp còn giúp sinh viên hoàn thiện thêm cho bản thân những kỹ năng cá nhân, cụ thể như kỹ năng soạn thảo văn bản, kỹ năng giao tế nhân sự, kỹ năng lưu trữ hồ sơ, kỹ năng tổ chức công việc, kỹ năng làm việc độc lập.

**\* Về thái độ:**

- Nhận thức đúng về bản chất và giá trị của học phần, có hành vi đúng đắn trong quá trình thực tập.

- Có thái độ nghiêm túc, tinh thần trách nhiệm trong công việc được phân công, hướng dẫn của cán bộ tại nơi thực tập, nâng cao khả năng hợp tác, linh hoạt trong việc phối hợp với các cá nhân và tổ chức.

**5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần**

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chương 1: Những vấn đề chung về thực tập tốt nghiệp</b>	<b>5</b>	Sinh viên tìm hiểu lý thuyết các vấn đề chung về thực tập có sự hỗ trợ của giáo viên hướng dẫn.
<b>1.1. Vị trí, vai trò và nhiệm vụ thực tập tốt nghiệp</b>		
1.1.1. Vị trí		
1.1.2. Vai trò		
1.1.3. Nhiệm vụ		
<b>1.2. Nội quy thực tập</b>		
1.2.1. Quy trình thủ tục thực tập		
1.2.2. Quy định tại nơi thực tập		
1.2.3. Kế hoạch thực tập		
<b>1.3. Hướng dẫn chọn đơn vị thực tập</b>		

<b>Chương 2: Tìm hiểu tổng quan về tổ chức</b>	<b>20</b>	Sinh viên tìm hiểu tổng quan về tổ chức – nơi thực tập.
<b>2.1. Lịch sử hình thành và phát triển</b>		
<b>2.2. Chức năng, nhiệm vụ và định hướng phát triển của tổ chức</b>		
<b>2.3. Kết quả sản xuất kinh doanh</b>		
<b>2.4. Tình hình lao động, tài sản và cơ sở vật chất</b>		
<b>2.5. Giới thiệu cụ thể về tình hình hoạt động của phòng ban – nơi sinh viên thực tập</b>		
<b>Chương 3: Nội dung chính của vấn đề thực tập</b>	<b>35</b>	Sinh viên tự nghiên cứu những nội dung chính của vấn đề thực tập.
<b>3.1. Cơ sở lý luận về vấn đề nghiên cứu/ vấn đề thực tập</b>		
<b>3.2. Phân tích thực trạng vấn đề nghiên cứu</b>		
<b>3.3. Đề xuất các giải pháp cho vấn đề nghiên cứu</b>		
<b>Chương 4: Thực hiện viết báo cáo và hoàn thành chuyên đề</b>	<b>15</b>	Sinh viên thực hiện viết chuyên đề trong quá trình thực tập theo các yêu cầu và hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn đã được Khoa phân công
<b>4.1. Hoàn thành viết chuyên đề thực tập</b>		
<b>4.2. Đánh giá chung</b>		
<b>4.3. Kinh nghiệm rút ra trong quá trình thực tập</b>		

## 6. Tài liệu học tập

1. Giáo trình Kế toán tài chính 1, 2 – Trường ĐH Đồng Nai
2. Tài liệu giảng dạy kế toán tài chính 3,4 – Trường ĐH Đồng Nai – Lưu hành nội bộ
3. Thông tư 200/2014/TT – BTC
4. Các tài liệu liên quan tại đơn vị thực tập

## 7. Nhiệm vụ của sinh viên:

Tham gia thực tập theo Quyết định 43/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/8/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Quy chế học vụ hiện hành của nhà trường.

## 8. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

- Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên
- Số bài kiểm tra quá trình: 0
- Hình thức thi kết thúc học phần: không thi
- Các điểm quá trình và trọng số/ hệ số tương ứng:
- Điểm của học phần: là điểm bài chuyên đề thực tập tốt nghiệp.

**9. Thang điểm:** Theo qui chế tín chỉ.

**PHỤ TRÁCH BỘ MÔN**



**Nguyễn Thị Ngọc Bích**



**Nguyễn Thị Ngọc Bích**

**GIẢNG VIÊN**



**Nguyễn Thị Vững**

**HỌC PHẦN****THỐNG KÊ DOANH NGHIỆP****1. Thông tin chung của học phần:**

Tên học phần: **THỐNG KÊ DOANH NGHIỆP**. Mã học phần: Số tín chỉ: 02

Trình độ: Dành cho sinh viên năm 2. Điều kiện tiên quyết: **Nguyên lý thống kê kinh tế**

Phân giờ tín chỉ: Lên lớp: 30 tiết. Thực hành: 0 tiết. Tự học: tiết

**2. Mục tiêu của học phần:**❖ *Về kiến thức:*

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thống kê trong doanh nghiệp sản xuất, các phương pháp thống kê

Thống kê nghiên cứu Kết quả sản xuất các ngành sản xuất vật chất, Doanh thu, Tình hình sử dụng lao động, quỹ lương, Tài sản, Vốn, Nguyên vật liệu, Chi phí sản xuất

❖ *Về kỹ năng:*

Phân loại và tổng hợp thống kê nhanh, chính xác đạt mục tiêu nghiên cứu và đưa ra kết quả đạt yêu cầu của nhiệm vụ thống kê

❖ *Về thái độ:*

Nắm vững các nguyên tắc căn bản của thống kê, phân loại số liệu trong thống kê

**3. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:**

Thống kê doanh nghiệp là một môn học trong hệ thống môn thống kê, nghiên cứu mặt lượng trong mối quan hệ chặt chẽ với mặt chất của các hiện tượng và sự kiện xảy ra trong và ngoài phạm vi doanh nghiệp có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp qua từng thời gian nhất định.

Thống kê doanh nghiệp bao gồm những nội dung:

- Tổng quan về thống kê kinh doanh
- Thống kê lao động, năng suất lao động và tiền lương trong doanh nghiệp
- Thống kê tài sản cố định trong doanh nghiệp
- Thống kê nguyên vật liệu trong doanh nghiệp sản xuất
- Thống kê giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp
- Thống kê hiệu quả sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp.

**4. Nội dung chi tiết học phần.****CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ THỐNG KÊ DOANH NGHIỆP**

*Ý nghĩa của chương:* Giúp sinh viên thấy được thống kê doanh nghiệp là công cụ quản lý sắc bén, có hiệu lực hoạt động kinh doanh hiệu quả thông qua các phương pháp tính toán, chỉ tiêu phù hợp.

**1.1. Thống kê và thống kê doanh nghiệp****1.1.1. Khái niệm**

- 1.1.2. Ý nghĩa
- 1.2. Đối tượng nghiên cứu của thống kê doanh nghiệp
  - 1.2.1. Khái niệm doanh nghiệp
  - 1.2.2. Phân loại doanh nghiệp
  - 1.2.3. Các bộ phận tổ chức của doanh nghiệp
- 1.3. Nhiệm vụ của của thống kê doanh nghiệp
- 1.4. Tổ chức hạch toán –thống kê thông tin trong doanh nghiệp
  - 1.4.1. Nguyên tắc tổ chức hạch toán
  - 1.4.2. Nguyên tắc thực hiện thông tin

## **CHƯƠNG 2 : THỐNG KÊ LAO ĐỘNG, NĂNG SUẤT VÀ TIỀN LƯƠNG TRONG DOANH NGHIỆP**

*Ý nghĩa của chương:* Cung cấp số liệu kịp thời, chính xác cho việc thực hiện kế hoạch tiền lương và năng suất lao động trong doanh nghiệp. Đồng thời phát hiện những bất hợp lý trong sử dụng lao động, tiền lương và năng suất lao động

- 2.1 Thống kê số lượng lao động
  - 2.1.1 Phân loại lao động trong doanh nghiệp
  - 2.1.2 Đặc điểm, nhiệm vụ của thống kê lao động trong doanh nghiệp
  - 2.1.3 Các chỉ tiêu thống kê số lượng lao động
  - 2.1.4 Thống kê biến động lao động
- 2.2 Thống kê năng suất lao động
  - 2.2.1 Khái niệm và ý nghĩa của năng suất lao động
  - 2.2.2 Các chỉ tiêu năng suất lao động
  - 2.2.3 Các chỉ số năng suất lao động
- 2.3 Thống kê tiền lương của lao động trong kinh doanh
  - 2.3.1 Khái niệm về mức tổng tiền lương của lao động trong doanh nghiệp
  - 2.3.2 Phân loại tiền lương trong doanh nghiệp
  - 2.3.3 Đặc điểm của thống kê tiền lương trong doanh nghiệp
  - 2.3.4 Các chỉ tiêu lương bình quân của lao động
  - 2.3.5 Phân tích biến động quỹ tiền lương

## **CHƯƠNG 3 : THỐNG KÊ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH CỦA DOANH NGHIỆP**

*Ý nghĩa của chương:* Giúp sinh viên hiểu được mức độ trang thiết bị TSCĐ theo nhu cầu sản xuất, số lượng lao động; và tình hình sử dụng và hiệu quả sử dụng TSCĐ trong doanh nghiệp làm sao doanh nghiệp nắm được thực trạng năng lực sản xuất máy móc thiết bị của mình.

- 3.1 Khái niệm, ý nghĩa của tài sản cố định và nhiệm vụ của thống kê
  - 3.1.1 Khái niệm, ý nghĩa của TSCĐ đối với sản xuất, kinh doanh
  - 3.1.2 Nhiệm vụ của thống kê TSCĐ
- 3.2 Phân loại và đánh giá tài sản cố định
  - 3.2.1 Phân loại tài sản cố định
  - 3.2.2 Đánh giá tài sản cố định
- 3.3 Thống kê tình hình biến động và hiệu quả sử dụng tài sản cố định

3.3.1 Thống kê tình hình tăng, giảm số lượng TSCĐ

3.3.2 Thống kê hiện trạng TSCĐ

3.3.3 Thống kê năng suất thiết bị sản xuất

3.3.4 Hệ thống chỉ số phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu năng sử dụng TSCĐ

## **CHƯƠNG 4 : THỐNG KÊ NGUYÊN VẬT LIỆU SẢN XUẤT TRONG DOANH NGHIỆP**

*Ý nghĩa của chương:* Giúp sinh viên hiểu rõ tình hình nhập và dự trữ NVL nhằm đảm bảo quá trình sản xuất diễn ra liên tục, ổn định và hiệu quả trong doanh nghiệp.

4.1. Khái niệm, nhiệm vụ của thống kê nguyên vật liệu

4.1.1. Khái niệm

4.1.2. Phân loại

4.2 Thống kê tình hình sử dụng cung ứng và dự trữ nguyên vật liệu

4.2.1 Các chỉ tiêu thống kê về tình hình sử dụng NVL

4.2.2 Kiểm tra, phân tích tình hình sử dụng NVL

4.2.3 Phân tích các nhân tố cấu thành trong mức tiêu hao NVL cho một đơn vị sản phẩm

## **CHƯƠNG 5: THỐNG KÊ GIÁ THÀNH SẢN PHẨM**

*Ý nghĩa của chương:* Thu thập số liệu để tính được giá thành sản phẩm. Sinh viên biết được mối quan hệ giữa chi phí, giá bán, giá thành và lợi nhuận thông qua các nhân tố ảnh hưởng như: NVL, tiền lương, lao động, chi phí sản xuất chung...

5.1 Khái niệm, ý nghĩa nghiên cứu giá thành sản phẩm

5.1.1 Khái niệm về giá thành sản phẩm

5.1.2 Ý nghĩa nghiên cứu thống kê giá thành

5.1.3 Nhiệm vụ nghiên cứu thống kê giá thành

5.2 Phân tích kết cấu giá thành sản phẩm

5.2.1 Kết cấu giá thành theo khoản mục chi phí

5.2.2 Kết cấu giá thành theo tính chất chi phí

5.2.3 Kết cấu giá thành theo hình thức (phương pháp) hạch toán

5.2.4 Kết cấu giá thành theo đặc điểm chi phí

5.3 Phân tích thống kê hoàn thành kế hoạch và biến động giá thành sản phẩm

5.3.1 Phân tích hoàn thành kế hoạch giá thành

5.3.2 Phân tích biến động giá thành sản phẩm theo thời gian

5.3.3 Phân tích mối quan hệ giữa hoàn thành kế hoạch giá thành SP với biến động giá thành

5.4 Phân tích ảnh hưởng của từng khoản mục chi phí đến giá thành sản phẩm

5.4.1 Phân tích khoản mục NVL

5.4.2 Phân tích khoản mục tiền lương

5.4.3 Phân tích khoản mục khấu hao tài sản cố định

5.4.4 Phân tích khoản mục chi phí chung



## CHƯƠNG 6 : THỐNG KÊ HIỆU QUẢ SẢN XUẤT TRONG DOANH NGHIỆP

*Ý nghĩa của chương:* Chương này đề cập đến hiệu quả sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp, nó thể hiện mối tương quan giữa kết quả thu được và chi phí bỏ ra, giúp sinh viên đánh giá được khi nào là doanh nghiệp đang hoạt động tốt và khi nào doanh nghiệp cần thay đổi phương pháp, chỉ tiêu hoạt động kinh doanh nhằm mang lại lợi nhuận tốt nhất.

### 6.1. Khái niệm và hiệu quả tiêu chuẩn sản xuất

#### 6.1.1. Khái niệm

#### 6.1.2. Tiêu chuẩn hiệu quả SX

### 6.2. Phân loại hiệu quả kinh tế

#### 6.2.1. Hiệu quả kinh tế cá biệt và hiệu quả kinh tế quốc dân

#### 6.2.2. Hiệu quả chi phí bộ phận và chi phí tổng hợp

#### 6.2.3. Hiệu quả tương đối và hiệu quả so sánh

### 6.3. Các chỉ tiêu hiệu quả sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp

#### 6.3.1. Các chỉ tiêu hiệu quả của việc sử dụng các yếu tố riêng biệt của SX

## 5. Tài liệu tham khảo:

### - Sách, giáo trình chính

Thống kê doanh nghiệp – TS.Nguyễn Thị Hồng Hà, Trường Đại học Kinh tế TP.HCM, Nhà XB ĐHQG TP.HCM,2011

### - Tài liệu tham khảo

1. PGS.TS Nguyễn Minh Tuấn, Trường Đại học Công nghiệp TP.HCM, Nhà XB ĐHQG TP.HCM,2013
2. Thống kê ứng dụng, TS. Hoàng Trọng, Chu Mộng Ngọc, Nhà XB Lao động – XH, 2013
3. Thống kê doanh nghiệp, GS.TS. Phạm Ngọc Kiêm, Nhà XB Lao động, 2002.
4. Thống kê kinh tế, GS.TS Phan Công Nghĩa, PGS.TS Bùi Đức Triệu, Nhà XB ĐHKT Quốc Dân, 2012

## 6. Lịch trình dạy học:

T T	Nội dung	Số tiết lên lớp			Tự học	Ghi chú
		Tổng cộng	Lí thuyết	Thực hành		
1	Tổng quan về thống kê kinh doanh	5	5			
2	Thống kê lao động, năng suất lao động và tiền lương trong doanh nghiệp	8	8			
3	Thống kê tài sản cố định trong doanh nghiệp	8	8			
4	Thống kê nguyên vật liệu trong doanh nghiệp sản xuất	8	8			

5	Thống kê giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp	8	8			
6	Thống kê hiệu quả sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp.	8	8			
<b>TỔNG</b>		<b>45</b>	<b>45</b>			

**7. Nhiệm vụ của sinh viên:**

Tham dự học và thảo luận, kiểm tra giữa học kì theo Quyết định 43/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/8/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Quy chế học vụ hiện hành của nhà trường.

**8. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:** Chuyên cần: 10%; Kiểm tra thường xuyên: 10%; Kiểm tra giữa kỳ: 10%; Thi cuối kỳ: 70%

**9. Thang điểm:** Theo qui chế tín chỉ.

**PHỤ TRÁCH BỘ MÔN**

**Nguyễn Thị Ngọc Bích**

**GIẢNG VIÊN**

**Nguyễn Thanh Hiền**

**Trần Thị Bích Vân**

**HỌC PHẦN****PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Thông tin chung của học phần:**

Tên học phần: **PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**. Mã học phần: Số tín chỉ: 03

Trình độ: Dành cho sinh viên năm 4. Điều kiện tiên quyết: **Tài chính doanh nghiệp, Kế toán 1,2**

Phân giờ tín chỉ: Lên lớp: 45 tiết. Thực hành: 0 tiết. Tự học: 90 tiết

**2. Mục tiêu của học phần:**❖ *Về kiến thức:*

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về việc đánh giá quá trình và kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

❖ *Về kỹ năng:* Kỹ năng đưa ra các biện pháp phục vụ cho công tác quản lý và ngăn ngừa các rủi ro trong kinh doanh.❖ *Về thái độ:*

Nghiêm túc, tự học, tự nghiên cứu

**3. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:** Học phần Phân tích hoạt động kinh doanh giúp sinh viên thấy được thực chất của quá trình và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp, từ đó đề xuất các biện pháp hợp lý để kiểm soát chi phí, khai thác khả năng tiềm tàng của doanh nghiệp. Phân tích hoạt động kinh doanh bằng các phương pháp giúp sinh viên hiểu và đánh giá đúng kết quả sản xuất, thấy được thành quả cũng như trách nhiệm của các bộ phận trong việc kiểm soát chi phí thông qua phân tích biến động giá thành sản phẩm. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến lợi nhuận cũng cho thấy nguyên nhân làm lợi nhuận doanh nghiệp tăng, giảm theo xu hướng khách quan hoặc chủ quan. Phân tích báo tài chính của doanh nghiệp cho thấy được ý nghĩa của các số liệu trên các báo cáo, thông qua mối quan hệ giữa các khoản mục trên bảng cân đối sẽ đánh giá được tình hình biến động cũng như kết cấu vốn, nguồn vốn của doanh nghiệp. Khả năng sinh lời, tình hình lưu chuyển vốn, khả năng thanh toán của doanh nghiệp cũng sẽ được sáng tỏ khi phân tích báo cáo tài chính..

**4. Nội dung chi tiết học phần.****Chương 1: Những Vấn Đề Chung Về Phân Tích Hoạt Động Kinh Doanh**

*Ý nghĩa của chương: Giúp sinh viên hiểu rõ ý nghĩa, mục tiêu và phương pháp phân tích hoạt động kinh doanh, nắm được các bước thực hiện trong quy trình phân tích hoạt động kinh doanh.*

**1.1. Khái niệm, ý nghĩa, mục tiêu phân tích hoạt động kinh doanh**

## 1.1.1. Khái niệm

## 1.1.2. Ý nghĩa

- 1.1.3. Mục tiêu
- 1.2. Đối tượng và phương pháp phân tích hoạt động kinh doanh
  - 1.2.1. Đối tượng
  - 1.2.2. Phương pháp
- 1.3. Quy trình phân tích hoạt động kinh doanh

## **Chương 2: Phân Tích Kết Quả Sản Xuất**

*Ý nghĩa của chương: Giúp sinh viên đánh giá được sự thay đổi về quy mô sản xuất của doanh nghiệp thông qua phân tích chỉ tiêu giá trị sản xuất, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất mặt hàng chủ yếu, phân tích kết quả sản xuất về chất lượng sản phẩm đối với những sản phẩm có và không phân chia thứ hạng*

- 2.1. Ý nghĩa của phân tích kết quả sản xuất
- 2.2. Phân tích kết quả sản xuất về khối lượng
  - 2.2.1. Phân tích quy mô sản xuất và sự thích ứng với thị trường
  - 2.2.2. Phân tích kết quả sản xuất theo mặt hàng
  - 2.2.3. Phân tích tính chất đồng bộ trong sản xuất
  - 2.2.4. Phân tích tính đều đặn trong sản xuất
- 2.3. Phân tích kết quả sản xuất về mặt chất lượng sản phẩm
  - 2.3.1. Đối với sản phẩm có phân chia thứ hạng về chất lượng
  - 2.3.2. Đối với sản phẩm không phân chia thứ hạng về chất lượng

## **Chương 3: Phân Tích Giá Thành Sản Phẩm**

*Ý nghĩa của chương: Giúp sinh viên thấy được ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác phân tích giá thành sản phẩm; nắm được nội dung và phương pháp phân tích chung tình hình biến động giá thành đơn vị và tổng giá thành; nhận diện các nhân tố tác động đến công tác quản lý chi phí sản xuất tại doanh nghiệp*

- 3.1. Ý nghĩa và tầm quan trọng của phân tích giá thành sản phẩm
- 3.2. Phân tích chung tình hình giá thành
  - 3.2.1. Phân tích tình hình biến động giá thành đơn vị
  - 3.2.2. Phân tích tình hình biến động tổng giá thành
- 3.3. Phân tích tình hình thực hiện kế hoạch hạ thấp giá thành sản phẩm so sánh được
  - 3.3.1. Phân tích chung tình hình thực hiện kế hoạch hạ thấp giá thành sản phẩm so sánh được
  - 3.3.2. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến tình hình thực hiện kế hoạch hạ thấp giá thành sản phẩm so sánh được
- 3.4. Phân tích các khoản mục giá thành
  - 3.4.1. Phân tích khoản mục chi phí nguyên vật liệu trực tiếp
  - 3.4.2. Phân tích khoản mục chi phí nhân công trực tiếp
  - 3.4.3. Phân tích khoản mục chi phí sản xuất chung

## **Chương 4: Phân Tích Tiêu Thụ Và Lợi Nhuận**

*Ý nghĩa của chương: Giúp sinh viên đánh giá khái quát tình hình tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp cũng như thấy được sự biến động của doanh thu và tình hình thực hiện các mặt hàng*

*chủ yếu; chỉ ra được nguyên nhân chủ quan, khách quan ảnh hưởng đến tình hình tiêu thụ; phân tích được các nhân tố ảnh hưởng đến lợi nhuận của hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ*

4.1. Ý nghĩa của phân tích tiêu thụ và lợi nhuận

4.2. Phân tích tình hình tiêu thụ

4.2.1. Phân tích chung tình hình tiêu thụ

4.2.2. Phân tích tình hình tiêu thụ về mặt hàng chủ yếu

4.2.3. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến tình hình tiêu thụ

4.3. Phân tích tình hình lợi nhuận

4.3.1. Phân tích chung tình hình lợi nhuận của doanh nghiệp

4.3.2. Phân tích tình hình lợi nhuận hoạt động sản xuất kinh doanh

4.3.3. Phân tích lợi nhuận khác

### **Chương 5: Phân Tích Báo Cáo Tài Chính**

*Ý nghĩa của chương: Giúp sinh viên nắm được mục tiêu phân tích báo cáo tài chính của các đối tượng bên trong và bên ngoài doanh nghiệp, biết cách sử dụng các phương pháp phân tích để đánh giá khái quát và toàn diện tình hình tài chính của doanh nghiệp*

5.1. Ý nghĩa của phân tích báo cáo tài chính

5.2. Nguồn tài liệu và phương pháp phân tích

5.2.1. Nguồn tài liệu

5.2.2. Phương pháp phân tích

5.3. Phân tích báo cáo tài chính

5.3.1. Phân tích bảng cân đối kế toán

5.3.2. Phân tích báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

5.3.3. Phân tích báo cáo lưu chuyển tiền tệ

5.4. Phân tích tình hình đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

5.5. Phân tích các tỷ số tài chính chủ yếu

5.5.1. Phân tích tỷ số khả năng thanh toán

5.5.2. Phân tích tỷ số kết cấu tài chính

5.5.3. Phân tích tỷ số hiệu quả hoạt động

5.5.4. Phân tích tỷ số khả năng sinh lợi.

**5. Tài liệu tham khảo:** + PGS.TS Phạm Văn Dược (2015), Phân tích hoạt động kinh doanh, Bộ môn kế toán quản trị- phân tích hoạt động kinh doanh, Nhà Xuất bản Kinh Tế Tp.HCM

+ PGS.TS Nguyễn Văn Công (2015), Giáo trình Phân tích Kinh doanh- Bộ môn kế toán quản trị & phân tích kinh doanh, Nhà Xuất bản ĐH Kinh tế Quốc dân

### **6. Lịch trình dạy học:**

T T	Nội dung	Số tiết lên lớp			Tự học	Ghi chú
		Tổng cộng	LT	TH		
1	<i>Những vấn đề chung về phân tích hoạt động</i>	4	4		5	

2	Bài tập	4	4		10	
3	Phân tích kết quả sản xuất	4	4		5	
4	Bài tập	4	4		10	
5	Bài tập-Kiểm tra	4	4		5	
6	Phân tích giá thành sản phẩm	4	4		10	
7	Bài tập	4	4		5	
8	Phân tích tiêu thụ và lợi nhuận	4	4		10	
9	Bài tập-Kiểm tra	4	4		5	
10	Phân tích báo cáo tài chính	4	4		10	
11	<i>Bài tập- Ôn</i>	5	5		5	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>45</b>	<b>45</b>		<b>90</b>	

**7. Nhiệm vụ của sinh viên:**

Tham dự học và thảo luận, kiểm tra giữa học kì theo Quyết định 43/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/8/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Quy chế học vụ hiện hành của nhà trường.

**8. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:** Chuyên cần: 10%; Kiểm tra thường xuyên: 10%; Kiểm tra giữa kỳ: 10%; Thi cuối kỳ: 70%

**9. Thang điểm:** Theo qui chế tín chỉ.

**PHỤ TRÁCH BỘ MÔN**

**Nguyễn Thị Ngọc Bích**

**GIẢNG VIÊN**

**Hoàng Thị Thu Hà**

**Trần Thị Bích Vân**